

chúng ta từ

tiểu thuyết

thời  
đứa  
bé  
buồng  
bình?

新世界出版社



NHÀ XUẤT BẢN PHỤ NỮ

**PNE**  
PHUONG NAM CORP.

# **THỜI ĐỨA BÉ BƯỚNG BÌNH**

Tác giả: **Chung Lệ Tứ**

Thể loại: **Văn học**

Nhà xuất bản: **NXB Phụ Nữ**

Ebook: **Cuibap**

Nguồn: **Waka**

Mẹ tôi xinh đẹp đoan trang, bất kỳ ai gặp mẹ đều nói như vậy. Nhưng mẹ từng chân thành nói với chúng tôi: “Sở dĩ mẹ lấy cha của các con là vì cha các con rất đẹp trai”.

Vì thế lúc tôi chào đời, không những làm cha mẹ tôi nhìn nhau sửng sốt mà thậm chí ngay cả bác sĩ, y tá cũng ngạc nhiên đến nỗi không thốt nên lời: tôi rất xấu, rất xấu, hình như có một họa sĩ tài ba nào đó vẽ cho cha tôi một bức tranh biếm họa trước rồi mang nó khoác lên người tôi, khiến cho cha mẹ và tất cả thân bằng quyến thuộc đều dở khóc dở cười: mắt mũi miệng của tôi không tương xứng với nhau, cái cằm thì nhọn, bàn tay bàn chân lại quá khổ, ngay cả tiếng khóc cũng không được vang... Nói tóm lại, tôi vừa chào đời đã khiến mọi người cảm thấy ngượng ngùng.

Người đỡ đẻ cho tôi là một người bạn cũ của cha mẹ tôi. Ông ấy nuốt ngum nước, nói: “Ấy, đứa trẻ này chào đời quá sớm, ở trong bụng mẹ chỉ có hơn sáu tháng. Qua mấy hôm nữa, ngũ quan sẽ trở lại bình thường. Nay, nhìn xem, con bé chỉ có ba cân hai”. Còn mái tóc của tôi thì bất kỳ ai nhìn thấy mái tóc đẹp như mây của mẹ cũng không nói được lời nào an ủi.

Tóc tôi trắng một màu, lại có thêm vài sợi đỏ sợi vàng, chẳng biết giống lông của con gì nữa. Bà mụ bọc toàn người tôi, chỉ chừa cái đầu khó coi, rồi tỏ vẻ khó chịu mang tôi đến bên cạnh mẹ tôi.

Mẹ nhìn chăm chú đứa con đầu tiên của mình, sau đó ngước lên, mỉm cười nói: “Con gái của tôi tên Lê Tứ. Bởi vì con bé có một mái tóc tơ xinh đẹp. Sau này cuộc sống của con cũng sẽ vô cùng phong phú”. Cha tôi đứng bên cạnh, lâu lâu lại thở dài, cúi người xuống ôm lấy người vợ xinh đẹp đoan trang và đứa con gái xấu như tiểu yêu vào lòng.

Cha tôi là một quân nhân, mẹ tôi là giáo viên.

Đương nhiên, lúc đó tôi vẫn chưa hiểu cái gì gọi là “cuộc sống sẽ vô cùng phong phú”. Ấn tượng đầu tiên đầy màu sắc mà cuộc sống mang đến cho tôi chính là màu sắc đa dạng của các loại thuốc nước thuốc bột, vì tôi bị bệnh viêm gan bẩm sinh, sau đó không lâu, lại nếm thêm mùi vị của bệnh viêm phổi. Thân bằng quyến thuộc ở sau lưng bàn tán xôn xao, chính họ cũng không rõ là cảm thấy đáng tiếc hay là cảm thấy may mắn, tóm lại là nhận định: “Tiểu yêu quái này khóc không được mấy ngày đâu”.

Bản thân tôi không hề nghe thấy những lời nghị luận này. Tỉnh giấc, những gì tôi nghe thường là tiếng hát nho nhỏ dịu dàng của mẹ. Mẹ hát hết bài hát này đến bài hát khác, đúng rồi, mẹ hát bài “Bảo bối” của Indônêxia, rồi bài “Khúc hát ru” của Nga. Nhưng thường nghe nhất là những khúc hát do mẹ ngẫu hứng tự sáng tác.

Cha tôi là một người cứng rắn, trước nay không biết chán nản thất vọng về bất cứ chuyện gì, càng không biết lo lắng đứa con gái do mình tạo ra có sống được hay không.

Vậy mà, trong những ngày tôi chỉ biết uống thuốc chỉ biết khóc, cha đã luôn ở bên cạnh tôi, sốt ruột lo lắng, lúc nào cũng muốn tiểu yêu quái này mau mau khỏi bệnh để sống với cha. Cha rất giỏi xếp giấy. Cha gấp cho tôi rất nhiều pháo giấy, súng giấy, ngựa giấy, tàu quân sự giấy lớn nhỏ. Cha hát ngũ âm không chuẩn nhưng biết kéo đàn, biết thổi tiêu. Gặp lúc rảnh rỗi, để nhị hồ lên đùi, kéo khúc “hoàng thủy dao” du dương, hoặc thổi sáo cho tôi nghe chuyện Tô Vũ chăn dê... tôi ở bên cạnh cha mẹ những ngày như vậy trong vòng ba tháng.

Sau đó vì chiến tranh, cha tôi phải đi đến một nơi rất xa, mẹ tôi cũng muốn đi theo cha. “Đây là đứa con duy nhất của em,” mẹ nói, “vợ chồng em sống chết khôn lường nhưng con bé nhất định phải sống”. Rồi quyết định trao tôi cho người chị duy nhất của mẹ.

Chuyện này xảy ra vào một buổi hoàng hôn, rất lạnh, vào đầu tháng 3 năm 1948. Để tránh bị người khác phát hiện, bắt tôi đi làm con tin để khống chế hành động của cha mẹ tôi nên mẹ và dì chia nhau ra làm hai hướng, đến một chỗ vắng ngoài thành gặp nhau. Dì cải trang thành một nông dân, ôm lấy tôi, nói với em gái: “Mười lăm phút sau anh rể của em sẽ đến đón chị và cháu. Em mau đi đi.” Con chiến mã của mẹ nghển cổ hí vang. Mẹ nhảy lên lưng ngựa, mong mau chóng về bên cha. Lập tức tiếng vó ngựa gõ lộp cộp, dậy lên một lớp bụi đường, trên mặt đất vẽ ra một dấu chấm than dài, thật dài. Mẹ tôi và con ngựa của mẹ hết như cái chấm đen trên dấu chấm than đó.

Hai mươi năm sau, mẹ kể lại cho tôi nghe thời khắc ấy, hai mắt rưng rưng lệ: “...mẹ quay đầu lại nhìn con, con của mẹ hòa trong ánh chiều tà, trong vòng tay của dì con, càng lúc càng xa mẹ, mẹ không thể biết được cái gì đang chờ đợi con ở ngày mai, là một vàng thối dương hay một trận cuồng phong...”

Dì dưỡng mang tôi chạy một mạch đến Hương Cảng, định cư ở một khu dân nghèo, rồi lập tức đổi tên.

Dương dạy quốc văn ở một trường trung học tư, mãi cho đến cuối đời, còn đi thì mua một tiệm tạp hóa nhỏ bán bánh kẹo, cây kim sợi chỉ để có thể chăm sóc tôi. Trước khi nhận nuôi tôi, dương là một luật sư giỏi, còn đi là một giáo viên được đào tạo chính quy.

Dương kiên quyết đổi nghề luật sư, cũng kiên quyết đổi họ của tôi, họ Chu, theo họ của dương, còn đặt cho tôi một tên khác là “Thiên Nhi”.

Dương tôi xuất thân trong một gia đình có truyền thống đi học, mấy đời con một mà đến đời của dương đã không có con trai cũng không có con gái. Dương ẵm tôi đưa qua đầu, nói lớn: “Thiên Nhi, Thiên Nhi, con là đứa con do ông trời ban tặng cho ta. Số trời đã định, con mang kỳ vọng của ba gia tộc, con phải mang vinh quang về cho ba họ nhà chúng ta”. Trong lúc dương đang hào hùng khảng khái như thế thì tiểu yếu quá ốm yếu như tôi lại khóc thét lên.

Tôi rất ốm yếu, lúc nào cũng bệnh, không những gió chịu không được, lạnh chịu không được mà ngay cả ẩm áp cũng chịu không được. Tôi thật không hiểu tại sao ông trời lại ban tặng một đứa bé bệnh hoạn ốm yếu như tôi cho cha mẹ ruột và cha mẹ nuôi.

Vừa đến Hương Cảng, cha mẹ vội vàng tìm đủ loại bác sĩ để trị bệnh cho tôi: khoa nhi, khoa nội, Trung y, Tây y. Mẹ tôi hỏi tất cả các khách hàng cùng một câu hỏi: “Ông/bà biết ở đâu có bác sĩ có thể trị bệnh cho Thiên Nhi nhà chúng tôi không?” Hễ ai để lại địa chỉ của một bác sĩ nào đó thì mẹ không lấy tiền mua hàng mà còn cảm ơn rồi rít, dúm thêm bánh kẹo vào tay họ.

Những người khách quý của tiệm thường đến thăm tôi. Mấy tháng như vậy, hầu như tôi chẳng có gì khởi sắc. Mọi người lúc thì thấy tôi khóc thét, khi lại thấy tôi thở yếu ớt nằm ngủ.

Đối diện tiệm tạp hóa nhà tôi có một quán cà phê. Vợ chồng chủ quán cà phê có bảy đứa con. Đứa trẻ nào đi học cũng thích đến nhà tôi học phụ đạo. Một hôm, vợ chồng chủ quán cùng sang nhà tôi, năn nỉ cha mẹ tôi chọn một trong bảy đứa con của họ. Họ thấy cha mẹ tôi quá vất vả, họ nói theo kinh nghiệm sống của họ một đứa trẻ ốm yếu như tôi rất khó trị khỏi, còn lo rằng việc tìm thầy bốc thuốc sẽ làm cha mẹ tôi phá sản... Sau chuyện đó, hai vợ chồng này nói với mọi người: “Trước giờ chưa từng thấy ai cố chấp như hai vợ chồng thầy Chu”. Cha mẹ tôi dù thế nào cũng không bỏ rơi đứa con bệnh hoạn này.

Cha tôi tính tình ôn tồn nhã nhặn, rất yêu thích sách vở. Điều không sao hiểu được là cha cứ cho rằng tôi cần nghe cha ngâm thơ cũng cần thiết như uống và chích thuốc vậy. Dù tôi khóc hay cười thì cha vẫn bên tôi ngâm nga thi phú, khi từ khi lệnh, khi phú khi khúc. Tuy là tình nguyện nhưng cha nhần nại vô cùng. Nhiều năm sau, học sinh của cha hồi tưởng lại nói với tôi: “Cha của em không chỉ tư duy tỉ mỉ mà còn vô cùng tài hoa, luôn là thần tượng của chúng tôi. Đến mùa Xuân năm em một tuổi, chúng tôi mới tình cờ phát hiện thầy cũng là một người có những tình cảm rất thương tình”.

Hôm đó, các học sinh đến chúc tết thầy. Lúc đang chúc mừng thì tôi lại khóc òa lên. Cha bồng tôi từ tay mẹ, vừa vỗ nhẹ vừa ngâm bài “Xuất Sư Biếu”. Ngâm xong “Xuất Sư Biếu”, tôi vẫn gào khóc. Các học trò lúc đó thấy rất ngại, cha thì cười ha ha nói: “Thiên Nhi của ta cứ khóc không thôi, chính vì con bé linh hội được tâm huyết của Khổng Minh. Ấy, thật không đơn giản, không đơn giản!” Lũ học trò ngạc nhiên nhìn nhau một hồi lâu, cuối cùng cũng hiểu ra cười ồ lên. Họ cảm thấy thầy giáo quả thực trẻ con, đột nhiên cảm thấy vô cùng thân thiết.

Qua Tết, một thầy lang đến tiệm tạp hóa mua ba cân bánh tây và để lại một phương thuốc: mỗi đêm trước khi đi ngủ, ngâm tôi trong cà phê nóng một lúc, sau đó lấy ra lau sạch, rồi thoa men rượu đã xay thành bột lên người.

Từ đó về sau, bảy đứa trẻ ở quán cà phê thay phiên nhau, mỗi ngày đem một chén to bã cà phê sang. Mẹ tôi mua một cái nồi thật to, mẹ đun nước cà phê, thơm ngát, tôi được ngâm vào đấy. Cứ đến lúc đó, hàng xóm đều đến xem, đồng thời không ngớt lời chúc mừng. Mãi đến khi người tôi thoa toàn bột men rượu, quần chật trong chiếc mền nhỏ, mọi người mới chịu tản đi, cha lại bắt đầu ngâm nga... Chính nhờ phương thuốc này mà bệnh tôi dần dần khá hơn.

Tôi biết nói trước khi biết đi. Cha mẹ yêu quý tôi như của báu, chưa bao giờ đánh mắng. Cha tôi trước đây làm luật sư giờ làm giáo viên, rất biết ăn nói, trước giờ khi dạy tôi đều giải thích rất rõ ràng “tại sao phải thế này” hay “tại sao không được như thế”. Hễ nhà có khách thì cha luôn bế tôi ngồi lên gối cha cho tôi nghe họ trò chuyện hay để tôi bập bẹ đọc một bài “Mãn Giang Hồng” của Nhạc Phi hay “Chính Khí Ca” của Văn Thiên Tường...

Nhà mở tiệm tạp hóa nên tôi mặc sức ăn bánh kẹo. Hễ đến bữa cơm thì bụng đã no nên thấy cơm là nhản nhó. Lúc ăn cơm tôi thường hay chạy ra đường, mẹ bưng một chén nhỏ kiên nhẫn chạy theo sau dỗ tôi ăn cơm, lâu lâu mới dứt được một muỗng. Lúc đó Hương Cảng vẫn chưa có ô tô, nhất là ở những con đường nhỏ như ở chỗ tôi. Mọi người ngay cả ban ngày cũng không đóng cửa, tôi chạy khắp nhà, mỗi bữa



cơm phải mất cả tiếng đồng hồ. Sau này càng chẳng ra làm sao, phải ngồi thuyền từ Cửu Long đến Hương Cảng rồi quay về mới chịu ăn hết một chén cơm. Sau nữa, lúc dứt cơm mẹ phải kể chuyện cho tôi nghe, đề tài mẹ kể nhiều nhất là “kẻ xấu”.

Trong các câu chuyện có liên quan đến “kẻ xấu” thì trẻ con trở nên hư hỏng đều do ăn đồ của người khác cho hay đi với người không quen nên mới bị lừa nhưng khi phát hiện bị lừa thì đã bị đưa đến một hòn đảo hoang xa lạ, không cùng ngôn ngữ. Mẹ rất sợ tôi bị kẻ xấu bắt đi, vắt óc dạy tôi rất nhiều cách để trốn thoát khỏi tay bọn xấu, đến nỗi tôi không những có thể thuộc như cháo “Đồng Khu Kỳ Truyền”, mài còn thường xuyên kể cho mấy đứa trẻ hàng xóm nghe những truyền thuyết về bọn xấu nữa.

Đến lúc năm tuổi, tôi ít bệnh hơn. Cha bắt đầu dạy tôi viết bút lông, làm câu đối. Mẹ đóng cửa tiệm trở lại nghề dạy học. Không nỡ đưa tôi đến nhà trẻ nên cha mẹ mời một bảo mẫu đến nhà chăm sóc tôi. Khi cha mẹ đi làm, tôi ở nhà viết văn đọc thơ, vừa chạy rong vừa ăn cơm, kể chuyện người xấu cho bọn trẻ con hàng xóm nghe, luôn cảm thấy rất thú vị, cũng không còn hay khóc nhè như trước nữa.

Chẳng biết từ lúc nào, tóc tôi vừa dày vừa đen, duy chỉ có ngay ót vẫn còn một nhúm tóc trắng. Còn ngũ quan của tôi vẫn chưa ra làm sao cả. Nhưng cha mẹ và mọi người đã thấy mãn nguyện lắm rồi. Mẹ không sao ngờ được sau này khi tôi lớn tôi rất thích mặc quần sọt dù trên chân còn dấu tích của bệnh đậu mùa.

Cha mẹ mong ngóng tôi lớn lên, định năm sau cho tôi đi học, sau đó lên trung học rồi đại học, ra nước ngoài học tiến sĩ. Mọi người cũng nhìn thấy tiền đồ tốt đẹp của tôi, mong đợi vị tiến sĩ vĩ đại của con phố nhỏ này. Có ai ngờ, tôi chỉ học được sáu năm thì bỏ học.

Có một hôm, cha mẹ nhận được một bức điện báo. Mẹ bỗng vắng bật hai hôm, sau khi trở về thì ôm lấy tôi mà khóc. Cha cũng không còn chấm bài viết bút lông của tôi nữa mà cứ đi tới đi lui trong thư phòng hút thuốc. Tôi không hiểu đã xảy ra chuyện gì. Từ đó về sau, hôm nào cũng có thư từ Đại lục gửi đến. Trước giờ nhà tôi chưa nhận được những lá thư như vậy. Hễ có thư là mẹ lại khóc, cha lại hút thuốc.

Vài tháng sau, mẹ thường mua thêm quần áo mới cho tôi. Cha vốn không thích ra khỏi nhà vậy mà bây giờ sau giờ lên lớp, cha ẩm tôi đi khắp nơi.

Cuối cùng, mẹ khóc hỏi tôi: “Thiên Nhi ngoan, con có muốn đi xe lửa không?” Ài chà! Xe lửa! Là thứ tôi chỉ nhìn thấy trong phim ảnh thôi! Thiên Nhi vui mừng vô cùng, cũng không quán lấy cha mẹ, vừa cười vừa chạy theo bảo mẫu, lên xe lửa đi ra Bắc. Tôi nghĩ rằng cha mẹ phải đi làm nên mới không đi chơi chung với tôi.

Xe lửa ngày ngày đêm đêm hết chạy rồi ngừng. Lúc đầu tôi rất thích, sau đó quen dần thì thấy chán nhưng xe lửa vẫn cứ chạy. Cuối cùng, tôi cảm thấy sờ sợ thế nào, bắt đầu hoài nghi ngầm xem xét bảo mẫu. Tôi đoán chắc bà ấy đã gia nhập theo bọn xấu rồi.

Chuyến xe lửa đó mang đến cho tôi một bước ngoặt khác trong cuộc đời.

**L**à một tướng lĩnh của quân giải phóng nhân dân Trung Quốc, cha tôi không có bất kỳ lý do gì giữ tôi ở lại Hương Cảng. Đó là nơi Đảng Cộng sản Trung Quốc không quản lý được, ở đó do nước Anh quản lý. Trong quân đội, đừng nói bà con thân thuộc ở Hương Cảng, cho dù có thư từ Hương Cảng đến cũng là chuyện khiến người ta cảm thấy ngạc nhiên. Do rất nhiều nguyên nhân, con của ông ấy phải trở về nhận sự giáo dục xã hội chủ nghĩa. Thế là cha mẹ ở Đại lục nói với cha mẹ ở Hương Cảng muốn đón tôi về, mẹ ở Đại lục đích thân đến gặp mẹ ở Hương Cảng hai ngày nhưng không đến thăm tôi. Mẹ ở Hương Cảng khóc đến nao lòng không nổi xa tôi. Vì thế nên mới có mấy lá thư... kết quả là mọi người quyết định: để bảo mẫu trực tiếp mang tôi về Tứ Xuyên, không ai giải thích với tôi về việc này. Bởi vì, để một đứa trẻ trong doanh trại nói cái gì “Hương Cảng, Cửu Long”, không những chẳng ra gì mà còn mang đến rất nhiều phiền phức cho cha mẹ.

Xe lửa dừng ở trạm Trùng Khánh. Một người đàn ông rất cao, mặc quân phục chen vào toa xe, bế tôi lên, nói: “Lệ Tứ, ta là cha con”.

Tôi cắn một cái vào mũi của quân nhân này, sau đó, giống như trong truyện, tôi hét toáng lên: “Chú bác mau cứu cháu đi! Mọi người mau bắt kẻ xấu này”. Vừa hét vừa cào mặt ông ta, đá vào bụng ông ấy. Ông ấy cau mày, lật tôi lại, quán chân tay tôi lại.

Cùng đi với ông ấy là một người phụ nữ. Bà ta đón lấy tôi, ôm chặt, vỗ nhẹ nhẹ, nói nhỏ vào tai tôi: “Đừng sợ, đừng sợ con ngoan,” giọng nói thật êm ái. Đôi mắt bà ta thật thân thiện. Hai tay tôi bấu lấy bà ấy, theo bản năng tôi cảm thấy đây là vị cứu tinh của mình: “Dì ơi cứu cháu về nhà! Ông ấy là kẻ xấu”. Tôi nói cho bà ta biết địa chỉ nhà tôi rõ ràng từng chữ từng chữ một, đó là do khi tôi mới biết đi, mẹ đã bắt tôi phải học thuộc lòng. Trước giờ mẹ luôn nói với tôi: “Phân biệt người tốt người xấu, đừng nghe họ nói mà hãy nhìn kỹ vào mắt của họ”. Người đang ôm tôi hơi giống mẹ tôi, rất hiền từ.

Bà ấy nói nhỏ: “Chúng ta đang về nhà đây”. Tôi nghe một giọng mềm mại hơi ghen ngào: “Con gái ngoan, ta là mẹ con...”

Tôi vô cùng sợ hãi, tôi trườn xuống đất, quay người bỏ chạy, nhưng bị quân nhân ấy bắt lại, vẫn bó người tôi lại ôm vào lòng.

Tôi kêu gào thế nào cũng không ai đáp lại. Có lẽ không ai nghe hiểu tiếng Quảng Đông của tôi, có thể đáng về đường đường của quân nhân đó không giống kẻ xấu. Người tự xưng là mẹ của tôi nhận túi xách từ tay bảo mẫu, vừa nhìn tôi vừa đi tiếp. Tôi giống như con sói con bị nhốt trong lồng sắt hết hơi cựa sức ngược nhìn trời hét to.

Cuối cùng, tôi bị đưa lên một chiếc xe jeep, chạy không thoát, cũng không vùng vẫy được. Người phụ nữ ấy vẫn ôm tôi trong lòng, cất tiếng hát nhẹ nhẹ. Gần như không có ca từ nhưng âm luật đẹp, rất trầm tĩnh, như từ xa vọng lại...

Tôi sức tàn lực kiệt nằm yên trong lòng bà ấy, khóc thút thít chửi thảm, chửi bà ấy, chửi ông quân nhân đó, chửi bảo mẫu cùng băng cùng nhóm...

Tôi không ngừng khóc, bà ấy cũng không ngừng hát, làm tôi cảm thấy rất mơ hồ. Tôi cố lục lọi trí nhớ cũng không nghĩ ra trong câu chuyện nào có xuất hiện kẻ xấu biết hát.

Kẻ xấu biết hát này có hai bím tóc dài, đen mượt, ngang vai. Lông mày của bà ấy rất dài, hơi nhạt, lông mi cũng rất dài, cặp mắt rất đẹp. Tôi kháng cự một hồi, mệt rã rời, trong lúc mơ màng, tôi vẫn nghe tiếng hát đó từ trong đôi mắt đẹp của bà ấy chảy xuống, trong ánh mắt ấy có một nỗi buồn man mác giống như bài hát của bà ấy vậy. Tôi lấy lại tinh thần, nhẩn tâm nguyên rửa bà ta: “Sói xám lớn sẽ đến ăn thịt ba người các người, những kẻ xấu xa!”. Cuối cùng đành phải thiếp đi trong tiếng hát êm đềm của kẻ xấu.

Lúc tôi tỉnh dậy thì thấy ngay một cặp mắt sát bên cạnh tôi, vừa to vừa đen vừa sáng. Đó là một cô bé bụ bẫm, khuôn mặt hồng hồng, khi cười thì có hai lúm đồng tiền nhỏ, cô bé cúi đầu sát tôi, nói bi bô. Cô bé nhả chữ rất rõ ràng, âm thanh giòn giã nhưng tôi nghe chẳng hiểu gì cả. Tôi nói với cô bé: “Tôi tên Chu Thiên Nhi bị kẻ xấu bắt đi”.

Xem ra, cô bé không hiểu tiếng Quảng Đông của tôi. Cô bé lại nói gì đó rồi chạy đi. Một lát sau, cô bé quay lại cùng với kẻ xấu biết hát kia.

Cô bé nắm hai tay tôi lại bi bô ba bi bô, sau đó quay sang gọi “Mẹ ơi!”. Mẹ của cô bé nói với tôi bằng tiếng Quảng Đông: “Đây là em gái con, Lệ Châu. Em vừa nói với con, em rất thích con, em còn có một em trai tên Khả Khả. Từ lâu em đã muốn có một người chị rồi. Em hỏi con, con cũng thích em và em trai chứ”.

Tay của Lệ Châu mềm mềm, mu bàn tay cũng có một đồng tiền nhỏ. Tôi rất thích có một đứa em gái như vậy bèn gật gật đầu. Sau đó nói với mẹ của cô bé: “Em gái có mẹ. Di cho con về, con tìm mẹ của con”.

Mẹ của Lệ Châu ngồi xuống, dùng tay chải nhẹ mái tóc ngắn của tôi, nói: “Lệ Tứ, ta chính là mẹ của con đây”. Bà ấy ôm lấy tôi, đi vào trong phòng. Lệ Châu nắm lấy chân tôi, vừa đi vừa nói bi bô.

Quân nhân bắt cóc tôi đã thay thường phục, đang đọc sách trong phòng. Ông ấy vừa ôm lấy tôi, tôi đã hét toáng lên rồi cào cấu ông ta. Ông ấy giơ tôi lên cao, nói to: “Ấy, ấy, đúng là con nhà tướng.” Rồi cười ha ha. Tiếng cười giòn làm tôi sợ hết hồn. Ông ấy ẵm tôi đến trước gương, hỏi: “Con gái ta, con nhìn xem, khuôn mặt của chúng ta có chỗ nào không giống?”

Đúng vậy, rất giống, khuôn mặt giống, ngũ quan cũng giống nhưng ông ấy rất sáng sủa còn tôi thì chẳng ra làm sao cả.

Giống thì sao chứ? Tôi có cha, cha tôi ở Hương Cảng. Vả lại, trong chuyện “kẻ xấu” từng nói kẻ xấu có thuật che mắt, biết biến hóa. Tôi tuột xuống đất, ôm lấy chân ông ấy cắn một cái, nói giận dữ: “Tôi muốn cha của tôi, không cần kẻ xấu”. Ông ấy không xoa chỗ bị tôi cắn mà uốn cong ngón tay trở dí vào trán. Ông ấy từ lính làm lên đến tướng mà giờ này phút này không thắng nổi đứa con gái ruột của mình – đứa tiểu yêu quái mệt mỏi, ốm yếu, hai mắt ngầu đỏ vì giận dữ, khinh miệt và phẫn nộ.

Từ đó, tôi tên Lệ Tứ, không còn gọi là Thiên Nhi, cũng không còn mang họ Chu nữa.

Tôi vẫn tin rằng mình bị kẻ xấu bắt đi. Vì sống trong doanh trại nên lúc nào cũng quân hiệu quân lệnh, quân giới quân trang. Cứ như vậy một thời gian làm tôi sợ kinh hồn bạt vía.

Khi tôi đến Trùng Khánh đúng vào lúc nghỉ hè. Mẹ và em gái đều ở nhà. Sau đó, mẹ lại đến trường, em gái đi nhà trẻ. Mỗi tuần chỉ về nhà một lần. Cha mẹ đã mấy lần đưa tôi đi nhà trẻ nhưng họ toàn gặp thất bại. Tôi ở nhà trẻ không chỉ gào khóc mà còn hay bệnh, sốt cao, cuối cùng chỉ còn cách để tôi ở nhà, để bảo mẫu trông chừng. Em trai lúc đó một tuổi, gửi nuôi ở nhà người ta.

Trong doanh trại, trẻ con rất nhiều nhưng chẳng đứa nào chơi với tôi. Các trò chơi của bọn trẻ đa số là “quan binh bắt cướp”, chạy khắp nơi trên núi. Tôi chạy không nhanh, hay bị té, không chỉ “quan binh” không cho tôi nhập ngũ mà ngay cả tư cách làm cướp cũng không đủ.

Hình dạng của tôi cũng không được người ta yêu thích, tôi chỉ muốn mặc áo dài kiểu Trung Quốc do tôi mang từ Hương Cảng đến, áo len mùa Đông vì các thầy lang nói tôi không chịu được gió, mặt mày xanh xao, cằm nhọn nhọn, đôi mắt lúc nào cũng cảnh giác, lúc nào cũng sợ hãi, lúc nào cũng hoang mang, thêm nữa chẳng ai hiểu tiếng Quảng Đông.

Tôi tìm mọi cách để trở về Hương Cảng.

Như người mất hồn, tôi đứng ở đầu đường, mong nhìn thấy một khuôn mặt quen thuộc, có người đến cứu tôi đi, có thể tìm thấy một cảnh vật quen thuộc..., những điều này đều là kế thoát thân nghe trong truyện nhưng cuối cùng tôi vẫn không phát hiện ra con đường nào quen thuộc, càng không tìm thấy khuôn mặt thân quen nào.

Tôi gần như cười không nổi, cả ngày tìm tìm kiếm kiếm, hồn xiêu phách lạc, thất thần, giống như con sói con cô độc rơi vào cảnh khốn cùng.

Trùng Khánh là thành phố sương mù nổi tiếng thế giới, lam sơn chướng khí rất nặng, phải ăn ớt để chống lại cái lạnh nhưng tôi không thể nào ăn ớt được. Không lâu sau, nhà tôi lại có thầy thuốc đến thăm vì phổi tôi lại có vấn đề.

Cuối cùng, cha tự mình quản lý tôi.

“Lệ Tứ, cho dù con bằng lòng hay không thì con cũng là con của ta”. Cha nói “cho nên dù thế nào thì con cũng phải mau chóng cường tráng lên”.

Lần đầu tiên trong đời, tôi nghe thấy cách suy đoán tàn bạo như vậy.

Cha cho bảo mẫu của tôi về Hương Cảng. Cha lấy men rượu tôi mang từ Hương Cảng đến bỏ vào một bao nhỏ, nói: “Từ hôm nay trở đi những thứ này đã trở thành hời ức”. Cha không cho phép tôi ăn bất cứ hàng vật nào. Cha cho rằng, không có thói quen sinh hoạt tốt thì không có sức khỏe tốt, không có sức khỏe tốt thì không có ý chí kiên cường. Con của cha thì phải kiên cường.

Khi mẹ không có ở nhà thì cha ăn ở nhà ăn. Cha ăn cơm nhanh vô cùng. “Sau khi cha ăn cơm năm phút thì con không được phép ăn nữa. Bởi vì cha cho rằng phải làm như vậy”. Đó là ngày thứ hai.

Lần đầu tiên tôi tự ăn cơm. Phần của cha, cha ăn trong ba phút. Sau đó, cha lên dây đồng hồ để trước mặt tôi, khi đồng hồ reo lên thì chén của tôi bị lấy đi, tôi chỉ ăn được ba muỗng nhỏ, nhưng tôi không quan tâm vì tôi vốn dĩ không thích ăn cơm.

“Quay lại! Rửa sạch chén của con bởi vì cha cho rằng nhất thiết phải làm như vậy. Lúc cha bằng tuổi con, đã biết chẻ củi chăn bò rồi”.

Giày vớ của tôi bị ướt hết, lê mê mất mười phút tôi mới rửa xong chén đĩa.

Buổi chiều, đói quá, nhưng trên đầu giường lại không có hộp bánh bích quy. Tôi nhìn cha hậm hực nhưng cha bấu môi, bảo tôi ngồi trước một cái bàn nhỏ: “Lâu rồi con không viết chữ, bắt đầu viết đi”.

Lúc ăn cơm tối, tôi ăn nửa chén cơm. Sáng ngày thứ hai, không cần cha dặn dò, tôi vội vàng mang mâm đi nhà ăn với cha lấy bánh quẩy, sữa đậu nành.

Sau ba ngày, mỗi bữa tôi đều đúng giờ ăn no, cũng phân biệt được hương vị món ăn. Sau một tuần, cha cho rằng tôi không ăn chung phần với cha nữa, thế là từ đó tôi đến hàng cảnh vệ ăn cơm, giống như lính của cha vậy, cũng học cách gói bánh xếp, làm mì sợi.

Việc khó khăn hơn ăn cơm và bỏ ăn quà vặt là thức dậy và chạy bộ.

“Cha cho rằng cần thiết phải thế”. Bảo tôi trong vòng năm phút phải thay đồ xếp mền xong. Cha nói cách tốt nhất là xếp mền trước thay đồ sau, như vậy nhanh hơn nhiều. Khi tôi bắt đầu sống cuộc sống nhà binh, đã là cuối thu. Khí hậu Trùng Khánh xưa nay có câu “sáng mặc áo da chiều mặc đồ the, quây quanh bếp lò ăn dưa hấu”. Chuông đồng hồ vừa reo, cha liền đi vào phòng tôi mở cửa sổ hướng Bắc. Trong cơn gió Thu xào xạc, tôi lập cập xếp mền nhưng xếp thế nào cũng không đúng quy cách cha đề ra... vì nhiệt lạnh nên tôi bị tiêu chảy, sốt cao nhưng cuối cùng tôi cũng có thể giống như một người lính thực thụ, sau khi thức dậy năm phút, đã tự mình sắp xếp xong mọi thứ.

Ở gia đình tôi, cha luôn cho rằng, đối với người bệnh, bất kỳ thuốc nào cũng không bằng không khí trong lành và tập thể dục. Thế là, sau khi thu dọn giường chiếu xong, tôi phải ra ngoài hít thở không khí trong lành. Tôi chỉ mặc một chiếc áo và một cái quần cộc, bởi vì cha cho rằng như vậy có thể tăng tính đàn hồi của da, cha nói, các thứ như kem dưỡng da đều không cần thiết. Vì vậy, sáng tinh mơ, tôi đã đi ra ngoài cố sức chạy bộ trong cái rét cắt da.

Mới ngày đầu tiên đã bị cảm. Dưới sự chỉ đạo của cha, lần đầu tôi bị sốt, tự mình nấu gừng chưng đường, uống xong, ngủ một giấc dài. Ngủ hai ngày hai đêm, khỏe hẳn. Cha cho rằng ngày thứ ba nên “Hít thở không khí trong lành ba mươi phút, bù cho hai ngày bị bệnh không tập luyện”. Từ đó về sau, tôi không bao giờ nghĩ đến chuyện trốn tránh những việc mình phải làm.

Cha nói với tôi: “Phàm là chuyện người khác có thể làm thì con cũng nhất định phải làm được, đối với những chuyện người khác làm không được, con cũng phải thử làm cho được”. Cha vỗ vỗ vai tôi rồi nói: “Con rất mau lẹ, con gái của cha, hãy giành lại sức khỏe cho mình” sau đó, cha giải thích rõ ràng ý nghĩa của “một sức khỏe tốt” là: “Bất luận điều kiện sống có khắc nghiệt thế nào chỉ cần con chuột có thể sống được thì con cũng phải sống được”.

Cha cho rằng, chuyện mà cha tâm đắc nhất có bốn thứ: mang binh đi đánh trận, kéo đàn thổi sáo, chơi cờ, vào bếp.

Lúc đó không còn đánh trận nữa. Thế là cha bắt đầu nói chuyện nhà binh cho tôi nghe. Cha bảo tôi giờ cuốn sách đầu tiên chính là “Tam thập lục kế”.

Cha từng ở trong trường bộ binh một thời gian, làm chủ nhiệm phòng nghiên cứu quân sự. Vị tướng xuất thân từ quân ngũ này kiên quyết dẫn đưa con gái của mình vào thế giới chinh chiến chém giết, máu vàng ngựa sắt.

Sinh hoạt hàng ngày của tôi được sắp xếp đâu ra đó. Không có thời gian để oán trách cha, thậm chí cả cơ hội khóc cũng không có.

Cha bắt tôi luyện quyền cước, dạy tôi cưỡi ngựa, muốn tôi leo núi, cha làm việc rất cực đoan. Hễ cha yêu cầu cái gì thì tôi bắt buộc phải hoàn thành một trăm phần trăm. Sức khỏe của tôi mau chóng cải thiện hơn, quả là có thể “hành động nhanh nhẹn, ngồi vững như núi.”

Mỗi ngày, tôi phải viết đủ ba mươi chữ: trong tay cầm một quả trứng, đầu bút buộc một đồng xu, khuỷu tay để một chén nước. Cha thường đứng sau lưng tôi, bất ngờ rút cây viết, nếu rút được thì tôi phải viết thêm mười chữ nữa...

Cha bắt tôi đọc sách, bài văn là do tự tay cha chọn, đa số chọn “Sử ký”, “Tả truyện”, “Tư Trị Thông Giám”...

Nếu nói thời thơ ấu của tôi vẫn có thể được hưởng thụ thế giới trẻ thơ chính là nhờ mẹ tôi.

Nghỉ đông rồi, mẹ, em gái và em trai đều quay về. Trong nhà náo nhiệt hẳn lên, lúc nào cũng có tiếng hát tiếng cười. Đôi mắt nghiêm khắc của cha trở nên rất hiền hòa. Ngoài buổi sáng dạy tôi đánh quyền, buổi chiều sửa chữ của tôi thì cha không kéo tôi đi “định sách lược tác chiến” nữa.

Trùng Khánh có khi cũng có tuyết, rất lạnh, buổi tối mọi người đều không ra đường.

Tối đó, cả nhà ngồi quây quần bên lò lửa. Khi bếp lửa bùng cháy, mẹ bắt đầu kể chuyện. Đó là câu chuyện về một cô công chúa bé nhỏ xinh đẹp đã trải qua nhọc nhằn gian khổ thế nào để cứu những người



anh trai. Các anh trai của cô ấy bị yêu thuật biến thành những con thiên nga...

Câu chuyện cảm động này lôi cuốn tôi, tôi lấy hết sức đến sát mẹ - “Kể thêm chuyện nữa đi, mẹ” - Lê Châu vừa lau nước mắt vừa thỉnh cầu.

“Để Lê Tứ đọc đi” mẹ nói “chị con theo cha học được rất nhiều thứ, hiểu biết hơn Lê Châu nhiều”. Mẹ đưa cho tôi một quyển sách, lật một trang trong đó.

Đó là chuyện “Con gái của biển” của An-đec-xen. Tôi bắt đầu đọc “ngày xưa...” đọc đến đoạn khi mỹ nhân ngư biến thành bọt nước trong sương mai thì mắt tôi đầm nước mắt, em gái nằm trên đầu gối của mẹ lau nước mắt. Cha ngồi đối diện với tôi đứng dậy, bước chậm rãi đến bên tôi, hai tay vòng trước ngực rồi trở về chỗ cũ, gấp than bỏ vào lò.

Than cháy lẹt đẹt, ánh lửa xanh lam, tôi bỗng ngộ ra một sự đau buồn trong trẻo: tôi không cam chịu phát hiện ra rằng, tôi hơi thích cha mẹ tôi rồi...

Suốt cả mùa đông gần như tối nào trong lòng tôi đều vương vấn những câu chuyện cổ tích. Chúng tôi đọc An-đec-xen, đọc anh em nhà Grim, La Phong-ten, Ê-dốp... ngoài trời tuyết rơi nhè nhẹ nhè nhẹ. Hương hoa thơm ngát bay vào phòng, bay vào những câu chuyện cổ tích, bay đầy trong những giấc mơ của tôi.

Trong giấc mơ của tôi không còn xuất hiện kẻ xấu nữa.

Những câu chuyện đồng thoại chảy róc rách trong đêm đã làm mềm trái tim tôi. Tuy tôi vẫn không thay đổi tính cô độc của mình, thường một mình đi lên núi nhưng trong mắt tôi, các động vật, cây cối gần như thân thiện hơn, ấm áp hơn nhiều. Tôi thích nói chuyện với tự nhiên, nói với cỏ cây, nói với núi đá, thậm chí bắt lấy một chú châu chấu chân dài nói linh tinh với chú ta rồi lại thả chú bay đi.

Tôi thích leo lên cây lấy trứng chim, lấy xuống lượm mấy que tre nấu chín rồi hầm hờ mang cho lũ kiến ăn. Quanh chân tường nhà tôi tổng cộng có sáu tổ kiến. Bốn tổ kiến vàng nhỏ, hai tổ kiến đen lớn. Tất cả đều do tôi mang từ ngoài về, tôi thường phân phát thức ăn cho bốn tổ kiến vàng nhỏ. Trước giờ tôi không cho lũ kiến đen ăn vì thân hình chúng to lớn luôn khiến tôi liên tưởng đến những kẻ xấu chuyên dùng sức ức hiếp người khác trong các câu chuyện cổ.

**D**o chính cha tôi huấn luyện nên sức khỏe của tôi rất cường tráng, khiến người trong đại viện khu quân sự nhìn nhận đối xử với con mắt khác.

Cũng có thể là do các ông bố mà những đứa trẻ trong đại viện gần như đứa nào cũng thượng võ, vả lại còn rất nghịch ngợm, lại hầu như không đi nhà trẻ. Trong quân đội, vợ con của quân nhân được gọi là “gia binh”. Hầu như tất cả gia binh đều nhàn hạ ở nhà, gần như tất cả đều không thể giam giữ được các bảo bối sức lực dồi dào của họ ở nhà.

Trẻ con có thể giới của trẻ con. Những đứa nhỏ hai, ba tuổi một nhóm, bốn, năm tuổi một nhóm, đi bắt dế, bịt ống khói, những đứa trẻ khoảng 10 tuổi thì khác, chúng đi trộm ngựa, trộm xe, trộm súng để chơi... chơi trò dân binh đi đánh trận khiến cha chú của chúng đau đầu.

Người quản thúc bọn trẻ cuối cùng là những cảnh vệ viên, người đưa tin mười bảy, mười tám tuổi. Bọn trẻ được phân theo từng lứa tuổi khác nhau để chơi những trò khác nhau như: đấu vật, chạy bộ, leo cột, kể chuyện v.v..

Ba mục đầu, tôi chẳng có chút hứng thú. Trước giờ tôi không đo sức với bọn trẻ cùng tuổi. Bởi vì cha nói: “Đánh nhau với bọn con trai cùng tuổi hay bọn con gái hơn tuổi là kẻ vô tích sự không có tiền đồ”. Hơn nữa, theo “kỷ luật quân sự” mà những viên cảnh vệ định ra thì tôi không thể phân vào nhóm những đứa trẻ lớn vì tôi mới hơn sáu tuổi thôi.

Chỉ có kể chuyện là không phân tuổi tác. Tôi rất thích.

Thời kỳ đầu những năm năm mươi, ở nơi trần ngập ánh sáng tràn ngập hy vọng này thì điều mà mọi người tôn sùng chính là anh hùng. Thần tượng trong lòng chúng tôi, nhất loạt như nhau, toàn là những người vừa trẻ tuổi vừa dũng cảm, vừa cao thượng lại vừa gần gũi.

Thần tượng Trung Quốc, đương nhiên có Vương Nhị Tiểu mười ba tuổi một mình xông vào vòng mai phục, có Lưu Hồ Lan “sống vĩ đại, chết quang vinh”, có Đồng Tồn Thụy xả thân nổ mìn phá lô cốt, có Hoàng Kế Quang dùng ngực chặn súng máy..., thậm chí có cả thần tượng nước ngoài, toàn là thần tượng Liên Xô như Zoja,...

Điều lạ là tuổi nhỏ nhưng chúng tôi không nghĩ phải sống như thế nào mà là mơ ước chết oanh liệt như thế nào. Mỗi đứa đều có cách hy sinh lý tưởng của mình. Người để lại ấn tượng sâu sắc nhất cho tôi là năm đứa trẻ ở sau hậu viện. Chúng thề học tráng sĩ Lang Nha Sơn Ngũ, đối diện với vòng bao vây càng lúc càng siết chặt, bóp cò, đập vỡ báng súng, sau đó cười vang, lấy đà lao xuống vực...

Trước phòng hội nghị có một cây hoàng giác to, thân cây cứng cáp, cành lá xum xuê có thể che mát khoảng mấy chục người, người Tứ Xuyên gọi là “bà long môn trận”. Mọi người tự mang ghế ra ngồi dưới bóng râm của cây hoàng giác khâu giày đan áo. Bọn trẻ chia nhau tìm chỗ ngồi, thành tâm thành ý vì mình hay vì bạn tranh nhau miêu tả kế hoạch... tình cờ để cha chú nghe được, cho dù họ có một lịch sử đầy chiến tích thì cũng không khỏi chau mày trước tinh thần hy sinh cuồng nhiệt của bọn trẻ. Nhưng không ai can thiệp cả. Cũng có thể là bậc cha chú cho rằng bọn trẻ chỉ nói mà thôi, sao có thể chết được. Tập trung lại một đám để thảo luận cách hy sinh, các anh chàng lớn luôn bề cảnh cây làm cung sẽ an toàn hơn khi lâm trận. Ấy, ai biết được những quân nhân già này nghĩ gì chứ!

Có lần cuối tuần, theo thông lệ trong quân đội chiếu phim ngoài trời ở thao trường. Là một bộ phim Liên Xô. Tôi nhớ là phim đen trắng, không nhớ rõ tên phim. Hình như là “Người chân chính” hay “Vị tướng không quân không chân”.

Câu chuyện rất đơn giản. Những năm đó hình như cái gì cũng đơn giản.

Trong đại thế chiến thứ II, một chiếc máy bay Liên Xô bị quân Đức bắn trúng, phi công bỏ máy bay nhảy dù, hai chân bị thương. Ông ấy bò trong rừng sâu suốt mấy ngày, ăn trứng kiến để sống, sống sót trong thời tiết băng giá. Lúc được cứu, do hai chân đã bị hoại tử nên bác sĩ phải cắt bỏ. Vượt qua vô vàn khó khăn, ông ấy mang hai chân giả tiếp tục lên máy bay nghênh chiến với trời xanh.

Sau khi xem phim xong, dưới bóng cây hoàng giác, đề tài của bọn trẻ đã thay đổi. Bọn trẻ nhất trí nhận định, sống một cách cao đẹp được mọi người ngưỡng mộ hơn là chết oanh. Thế là bọn trẻ nghĩ cách để bắt chước vị tướng quân không quân không chân không biết sợ đó.

Bắt chước thế nào? Tham gia quân đội sao? Tuy tuổi chúng tôi không bằng nhau nhưng tất cả đều chưa đủ tuổi, cắt chân tay ư? Không biết đến bao giờ mới có cơ hội như vậy. “Đi!” chẳng biết ai không nén được sự nôn nóng, vung tay hô một tiếng, “Vào rừng luyện bò đi”.

Một đám trẻ bắt đầu luyện bò, có khi trong rừng trúc lúc lại trong rừng chuối, bò đến cả mặt bị thương, toàn người bắn cả, càng vất vả thì càng sùng bái anh hùng Liên Xô đó, càng phục sát đất mà tiến về phía trước, vừa bò vừa tưởng tượng chân mình đã bị hư từ lâu rồi.

Thời gian đó, những ngày bình thường trong doanh trại càng không bình thường: không ai trộm rổ rá đuổi chim sẻ, không ai bịt ống khói, thậm chí không kẻ nào có nhã hứng bắn vỡ cửa kính nữa...

Mỗi buổi tối, ở cửa lớn trạm gác vô cùng náo nhiệt: những đứa trẻ tan học đeo cặp vôi vôi vàng vàng chạy đến đó, những đứa trẻ chưa đến tuổi đi học ở đó ngóng dài cổ nhìn con đường quanh co ngay núi. Đội hai người cất cao giọng, “Ôla!” tiếng la vừa dứt, mấy chục cái chân nối theo nhau, cổ sức trườn lên trước.

Những ngày luyện bò lê bò lết đó làm cả nhà bận rộn. Trời chưa tối, mọi người lấy cơm từ nhà ăn về thì họ ra bên ngoài, tăng hăng giọng, gọi tên từng đứa trẻ một cách có bài bản, ngắn dài, khoan thai, từng tiếng từng tiếng như hát vang vào tận rừng sâu...

Cuối cùng những tướng quân không quân không chân tương lai bị gọi về, vôi vàng rửa tay chân, sau đó đứng im thính thít. Lúc này, người nhà tự mang tắm bông, chai thuốc (nào là cồn, thuốc đỏ, thuốc tím, họ đến trạm xá lấy) bắt đầu bôi ngang bôi dọc cho bọn trẻ. Sau bữa cơm, bỏ tất cả quần áo dơ vào một cái thau lớn, mang bàn giặt đồ đi giặt. Vừa giặt vừa lau bầu. Ngày nào cũng vậy.

Trước giờ tôi không tham gia luyện bò. Điều này dễ hơn nhiều so với những yêu cầu của cha đối với tôi. Tôi tin rằng giống như yêu cầu của cha như vậy: chỉ cần chỗ nào chuột có thể sống thì tôi có thể sống. Việc luyện bò cũng không bằng việc tìm sâu cho bốn ổ kiến vàng của tôi.

Tôi vốn không thích đánh nhau nhưng vì những chú kiến vàng mà ra tay khiến cả hai bên đều bị tổn thất. Nguyên nhân đều do vị tướng không quân không chân mà ra.

Cuối cùng có một ngày, tất cả những đứa trẻ tham gia luyện bò trườn đều tin chắc mình có thể bò trong rừng suốt ba ngày. Cuộc vận động luyện bò trườn kết thúc thắng lợi. Bọn trẻ rất phấn khích, không hề thấy mệt mỏi.

Mấy hôm sau, lại thêm một kẻ sùng bái nghĩ ra một chiêu học làm anh hùng mới: ăn trứng kiến.

Mọi người mau chóng tìm móc nhọn để đi đào tổ kiến, cả ngày vất vả đào bới tung cả đại viện.

Tôi vội vã về nhà hỏi cha: “Nếu một con chuột vì sự sống còn của mình thì nó có ăn trứng kiến không?”

Cha không suy nghĩ nói ngay: “Có chứ. Ấy, con hỏi cái này để làm gì?” Tôi nói “không làm gì cả, chỉ hỏi thử vậy thôi” rồi bỏ chạy. Theo luật bất thành văn của bọn trẻ, nếu kẻ nào tiết lộ cho người lớn biết sẽ bị coi là “phản đồ”. Kẻ phản đồ sẽ không có bạn bè. Tôi quyết định tham gia việc ăn trứng kiến.

Trong phim, có hai cảnh vị tướng không quân ăn trứng kiến. Đương nhiên chúng tôi mỗi người phải ăn hai ổ.

Ổ kiến đầu tiên bị phát hiện, sau khi hò reo vui mừng, bọn trẻ lập tức im phăng phắc: ghê quá đi, mấy cái trứng đó! Hàng ngàn cái trứng nhỏ li ti, chi chít chẳng chịt. Lũ kiến chạy hoảng loạn, tản ra rồi tụ lại, mỗi con cố mang một quả trứng chạy mất...

Tôi thật sự cảm thấy sợ hãi. Nhìn mấy đứa trẻ khác, có đứa run cầm cập, có đứa nổi cả da gà. Sau đó, bọn trẻ để chứng tỏ sự sùng bái anh hùng Liên Xô đã mạnh dạn lên. Con trai của Lưu đoàn trưởng, một học sinh lớp ba, cắn răng, lăm bằm thề “Lão tử tuyệt không bỏ trốn khi lâm trận!” một tay cào lấy cái vật trắng trắng dính cát đó và cả mấy con kiến nữa bỏ vào miệng một cách phẫn nộ nuốt ực xuống, vẻ mặt coi thường cái chết.

Sau đó, lại tìm thấy ổ kiến thì không còn ai cảm thấy khó xử nữa. Bọn trẻ vì đạo nghĩa từng đứa lần lượt ăn, mặt đứa nào cũng lộ vẻ thần nhiên.

Đến phiên tôi, tôi nghĩ thầm trong bụng: “Con chuột có thể sống, mình cũng có thể sống, con chuột có thể ăn, mình cũng có thể ăn”. Nghĩ thế tôi cũng ăn luôn. Tuy việc lấy con chuột làm gương không tránh khỏi xem thường anh hùng nhưng cuối cùng tôi cũng hoàn thành chiến tích anh hùng nên cảm thấy thanh thản hơn.

Trứng kiến từng ổ bị bới tung lên rồi từng ổ bị ăn mất. Rốt cuộc cũng có một ngày cuối tuần nọ, đội quân ăn trứng kiến sục sạo đến chân tường nhà tôi, phát hiện ra sáu ổ kiến.

Đối với việc tiêu diệt hai ổ kiến đen thì tôi không hề động lòng. Nhưng tôi không thể giương mắt nhìn bốn ổ kiến vàng đều do tôi chăm bón nhiều năm nay gặp thảm họa. Chúng tôi là bạn của nhau.

Tôi nói với bọn trẻ: “Chúng ta ra ngoài tìm đi, mấy chú kiến vàng này là bạn thân của tớ”.

Mọi người kiên quyết phản đối. Phản đối hành vi của tôi xem trọng tình bạn giữa người và kiến hơn chủ nghĩa anh hùng. Mọi người đều cảm thấy tìm ổ kiến khác là “tội làm lỡ thế trận”, có lỗi với vị tướng không quân mà chúng tôi sùng bái kia.

Bọn trẻ ở đại viện đều không giỏi đấu khẩu cho nên quyết định dùng vũ lực để giải quyết tranh chấp. Thế là để bảo vệ bốn ổ kiến vàng, tôi phải đánh với bốn bạn nhỏ muốn ăn mấy ổ trứng kiến này.

Đây là trận quyết chiến của những hậu duệ nhà binh, không đứa nào không luyện võ thuật. Chúng tôi vạch trên đất một vòng tròn lớn: ai bị đánh văng ra khỏi vòng thì người ấy thua.

Sau khi hai đối thủ bị tôi đánh bại, tôi vẫn khom nhẹ lưng, mặt đỏ gay đứng trong vòng, chuẩn bị nghênh chiến với tên thứ ba.

Tên thứ ba và tên thứ tư là anh em sinh đôi, chỉ lớn hơn tôi mấy tháng, bình thường luyện liên thủ quyền. Chúng chẳng chào hỏi gì cả, xông vào đánh ngay.

Lúc này thật lộn xộn! Đội quân ăn trứng kiến lập tức chia thành hai phe đối chọi nhau: có đứa ủng hộ tôi vì “hai đánh một” là không công bằng, có đứa ủng hộ hai anh em kia vì anh em sinh đôi đó là “thầy của chính nghĩa”... thế là không cần vòng tròn nữa, sau khi hai bên phân rõ địch ta thì tay đánh chân đá, hỗn chiến lung tung. Mặt mũi đỏ gay vẫn gắng gượng đứng đánh, ngã rồi lại đứng dậy đánh tiếp...

Đến khi người lớn phát hiện được thì chúng tôi đã bị thương thê thảm.

Mọi người vừa giận vừa tức cười, kể công người bồng những tên sùng bái anh hùng Liên Xô, dẫn tất cả đến quân y viện.

Tôi bị gãy một cái răng cửa, bị trật khớp khuỷu tay trái.

Cha lãnh tôi từ quân y viện về, vào nhà lấy dây nịt đánh tôi một trận. Lý do là quả đấm của tôi không được dùng để đánh người. Tôi không khóc, cũng không ngụy biện. Sau đó, cha hỏi tôi cặn kẽ khi tôi đánh một mình, tôi ra quyền như thế nào, đối thủ ra quyền thế nào...

Tôi bị cha nhốt trong nhà, bị giam giữ ba ngày.

Bị giam giữ tức là không được phép ra ngoài. Trong ba ngày đó, chỉ cần tôi tình cờ lên sân thượng thì thấy các bạn nhỏ đang lẩn quẩn quanh nhà tôi. Chỉ cần cha tôi ra khỏi nhà thì có người đến gõ cửa sổ. Anh em sinh đôi dùng giấy gói một hòn đá ném lên, trên giấy viết: “Bọn mình đã cho mấy chú kiến vàng ăn rồi. Yên tâm. Cú đấm của cậu rất chuẩn”.

Ồi, các bạn thời thơ ấu của tôi, thật quá ngốc nghếch ngây ngô! Bây giờ các bạn ở đâu cả rồi?

**T**hời gian qua mau, đã đến lúc tôi phải đến trường.

Lúc đó tuy nhập học cũng phải thi tuyển nhưng so với những đứa trẻ hiện nay thì dễ hơn nhiều.

Những năm đó, trường học nhiều hơn học sinh. Từng học sinh ứng thí, trăm bài như một, đáp án đại thể giống nhau: ngoài họ tên, gia đình, địa chỉ, những mục khác gồm có:

- Lãnh tụ của chúng ta là ai?
- Quốc kỳ của chúng ta như thế nào?
- Bạn của Trung Quốc là ai?

Khi các bạn nhỏ trả lời “là đàn anh Liên Xô” thì cuộc thi kết thúc.

Tôi vào học trường tiểu học Lý Tử Bá. Trẻ con nhập học, lớn bé không đồng nhất. Từ bảy tuổi đến mười hai tuổi, theo tuổi tác xếp hàng, chia thành bốn lớp: A, B, C, D. Tôi còn thiếu ba tháng mới đủ bảy tuổi, được phân vào lớp D, ngồi hàng đầu.

Sách học được phát. Một cuốn “Toán học”, một cuốn “Ngữ văn”.

Tôi vội vàng lật cuốn “Toán học”, thấy chẳng có gì thú vị cả, lật được nửa cuốn sách đều nói phép cộng trừ. Tôi đã biết từ lâu. Mẹ tôi vốn học toán lý, dạy những môn đó là nghề của mẹ. Cuối tuần rảnh rỗi, ngoài việc kể chuyện, mẹ còn thuận miệng ra mấy bài toán, bảo tôi ngồi suy nghĩ. Đến nay, tôi vẫn còn nhớ bài toán như vậy :

Hai mươi chín Tết, anh Lưu xách thùng đi mua dầu, một thùng đựng ba cân, một thùng đựng bảy cân. Giữa đường gặp Vương Tiểu Nhị từ trên trần trở về. Tiểu Nhị nói: “Cửa hàng lương thực đóng cửa rồi, ăn Tết xong anh hãy đi mua” Hai người này đều làm cấp dưỡng trong nhà hàng. Thấy anh Lưu lo lắng, Vương Tiểu Nhị nói: “Tôi vừa mới mua một thùng đầy, chia cho anh năm cân nhé”. Thế là hai người ngồi trên đường dùng ba thùng chia mười cân dầu thành hai phần, mỗi người lấy năm cân, chia xong thì mạnh ai nấy đi.” Hỏi: “Hai người ít nhất đổ mấy lần mới có thể phân dầu thành hai phần bằng nhau?”

Những câu hỏi như vậy còn khó hơn trong cuốn sách tôi đang cầm trong tay nhiều, cũng thú vị hơn nhiều!

Lật xong cuốn sách ngữ văn, tôi thần người, ngồi thừ trên băng ghế nghĩ miên man: bài khó nhất ở cuối sách, nói là một nhà nọ trồng một củ cải to, to đến nỗi một người nhỏ không nổi, thế là một người khác đến giúp nhưng cũng không nổi lên nổi... kết thúc bài văn là: con mèo con kéo một người bạn nhỏ đến, người bạn nhỏ kéo một bà lão đến, bà lão lôi ông lão đến, ông lão kéo củ cải, kéo, cứ kéo, kéo được rồi.

Tôi nghĩ mãi không hiểu, trên thế gian này sao lại có một quyển sách đơn giản như vậy chứ? Điều làm tôi càng hồ đồ chính là tại sao cha mẹ lại muốn tôi học sách này? Bài đầu tiên của học sinh lớp một ngay cả tiêu đề toàn bài cũng là:

“Một... vào học... vào học rồi”.

Tiết đầu tiên dạy nét chữ: “Chấm, ngang, sổ, cong, móc...”. Cô giáo đưa thước chỉ, gõ lên bảng kêu một tiếng, rất chăm chỉ. Học trò dốc hết sức, ai cũng nắm bàn tay đưa ngón trỏ bên phải ra, bắt chước cô viết từng nét, đọc theo cô, rồi cầm bút viết từng nét chấm, ngang, sổ, cong, móc...

Tôi quay qua quay lại nhìn tay nhìn mặt của các bạn. Mỗi khuôn mặt dù mập ốm vuông tròn đều rất nghiêm túc.

Người làm tôi chú ý nhất chính là cậu bạn ngồi kế bên. Nói về chiều cao thì tôi lùn nhất lớp. Cậu ta đứng thứ hai, tên cậu ấy là Quan Bảo Bảo. Quan Bảo Bảo đi đôi giày có hình đầu con hổ, mặc quần mở đũng, tay phải nhắc lên theo thước chỉ của cô, tử mĩ viết từng nét phẩy, móc, chấm nhưng tay trái cầm một nùm vú bình sữa bằng cao su, chốc chốc lại cúi xuống mút.

Tôi không khỏi ngạc nhiên hỏi Quan Bảo Bảo: “Đến giờ mà cậu vẫn còn uống sữa sao?” Cậu ta vội vàng lấy nùm vú ra nói với tôi: “Còn chứ. Cũng ăn cơm, ăn thức ăn nữa”. Đến khi cô bỏ tay xuống, Quan Bảo Bảo quay sang, nhét nùm vú cho tôi, nói: “Mẹ của bạn quên đưa nùm vú cho bạn hả? Mình cho bạn mượn mút một chút nhé!” Cặp mắt của cậu ta ngây thơ vô cùng, nhìn tôi rất thân thiện.

Tôi rất hoang mang, vội vàng đẩy trả cho cậu ta. Nhưng cậu ta nói: “Bạn ngại sao? Không sao đâu. Mẹ mình nói...” tôi còn chưa kịp biết mẹ cậu ấy nói gì thì cô đã đến bên cạnh chúng tôi, đồng thời bảo cậu ấy đứng dậy, quở trách: “Trước giờ học, cô đã dặn rồi, nói chuyện trong giờ học là vi phạm kỷ luật. Trò Quan Bảo Bảo, tại sao em làm ảnh hưởng bạn khác học bài?”

Tôi vội gơ tay phát biểu: “Thưa cô! Là em làm ảnh hưởng Quan Bảo Bảo”.



Quan Bảo Bảo buồn bã nói: “Bạn ấy không làm ảnh hưởng đến em, là tự em lấy núm vú cho bạn ấy mượn”.

“Cái gì? Núm vú gì? Đưa cô xem”. Cô giáo vô cùng ngạc nhiên.

Tôi mắc cỡ đỏ mặt vội vàng lấy núm vú trong tay Quan Bảo Bảo giấu vào trong hộp bàn. Cô lôi từ trong hộp bàn ra, để trên hộp phấn trên bục giảng, sau đó quay sang bảo chúng tôi: “Hai em là những đứa bé đúng cảm nhận lỗi, đáng biểu dương nhưng ảnh hưởng trật tự lớp là không đúng. Đừng nghe giảng!”

Cả lớp bắt đầu xôn xao. Cô lại gọi một bạn đứng lên, hỏi bạn ấy sao lại làm ảnh hưởng kỷ luật lớp, bạn ấy chỉ lên bục giảng, ấp a ấp úng nói “cái núm vú đó...”, rồi nhin không nổi bật cười hì hì.

Cô còn rất trẻ, mới tốt nghiệp Đại học Sư phạm, chúng tôi là những học trò đầu tiên của cô. Đại khái vì trên bục giảng toàn là bụi phấn, cô mới lấy núm vú của Quan Bảo Bảo để trên hộp phấn. Tuy núm vú không phải là vật gì lạ nhưng bỗng nhiên nó xuất hiện trong lớp còn để chơ vơ trên hộp phấn, khi hơn ba mươi học sinh lặng lẽ nhìn nó thì tự nhiên nó trở nên chuyện khôi hài. Tôi nhìn sắc mặt của cô giáo, hình như cô cũng cảm thấy không thỏa đáng, vội vàng lấy núm vú khỏi hộp phấn. Cô mặc một chiếc áo đầm không có túi cũng không biết nên để nó ở đâu. Cô đến bên chúng tôi, nhìn Quan Bảo Bảo đang cúi gầm mặt có lẽ cô muốn trả lại cho cậu ấy, sau đó lại cảm thấy xử lý như vậy liệu có thỏa đáng không? Cuối cùng, cô lại đặt nó lên hộp phấn. Lần này cả lớp bắt đầu cười to. Cô quay lại viết lên bảng ba chữ “vào học rồi” cũng không quay mặt lại. Vai cô hơi rung rung, không biết là giận hay đang cười nữa? Tóm lại, những phút còn lại không cần giảng nữa vì cả lớp cười đến khi chuông reo.

Vừa ra khỏi lớp, Quan Bảo Bảo kéo tôi chạy. Thì ra mẹ cậu ấy đang đợi ở góc tường bao quanh trường, trong tay xách một cái ghế nhỏ. Quan Bảo Bảo đẩy tôi đến trước mặt mẹ cậu ấy, vội vàng nói: “Mẹ, mẹ cho bạn ấy bú trước đi, bạn ấy đói rồi”. Thì ra, mẹ của Quan Bảo Bảo đợi ở đó chờ cho cậu ấy bú. Mẹ của Quan Bảo Bảo ngồi quay mặt vào tường, vén vạt áo cho cậu ấy bú...

Cũng không biết ai mách lẻo mà đến cô chủ nhiệm cũng đến đó. Lúc trưa tan học, cô ra cổng trường mời mẹ Quan Bảo Bảo vào văn phòng. Từ hôm đó trở đi, Quan Bảo Bảo không còn ra ngoài bú sữa khi hết tiết thứ hai nữa. Núm vú kia cũng không thấy nữa. Giống như các bạn khác, từ đó cậu ta không còn mặc quần mở đũng nữa.

Đã học được ba hôm rồi, chúng tôi vẫn còn học “một - vào học - vào học rồi”.

Tôi thấy vô vị vô cùng, luôn nói chuyện với Quan Bảo Bảo, hầu như tiết nào cũng vậy, cô đều bắt tôi đứng nghe giảng. Ngày thứ tư, cô đổi tôi sang chỗ khác.

Bây giờ nghĩ lại, cô giáo trẻ của tôi lúc đó quả thật đối với tôi rất tận tâm. Cô tìm tôi nói chuyện đổi chỗ, không phải ở trong văn phòng của cô mà ở sân vận động. Lúc đó tan học đã lâu rồi, chỉ còn mình tôi đang thích thú ngồi đánh đu. Bỗng nhiên, tôi phát hiện cô chủ nhiệm đang đứng bên cạnh ghế xích đu nhìn tôi cười, ghế đu đưa lên xuống làm bay nhẹ vạt đầm của cô. Tôi nhìn trên cao xuống thấy cô giống một nhân vật nào đó trong truyện cổ tích của An-đéc-xen, đẹp thuần khiết, tấm lòng lương thiện. Nghĩ rằng mình ngày nào cũng làm cô buồn giận đột nhiên trong lòng cảm thấy có chút áy náy không yên.

Tôi vội dừng đánh đu, nghiêm chỉnh vòng tay cúi đầu chào cô - những năm đó, không thịnh hành một bắt tay. Khi học sinh gặp thầy cô dù là cách một con đường, cho dù thầy cô cận thị hay viễn thị thì học trò phải chủ động cúi gặp người chào.

Cô giáo của tôi lấy trong cặp của cô một cái khăn tay lau mặt cho tôi. Khuôn mặt đầm đìa mồ hôi và lấm lem. Tôi trộm nhìn: cái khăn tay trắng của cô trở nên đen ngòm. Tôi rất xấu hổ bèn cúi gầm mặt, lấy chân đá đá trên mặt đất.

Cô vừa đi vừa nói chuyện với tôi, khen tôi làm bài vừa nhanh vừa giỏi, khen tôi lúc nào cũng tỏ ra khỏe mạnh.

Cuối cùng, cô nói muốn giao cho tôi một nhiệm vụ: Liễu Phong Miên ở đây bốn luôn ngủ gật trong giờ lên lớp. Tôi phải gọi cậu ấy dậy khi cậu ta ngủ. Vả lại, cô hy vọng trong giờ học tôi không nói chuyện riêng nữa.

Tôi nhìn cô chủ nhiệm thân thiện dễ mến của mình rồi gật đầu.

Ngày hôm sau, tôi ngồi bên cạnh Liễu Phong Miên, bạn ngồi cạnh cậu ta chuyển xuống ngồi cạnh Quan Bảo Bảo.

Tôi cảnh giác như người đang chặn gia súc vậy, tiết nào cũng nhìn chăm chăm Liễu Phong Miên không để cho cậu ta có cơ hội ngủ, hễ thấy mắt cậu ta lim dim thì đánh vào khuỷu tay cậu ta hay đá vào mũi chân cậu ấy.

Liễu Phong Miên là một cậu bé hiền lành, không biết cáu giận. Mỗi lần bị tôi quấy rối giấc ngủ, cậu ấy không có ý kiến, cũng không xin lỗi, chỉ quay sang nhìn tôi cười rồi lại hoàn hồn nghe cô giảng bài. Cậu ta

không bao giờ nói chuyện riêng, nhất là trong giờ học.

Cứ như vậy, dần dần tôi học xong tiết ngữ văn thứ hai: “Hai - đi học - chúng tôi đi học mỗi ngày”. Sau đó là tiết thứ ba: “Ba - bạn học - trong trường bạn học rất nhiều”.

Trên bảng thầy dạy toán cứ cộng cộng trừ trừ không biết mệt mỗi làm tôi thấy vô vị quá. Chỉ còn cách cắn răng nghĩ ngợi lung tung.

Hôm đó, Liễu Phong Miên lại ngủ, đến khi tôi định thần khỏi sự suy nghĩ mông lung, đang định đập chân cậu ta thì bỗng nhiên tôi thay đổi chủ ý.

Tôi lấy viết lông ra, mở nắp, chấm mực và bắt đầu vẽ ngoằn nghèo trên mặt cậu ấy. Thầy đang chăm chú giảng bài, học trò tập trung lắng nghe, không ai để ý trò quỷ quái của tôi. Liễu Phong Miên hơn một tuần nay vì bị tôi quấy rối nên không ngủ gật trong lớp được, lần này thì cậu ta thoải mái chìm vào giấc mộng.

Có lần tôi mang lên lớp theo hai con cua buộc chúng lại với nhau, đặt lên bàn cho chúng thi bò, nếu Quan Bảo Bảo không cười phá lên thì đã không bị thầy toán bắt xuống văn phòng. Bàn của thầy toán và bàn của cô chủ nhiệm đối diện nhau. Tôi nghe mẹ của Liễu Phong Miên nói với cô chủ nhiệm, lúc bác ấy mang thai do toàn thân luôn nổi mụn cơm nên ngày nào cũng phải uống thuốc. Hết uống thuốc xong thì mơ mơ màng màng buồn ngủ. Sau khi sinh, những mụn cơm không còn nữa, cũng không còn mơ màng nữa. Nhưng ai ngờ được Liễu Phong Miên vừa sinh ra đã thích ngủ. Cậu ta không ốm không bệnh, người rất thông minh chỉ có điều ngời hơi lâu là chớp mắt còn ngáy khò khò nữa.

Cẩn thận từng chút, tôi vẽ trên mặt Liễu Phong Miên tám cọng râu giống con mèo đen thường ngồi xồm trong bếp lò, rồi vẽ thêm trên trán cậu ta một con mắt thẳng đứng, giống như Nhị Lang Thần trong sách vậy.

Thầy giảng bài mẩu rồi bảo cả lớp làm bài. Thầy chấp tay sau lưng, đi vòng vòng trong lớp.

Thấy thầy sắp đến chỗ mình. Tôi thấy không ổn, vội đá vào chân Liễu Phong Miên. Nếu cậu ta tỉnh dậy sẽ cầm cúi làm bài thì sẽ chẳng ai biết đã xảy ra chuyện gì. Nhưng cái cậu Liễu Phong Miên này ngờ nghệch quay mặt sang, nhìn tôi cười độ lượng. Thế là đúng lúc thầy Toán đi đến nhìn thấy.

Thầy hét hồn la lên một tiếng, cả lớp lập tức nhao nhao. Liễu Phong Miên còn nghĩ rằng thầy kêu cậu ta đứng lên nên ngoan ngoãn đứng dậy. Lúc này đúng là hỗn loạn, cả lớp cười nghiêng ngả.

Thầy lên bục giảng lấy roi, giận đến nổi giọng run run: “Con ngựa bất kham như em, mau xòe tay ra!” thầy đánh bôm bốp vào tay tôi năm cái.

Lúc tôi mới vào tiểu học, cá biệt vẫn có giáo viên có thói quen đánh học sinh. Nhưng thầy toán của tôi thực ra không phải là người hung dữ. Thầy dạy tiểu học gần như cả đời, năm đó đã năm mươi hai tuổi rồi, tôi là đứa học trò đầu tiên bị thầy đánh đòn.

Lần đầu tiên thấy thầy toán nổi trận lôi đình, cả lớp sợ hết hồn. Đánh tôi xong, thầy nói: “Tiếp tục làm bài” rồi mặt vẫn tái mét nhìn tôi thở dài. Liễu Phong Miên vẫn đứng vừa cúi đầu xem sách vừa làm bài tập. Thầy cũng không kêu cậu ấy ngồi xuống.

Đột nhiên, ở góc hàng ghế đầu có tiếng thút thít. Thầy quay lại nhìn thì ra là Lý Á Linh - người đối chỗ với tôi đang úp mặt xuống bàn khóc.

“Lại có chuyện gì nữa?” thầy nén giận hỏi bạn ấy. Quan Bảo Bảo lập tức thưa: “Bạn Lý Á Linh... bạn ấy... bạn ấy cười đến buồn tiểu, bạn ấy... bạn ấy không dám giơ tay xin đi nhà vệ sinh”.

Thầy thở ra: “Sao còn không đi mau?”

Nhưng bạn ấy không nhúc nhích, chỉ gục xuống bàn khóc thút thít. Quan Bảo Bảo lay lay vai bạn ấy nhưng bạn ấy vẫn không nhúc nhích.

“Ấy, Lý Á Linh, em mau đi nhà vệ sinh đi, đi đi!” Thầy đành phải xuống giọng khuyên bảo cô học trò vô tội của mình.

Cuối cùng Lý Á Linh cũng đứng lên, chen sau lưng Quan Bảo Bảo, bỗng nhiên che mặt, rồi bật khóc to chạy ra khỏi lớp. Chúng tôi nhìn thấy váy của bạn ấy ướt một lốm to to tròn tròn.

Sau khi tan học, thầy dạy toán vẫn chưa nguôi giận đích thân dẫn tôi về đại viện khu doanh trại. Công chủ nhiệm lớp tôi bị viêm ruột thừa cấp tính đã được đưa đến bệnh viện trung tâm thành phố nên thầy toán thay cô làm chủ nhiệm. Đi cùng với chúng tôi còn có cô phụ đạo.

Trước mặt cha tôi, các thầy cô bắt đầu tố cáo các tội của tôi, không thêm không bớt làm tôi rất khó xử, cảm thấy mình quả là đứa trẻ hư hỏng.

Càng nghe tôi càng thấy buồn cười, thầy dạy toán càng giận hơn: “Còn cười được sao? Em vẫn chưa nhận ra sự nghiêm trọng của lỗi lầm em gây ra sao? Em trêu chọc các bạn mà còn cười sao!”

Tôi vội vàng giải thích: “Dạ không, dạ không, em cười cha của em ạ!”

Cô giáo phụ đạo nắm tay thầy toán, chau mày giáo huấn tôi: “Đứa bé ngoan là người biết tôn trọng thầy cô, tôn trọng cha mẹ. Em không được cười cha mẹ, biết chưa?”

Tôi vội gật đầu nói: “Dạ biết”, rồi suy nghĩ thấy không thỏa đáng nên tôi vội lắc đầu, “Không phải, không phải, em cảm thấy cha hơi giống Quan Bảo Bảo”.

Thầy toán quát một tiếng: “Còn dám nói linh tinh!” Thầy giận dữ đứng lên, giống như lúc lên lớp, bắt đầu đi chậm rãi tới lui trong phòng khách.

Từ lúc hai giáo viên bắt đầu lên tiếng tố cáo tôi, cả buổi chiều, cha ngồi bó gối, hai tay để trên đùi, không nhúc nhích, cung kính lắng nghe, dường như kẻ gây ra những chuyện xấu trong thiên hạ này không phải là con gái của ông mà là chính bản thân ông.

Thời đó, phụ huynh học sinh bất luận làm ông này bà nọ gì thì trước mặt thầy cô của con mình đều phải nhã nhặn lễ phép. Hoàn toàn không giống như bây giờ có một số phụ huynh ý thế ý tiền xem thường giáo viên của con mình.

Lúc đó tôi không hiểu thế sự. Cha bình thường đi đứng như hổ như rồng, nói với tôi toàn chuyện Tôn Tẫn, Bàng Quyên, Tư Mã Gia Cát, cho tôi xem nào đao nào súng, dạy tôi quyền cước. Trên đời này e rằng không ai nghiêm khắc hơn cha.

Đương nhiên, cha tôi cũng có lúc phong lưu, phóng khoáng, đó là vào cuối tuần. Đến cuối tuần cả nhà quây quần luôn là một cảnh tượng thanh bình.

Thường mẹ trải giấy, cha bồi tùng hương lên dây đàn. Cha rất thích Tô Thức, Tân Khí Tật, mẹ luôn lấy thơ hai người phổ nhạc, thường có bài mới. Cha kéo đàn thổi sáo, mẹ hát họa theo...

Nhưng những ngày như vậy càng lúc càng ít. Từ sáng thứ hai đến tối thứ bảy, tôi phải một mình đối mặt với người cha nghiêm khắc, nghe cha định sách lược tác chiến, nói chuyện binh thư trên giấy.

Trước giờ tôi không ngờ một quân nhân như cha lại giống như học sinh tiểu học, cung kính ngồi nghe thầy cô chỉ giáo, tư thế đó, thần thái đó, có chút giống cậu bé ngoan Quan Bảo Bảo, rất giống.

Cha không biết Quan Bảo Bảo, nhìn tôi chăm chăm, sau đó hỏi cô phụ đạo. Hai giáo viên người này nhìn người kia trông rất thảm hại. Cuối cùng vẫn là cô phụ đạo tăng hăng giọng, đỏ mặt, nói với vị tướng quân cả đời trong quân đội đó: “Quan Bảo Bảo là học sinh lớp 1D của trường, trước đây là bạn ngồi cùng bàn với lệnh ái”.

Sau đó, không ai nói tiếng nào, châm thuốc, ngồi lặng lẽ...

Sau khi các thầy cô cáo tử, cha bắt tôi nằm sấp trên phản, cha lấy chổi lông gà bắt đầu nghiêm trị tôi. Bình thường do làm nhiều việc xấu ở đại viện nên tôi đã sớm quen với việc ăn đòn bằng roi nhưng không dữ dội như lần này. Vài ba roi đầu, tôi có thể như thường lệ, nghĩ đến anh hùng thiếu niên Lưu Hồ Lan, đến roi thứ hai mươi mấy, cho dù trong lòng gọi tên Zaja – cũng muốn bật khóc. Tôi vội cắn gối, có thể chảy nước mắt nhưng không thể kêu la. Từ lúc luyện quyền với cha, cha từng nói: “Kêu khóc không thể thay đổi được bất kỳ sự thực nào, chỉ có làm tăng thêm sự trừng phạt mà thôi”.

Những năm đó thật là lạ, tất cả những đứa trẻ ở đại viện đều có những quy định luật bất thành văn, nào là “anh hùng chảy máu không chảy nước mắt”, nào là “bị cha đánh mà kêu khóc là hèn nhát”, nào là “lớn ăn hiếp nhỏ, là đồ sâu bọ”...

Khi tôi đếm nhắm đến ba mươi, trong lòng cảm thấy lo sợ: có khi nào mộng mình bị đánh bay mất không? Sao đến ngay cả cảm giác đau đớn cũng không có? Đợi cha cảm thấy đánh đủ rồi thì tôi đã ngất đi.

Cha đánh tôi, trước giờ chỉ cho phép tôi trả lời các câu hỏi của cha, tuyệt đối không cho phép tôi hỏi bất cứ gì ngoài những câu hỏi của cha. Cha nói: “Cha đánh con, là kết quả của việc phạt các việc con gây ra hoàn toàn không cần phải biết nguyên nhân. Cha đã nói với con từ lâu không có bất kỳ nguyên nhân gì có thể tha

thứ cho con”.

Nhưng cha của tôi, những câu hỏi của ông rất đơn giản. Tôi chỉ cần trả lời “phải” hoặc “không phải”. Chẳng hạn mỗi lần tôi đánh nhau với ai – từ nhỏ tôi nói năng vụng về, gần như không tranh luận với ai - cha nhất định sẽ vì vậy mà phạt tôi. Trước khi phạt, cha phải hỏi mấy câu: “Cậu ta có phải là kẻ thù của con không?”, “Có phải cha từng nói nếu con đánh người khác thì cha sẽ đánh con không?”, “Lần này con lại đánh nhau nữa sao?” “Có phải cha nói không giữ lời không?”. Thế là sau khi chọn “không phải”, “phải”, “phải”, “không phải” tôi nằm sấp trên phản chịu đòn.

Ngày hôm sau, tôi không thể đi được. Trong đại viện có một đội thiếu niên lớp ba, lớp bốn luân phiên công tôi đến trường. Đến gần trường, họ đặt tôi xuống, sau khi tan học, lại đến chỗ đó công tôi về đại viện. Cứ như vậy suốt ba ngày.

Hình phạt đối với tôi không chỉ có vậy. Sau ba ngày, trong trường dán thông báo, tuyên bố xử phạt “ghi nhớ tội” của tôi, điều tôi từ lớp D sang lớp C. Họ nói với cha tôi, học sinh mới lớp một mà ngộ nghĩnh như con gái cha thì thật hiếm thấy ngay cả giáo viên cũng đau đầu, vả lại giáo viên chủ nhiệm lớp D chỉ mới hai mươi tuổi, nếu không điều tôi đi, e rằng làm tổn hại đến tính tích cực của cô giáo đối với sự nghiệp giáo dục.

Chủ nhiệm lớp C cũng là nữ, cũng dạy ngữ văn. Cô không già không trẻ, khoảng bốn mươi, ấn tượng của cô chủ nhiệm mới đối với tôi ngay từ đầu đã không mấy tốt đẹp.

“Em không vi phạm kỷ luật nên không cần phải bị phạt đứng. Tại sao còn không chịu ngồi xuống nghe giảng?” Cô hỏi tôi. Tôi quay mặt vào tường: trên bức tường bên trái mà tôi đứng tựa vào có những vết nước lấm tẩm. Có một hình vẽ giống như công chúa Bạch Tuyết và bảy chú lùn. Tôi không thể nói cho cô chủ nhiệm mới biết mông của tôi bị đánh nát, lại không thể nói dối.

Thấy tôi không trả lời, cô bèn nói “Không trả lời cô giáo là người không có lễ phép. Em là học sinh bị ghi nhớ tội, tranh thủ mà hủy bỏ kỷ luật đi”. Thấy tôi vẫn không trả lời nhưng cũng không ngồi xuống, cô bèn nói “Em có thể tự phạt mình đứng cho thấy em đã thấy được lỗi lầm của mình, thế thì đứng nghe giảng nhé!” Rồi nói thêm một câu “Em đứng sát vào tường, đừng làm ảnh hưởng tầm nhìn của các bạn học phía sau”.

**C**ô chủ nhiệm lớp D đã mổ ruột thừa xong, xuất viện. Hôm đó tan học, tôi đang đeo cặp lão đảo đi về nhà, bỗng nhiên nghe có người gọi tên mình. Tôi quay lại, nhìn thấy cô chủ nhiệm cũ của mình đang vội vã đuổi theo. Cô vẫn vậy, hai đầu bím tóc thắt lùa mỏng kết hình con bướm, mặc áo đầm trắng không cổ túi, giày vải màu đen. Đến bên cạnh tôi, cô vẫn thở hổn hển: “Chiều nay cô vào trường, cô biết hết mọi chuyện rồi”.

Tôi định nói gì đó nhưng lại không biết nói thế nào, cúi đầu chờ cô phê bình. Cô ngồi xuống, nhìn vào mắt tôi. Tôi rất khó xử, nói với cô: “Cô ơi! Là em làm tổn hại danh dự của lớp D. Cô đánh em đi”. Rồi xòe hai tay ra trước mặt cô.

Cô nắm chặt tay tôi, nhìn vào mắt tôi: “Từ khi em chuyển chỗ, trong giờ học em không còn nói chuyện riêng nữa. Liễu Phong Miên mới nói với cô, để bạn ấy không ngủ gục trong lớp, em đã nghĩ ra rất nhiều cách”. Cô nói như vậy với người học trò quậy phá của mình, giọng của cô chân thành tha thiết, nhẹ nhàng, êm ái.

“Con ngựa bất kham” này vốn chưa từng trải qua cái cảm giác “sống mũi cay cay” lại cúi đầu lẩn tránh cái nhìn của cô.

Cô thở nhẹ nhẹ, tôi nghe được. Cô quay lại, vắt hai tay tôi qua vai cô, không nói gì, cõng tôi lên, bước đi trên con đường quanh co ven núi.

Ồi, con đường núi ngoằn ngoèo, quanh co khúc khuỷu, một bên là sông, một bên là núi.

Con sông đó tên Gia Lăng Giang, lúc đó vẫn còn ráng chiều, chiếu xuống mặt nước sáng lóng lánh. Xa xa nghe không rõ tiếng nước nhưng khiến người ta tưởng tượng đến một dòng sông cổ tích chảy tràn đầy...

Từ trường về nhà, bên phải toàn là núi. Trên núi thường thấy ruộng bậc thang. Ruộng nằm nghiêng, thân bắp thì vươn thẳng, mạnh mẽ, thấp gầy giống như những người Trùng Khánh gọn gàng, già dặn. Không trông gì cả toàn là thế giới của hoa dại cỏ dại. Hoa nở rất đẹp, những bông hoa trắng muốt – trẻ con người lớn đều gọi là hoa Lại Tử. Tới bây giờ tôi vẫn không hiểu được vì sao lại có cái tên kỳ lạ như thế. Tuy tên hoa không nhỏ nhả nhưng có những nét rất đặc biệt: chúng mọc thành từng khóm, cành lá xum xuê, từng cụm hoa trắng muốt lẫn trong núi non xanh biếc.

Cô giáo thở gấp. Bất luận thế nào tôi cũng không thể để cô cõng thêm nữa. Cô đi bên cạnh tôi, kéo tay tôi, bắt đầu kể cho tôi nghe chuyện Cao Ngọc Bảo...

Chuyện kể xong một hồi, tôi vẫn im lặng đi bên cô. Cô hỏi tôi đang nghĩ gì, sao không nói gì cả.

Lúc đó tôi đang suy nghĩ làm thế nào để trêu chọc lão địa chủ: ví dụ như bỏ con cóc vào túi của ông ta hay là giấu viên pháo nhỏ trong điệu cày của ông ta, đại loại như vậy.

Sau khi cô biết được ý nghĩ của tôi, chân mày hơi chau lại, nhìn tôi trân trân, không nói gì cả.

Sau này lớn hơn một chút, tôi đọc “Cao Ngọc Bảo” rồi đọc rất nhiều các bài bình luận mới hiểu ra ý đồ của các giáo viên khi dạy cho học sinh câu chuyện này, muốn học trò hiểu rõ nên yêu quý cơ hội được đi học. Nhưng lúc đó tôi không hiểu được ẩn ý của câu chuyện nên cứ nghĩ cách trêu trọc lão địa chủ vì lão quá ác, nửa đêm canh ba còn giả tiếng gà gáy để gạt người ở ra đồng làm ruộng.

Lúc đó cô không vì sự suy nghĩ kỳ quái của tôi mà giận. Sau khi cô nhìn tôi, tự nói với mình “đây quả là một đứa bé kỳ lạ” rồi tiếp tục đi bên cạnh tôi trên con đường núi ngoằn ngoèo.

Về đến nhà, tôi mời cô lên phòng tôi ngồi chơi, rồi lấy dưới giường ra một cái chén sành, lấy ra mấy cái ống tre, trút trong ống tre ra hai con đế, lấy cỏ nhử chúng để chúng đánh nhau cho cô xem. Cô ngạc nhiên nói với tôi, lần đầu tiên cô xem đá đế.

Cô là giáo viên mà học sinh lớp D thích nhất, rất muốn chúng tôi quý trọng danh dự tập thể. Vì tôi vẽ lên mặt Liễu Phong Miên nên tôi trở thành phần tử gây rối nổi tiếng nhất trường. Trong đại hội giáo viên học sinh toàn trường khi hiệu trưởng công bố xử phạt tôi đã nói một cách cường điệu rằng, trường tôi đã có hơn ba mươi năm lịch sử mà tôi là học sinh khối lớp một đầu tiên trong lịch sử của trường bị ghi nhớ tội, có người còn nói tôi là học sinh nữ đầu tiên trong mấy chục năm bị ghi tội. Hiệu trưởng tuyên bố như vậy, tiếng nói và sắc mặt đều nghiêm nghị. Đột nhiên khiến tôi cảm thấy tình hình nghiêm trọng. Sau khi tuyên bố xong hình thức xử phạt đối với tôi, hiệu trưởng bảo thầy trò toàn trường đồng thanh hát. Ca từ của bài hát đó như sau:

Lửa giận bùng cháy, tiếng sấm vang trời, phải kiên quyết tiêu diệt tập đoàn bán nước Tưởng Giới Thạch. Ý chí của toàn dân không ai có thể xâm lược. Nhân dân Trung Quốc nhất định phải giải phóng Đài



Loan, nhân dân Trung Quốc nhất định phải giải phóng Đài Loan!

Tuy nhiên những năm đó, hệ tập hợp là toàn thể cất cao bài “nhất định phải giải phóng Đài Loan” dù là bất cứ ở đâu bất cứ lúc nào và trong bất cứ hoàn cảnh nào, tôi bỗng nhiên cảm thấy mình có chút uất ức, giống như tôi trở thành Tướng Giới Thạch vậy. Tranh biếm họa Tướng Giới Thạch dán khắp phố, cái đầu trọc, hai bên trán đều dán cao hình thập tự, bên dưới tám ảnh bán thân viết dòng chữ “Tướng Giới Thạch – kẻ thù chung của nhân dân”.

Tôi làm hư danh tiếng của lớp D, đã thấy trong lòng khó xử, bị điều khỏi lớp D, rời khỏi những người bạn tốt như Quan Bảo Bảo, tôi càng không đành lòng. Đến hôm nay gặp lại cô giáo xuất viện, cô không mắng không đánh mà còn công đưa tôi về nhà. Trong lòng cảm thấy hổ thẹn. Tôi không sao chịu được cái cảm giác day dứt này, chỉ muốn nghĩ ra cách nào đó làm cho cô vui lòng.

Lúc này thấy cô có hứng thú với mấy con đế của tôi, bất giác tôi thấy cảm kích cô giáo vô cùng chỉ muốn tặng cho cô một con, bèn hỏi: “Cô thấy con nào giỏi nhất ạ?” Cô giáo tôi dịu dàng duỗi ngón trỏ chỉ chú đế mập mập đang đứng đưa sợi râu chui ra từ trong ống trúc. Tôi kêu thầm: “Sao ai cũng thích con này chứ!”

Trong sáu con đế của tôi, đẹp nhất nhưng không hiểu chiến nhất là con đế này. Tôi lần lượt giới thiệu từng con với cô: “Cô xem con này! Đầu của nó giống như hình quan tài, mỗi lần đánh nhau, chỉ cần một cái làm cho kẻ địch xây xẩm mặt mày, càng đấu càng hăng, phải dùng cổ để nhử cho nó nhả ra. Em thường cho nó uống nước gừng, trước giờ nó chưa từng thất bại. Em đặt tên cho nó là đầu sắt thường thắng. Con này gọi là phong hổ lười biếng. Cô xem trên người nó có nhiều vết thương mới vết thương cũ, nó luôn chiến thắng, không chỉ đá rất hăng mà còn không chịu đầu hàng...”

Cô đưa tay chải những sợi tóc ngắn lờm chờm như lông nhím của tôi hẳn là cô đang bối rối: “Nhà em, ấy... những người khác trong nhà em cũng chơi đá đế sao?” Hỏi xong, mặt đỏ bừng.

Tôi nói: “Không ạ! Nhưng cha em dùng binh pháp, cách dùng binh và cách đá đế giống như nhau”. Thấy cô bật cười, tôi càng thật thà, nói Tôn Tấn tự tiến cử với Tề vương là do nghĩ cách đi ngựa cho Điền Kỵ: ba con ngựa của Điền Kỵ thượng, trung, hạ đều lần lượt yếu hơn ba con ngựa thượng, trung, hạ của Tề vương. Sau khi dùng kế của Tôn Tấn lấy con ngựa ở dưới của mình đổi với con ngựa trên của vua, lấy con ngựa trung của mình đổi với con ngựa hạ của vua, lấy con ngựa thượng của mình đổi với con ngựa trung của vua. Hai ba ván đã thắng Tề vương năm trăm lượng vàng.

Tôi bỏ đầu sắt thường thắng vào trong chén sành, rồi giã nát mấy hạt tiêu, bỏ vào ống tre, xong lấy cây dao nhỏ, ép một lát gừng già thành nước nhỏ vào trong ống tre, sau đó bỏ đầu sắt thường thắng vào. Đậy lại, đưa ống tre cho cô, nói là tặng cô làm kỷ niệm.

Bất luận thế nào cô cũng không nhận, nói là: “Thứ nhất con đế như đầu sắt thường thắng rất khó bắt, thứ hai cô không biết chơi đá đế với người khác, có lấy cũng như không”.

Đúng lúc này, cha nhẹ bước vào phòng, cũng không biết ai đi báo tin. Lúc nhập học, cha đưa tôi đến lớp, cha đã gặp cô chủ nhiệm lớp D rồi. Cha mời cô đến phòng khách, tự mình pha một tách Tây Hồ Long Tỉnh, bưng đến trước mặt cô, nói lời xin lỗi: “Con bé quấy phá trong lớp là do gia giáo bất nghiêm, trách nhiệm là ở tôi. Từ nay về sau tôi nhất định quản giáo con bé nghiêm ngặt hơn”.

“Quản giáo nghiêm ngặt hơn?” Cô đột ngột đứng dậy, trân mắt nhìn cha tôi, bình thường chúng tôi nghịch ngợm, cô giáo cũng nổi giận nhưng trước giờ tôi chưa từng thấy ánh mắt cô giận dữ như vậy. Lúc đó tôi đứng yên vì theo gia giáo nhà tôi: khi có người đến khiêu nại thì tôi đứng nghiêm chỉnh lắng nghe, khi họ tố cáo xong thì tôi phải cung kính tiễn họ xuống lầu, rồi quay lại chịu phạt.

Cô giáo vỗ vai tôi nói: “Em không cần phải ở đây, về phòng mình làm bài tập đi”.

Tôi nhìn cha, cha khoát tay: “Cứ làm theo cô giáo bảo”.

Học sinh lớp một chỉ có hai cuốn sách: Ngữ văn và toán học. Hai cuốn sách đó đối với tôi mà nói thì nhạt nhẽo vô cùng. Lúc rảnh rỗi, tôi tự mình ngồi nhà làm bài tập, các bài tập sau sách giải ra mấy đáp án. Khai giảng chỉ một tháng, bài tập trong hai cuốn sách đã làm xong một nửa. Đề toán đều được giải hết, từ mới trong các bài ngữ văn đều được tôi vận dụng đặt câu. Mỗi lần tan học về nhà, tôi chọn ra bài giáo viên chỉ định trong những bài tập đã làm xong từ lâu, chép lại lần nữa vào vở bài tập.

Chẳng bao lâu đã chép xong. Tôi đi tới đi lui trong phòng, trầm tư suy nghĩ xem nên tặng cô món quà gì.

Cuối tuần này, bạn học lớp D lần lượt tặng tôi rất nhiều quà: Liễu Phong Miên cắt giấy làm một tấm thẻ làm dấu trang sách, chẳng biết cậu ta cắt từ cuốn sách nào ra một bộ áo của người xưa rồi cắt tấm hình của cậu ấy từ vai trở xuống, dán bộ áo đó vào. Bên cạnh còn có một câu thơ cổ: “Thảo đường xuân thụ túc, song ngoại nhật trì trì”. Góc phải bên dưới còn ghi dòng chữ làm tôi dở khóc dở cười “con sâu ngủ tặng con

ngựa bất kham!” Ông của Liễu Phong Miên dạy ở trường tư thực, yêu cháu hơn cả chính bản thân mình. Trước khi Phong Miên đi học, đã học cổ văn với ông nội hơn hai năm. Hai chúng tôi là những học sinh học giỏi toàn khối 1 chẳng đứa nào nghe giảng cả. Nhưng cậu ta thì ngày nào cũng thích ngủ còn tôi thì ngày nào cũng hiếu động.

Lưu Kháng Sinh tặng tôi một cái nĩa, Trương Gia Lăng tặng một con chim sẻ, ngay cả Lý Á Linh bị tôi hại đến tè ra quần trong lớp cũng tặng tôi một cây bút lông cán đỏ. Trên thân bút khắc dòng chữ nhỏ “Mình đã quên bạn là một đứa bé hư rồi – bạn học Lý Á Linh”.

Quan Bảo Bảo tặng quà muộn nhất. Chiều hôm nay – sau khi tôi được chuyển đến lớp C một tuần mới tặng quà: lúc tan học, Quan Bảo Bảo đứng ở cổng trường chạy đuổi theo tôi, kéo cặp sách của tôi đi theo cậu ấy. Hôm mới nhập học, tôi biết Quan Bảo Bảo có một thói quen: đi chung với ai, cậu ấy đều tự nhiên yêu cầu: “Bạn nắm tay tớ, được không?” tôi nói “Cha tớ không cho tớ nắm tay người khác đi trên đường”. Cậu ấy nói “Cha bạn có cho người khác kéo cặp sách của bạn không?” Tôi đang do dự thì cậu ấy đã kéo quai cặp. Sau này hễ đi chung đường với cậu ấy thì cậu ấy luôn lôi quai cặp của tôi. Tôi không có lý do để cự tuyệt đành chiều theo cậu ấy.

Chúng tôi chạy đến ngọn núi sau bức tường bao quanh trường, Quan Bảo Bảo cởi cặp của cậu ấy máng lên vai tôi, rồi cởi cái áo nhung dày cộm của mình, mấy cái áo đều cởi ra hết để lộ một thân hình mập mạp trắng trẻo: cậu ta vẫn mặc yếm! Lần đầu tiên trong đời tôi nhìn thấy vật này, ngạc nhiên trở mắt nhìn. Quan Bảo Bảo hai tay chống nạnh, ưỡn cái bụng tròn vo, dương dương tự đắc nói: “Nhìn cho kỹ, nhìn cho kỹ, có đẹp không? Chắn chắn rất đẹp”.

Cái yếm đó được cắt từ một miếng vải dày dệt bằng tay, rồi nhuộm bằng nến, nhuộm theo cách cổ truyền, xung quanh viền tử mễ, thêu hoa, ở giữa thêu một chú cá chép đang phóng lên, rất sống động.

Gió Bắc thổi qua, Quan Bảo Bảo lúc đó run cầm cập, vẫn ưỡn ngực hối thúc tôi: “Mau sờ đi, mau sờ đi! Thích không? Chắn chắn rất thích”.

Tôi tới gần sờ vào cái yếm, nhưng nhìn thấy cậu ấy lạnh đến khắp người nổi da gà thì vội vàng kêu cậu ấy mặc áo vào.

Quan Bảo Bảo cởi yếm ra, mặc từng cái áo vào, lấy cặp sách, cả cặp của tôi nữa rồi nói: “Đến phiên cậu đấy, mau, mau cởi áo ra!” Thấy tôi vẫn đứng như phỗng, cậu ta bèn ra tay, bỏ hai cái cặp xuống đất, đến cởi nút áo tôi.

\*

\*\*

Tôi đẩy một cái, Quan Bảo Bảo va vào tường, hệt như một cái bánh nướng, mặt cậu ta trắng bệch, lập tức rưng rưng nước mắt, nói: “Tại sao bạn đánh mình?”

Tôi càng mơ hồ hơn: “Sao cậu cởi đồ của tớ?”

Quan Bảo Bảo lấy hai tay sờ đầu nói: “Bạn đánh đầu mình u một cục, mẹ mình biết thì đau lòng lắm!” Cậu ta cắn môi dưới, không để cho nước mắt trào ra. Nhưng cuối cùng thì nước mắt cũng rơi xuống. Cậu ấy không cắn môi dưới nữa, vừa xuýt xoa đau vừa nói với tôi: “Mình nói với mẹ, cậu bị chuyển đến lớp C. Chủ nhiệm lớp C thích phạt cậu đứng ngay cửa lớp. Sợ cậu bị gió thổi lạnh, mình nói mẹ may cho cậu một cái yếm. Bạn mặc vào sẽ không sợ lạnh... ải dà... mẹ bảo mình mặc thử cho cậu xem, nếu cậu thích, mẹ nói, thì hôm nay mình sẽ tặng cậu...”

Tôi rất đau lòng, vội vã kéo cậu ấy ra khỏi tường, lấy lòng bàn tay ấn vào chỗ sưng của cậu ấy. Quan Bảo Bảo lại khóc. Tôi nhớ đến lời cha thường dạy bèn nói với cậu ấy: “Quan Bảo Bảo đừng khóc, anh hùng chảy máu không chảy nước mắt”.

Ai ngờ Quan Bảo Bảo hoàn toàn không thèm làm anh hùng mà còn bảo lại tôi: “Đau thì khóc, khóc mới bớt đau, khó chịu thì khóc, khóc rồi bớt khó chịu. Tớ vừa bị đau đầu vừa thấy khó chịu, tớ sợ mẹ nhìn thấy cục u thì đau lòng, lại sợ cậu đối xử hung dữ với tớ, trước giờ cậu đối xử rất tốt với tớ mà.” Nói xong, bật khóc nức nở. Ày!

Bạn tôi – Quan Bảo Bảo làm chuyện gì cũng rất thật thà, thẳng thắn. Bất luận là mặc quần hở đũng hay mút núm vú, hay là mời tôi đi bú sữa. Cậu ấy luôn đối với tôi rất tốt, cho dù tôi có bị phạt thế nào đi nữa.

Thoa nhẹ chấm của cậu ấy một hồi, tôi cảm thấy khối u đã bớt sưng bèn nói với Quan Bảo Bảo chỉ cần cậu ấy nhìn đau trước mặt mẹ, đừng đưa tay sờ chỗ u thì mẹ cậu ấy sẽ không phát hiện được đâu.

Cậu ấy đứng dậy nói: “Mình sẽ không khóc nữa. Cậu mau mặc yếm vào đi, nếu không ngày mai chủ nhiệm lớp C phạt cậu đứng thì sao”. Rồi vừa giúp tôi cởi áo vừa lải nhải: “Mẹ tớ nói cậu thông minh, sau này nhất định sẽ trở thành một người có học vấn cao, giống như cá vượt vũ môn vậy.” Cậu ta thở dài rồi nói tiếp: “Mẹ tớ nói cậu ốm quá vì không có ai cho bú sữa. Tớ nói với mẹ là cậu ăn cơm nhà ăn. Mẹ tớ nói cậu có thể

nói đầu bếp trước bữa cơm, lấy muỗng lớn chắt nước cơm. Cậu bỏ đường vào uống, rất bổ, không thua gì sữa mẹ đâu. Từ khi cô nói lên lớp không được uống sữa, ngày nào mẹ tổ cũng cho tổ uống nước cơm có đường đấy...”

Tôi nghĩ thầm, nếu tôi nói cho cha biết ý kiến này thì cha tôi nhất định nói mà không cần chớp mắt: “Con chuột không uống nước cơm cũng có thể sống, con chuột có thể sống thì con có thể sống”. Nhưng tôi không nói chuyện này với Quan Bảo Bảo, đừng nói Quan Bảo Bảo không hiểu được mà ngay mẹ cậu ấy cũng khó mà hiểu được. Nếu tôi nói cho hai mẹ con cậu ấy biết cách giáo dục của cha tôi thì hai mẹ con có nghĩ nát óc cũng không hiểu cũng như người Tứ Xuyên nghe tiếng Quảng Đông chẳng hiểu gì cả, cũng như cha tôi không thể hiểu được cách giáo dục con cái của mẹ cậu ấy vậy.

Cha nói với tôi: “Con người sống ở trên đời, điều quan trọng nhất là phẩm chất, sau đó mới đến tài năng”.

Lúc này nghe Quan Bảo Bảo nói lại những lời dạy của mẹ cậu ấy, tôi bỗng phát hiện ra rằng ngoài phẩm chất và tài năng, ở phương diện khác cũng có người quan tâm đến nỗi khổ của tôi thì cảm thấy rất dễ chịu. Tuy khi tôi năm tuổi bụng tôi đã quen đương đầu với gió Bắc nhưng nhận cái yếm của Quan Bảo Bảo, tôi rất cảm động.

Vì vậy tôi rất muốn tặng cho cô một món quà. Cha nói: “Quà tặng bạn bè nên tặng thứ gì mình thích nhất”. Cái mà tôi thích nhất, một là mấy con đế, hai là bốn ổ kiến vàng. Đế thì cô không cần rồi, mấy ổ kiến vàng thì tôi không thể bê nguyên ổ đập trước cổng nhà cô, hơn nữa tôi cũng không biết cô sống ở lầu trên hay lầu dưới...

Cuối cùng tôi nghĩ ra một ý bèn chuồn khỏi phòng. Trước mặt là hành lang dài. Bên phải hành lang là bức tường, bên trái là phòng khách rất rộng. Giữa phòng khách và hành lang ngăn bằng một tấm rèm bằng nhung. Cuối hành lang là cửa sau nhà tôi.

Tôi rón rén đi ngang qua tấm màn, từ khe hở của tấm màn tôi nhìn thấy một bên khuôn mặt của cha tôi. Tôi không ngờ, trước mặt một giáo viên trẻ như thế, cha vẫn biểu hiện nghiêm túc như học sinh vậy nhưng lần này tôi không dám cười. Tôi sợ phát ra tiếng động cha tôi sẽ phát hiện được, vừa không dám trốn ra ngoài vừa không dám quay vào nhà, đành phải ngồi ở đây hành lang càng lúc càng tối nghe cha và cô nói chuyện.

Cô nói: “... Con bé là một đứa bé biết giữ lời hứa, là học trò thông minh nhất của tôi...”.

Nghe cô nhận xét như vậy, tôi vô cùng ngạc nhiên! Vẫn chưa kịp định thần lại thì nghe cô nói với cha: “Ông đánh con bé nhằn tâm như vậy, tôi thật sự hoài nghi không biết con bé có phải là con ruột của ông không?”.

Mặt cha tôi đỏ gay. Tim tôi đập thình thịch, câu chuyện về người xấu từ lâu đã quên lãng nay lại tuôn ra lộn xộn trong đầu, lúc đó những ký ức trong đầu cứ xoay chuyển liên tục, vừa rõ ràng vừa mơ hồ. Nhưng cha chẳng nói gì cả, châm thuốc hút.

Cô rất giận, nói: “Tôi muốn gặp mẹ của cô bé nói chuyện”. Rồi đứng lên.

Cha nói: “Cô giáo, tôi xin cô đừng nói những chuyện này với vợ tôi”. Cha châm thêm nước vào tách của cô rồi nói “Xin cô ở lại một chút”.

Ba lời bốn chuyện, cha kể cô nghe về thân thế của tôi. Cha nói: “Sau khi con bé trở lại Trùng Khánh, tính tình trở nên kỳ lạ vô cùng, thà chơi với trùng với kiến chứ không muốn nói chuyện với cha mẹ. Vì vậy, vợ tôi rất đau buồn, luôn cảm thấy có lỗi với con bé. Tôi tự mình giáo dục con cũng là mong muốn con bé sẽ trở thành một người kiên cường. Ấy, ngọc không mài không thành khí...”.

“Ngọc gì chứ, ông cứ dùng chổi lông gà mà mài ngọc sao? Tất cả ngọc đều được ông mài đến rách da lòi thịt giống như cô học trò này của tôi sao?”.

“Dạ?” cha tôi ngạc nhiên, nói khẽ “Dạ, để tôi nghĩ xem”.

Thấy vị quân nhân từng đầm máu chiến trường này ngoan ngoãn như Quan Bảo Bảo lại thấy cái vẻ không buông tha của cô giáo bình thường vốn hòa nhã dễ gần, tôi khó khăn lắm mới nhìn được cười. Trong lòng nghĩ: “Cha à, ngoài con ra thì cha còn có thể đánh ai chứ? Lệ Châu ra vào nhà đều đi cùng với mẹ, Khả Khả ốm yếu như con giun vậy. Cha lúc nào cũng chỉ biết trừng trị con”, tuy tôi không tin chắc tôi là con ruột của cha nhưng nghĩ đến việc cha bị cô trách cứ, tất cả đều do tôi ngộ nghịch mà ra thì cảm thấy cha bị oan. Ai ngờ cha suy nghĩ một lúc rồi nói những lời làm tôi vô cùng ngạc nhiên: “Tôi còn có một đứa con trai do học tập ngộ nghịch nên bị tôi đánh mấy lần...”

Sao cơ? Tôi còn có anh trai sao? Có mấy người? Sao trước giờ chưa từng gặp mặt, cũng không hề nghe ai nhắc đến? Tôi biết dù thế nào tôi cũng không thể hỏi cha mẹ, đành phải kiên nhẫn chờ đến cuối tuần để hỏi em gái. Hề nghĩ đến việc anh trai cũng bị đòn, tuy trước giờ chưa từng gặp nhau nhưng cũng cảm thấy

có chút thân thiện.

Đột nhiên nhớ lại cha từng nói “nghe lén người lớn nói chuyện là không có đạo đức” tôi vội vàng ba chân bốn cẳng chạy đi.

Chạy đến cổng sau tìm anh Tiểu Mã. Anh ấy là cảnh vệ quân của cha tôi. Một vài lời trình bày xong lý do, nhờ anh ấy đến nhà bếp tập thể lấy một chén đường trắng, nửa cái hộp quet. Lúc đó thật buồn cười, người Trung Khánh luôn thêm từ dương vào trước từ chỉ đồ vật như: diêm quet thì gọi là dương hỏa, xà phòng thì gọi là dương giảm, xi măng thì gọi là dương khôi, dầu lửa thì gọi là dương dầu, tiếng nước ngoài thì gọi chung là dương văn, người nước ngoài gọi chung là dương nhân – trừ người Liên Xô ra, gọi là anh trai cả Liên Xô, nếu là nữ thì gọi là “anh trai cả Liên Xô nữ”, văn tự Liên Xô không gọi là dương văn mà gọi là Nga văn. Tôi vẫn chưa quen với thói quen gọi dương dương gì đấy. Yêu cầu của cha đối với việc đặt câu dùng từ của tôi vô cùng hà khắc. Đừng nói là các sự vật Trung Quốc thông thường thậm chí là các loại súng pháo. Khi tôi gấp gấp cũng phải gọi đúng tên. Ví dụ như “Cây súng này gọi là Browning” hay “Đây là súng lục”, “Đây là súng cối”...

Tiểu Mã đưa tôi đường, hộp quet. Rồi tôi đi lượm một đồng vỏ tre, mang đến cửa trước nhà tôi. Tiểu Mã không an tâm nên luôn đi theo canh chừng tôi. Tôi lượm mấy hòn đá, mảnh chén bể xếp thành hình cái lò. Cha từng dạy tôi cách đặt lò, dù gió thổi thế nào tôi cũng có thể nhóm được lửa. Tôi pha ít đường vào nước, đặt chén trên lò, đốt lửa để nấu. Khi thấy đường chảy thành chất sền sệt thì tắt lửa. Rồi lấy một thanh tre nhỏ kẹp bên hông chén, sau đó từ từ nghiêng cái chén, nước đường từ từ chảy xuống qua thanh tre. Tôi lấy chất đường sền sệt đó viết thành chữ trên phiến đá bên đường. Đổ nước đường xong, tôi yêu cầu Tiểu Mã giúp tôi trả lại chén, nói rằng sợ người đi đường đạp hư chữ.

Tôi lại đốt một thanh tre, chạy đến miệng hang của bốn ổ kiến hun khói. Các chú kiến vàng của tôi đã quá quen với tín hiệu này. Hai năm nay hề tìm được đồ ngon thì tôi đều thông báo với chúng bằng cách này.

\* \*

Tiểu Mã từ nhà bếp công cộng quay lại, còn gọi thêm mấy người nữa đến xem gây náo nhiệt.

Trời vẫn chưa tối, nước đường đã khô, những chú kiến nhỏ giống như những người lính, nối đuôi nhau, xếp thành bốn hàng đi từ chân tường đến phiến đá, quyết tâm tiến về phía trước, vừa tiếp xúc với đường thì vội vàng tản ra, giống như có người hướng dẫn bày binh bố trận. Và một lúc sau, từng nét chữ bằng đường đầy các chú kiến vàng, tạo ra một bức tranh vô cùng sống động.

Người đến xem càng lúc càng đông, kẻ đứng người ngồi, tất cả nhìn chăm chú và thích thú. Bọn trẻ thì hào hứng vô cùng, binh lính thậm chí quan quân cũng không ai muốn nghiền chết bất kỳ con kiến nào. Xem tình hình, này hầu như kiến vàng trong ổ đã ra cả. Tôi làm bạn với chúng đã hai năm nhưng chưa từng thấy cảnh tượng hoành tráng như vậy...

Không biết ai kêu lên một tiếng “hay!” mọi người cùng hò reo. Tiếng khen ngợi vừa lắng xuống, Tiểu Mã chỉ về phía cửa nhà tôi nói: “Đây là quà tặng cho cô ấy”.

Mọi người quay lại nhìn, thấy một cô gái thanh tú, đang đi cùng với cha tôi, leo từng bậc thang xuống. Cuối bậc thang là con đường đá này. Những người quay quanh lục đục đứng dậy nhường đường cho cô giáo, vốn dĩ mặt đường do bị bóng người che tối giờ đây hắt ra một thứ ánh sáng mềm mại.

Cô giáo nhìn thấy những chữ đó, lúc này bỗng có người cất giọng trầm bổng réo rắt, vang và rõ nói với cô: “Sông Gia Lăng nước sâu ngàn thước cũng không bằng tấm lòng cô giáo dành cho ta”.

Mặt cô đỏ ửng, đỏ đến cổ, đỏ đến tai. Mắt cô rất to, lúc đó sáng long lanh, cô nhìn chăm những chú kiến của tôi.

Hàng chữ kiến này, vui nhộn như vậy, nhiệt tình như vậy, lại khí thế mạnh mẽ như vậy. Lúc này, chúng đang ở dưới chân cô giáo, sáng lấp lánh, tiến thẳng về phía trước. Chúng tập trung tất cả sự kính yêu, áy náy và cảm kích của tôi dành cho cô giáo.

Tôi và cha tiễn cô ra cổng.

Cô giáo đi rồi. Cô men theo con đường núi ngoằn ngoèo ban nãy. Đến nay, tôi vẫn còn nhớ như in hình bóng của cô lúc đó: dây nơ trắng thắt hình bướm bướm, bộ đầm vải trắng, bím tóc đen óng ả, giày vải đen - trang nhã như phong thái của cô vậy, giản dị như một đạo lý và tốt đẹp như một ước nguyện. Tôi dõi theo chiếc đầm trắng của cô đang tung bay trong gió và bóng cô khuất dần trong ánh chiều tà, tôi cảm thấy thật thanh thản.

Trên đường về, mới đi được vài bước, cha đột nhiên bỗng tôi lên. Từ khi bị tôi cắn mấy lần vào cái hôm tôi đến Tứ Xuyên lúc 5 tuổi, cha không còn ẵm tôi nữa. Lúc đầu, là do tôi căm ghét cha, và lại sau khi cha cho bảo mẫu về, tuyên bố cha sẽ tự mình quản giáo tôi thì giữa hai cha con không còn cái gọi là “ẵm một chút”

nữa. Lúc đầu được cha ẵm, tôi vô cùng ngạc nhiên, chưa kịp hiểu chuyện gì, thì cha đã đưa tôi lên cao khỏi đầu, sau đó, cha đưa hai tay đỡ nách tôi, rồi ngấm ngấm đưa con gái tinh quái của mình.

\* \*

Tôi được đưa lên cao, đối diện một khoảng cố định với cha. Tôi không muốn được đưa lên quá cao nhưng cũng không muốn bỏ qua ánh mắt của cha: ánh mắt cha sâu thẳm, tràn ngập yêu thương. Ánh mắt ấy làm tôi vừa thấy lạ lẫm vừa thấy thân thuộc.

Sau đó, cha mà không cần biết tôi có bằng lòng hay không, nới sải bước dài đi về phía trước. Cha có một chân bị thương trong một lần chiến đấu với quân Nhật nên ngắn hơn chân kia 2mm. Khi đi bộ, hơi lắc lư ý vị, thêm khuôn mặt kiên định được mài giũa trong chiến tranh làm tôi cảm thấy cha không phải là lục quân mà liên tưởng đến những vị thuyền trưởng trong cuộc hải chiến, rồi liên tưởng đến rất nhiều cảnh tượng trên chiếc thuyền Cửu Long, Hương Cảng mà lúc nhỏ mẹ dẫn tôi đi, hồi tưởng lại thời kỳ vui vẻ khi người lớn đuổi theo đút cơm. Tuy tôi chỉ bảy tuổi nhưng cảm thấy bề dâu tang thương hôm qua, hôm nay là chuyện thường tình. Mặc tôi nghĩ gì trong lòng thì cha vẫn cứ đi như thế làm cho tôi cứ dao động giữa quá khứ và hiện tại không sao phân rõ được.

Mãi đến tối, tôi vẫn còn cảm thấy khó chịu. Rồi nghĩ đến lời của Quan Bảo Bảo “đau thì khóc, khóc rồi thì không đau như vậy nữa, khó chịu thì khóc, khóc rồi thì không còn khó chịu nữa” thì quyết tâm không làm anh hùng nữa mà làm một kẻ hèn nhát. Thế là tôi kéo mền trùm qua đầu, dụi mắt một hồi mà vẫn không ra giọt nước mắt nào. Tôi không còn khóc được nữa rồi! Bản thân cảm thấy vừa tức vừa buồn cười. Dụi mãi tuy không khóc được, nhưng cũng không còn khó chịu như vậy nữa. Tôi thò đầu ra khỏi chăn, đọc nhẩm một bài “Vĩ Tướng Bát Kỵ” (tám điều kỵ đối với người làm tướng) của Chu Cát Khổng Minh, trầm tư suy nghĩ xem trong lịch sử những người nào là người tuy chiến bại nhưng vẫn được ngưỡng mộ và noi theo – đây vốn là đề tài mà cha ra cho tôi lúc ăn tối, sau ba ngày phải có câu trả lời.

Một lúc sau, như thường lệ, tôi thanh thản chìm vào giấc ngủ trong sự rối rắm phức tạp của các nhân vật lịch sử và nhân vật trong truyện thiếu nhi.



**C**ó một hôm, giáo viên chủ nhiệm mới biểu dương tôi: “Xem ra em đã nhận ra lỗi lầm trước đây của mình rồi, trong giờ học rất giữ kỷ luật. Thực ra em có thể ngồi xuống nghe giảng”.

Tôi nhìn cô, không nói cho cô biết mấy cái nhọt trên mông tôi rất cứng, ngồi xuống sẽ ép chảy máu. Tôi không nói tiếng nào, vẫn đứng tựa vào tường.

Mấy hôm sau, cô giáo lại biểu dương tôi: “Bài kiểm tra của em rất tốt, rất sạch sẽ. Xem ra em rất chăm chỉ học”. Rồi lại ôn hòa nói: “Ngồi xuống nghe giảng đi”.

Lúc đó, nhọt trên mông tôi đã lành nên tôi ngồi xuống nghe giảng. Tôi lùn nhất, ngồi hàng đầu.

Vừa ngồi xuống đã thấy không tiện.

Bài học có thể nghe chiếu lệ được vì thực tế không có gì mới nhưng đứng tựa vào tường thì khi lên lớp có thể nhìn mặt của từng người. Vừa tan học thì tôi tìm các bạn lớp D, rồi miêu tả một cách sinh động hành vi, tiếng cười của một bạn trong lớp C. Đến giờ giải lao ngày hôm sau, thì một bạn ở lớp D dựa theo lời miêu tả của tôi để chỉ ra người được miêu tả trong lớp C. Nếu đoán trúng có thưởng. Ngày thứ ba đoán một người mới. Đoán sai sẽ bị phạt, tay chân chống đất cong người làm ngựa cho mọi người nhảy qua, luôn cảm thấy rất vui.

Nhưng ngồi xuống thì không còn vui nữa. Khi tôi còn là học sinh tiểu học, thì đến giờ học mọi người đều ngồi nghiêm chỉnh, rất khó nhìn ngang nhìn dọc. Vì vậy lúc lên lớp, thời gian trôi qua một cách khó nhọc làm tôi rất khó chịu. Khi được ngồi xuống học bài thì lúc tan học, trò chơi đoán người của các bạn lớp D cũng kết thúc. Điều này làm tôi cảm thấy có lỗi với các bạn ấy.

Để bù đắp, tôi kể cho các bạn ấy nghe những chuyện không nghe được trên lớp. Đó là những câu chuyện mà cha kể cho tôi nghe. Các bạn rất thích nghe những chuyện như Tín Lăng Quân cướp phù cứu Triệu, như Kinh Kha hành thích Tần Thủy Hoàng, như Tiêu Hà Nguyệt hạ truy Hàn Tín, như Gia Cát Lượng bảy lần bắt Mạnh Hoạch...

Người nghe kể chuyện càng lúc càng đông, lớp C cũng có bạn tham gia nên số người kể chuyện càng ngày càng nhiều. Trẻ con có cái tốt, cái xấu của trẻ con, nếu thấy chuyện không hay thì lắc đầu khua tay la lên ngay “không hay, không hay, đổi chuyện khác đi”.

Tôi luôn là người bị ngắt lời nhiều nhất. Sa Khai Yến không bao giờ bị ngắt lời vì chuyện của bạn ấy rất hay, luôn là những chuyện đại loại như “Công chúa Bạch Tuyết”, “Nàng Út”... được các bạn nữ rất thích, vừa nghe vừa tấm tắc khen, ngưỡng mộ công chúa vô cùng...

Trần Cổ Hi, một cuốn chính kinh, luôn nói những chuyện như “Ngọa băng cứu lý”, “Quách Cự Táng Tử”... giống những lời giáo huấn thầy dạy chúng tôi, khiến mọi người nhìn nhau lăm lét, đối với những hành vi hiếu thảo vừa kính phục, vừa run rẩy sợ hãi...

Người kể chuyện hấp dẫn nhất là Liễu Phong Miên. Chuyện của bạn ấy luôn liên quan đến ma quỷ. Liễu Phong Miên hay ngủ gục trong lớp nhưng hễ tan học thì tinh thần vô cùng tỉnh táo. Bạn ấy nhái theo tiếng quỷ gào thét làm cho đám học trò lớp một nghe sợ dựng cả tóc gáy.

Lúc chúng tôi kể chuyện, thường trốn ở sườn núi phía sau bức tường vây quanh trường. Trên dốc có mồ mả, có hoa có cỏ. Điều kỳ lạ là khi Sa Khai Yến kể chuyện công chúa hoàng tử chú lùn, mọi người cảm thấy dốc núi này vô cùng thân thiết nhưng hễ Liễu Phong Miên mở miệng thì từng cọng cỏ nhánh cây ở đây gần như trở nên ma quái, vòng người quây quanh càng lúc càng thu hẹp lại. Mấy bạn như Lý Ái Linh và Quan Bảo Bảo vẫn thường hét toáng lên nhưng vừa sợ lại vừa muốn nghe. Mỗi lần nghe xong phải có người đưa về nhà.

Tôi đã được cha huấn luyện thành một người vô thần. Đêm hôm khuya khoắt cha bắt tôi đi ra bãi tha ma để luyện lòng can đảm. Nơi đó có người chết, có chó hoang, có ếch nhái, có rắn bốn chân, còn có những cây cỏ dại cao bằng đầu người... Khi trời mưa sấm chớp thì những thứ đó trở thành những hình thù ghê gớm, đáng sợ, gặp đêm thanh vắng thì những đốm ma trôi bay phất phơ trong đêm tối, luôn cảm giác như những bóng ma chập chờn lúc ẩn lúc hiện, thực không phải là nơi để chơi đùa. Nhưng cha nói với đứa con gái của mình lúc đó vừa được sáu tuổi: “Quỷ cũng sợ thì còn làm người gì nữa chứ?”, đi được mấy lần thì sự can đảm càng lớn, không biết trên thế gian này có gì đáng sợ nữa. Không còn biết sợ là gì nữa.

Tuy Liễu Phong Miên tin có ma quỷ nhưng bạn ấy không sợ ma quỷ: “Ông mình nói chỉ cần không tham, không gian, không hại người thì ma quỷ sẽ không đụng đến mình”. Nói xong đạo lý ấy thì khuyên những người bạn không tham không gian không hại người của mình đừng sợ, khuyên tới khuyên lui, thấy

các bạn vẫn sợ lạnh cồng chân tay thì thở dài: “Kể như nhược không thể dạy được!” Sau đó đứng dậy phủi đất bám trên người nói: “Thôi được, bây giờ đưa các bạn về nhà”. Thế là người được đưa về và người đưa về nối đuôi nhau đi mà trong lòng vẫn còn sợ.

Nhìn thấy những khuôn mặt sợ hãi dù đã có người đứng trước đứng sau nhất là Quan Bảo Bảo, móng tay của bạn ấy kéo cặp sách của tôi, lo sợ đến trắng bệch, tôi cảm thấy bản thân có trách nhiệm rất lớn, dù không tin, cũng mong sao phía sau cái cây nào đó có một con ma nhảy ra, tôi sẽ bắt nó quy hàng và bắt nó phải xin Quan Bảo Bảo tha thứ.

Vì chuyện này mà tôi rất khâm phục Liễu Phong Miên. Có một buổi sáng, bạn ấy chạy đến cửa lớp C của chúng tôi, ngoắc tôi ra, đưa cho tôi một cuốn sách nói: “Xem xong trả tớ” rồi chạy về lớp D.

Đó là cuốn “Liêu Trai Chí Dị” của Bồ Tùng Linh. Tôi mới hiểu thì ra những chuyện ma quỷ bạn ấy kể đều lấy từ trong sách này ra. Thế là sau bữa cơm tối, rủ trẻ con ở đại viện, lén vào rừng trúc nghe kể chuyện ma quỷ, vui vô cùng. Con nhà binh không sợ trời không sợ đất, chỉ nghe kể chuyện suông cảm thấy không đủ thú vị nên có người còn đề nghị hóa trang minh họa cho câu chuyện. Những ngày đó, trong rừng chuối, rừng trúc, ở góc tường luôn nghe tiếng ma kêu quỷ hờn, khóc dọa mọi người. Các bà các dì lúc đó không còn rảnh rỗi như trước ngồi dưới cây hoàng giác đàn áo, may giày mà tập trung lại học “kế hoạch năm năm”. Những phụ nữ từ lâu đã quen với việc ở nhà dạy con, bày long môn trận, mở miệng ra là “chủ nghĩa xã hội”, ngầm miệng lại là “kế hoạch một năm”, hăm dọa chuẩn bị kiến thiết đất nước.

Nhưng cha tôi chẳng có tư thái giải giáp quy điền gì cả, vẫn toàn tâm toàn ý, kiên trì dạy dỗ con gái trong binh thư chiến sử. Mỗi ngày khi gà gáy, đốc thúc tôi luyện quyền cước, sau đó tôi đi tản bộ, còn cha đi bơi. Lúc hoàng hôn thường bắt tôi quần túi cát lên hai chân theo cha lên gò.

Cha thích sông thích núi. Có lúc cha con tôi cùng nhau chạy đến bên bờ Trường Giang, cha lặn ngụp trong con sóng, tôi nhìn Trường Giang mênh mông sóng sau xô sóng trước, gầm thét dữ dội rồi ào ào phóng về phía trước, trong lòng cảm thấy hoảng sợ. Cha giống như cá gặp nước, rất tự do tự tại, cha có biệt hiệu là “thủy quái”. Cha nói “Người nhân nghĩa thích núi, người trí tuệ thích nước”. Trước giờ tôi không thông minh bằng cha mẹ lẽ nào cũng có liên quan đến việc sợ nước sao? Tôi thích cùng cha lên núi. Thường ở trên đỉnh núi, cha bảo tôi đứng xa cha, ngược gió, lớn tiếng đọc tác phẩm của Tô Thức, Trần Lượng... Và lại phải ngẩng đầu ưỡn ngực nói “đọc những lời anh hùng thể hiện chí anh hùng mà trong lòng không hiểu cảnh ý anh hùng là chuyện khinh miệt anh hùng”.

Có một buổi chiều, trong rừng tùng ráng chiều ánh rực trên đỉnh núi, cha kể tôi nghe chuyện Nhạc Phi: “Anh hùng không dễ rơi lệ nếu chưa đến lúc thương tâm”. Gần đây, tôi mới phát hiện mình mất hơn hai năm khó khăn lắm mới làm được lời dạy của cha “thà đổ máu chứ không rơi lệ”. Bây giờ lại nghe cha nói anh hùng đến lúc thương tâm cũng có thể rơi lệ thì lấy làm ngạc nhiên, vội hỏi: “Có phải vì thương tâm, anh hùng cũng có lý do để khóc không cha?” Cha nói: “Nếu vì chuyện thương tình, anh hùng không thể khóc, nếu vì chuyện anh hùng, người bình thường cũng có lý do để khóc”. Thấy tôi vẫn không hiểu, cha bèn nói: “Chẳng hạn Triệu Tử Long trong trận huyết chiến ở Trường Bản một mình cứu thoát A Đẩu, giao tận tay Lưu Huyền Đức. Lưu Huyền Đức nước mắt đầm đìa. Nếu vì con trai sợ hãi mà khóc thì vô lý nhưng ông ta vì thương cảm mà khóc thì khóc như vậy là hợp đạo lý”.

Thấy tôi vẫn còn hoang mang, cha bèn bảo tôi về nhà đọc “Trần Tình Biểu” và “Xuất Sư Biểu”, đó gần như là đá thử vàng nghiệm chứng xem con gái cha có thể trở thành anh hùng hay không. Cha cho rằng “đọc Xuất Sư Biểu mà không khóc là bất trung, đọc Trần Tình Biểu mà không khóc là bất hiếu.”

Mỗi lần đọc “Trần Tình Biểu” là tôi lại khóc nhất là khi nghĩ đến ơn dưỡng dục của cha mẹ tôi ở Thương Cảng càng hiểu được tấm lòng hiếu thảo của Lý Mật, nhưng đọc “Xuất Sư Biểu” thì không làm sao khóc được cho dù tôi rất khâm phục Gia Cát Khổng Minh. Cha trầm ngâm nói: “Dù cha hay đánh con nhưng sau này con nhất định là một đứa con hiếu kính, tuy nhiên điều quan trọng là phải tận lực tận tâm, hết mình đối với Tổ quốc, đối với nhân dân, cúc cung tận tụy, lấy Chu Cát Võ Hầu làm gương. Thực ra, khi không thể trọn vẹn cả trung lẫn hiếu thì con có thể bỏ hiếu lấy trung. Ta và mẹ của con dù thế nào cũng không trách con đâu”. Sau này lớn lên, quả nhiên tôi làm việc rất tận tâm tận lực, luôn dùng những lý lẽ hùng hồn để biện minh cho việc mình bỏ qua nhiều cơ hội báo hiếu, mãi đến khi mẹ bị bệnh hiểm nghèo nằm trên giường bệnh, tôi như sét đánh ngang tai, ruột đứt từng đoạn. Đó là năm 1987, năm đó tôi đang dạy ở trường trung học, làm chủ nhiệm lớp. Từ bệnh viện trở lại giảng đường, cảm thấy đau đớn mà nói với học trò rằng “Nếu các em không hiếu kính với cha mẹ thì không có tư cách để nói báo đáp Tổ Quốc. Dù các em có thực sự vì nước vì dân làm được việc nhưng không tận hiếu với cha mẹ, thì khi cha mẹ qua đời rồi chúng ta sẽ phải nếm trải sự đau khổ, dằn vặt mà bất kỳ thành tích to lớn nào cũng không thể che đậy được cảm giác hối hận, giày vò đó!”. Cho đến ngày hôm nay, tôi vẫn không dám nhìn di ảnh của mẹ, hàng ngày thỉnh

thoảng hồi tưởng lại, và những ý nghĩ miên man này mà bật khóc nức nở.

Tôi ở lại lớp C. Tôi vẫn không hiểu được vì sao mọi người không cho tôi trở lại lớp D.

Nhưng từ khi cô chủ nhiệm lớp D đến nhà tôi, chiều chiều cha thường dẫn tôi ra ngoài tản bộ. Theo thể núi thể nước, cha giải thích tường tận cho tôi nghe về chiến thuật chiến lược. Nghe cha nói chuyện chiến tranh là một thú vui. Bất luận là sống, chết, thắng, bại khi được cha kể đều trở nên vô cùng sống động.

Những gì cha đã kể, cha thường bắt tôi kể lại. Cha rất hài lòng về trí nhớ của tôi. Điều khiến cha không hài lòng là tôi xem trọng tính cách của nhân vật hơn binh pháp. Ví dụ nói, có một lần cha kể, Hạng Võ trói cha Lưu Bang đem ra trước trận chiến, nói muốn nấu ông ta lên ăn nhưng Lưu Bang cười to, muốn “chia một chén canh”. Tôi hỏi cha: “Nếu Lưu Thái Công bị giết thật thì Lưu Bang có uống chén canh nấu từ thịt của cha mình không?”.

Cha nói: “Lưu Bang đương nhiên biết chắc rằng cha mình sẽ không bị giết nên mới nói như vậy”.

Tôi vẫn không cam tâm: “Nhưng, nếu lỡ Lưu Thái Công bị giết thật thì lúc đó Lưu Bang sẽ làm sao? Ngắt đi hay rút kiếm tự vẫn?”

Cha không còn kiên nhẫn nữa: “Đây là sự thật lịch sử, không thể thay đổi, sao có thể giả thuyết lộn xộn như vậy?”. Thấy tôi bức bối, cha bồi thêm một câu: “Nếu Lưu Bang không nắm chắc hành tung của Hạng Võ thì ông ấy không thể có được thiên hạ”.

Tôi vội hỏi: “Cha, Lưu Thái Công có lẽ không biết con trai mình cao minh như vậy, nên nhất định ông ấy không biết được của Hạng Võ, đúng không?”

Cha nói: “Đúng”.

Tôi hỏi tiếp: “Như thế thì thưa cha, Lưu Thái Công bị trói nhưng khi đối diện với sự nguy hiểm mà còn nghe con trai mình lớn tiếng muốn ăn thịt mình thì trong lòng sẽ nghĩ thế nào?”

Thấy không thể giải thích cho tôi hiểu được, cha rất giận: “Con à, hôm nay chúng ta nói chuyện binh pháp. Tướng dùng binh phải biết mình biết người mới có thể trăm trận trăm thắng. Trong lúc Sở Hán tranh hùng, lúc đó Lưu Thái Công nghĩ gì trên thực tế không quan trọng. Điều quan trọng là Lưu Bang, Hạng Võ nghĩ như thế nào”.

\* \*

Tôi hiểu cha có lý nhưng trong lòng vẫn cảm thấy không thoải mái. Lúc đó, tôi bỗng nhiên cảm thấy Hán Cao Tổ lưu danh thiên cổ lại không bằng nàng mỹ nhân ngư bị biến thành bọt biển dưới ánh mặt trời, nhin không được nên buột miệng: “Hừm, một phần giang sơn có gì ghê gớm chứ? Lẽ nào không quan trọng bằng cha mình sao!”

Lúc đó cha ghen lời, không nghĩ ra được lời giáo huấn nào, chỉ biết ngồi hút thuốc.

Nhưng tôi bỗng thấy vui, nghĩ thầm: “Dù tôi do ai sinh ra nhưng tôi có hai cha hai mẹ, may mắn hơn Lưu Bang mà ngay cả cha mình suýt chút nữa cũng bị người ta nấu ăn”. Vả lại từ sau khi cô chủ nhiệm lớp D đến nhà thăm, gần một tháng rồi, tôi vẫn chưa bị đánh trận nào. Hầu như ngày nào cha cũng dẫn tôi lên núi thuyết giảng, để tôi biết có một Batorn tướng quân, biết một Napoleon tự cho mình là nhất trên đời vì sao lại bại trước dưới tay của Kutuzov chỉ có một mắt... Cha luôn miêu tả với tôi về một thế giới anh hùng nhưng con gái của cha lại không có chút biểu hiện nào mang lại quang vinh cho gia đình, cho tổ quốc mà hoàn toàn ngược lại: luôn mang đến phiền phức cho cha.

Tôi lại gây họa ở lớp C. Chuyện này do con chim sẻ gây ra.

Chim sẻ là quà của Trương Gia Lăng tặng tôi khi tôi chuyển lớp, em gái tôi rất thích. Cô bé mỗi cuối tuần trở về từ nhà trẻ luôn tắm cho con chim sẻ và lau rửa lồng chim. Tôi nói chim sẻ không phải là người, cô bé trừng mắt nhìn tôi, nói không chừng con chim sẻ này là một nàng công chúa xinh đẹp bị phép thuật biến thành một con chim sẻ. Cô bé mang thịt, rau đã nhai nát cho chim sẻ ăn, nói rằng ở nhà trẻ cô giáo quy định mỗi lần ăn cơm phải nhai mười hai lần mới có thể tiêu hóa được. Nhưng cha tôi bảo tôi ăn cả ăn thịt phải dùng sức của răng cửa nhai nát rồi nuốt. Tôi nghĩ mãi mà vẫn không hiểu vì sao, cha nghe em gái nói vậy lại không la rầy. Hai chị em tôi ai cũng giữ ý kiến của mình. Cha hút thuốc, cúi đầu đọc sách. Lúc đó tôi cảm thấy rất ngạc nhiên, em gái là con do cha sinh ra, điều đó không có gì đáng ngờ nhưng sao tính tình không giống cha tí nào? Tối chủ nhật trước khi đi ngủ, em gái luôn xếp thỏ xếp chim, lấy hồ tử mĩ dán xung quanh lồng trúc, nói là để chúng làm bạn với chim sẻ. Còn dặn dò tôi, những ngày em gái đi nhà trẻ tôi phải mang chim sẻ ra ngoài hít thở không khí trong lành. Thế là tôi mang nó vào rừng chuối rừng trúc nghe kể chuyện ma quỷ với chúng tôi. Ai ngờ có một ngày không biết cậu bạn nào mang con mèo mà chúng tôi thường chơi theo, đang kể chuyện hăng say thì con mèo chộp lấy lồng chim tôi treo trên cây. Lồng chim rớt xuống, con chim sẻ bị gãy một chân. Khi cha dạy tôi đánh quyền đã dạy tôi chăm sóc vết thương ngoài da như thế nào. Tôi theo cách cha hướng dẫn gọt hai mảnh trúc kẹp vào chân chim sẻ để chữa cho nó, rồi dùng giấy quấn lại. Tôi biết qua mười bữa, nửa tháng thì chú chim sẻ lại có thể chạy nhảy như trước. Sau đó tôi vót tre đan lồng nhưng đến tối vẫn chưa đan xong, đành phải buộc chân chim sẻ dưới chân giường của tôi. Ngày hôm sau trước khi đi học, thấy chú chim sẻ chắc đau quá nên lông bù xù, không sạch sẽ như mọi ngày nên tôi không an tâm để nó ở nhà một mình, sợ nó bị vướng dây hay bị mèo tha đi.

Có lần Lưu đại nương gửi cho một con gà đứng vào thứ bảy, tôi leo cây hái một đồng hoa hòe, em gái kết hoa thành vòng đeo vào cổ con gà, rồi kêu tôi đi xin củ cải đỏ. Cô bé cắt nó thành từng miếng mỏng năm cánh, trộn với đường cho con gà ăn, bảo nó ăn đi. Con gà bỗng trở nên ngoan ngoãn giống như em gái ở nhà trẻ (các cô giáo ở nhà trẻ mỗi ngày đều thưởng cho các em bé ngoan ngôi sao màu đỏ, em gái lúc nào cũng được thưởng). Em gái nói ăn đường thì cổ họng của con gà sẽ trở nên ngọt ngào, tiếng gáy sẽ hay giống như tiếng hát của mẹ vậy. Chiều chủ nhật, cha mẹ dẫn chúng tôi đi xem phim, xem phim xong trở về thì Lưu đại nương đã chuẩn bị xong cơm chiều: trong tô canh lớn có một con gà tần với cam thảo, điền, thất, thổ phục linh thơm phưng phức, em gái nhìn đồng lông gà khóc nức nở. Em gái tôi bình thường hay cười, hễ em cười là tôi lại nhớ đến cái chuông gió bằng đồng mà cha ở Hương Cảng tự chế. Ai mà ngờ được em gái không khóc thì thôi, nhưng khi em khóc thì thật đáng sợ. Tôi hí hửng chờ xem một người lính như cha tôi sẽ xử lý ra sao: chỉ vì một con gà mà khóc, nói thế nào cũng làm tổn thương anh hùng. Ai ngờ cha lại có hành động vô cùng kinh ngạc. Cha lấy cọng lông ngỗng to nhất trong cây phi tiêu mà tôi thường chơi với bọn trẻ, cắt một khúc rồi lại cắt thành bốn hướng, làm thành bốn chân lấy đồng tiền Khang Hi dùng vải quấn quanh, rồi cắm cọng lông ngỗng vào lỗ to giữa đồng tiền may lại, xong chọn trong những cọng lông đuôi gà đẹp nhất làm thành một quả cầu rất đẹp. Sau đó hồ hởi đứng sang một bên, xem mẹ dạy em gái đá cầu. Em gái lau nước mắt, đá cầu đến vã cả mồ hôi.

Sau khi em đi học, cha gọi tôi đến bên cạnh nói: “Có phải là con cảm thấy cha không công bằng, con khóc thì bị đánh, em gái khóc thì lại đùa không?” Tôi nói, tôi chỉ cảm thấy ngạc nhiên mà thôi. Cha nói: “Cha muốn con học võ, người thượng võ nhất định phải tôn trọng sự thật, cha muốn em gái học văn, người học văn phải có tính lãng mạn”. Tôi gật đầu tuy chẳng hiểu gì cả. Những ví dụ về binh pháp mà cha dạy tôi, nếu có chỗ nào không hiểu thì tôi phải hỏi cho hiểu, cha sẽ tận tình tìm nhiều tư liệu để giải thích rõ ràng cặn kẽ, nhưng đối với các vấn đề khác, cha chỉ giải thích là: “Tại sao ư? Vì cha cho rằng làm như vậy mới đúng”. Hay là “Tại sao ư? Vì cha cho rằng làm như vậy không đúng”. Sau này lớn lên, quả nhiên em gái học văn học như ý nguyện của cha, tôi thì không văn không võ, chạy xuống nông thôn làm ruộng. Những chuyện này là về sau. Lúc đó tôi chỉ sợ chim sẻ gặp bất trắc em gái sẽ đau lòng nên vào nhà vệ sinh lấy miếng băng dính lớn lột túi áo, đựng chim sẻ mang vào lớp.

Chim sẻ ngoan ngoãn học xong tiết thứ nhất. Nghỉ tiết, tôi chạy đến vườn thực vật của trường đào mấy con giun đất cho nó ăn. Trở về lớp học, đợi chuông chuẩn bị vào tiết hai reo, sau khi các bạn đều tập hợp ở sân vận động, tôi vội vàng mở nắp bàn giáo viên, bỏ chim sẻ vào trong rồi chạy ra sân vận động. Từ lâu tôi đã phát hiện bàn của cô chủ nhiệm lớp C hơi đặc biệt, bàn có nắp đậy. Bàn của cô giáo lớp D và bàn của các học

sinh đều giống nhau: tổng cộng có năm mặt, hở một bên, không có nắp đậy.

Vừa hết tiết thể dục, tôi chạy như bay vào lớp. Vừa vào đến lớp đã thầm kêu khổ: thầy toán chép đề kiểm tra lên bảng, dùng đinh ghim ấn giấy báo che lại, đang đứng giữ trên bục giảng. Sau khi vào tiết, thầy bảo cả lớp chuẩn bị giấy viết, sau đó xé tờ báo chuẩn bị bỏ vào học bàn. Đột nhiên, trong học bàn bay ra một sinh vật sống, đậu trên đầu một học sinh bàn đầu rồi bay đến đậu trên vai học sinh khác. Chú chim sẻ bị gãy chân bay không xa, bay không cao, cả lớp hào hứng chớp lấy, vô cùng náo loạn.

Cuối cùng nó cũng bị một nhóm bạn học tóm được. Tôi sợ các bạn bóp chết nó nên nhảy khỏi chỗ ngồi, đẩy đám bạn té xuống đất, giật lại con chim sẻ bị khiếp đến mắt trắng dã, giấu vào trong túi áo. Tôi luân phiên xòe hai bàn tay ra cho thầy giáo đánh chứ không chịu giao con chim sẻ ra... thế là lại một lần nữa cả trường tập hợp lại tuyên bố ghi nhớ tội của tôi, sau đó thầy trò toàn trường cất cao giọng hát “Chúng ta nhất định giải phóng Đài Loan”, tôi lại bị chuyển đến lớp B.



**C**hủ nhiệm lớp B cũng là giáo viên nữ, dạy môn Toán. Cô bảo tôi đứng ở cửa, nói một cách rành rọt với lớp: “Đây là Chung Lệ Tứ, học sinh lớp một nhỏ tuổi nhất nhưng quậy phá nhất trường này”. Cô động viên cả lớp giúp đỡ tôi trở thành người tốt, quy định tôi mỗi ngày đổi một chỗ ngồi, ai nói chuyện với tôi trong giờ học sẽ phải ở lại văn phòng sau giờ học chờ phụ huynh đến lãnh về. Sau đó kêu trực nhật đến đầu giờ vào lớp, nói tôi vì quá nghịch ngợm nên bị cha tôi đánh vào sưng mông. Tôi thấy cô chủ nhiệm lớp B nói rất đúng chỉ là không nên nói trước mặt các bạn học về chuyện cái mông của tôi, bèn đẩy trực nhật ra, cắn răng dương dương tự đắc nhảy đến chỗ cô giáo chỉ định.

Nhưng tôi không còn dương dương tự đắc được bao lâu nữa. Vì lớp B là một tập thể rất nghe lời giáo viên, không chỉ lên lớp không ai thèm ngó ngang đến tôi mà ngay cả tan học cũng chẳng có ai để ý đến tôi. Mỗi ngày tôi đến trường cứ mong đến giờ tan học, tan học thì có thể cùng các bạn lớp D kể chuyện cho nhau nghe.

Tôi ngày càng nếm trải sâu sắc mùi vị đau khổ khi bị cả tập thể hết lòng cô lập nên khẩn cầu cô chủ nhiệm lớp B chuyển tôi về lại lớp D. Cô nói: “Có thể nói học sinh là ổ khóa, giáo viên là chìa khóa, một chìa mở một ổ”. Rồi nói chiếc chìa khóa của chủ nhiệm lớp D không mở được ổ khóa của tôi, nói tôi sắp thành ổ khóa sắt rồi, phải mở mạnh tay mới được. Còn nói phàm là bởi vì học sinh nghịch ngợm được chuyển đến lớp cô trước giờ không được điều đi, hè đó cô giáo phải ở bên những học sinh đó đến khi tốt nghiệp. Thế là tôi bèn tìm mọi cách để cô giáo đuổi tôi đi.

Tôi tìm một sợi dây thun vừa dài vừa mảnh, nhẹ nhẹ buộc một đầu vào đuôi bím tóc của bạn gái phía trước, đầu còn lại cột chặt vào đầu đinh lộ ra trên mặt bàn. Lúc tan học, bạn gái đó không thể đứng dậy được nên hét lên. Sau khi tan học, cô giáo dẫn tôi đến nhà bạn ấy, muốn tôi trước mặt người nhà của bạn ấy nhìn nhận mình là học sinh lớp một trước giờ có lịch sử ngỗ nghịch nhất. Mẹ của bạn ấy chửi tôi như tát nước.

Nhưng cho dù thế nào, tôi cũng không thể ngồi yên lặng học những bài mà tôi đã biết từ lâu, ngược lại mong sao xảy ra chuyện lộn xộn gì đó để mỗi ngày không trôi qua vô vị như vậy. Thế là một hôm, tôi nhờ các thanh niên trong khu quân sự đại viện về nhà lấy cho tôi một đồng hồ quét không. Tôi hò hởi đi tìm những con sâu mập ú, bỏ mỗi hộp một con. Tìm cơ hội bỏ vào hộp bàn của các bạn trong lớp. Đợi khi các bạn phát hiện, người la, người khóc, người hét, có người sau giờ học còn tìm tôi đánh. Tôi thừa nhận việc mình làm trong lớp với cô chủ nhiệm: “Thưa cô, cô trả em về lớp D đi cô!”

Cô bảo tôi mang mấy con sâu đi, phạt tôi quét lớp mười lăm ngày vì có mười lăm con sâu. Lúc đó, tôi đã lần lượt đổi chỗ với tất cả các bạn trong lớp. Phụ huynh ùn ùn kéo đến trường, yêu cầu cô đừng để tôi ngồi cạnh con họ. Khi nói đến tôi, ai cũng không biết tên, chỉ gọi là: “Con ngựa bất kham đó”.

\*

\*\*

Đến nay tôi vẫn khâm phục sự bền bỉ của cô chủ nhiệm lớp B, không biết cô lấy ở đâu ra một bộ bàn ghế đơn dùng một mảnh ván đóng bàn và ghế lại với nhau để trước bục giảng của cô cho tôi ngồi. Thế là trong giờ học, tôi không còn cách nào quậy phá các bạn kể bên nữa. Nói tóm lại, cô chẳng hề có ý đuổi tôi đi, cũng không tìm cha tôi để kể tội. Thế là tôi có cảm giác “kỳ phùng địch thủ gặp nhau”. Cô nói với các đồng nghiệp của mình, cô phải mất năm mươi phần trăm tinh lực để quản giáo tôi, chỉ còn lại năm mươi phần trăm tinh lực để dạy dỗ các học sinh khác nhưng cô muốn quản tôi mãi cho đến khi tốt nghiệp tiểu học.

Một hôm tan học, cô chủ nhiệm muốn cả lớp về nhà ôn toán vì ngày mai có tiết dự giờ môn toán. Dự giờ có rất nhiều giáo viên đến tham quan, trao đổi phương pháp sư phạm. Thường những giáo viên có tiết dự giờ hay đặt ra những câu hỏi khó cho học sinh để các giáo viên dự giờ kiểm chứng xem phương pháp sư phạm đó có thành công hay không. Nhưng hỏi những câu hỏi khó thì giáo viên thường tìm những học sinh có thành tích học tập tốt trả lời câu hỏi. Tuy hành vi của tôi nông nổi nhưng thành tích học tập rất tốt, bất kỳ giáo viên nào có tiết dự giờ cũng muốn kêu tôi trả lời câu hỏi. Cuối cùng tôi cũng nghĩ ra cách để quậy phá.

Các bé gái ở Trùng Khánh thường hái hoa móng tay, giã nát đắp lên móng tay. Sau mấy tiếng đồng hồ, bỏ xác hoa đi, móng tay sẽ có màu đỏ, rất đẹp. Sau khi tan học, tôi tìm một đồng hồ móng tay mang về nhà. Trước khi đi ngủ, dùng khăn khô chà răng rồi đắp hoa móng tay đã giã lên, ngủ ngửa mặt. Hôm sau chạy bộ xong thì đến trường ngay không dám ăn sáng. Đến cổng trường, lấy xác hoa ra rồi bước vào lớp.

Quả nhiên cô kêu tôi lên bảng giải bài. Giải bài xong, tôi quay lại, đồng thời lấy tay banh miệng để lộ hai hàm răng màu đỏ, rồi đảo hai mắt lại nhìn sống mũi. Cả lớp lúc đó như nhìn thấy quái vật xuất hiện và

không ngừng la hét, kêu gào. Những tiết dự giờ bốn dãy bàn học thường được ghép lại ở giữa để hở ba phía, các thầy cô dự giờ ngồi tựa vào tường cuối lớp. Hôm đó cô giáo mang bộ bàn ghế của tôi sang phòng mộc, để cho tôi ngồi ở hàng cuối cùng. Sau khi làm bài xong tôi men theo tường đi về chỗ. Trên đường về chỗ cứ khoe cặp mắt gà chọi và hàm răng màu máu, chủ nhiệm lớp B giận đến tím mặt lại.

Tôi lại bị ghi thêm một tội nặng, bị điều đến lớp A.

**C**ử nhiệm lớp A là một bộ đội phục viên, thấp lùn chắc nịch, thầy không chỉ dạy Ngữ văn mà còn dạy môn thể dục.

Ngày đầu tiên, thầy không cho tôi vào lớp, kêu tôi đem cặp theo thầy ra hố cát, cạnh cái xích đu, thầy xem tất cả bài tập của tôi. Sau đó, chạy vào phòng phụ đạo, kiến nghị giáo viên phụ đạo cho tôi học vượt lớp. Giáo viên phụ đạo nói “không có tiền lệ này”, vả lại, khi tôi vào trường, còn thiếu ba tháng mới đủ tuổi đi học.

Người thầy xuất thân từ nhà binh này họ Đỗ. Thầy Đỗ chạy từ phòng phụ đạo về sân vận động, bảo tôi ngồi lên ghế xích đu, thầy cũng ngồi ở một cái xích đu khác, ngang hàng với tôi.

Thầy Đỗ dùng gót chân cọ trên đất, cái xích đu đung đưa. Thầy trầm ngâm một hồi, rồi chống chân ngừng đung đưa, hỏi tôi: “Bài tập trong hai quyển vở lớn đó đều do tự em làm hết phải không?”

Tôi gật đầu. Sau khi giáo viên chủ nhiệm đến nhà, ba mua cho tôi hai quyển tập thật dày, bảo tôi dùng bút lông làm cho hết các bài tập môn Ngữ văn và môn Toán. Khi thầy cho bài tập, bất luận là bài tập trên lớp hay bài tập về nhà, tôi đều lấy bút chì chọn trong quyển tập lớn rồi chép lại.

“Giỏi lắm”, thầy nói, vẫn ngồi trên ghế xích đu “Nhìn đây, em hiểu hết rồi, thế là lên lớp cứ không biết làm gì mới được. Thầy đã hỏi các giáo viên phụ đạo rồi, đều nói lúc em học nhạc, thể dục và hội họa biết giữ kỷ luật. Xem ra quậy phá trên lớp cũng hoàn toàn không phải do lỗi của em. Nhưng ảnh hưởng đến việc học của các bạn khác là không tốt. Giống như một người ăn quá no vậy, vừa ợ vừa rãi cát vào chén của những đồng bào đang bị đói, giống như không muốn cho người khác ăn vậy, thế thì rất tàn nhẫn, đúng không?”

Tôi gật đầu, cảm thấy thầy thật chân thành. Từ lúc vào học đến giờ, bị phê bình đối với tôi giống như ăn cơm bữa vậy nhưng chỉ có thầy Đỗ là ngồi trên ghế xích đu phê bình tôi, tôi thấy thầy đối xử với tôi giống như một người bạn chứ không giống như đối với một đứa học trò hư. Tất cả học sinh lớp Một đều tôn sùng thầy bởi vì nghe nói trước đây trong quân đội thầy là lính trinh thám.

“Thầy nghĩ, thầy có thể cho em các bài tập khác về môn Ngữ văn và môn Toán để em làm. Mỗi lần làm được bài, thầy sẽ dạy em một động tác mới”, thầy lấy tay quét cầu thăng bằng, rồi chỉ ngựa gỗ tay quay trong sân vận động, nói: “Thân thể em rất rắn chắc nên luyện tập thể dục chăm chỉ, dần dần, cái nhìn của em sẽ khác hơn”. Thầy cười nói: “Kèm theo điều kiện đấy - Một, nếu có một bạn nào trong lớp có bài tập Ngữ văn hay toán không hiểu, lúc tan học hay ngày nghỉ đều có thể đến hỏi em, nếu em trả lời không được thì phải chủ động nói với hai người trực nhật hôm đó, để họ về nhà, em ở lại làm vệ sinh lớp - Hai, bài tập thầy ra cho em, em phải cố sức làm cho hết, nếu một bài mà ba ngày vẫn chưa nghĩ ra, em có thể hỏi người khác nhưng phải trực nhật ba ngày”. Thầy rời khỏi xích đu, vỗ vai tôi nói “Được rồi, về nhà suy nghĩ những gì thầy nói. Hôm nay em không cần lên lớp”. Em có thể chọn. Hoặc là chịu phạt đứng trong lớp như khi em học ở các lớp khác, về nhà bị đòn, hoặc là em nghiêm khắc với bản thân mình hơn, đổi cách sống khác. Nếu em đồng ý đổi cách sống khác thì mai mang quyển tập lớn đến thầy cho bài làm”. Nói xong thì thầy đi thẳng về phòng làm việc.

Tôi nhìn theo bóng dáng chắc nịch của thầy, cúi người chào. Rồi vừa mang cặp đi về vừa ngược nhìn mặt trời khuất dần sau núi. Tôi trông đợi ngày mai đến sốt cả ruột.

Ngày hôm sau, trời vừa sáng, tôi đã ba chân bốn cẳng chạy ù đến trường. Thầy Đỗ đang quay tít quanh vòng treo. Tôi cung kính trình cho thầy giáo chủ nhiệm mới quyển tập to, dày của tôi. Thầy chống ngược trên vòng xoay, nhìn tôi nói: “Giáo viên chủ nhiệm đầu tiên của em đã mấy lần nói với thầy, nói em là một đứa trẻ rất dũng cảm, rất kiên cường”. Thầy nhảy xuống thăm vừa đi khỏi phòng thể dục vừa đọc bài tập ngày hôm đó cho tôi: “Có một người làm xiếc đi đến một bờ sông. Anh ta muốn qua sông đồng thời mang theo một con gà, một con hồ ly trắng, một con chó vàng. Bến bờ chỉ có một chiếc thuyền rất nhỏ, mỗi lần chỉ có thể chở một người và một con vật. Khi có mặt người làm xiếc thì ba con vật rất ngoan nhưng khi anh ta đi rồi thì con chó vàng sẽ ăn con hồ ly, hồ ly sẽ ăn con gà. Hỏi: người làm xiếc này làm thế nào để mình và ba con vật qua sông được?”

... Từ đó về sau, tôi trở thành một người bận rộn. Cũng không biết trước khi tôi lên lớp thầy chủ nhiệm nói gì với lớp mà mỗi ngày đều có bạn học đến gây khó dễ cho tôi, nhất là học sinh trực nhật lớp. Lúc đầu, các vấn đề nêu ra còn liên quan đến bài học trong ngày, từ từ, có bạn còn hỏi những trang thầy chưa dạy.

Tôi trở thành một học sinh an phận thủ thường. Bởi vì các bài tập thầy Đỗ cho rất kỳ lạ làm tôi đau đầu nhức óc. Tôi còn nhớ có một bài như vậy: “Lúc chiến tranh, có hai thôn A, B ở hai hòn đảo cách nhau một

con sông, nếu bơi phải mất bốn mươi phút. Giữa hai đảo, có một cái cầu dài bắc ngang sông. Đầu cầu có trạm gác của quân địch. Cứ nửa tiếng thì lính gác ra đầu cầu nhìn một lần, bất luận thấy người thôn nào bơi qua đường cảnh giới- nằm giữa cầu thì anh ta lập tức nổ súng bắn chết. Nếu thấy đứa trẻ nào sắp đến giữa thì anh ta nổ súng cảnh cáo.

Lúc đó, thôn A có một tin phải báo ngay cho người thôn B. Có một cậu bé đã hoàn thành nhiệm vụ. Hỏi: cậu bé thôn A làm thế nào để bơi đến thôn B?”

Sáng hôm đó, thầy Đỗ đích thân vẽ sơ đồ trên cuốn tập lớn của tôi.

Tôi chỉ có thể ngồi trong lớp suy nghĩ. Bởi vì về đến nhà thì cha sẽ bảo tôi làm bài do cha đưa ra.

Trước giờ tôi chưa từng bị các bạn đến quấy rầy. Người bắt tôi phải cam tâm tình nguyện làm vệ sinh chính là thầy chủ nhiệm của tôi.

Thầy cho tôi một câu đố như sau: “Vật gì buổi sáng có bốn chân, trưa chỉ còn hai chân, chiều lại có ba chân?”

Tôi suy nghĩ nát óc cũng không nghĩ ra được đó là cái gì. Đúng lúc cuối tuần nên tôi hỏi mẹ tôi.

Mẹ nói: “Đó chính là câu hỏi mà Sphinx hỏi Oedipus. Nếu ông ta trả lời không được thì sẽ bị ăn thịt. Đây là câu chuyện thần thoại Hi Lạp. Đáp án là người...”.

Thế là từ thứ hai đến thứ tư, tôi cam tâm tình nguyện làm vệ sinh, không chỉ lau sạch bàn ghế mà còn mang mấy tờ báo cũ ở nhà lên lau sạch kính cửa sổ.

Thầy Đỗ không khen tôi câu nào. Thầy hỏi tôi ai giúp tôi trả lời câu đố đó, sau đó nói với tôi: “Em thật hạnh phúc”.

Tôi không hiểu sao thầy lại nói như vậy. Nhưng trước giờ tôi không có thói quen hỏi thầy cô.

Lúc đó tôi cũng không biết cái gì gọi là hạnh phúc nhưng tôi cảm thấy rất vui. Bài tập thầy Đỗ cho tôi rất sinh động làm tôi rất say mê. Tôi phát hiện, trước giờ thầy không gọi học trò lên văn phòng mà thích gọi học sinh đến bên cầu thang bằng, thoải mái giải thích mọi việc một cách rõ ràng.

Cho đến hôm nay, tôi vẫn luôn cho rằng: nếu giáo viên chủ nhiệm mà không được học sinh của mình tôn trọng và yêu quý thì nguyên nhân chính nhất định là ở bản thân giáo viên đó.

Đề của thầy Đỗ rất đơn giản, câu hỏi rất rõ ràng nhưng cho dù là một vấn đề nhỏ cũng bắt người ta phải viết thành bài văn. Ví dụ, có một lần, thầy đọc: Có một người giàu có chết đi để lại di chúc, đem tất cả tài sản để lại cho đứa con trai duy nhất. Thê thiếp của ông ta mang đứa bé chưa biết nói lên công đường, nhờ Bao Chuẩn phán án: hai người đều nói mình là mẹ ruột của đứa bé (vì ai có được đứa bé thì người đó có được tài sản lớn). Bao Chuẩn cho người lấy vôi vẽ một vòng lớn trên công đường, bỏ đứa bé vào trong đó, và nói: “Hai người phụ nữ nghe đây, mỗi người các người kéo một cánh tay của thằng bé, ai kéo được đứa bé ra khỏi vòng thì người đó chính là mẹ ruột của đứa bé”. Hai người phụ nữ bắt đầu kéo, đứa bé bắt đầu khóc. Cuối cùng một người phụ nữ cũng kéo được đứa bé ra khỏi vòng. Bao Chuẩn phán ngay đứa bé là con của ai khiến cho mọi người ở công đường và cả hai bà mẹ thật giả đều tâm phục khẩu phục. Hỏi: Bao Công làm thế nào để chứng minh phán quyết của ông ấy?”...

Một hôm, người bạn ngồi bên cạnh hỏi tôi: “Mỗi tiết học bạn đều trăn mắt nhìn gì thế? Mọi người đều nói bạn là người quậy phá nổi tiếng, sao đến lớp chúng mình lại ngẩn ra như vậy?”

Tôi nói với cậu ta tôi đang động não làm bài tập khác, ví dụ nghĩ xem Bao Chuẩn làm thế nào... chuyện này lập tức được truyền đi, mọi người rất có hứng thú với những chuyện này, thậm chí có người cảm thấy những bài tập như vậy mà cho một học sinh nổi tiếng quậy phá như tôi thì thật đáng tiếc, không công bằng. Thế là có người đi hỏi thầy.

Tiết sinh hoạt lớp hôm đó, lần đầu tiên tôi phát hiện thầy chủ nhiệm cũng có lúc có thái độ rất nghiêm khắc. Thầy để cả lớp tự do thảo luận: Tại sao thầy lại cho tôi làm thêm bài tập, nếu tôi không làm được phải đi làm vệ sinh lớp?

Các bạn học hăng hái giơ tay phát biểu, rất nhiệt tình mang những chuyện xấu nghe được từ lớp D, lớp B đã kể tội chỉ trích, có kẻ không nhịn được cười phá lên... Mọi người đều nhất trí cho rằng: thầy cho tôi làm nhiều bài tập là một hình phạt đối với tôi, giống như câu chuyện “Mao chủ tịch cải tạo tên lưu manh ở nông thôn Thiểm Bắc” được lưu truyền rất rộng rãi lúc đó. Mao chủ tịch cải tạo được tên lưu manh còn tôi đến lớp A cũng được cải tạo trở nên tốt hơn.

Thầy Đỗ chống hai tay trên bục giảng im lặng nghe cả lớp nói, càng nghe thì càng chau mày.

Đợi cả lớp phát biểu xong, thầy nói: “Thầy rất thất vọng”. Thầy nói, giọng rất nghiêm khắc. Tôi cúi gằm xuống. Thầy đến trước mặt tôi, gọi tôi đứng lên, nói “Đưa tập Ngữ văn, tập Toán của em cho thầy, không, không, thầy muốn lấy hai quyển tập dày kia”. Thầy lấy tập, giơ bàn tay răn chắc xoa nhẹ một lúc “Các em hãy chuyên nhau xem cho kỹ. Bạn ấy là người nhỏ nhắn nhất, nhỏ tuổi nhất. Khai giảng hơn ba tháng,

bạn ấy tự mình làm tất cả các bài tập trong hai cuốn sách”. Thầy dẫn tôi từ chỗ ngồi lên bục giảng, bảo tôi quay xuống lớp, đặt hai tay lên vai tôi, nói nhỏ nhẹ: “Ngẩng đầu lên, con của ta. Em hãy nhìn xem các bạn của em, xem mọi người thành tâm thành ý thưởng thức việc làm của em như thế nào”.

Những tiếng “ây ây”, “chà chà” vang lên càng lúc càng nhiều lan khắp phòng học, tôi nhìn thấy tập của tôi được những bàn tay nhỏ bé ấy chuyền đi, trong lòng dâng trào một xúc cảm khó diễn tả bằng lời.

Lời của thầy vọng vào đầu tôi, khỏe khoắn vang, át cả tiếng hò reo nhốn nháo: “Bạn ấy ngày nào cũng làm bài tập khác với các bạn trong lớp không phải vì bị phạt mà đó chính là một phần thưởng mà không phải ai cũng có được”. Tôi không kiềm chế được cảm xúc của mình, dứt khoát quyết tâm, ngẩng đầu đứng thẳng người, mặc những giọt nước mắt cứ lăn dài.

Thầy còn nói gì nữa. Đến nay, tôi vẫn còn nhớ những câu cuối cùng của thầy: “...đừng bao giờ ghi nhớ mãi những sai lầm của người khác. Người nào vui mừng trước lỗi lầm của người khác thì sẽ dần làm bại hoại nhân phẩm đức hạnh của chính mình”.

Năm lớp Một chẳng bao lâu đã kết thúc. Mỗi học sinh đều được một cuốn “sổ liên lạc”.

“Sổ liên lạc” ghi lại tình hình học tập của học sinh. Trong đó có hai mục quan trọng là thành tích học tập và hạnh kiểm.

Lúc đó, điểm học tập được tính theo cách của Liên Xô cao nhất là điểm 5. Môn nào của tôi cũng được điểm năm.

Phê bình hạnh kiểm thì dựa theo Trung Quốc, phân thành bốn cấp A, B, C, D. Thường thì hạnh kiểm của học sinh lớp một đa số là loại A, rất ít loại B, nhưng tôi thì hạnh kiểm là “B, D, C, A”. Lời phê do bốn giáo viên chủ nhiệm ghi nhận. Vì mỗi lớp tôi chỉ học được một thời gian.

Chủ nhiệm lớp D viết: “Hay giúp đỡ các bạn, lao động tích cực. Thường vi phạm kỷ luật của lớp, hạnh kiểm: loại B”.

Chủ nhiệm lớp C viết: “Ngỗ nghịch quậy phá, không lo học, ảnh hưởng rất xấu, đạo đức kém. Loại D.”

Lời phê của chủ nhiệm lớp B luôn căn cứ vào sự thực khiến tôi tuy không phục nhưng không tìm được chỗ nào sơ hở: “Thông minh không đi đúng đường, thường gây náo loạn trong lớp, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến hiệu quả học tập. Trước giờ không đến muộn về sớm nhưng thời gian trên lớp không có cách nào kèm chế mình, là gánh nặng của thầy cô và các bạn. Kiến nghị hạnh kiểm loại C”.

Lời phê của thầy chủ nhiệm lớp A theo thứ tự viết sau cùng: “Học một biết mười, làm việc chăm chỉ, đầu óc thông minh linh hoạt, tinh lực dồi dào, là một đứa bé đặc biệt cần có phương pháp giáo dục đặc biệt. Thời gian ở lớp này, hạnh kiểm xếp hạng A”.

Từ khi được thầy Đỗ dạy dỗ thì tôi có ước muốn “hy sinh vì người tri kỷ”, chỉ thầy giao nhiệm vụ phải cần mạo hiểm tính mạng mới hoàn thành được nhiệm vụ để tôi trong một thời gian ngắn tôi chứng minh cũng có thể thành một đứa trẻ ngoan. Nhưng thầy Đỗ của tôi sao lại không hiểu tâm sự của tôi chứ? Nhiều lần thì, thầy hoặc là ra những câu hỏi khó làm tôi nghĩ nát óc hoặc là bảo tôi dẫn lớp tập thể dục theo đài, thật chẳng có cơ hội nào để hy sinh vì người tri kỷ, trong lòng tôi luôn cảm thấy đáng tiếc.

Lần đó, sau khi thầy Đỗ bảo tôi đoán câu đố của Sphinx hỏi Oedipus, mẹ đã kể cho tôi nghe rất nhiều truyện thần thoại Hy Lạp. Lúc đó tôi vẫn chưa đi Hy Lạp, đồng thời không biết tướng mạo của người Hy Lạp và người Trung Quốc khác nhau thế nào thì dĩ nhiên cho rằng anh hùng Hy Lạp lấy lòng cừu vàng đó nên giống như thầy Đỗ của tôi vậy, đầu tròn, thấp lùn chắc nịch. Thế là kể chuyện cho các bạn nhỏ, tôi hoàn toàn dựa theo tác phong cử chỉ của thầy chủ nhiệm để miêu tả Perseus.

\*

\*\*

Nếu có thể được một giáo viên như vậy dạy dỗ trong một thời gian dài, cho dù không thể làm tôi thành anh hùng thì ít ra cũng có thể trở thành một học sinh giỏi của trường, nhưng sự việc không tiến triển như vậy.

Thầy Đỗ đi rồi. Nghe nói bị điều đến một đội thể dục thiếu niên làm huấn luyện viên. Khi học kỳ mới bắt đầu, tôi thấy lớp A đổi giáo viên chủ nhiệm mới thì lập tức có cảm giác bị lừa nhưng không biết cụ thể là bị ai lừa. Không lâu sau, không những tôi tái phát tật cũ, quậy phá trên lớp mà còn quậy phá càng dữ dội hơn, thường bị giáo viên đuổi ra khỏi lớp. Tôi chỉ có một hy vọng duy nhất là bị đuổi về lớp D và kết quả là, cha mẹ tôi nhận được thông báo: Hoặc là chuyển trường hoặc là bị đuổi học.

Thế là tôi chuyển đến một trường tiểu học khác và từ đó, lại chuyển trường cũng vì lý do như trước. Bất kỳ chuyển đến trường nào lớp nào, thành tích môn học của tôi luôn đứng nhất toàn khối nhưng xếp hạng đạo đức nếu không là loại C thì là loại D. Vì những môn học tôi chỉ hứng thú với những môn như tự nhiên, chính trị, vẽ, thể dục và âm nhạc còn lịch sử, địa lý, ngữ văn, toán thì không học cũng biết. Các giáo viên chủ nhiệm của tôi chỉ dạy ngữ văn hoặc toán, nên các thầy cô có vô số cơ hội để thấy tôi quậy phá. Ai cũng nhiệt tình đi tìm những giáo viên chủ nhiệm trước đây của tôi để hiểu rõ quá khứ của tôi. Sau khi hiểu rõ thì ấn tượng càng tệ hơn. Kết quả là, lời phê đạo đức trong mỗi cuốn sổ liên lạc của tôi đều không thể thiếu câu “thông minh không đúng chuyện”.

Lần nào mẹ cũng hỏi tôi cặn kẽ về những lỗi đã phạm. Có lẽ mẹ cho rằng những lỗi làm đó không thể làm tôi xa rời con đường nhân sinh đúng đắn, hay là mẹ cảm thấy việc cha đánh đau đã đủ để phạt tội nghịch ngợm của tôi nên mẹ không răn đe nhiều mà chỉ nhấn nài đưa cho tôi đọc từng quyển sách. Hễ đọc xong cuốn nào thì mẹ đều yêu cầu tôi viết thành nhật ký, đồng thời muốn tôi lấy quan điểm của mình nhận xét



mỗi nhân vật trong sách.

Lúc học năm lớp ba, tôi đã đọc rất nhiều tiểu thuyết của Maxim Gorki, Chekov, ... tôi nói với mẹ, tác phẩm tôi thích nhất là truyện người anh hùng Spartacus và “Tiếng gọi nơi hoang dã” của Jack London.

Mẹ vốn rất say mê kịch. Có khi nghỉ Đông, mẹ dẫn một nhóm học sinh đến nhà diễn kịch. Cũng không biết họ tìm đâu ra rất nhiều giấy và vải màu. Họ cắt cắt dán dán, tự mình làm đạo cụ, tự mình làm phục trang, còn làm rất nhiều sắc liệu, vẽ phong màn lên các bức tường nhà tôi – lúc đó cha tôi đã chuyển ngành, làm việc ở thành ủy thành phố. Nhà do chính phủ cấp, ở rộng vô cùng, là nơi ở đẹp nhất thành phố Trùng Khánh những năm năm mươi, sáu mươi nghe nói là xây dựng theo bản vẽ của Liên Xô, chỉ gọi là “nhà hồng gian một”, “nhà hồng gian hai”, “nhà hồng gian ba”, “nhà hồng gian bốn” không cần nói số nhà tên đường. Nhà chúng tôi mỗi năm hai lần cao bỏ lớp vôi tường, bôi một lớp vữa vôi trắng dày rồi phủ lên đó những hình phong cảnh đầy màu sắc - Học sinh của mẹ thường đứng trước những bức phong đó tự diễn cho mình xem, có khi diễn một tiết mục, có khi diễn cả vở. Người diễn vui buồn lẫn lộn, người xem vừa giận vừa thương, càng khiến tôi say mê, khi thì vung chân múa tay, khi thì gọi to gọi nhỏ, tôi vô cùng ngưỡng mộ những thanh niên này. Mấy chục năm qua, những cảnh tượng đó vẫn thường sống lại trong ký ức tôi như buồm xuôi gió vậy. Ấn tượng sâu sắc nhất phải kể đến “Lão hà tiện” của Molière, “Nhà búp bê” của Ibsen, “Âm mưu và ái tình” của Schiller và “Người lái buôn thành Venice” của Shakespear.

Khi không xem kịch, kỳ nghỉ Đông cũng là kỳ nghỉ rất vui vì trẻ con rất đông mà hầu hết đều là hậu duệ của các quân nhân.

Nhà hồng bốn gian, gian nào cũng gần một trăm mét, có bồn hoa, có cây cối, có mấy luống hoa tròn đường kính khoảng hai chục mét. Trong mắt bọn trẻ thì nó giống như lạc viên trên Thiên Đàng vậy. Gian một, gian ba cạnh núi, gian hai cạnh một con đường mòn, con đường quanh co khúc khuỷu, bên đường trồng hai hàng cây dương hòe. Khi nở hoa, hương thơm theo gió bay vào cửa sổ. Gian bốn gần trường tiểu học Đại Điền Loan. Hai bên giáp trường tiểu học và con đường mòn, hàng rào bao quanh làm bằng những thanh nam trúc. Trên hàng rào leo đầy hoa Khiên Ngưu, khu nhà thành ủy quay thành một viên. Khi đi học, trong viện yên tĩnh vô cùng, trời vừa tối thì từ trong tám cổng bốn gian nhà từng đứa trẻ chạy ra, cả viện tràn ngập tiếng cười nói vang lên lanh lảnh.

Quy cách mỗi gian nhà đều giống nhau, năm tầng, tầng một đến tầng bốn để ở. Giữa mỗi tầng có một đại sảnh hình bát giác khoảng một trăm mét vuông, chính Nam chính Bắc của đại sảnh thông với hai nhà bếp. Mỗi nhà bếp có một hàng bàn tủ chén của hai tầng trên dưới, một bếp lò lớn bốn lỗ, chính Đông chính Tây thông với cầu thang trên dưới, tất cả đều trải thảm màu nâu. Mỗi một cấp đều được che bởi hai tấm vách đồng dày sáng loáng, đi trên cầu thang chẳng gây ra một chút tiếng động nào. Nhưng chỉ cần cha mẹ không để mắt thì tôi không đi cầu thang mà ngồi trên tay vịn cầu thang làm bằng gỗ tếp tuột xuống. Đông-Nam, Tây-Nam, Đông-Bắc, Tây-Bắc đều thông với một hành lang dài. Hai bên hành lang dài là rất nhiều phòng cửa đan xen với nhau, phân bốn hành lang dài là một nhà vệ sinh nam, một nhà vệ sinh nữ, một phòng tắm nam, một phòng tắm nữ.

Mỗi tầng trung bình ở tám nhà. Mỗi nhà ít nhất là ba, bốn đứa trẻ, nhiều nhất là tám, chín đứa và lại gia đình lấy con cái nhiều làm niềm vui. Dân tộc Trung Hoa vốn dĩ lấy “trăm con ngàn cháu” làm tâm nguyện tốt đẹp nhất để chúc mừng bạn bè, hướng hồ gì lúc đó chính phủ đề xướng một trong những nội dung học tập anh cả Liên Xô là sinh nhiều con. Các cặp vợ chồng hăng hái hưởng ứng. Ai sinh trên bảy đứa thì càng được kính trọng, được tôn là người mẹ anh hùng. Nhà tôi ở gian một tầng ba. Đó quả thật là tầng lầu có nhân khẩu tăng nhanh, có hai người là người mẹ anh hùng.

Một người là mẹ của Hoàng Ấu Nhân – bạn học của tôi: Con gái lớn của bác ấy lấy tên là Tự tự, đứa con trai kế, tôi nhớ mang máng hình như tên Thế Nhân, những người con gái tiếp theo lần lượt là “Tam Tự, Tứ Tự, Ngũ Tự, Lục Tự tiếp nữa là Ấu Nhân là bạn cùng lớp tôi, kế đó là con gái Bát Tự, cuối cùng, bác ấy lại có thêm một Hoàng Tiểu Nhân. Trước giờ tôi chưa từng thấy bác ấy đánh mắng con, nhưng các con trai con gái của bác ấy rất gia giáo. Người còn lại là mẹ của một người bạn học khác của tôi là Ngô Bang Hiến: Người mẹ anh hùng của bạn ấy sinh mười người con. Cho nên bọn trẻ tầng lầu của chúng tôi đều thơm lây, khi hát bài “Nastacia” thì giọng sang sảng hào hùng. Đó là một bài hát giọng nữ, thịnh hành ở Trùng Khánh, rất được mọi người yêu thích, như bài “Tiếng sóng vẫn như xưa” của Trần Tiểu Kỳ bây giờ vậy. Không thể thiếu trong các buổi tiệc lớn nhỏ hay các cuộc thi ca hát mà ở bất cứ nơi đâu bất cứ lúc nào, nam nữ lão ấu đều ngâm nga: “Nông trại tập thể có một phụ nữ vắt sữa. Ai cũng biết tên của bà ta là Nastacia, khi đặt tên cho con gái, mọi người đều đến gặp bà ta. Người phụ nữ này thật có phúc, có năm người con gái xinh như hoa: cô gái lớn tên Lisa, cô thứ hai tên Sophie, rồi Alyona, Pulkheria, Anastacia, đáng yêu nhất là cô gái út chỉ mới mười bảy, mười tám tuổi...”

Học tập anh cả Liên Xô đương nhiên không chỉ có sinh nhiều con. Năm 1956 đó, toàn dân học tập Liên Xô từ tư tưởng nhận thức, văn hóa nghệ thuật đến cuộc sống hàng ngày, Liên Xô hóa toàn diện: không chỉ những người lính trên phố bỗng nhiên đổi kiểu nón mà ngay cả những quan quân già ở đại viện chúng tôi cũng bị cuốn ngay vào phong trào sôi nổi này: những nam tử hán từng bị khói thuốc hun đen mặt đỏ đầu tiên là đổi cách xưng hô khi nói “mẹ tui nhỏ” với người khác, nhất định không nói “bà nhà tôi”, “bà xã tôi”, “vợ tôi” mà thẹn thùng như trẻ con, đỏ mặt tía tai nói là “vợ yêu của tôi” sau đó học nhảy điệu van, về nhà đóng kín cửa, vừa ngâm nga vừa nhảy giẫm dơ giày, giẫm sừng chân của “vợ yêu”... Cuối cùng khi bước nhảy thành thạo khi ngẩng đầu ưỡn ngực ra khỏi phòng bát giác. Tinh thần tiên phong còn thể hiện trong cách ăn mặc: thắt cái cà vạt, tóc rẽ ngôi, nói là “đồ Tây”.

Phòng bát giác ở tầng ba gian một của chúng tôi luôn có dạ hội vào cuối ngày. Sau bữa cơm, mọi người mang ghế đầu, tranh nhau diễn tiết mục. Tầng lầu này nhân tài rất nhiều, ngay cả dàn nhạc cũng có sẵn, từ kéo đàn nhị hồ thổi sáo đến đàn ắc-coóc-đê-ông, đàn măng-đô-lin cái gì cũng có. Hết bài này đến bài khác dù ai hát thì giai điệu cũng khoan thai, giọng khốc, âm luật vừa đẹp vừa êm tai, vọng ra từ phòng bát giác vang xa, tan vào trong màn đêm mịt mù của phố núi.

Cả thành phố vang lên những bài hát Liên Xô. Bất luận mặt trời mọc từ núi Tì Bà hay mặt trăng soi bóng nước Trường Giang đều có thể nghe thấy “Chiều Mat-xcơ-va”, dù là gió bắc rét căm căm hay cảnh xuân rực rỡ, khắp nơi đều “Hoa hồng nhung nở”. Phố núi vẫn hát “Hồ Balka, quê hương chúng tôi...”, hát “băng tuyết bao phủ sông Volga, trên sông băng có ba chiếc xe trượt...”. Hát rất hăng say như hát về chính quê hương mình. Tôi mãi mãi không quên bài “Núi Lênin”, không thể quên được đồng bào tôi từng ca tụng một dân tộc mà đại đa số họ cả đời chưa từng gặp mặt, ca tụng phong vật, lãnh tụ, thủ đô như ca tụng lý tưởng của chính dân tộc Trung Hoa. Những người phố núi thật thà giỏi giang, từng nhóm từng nhóm hợp ca: “Bạn yêu quý, chúng ta đều yêu núi Lênin để chúng ta đón ánh bình minh, từ trên núi cao chúng ta nhìn bốn phương, phong cảnh Mat-xcơ-va thật tươi đẹp. Ông khói nhà máy chạm trời xanh, trên điện Kremli ánh bình minh rực rỡ, à, hy vọng của thế giới, trái tim của nước Nga, thủ đô của chúng ta, Mat-xcơ-va!”

Bảy năm lại đây, tôi thường đi hết quốc gia này đến quốc gia khác, từ châu lục này đến châu lục khác nhưng tôi chưa từng thấy trên thế giới này có dân tộc nào từng như đồng bào của tôi, mang một tấm lòng bao la như vậy, lòng kính trọng nồng hậu như vậy, tình yêu mãnh liệt như vậy, dành một sự cầu chúc thầm thiết cho cả một dân tộc như vậy khi ca ngợi một dân tộc khác! Không có, tôi chưa từng thấy, cũng chưa từng nghe qua.

Lúc đó, ngày nào giáo viên cũng nói về Liên Xô với chúng tôi. Thầy tự nhiên giới thiệu Pavlov nhà động vật học phát hiện phản xạ có điều kiện, và Michurin nhà sinh học thành công trong chiết ghép lê và táo tây, thầy địa lý nói Liên Xô tài trợ xây dựng các cơ quan nhà nước của chúng tôi, nói về rừng rậm Xibia, giáo viên ngữ văn bảo chúng tôi luân phiên đọc “Matrosov”, “Vận mệnh của tay trống”, giáo viên lịch sử chuyện trò say sưa về “Cuộc tấn công cung điện mùa Đông” và “Trận chiến bảo vệ Leningrat”, ngay cả giáo viên mỹ thuật cũng trở nên mau mồm khéo miệng, tan học vẫn còn kể câu chuyện binh nhì đã vẽ người kéo thuyền trên sông Vôn-ga thế nào, giáo viên chính trị dự đoán như đinh đóng cột: “Chủ nghĩa đế quốc trong tương lai nhất định sẽ bị diệt vong, nhân dân lao động toàn thế giới lấy Liên Xô làm gương, xây dựng xã hội Xã hội chủ nghĩa – chính là xã hội hưởng theo lao động, sau đó bắt tay xây dựng xã hội ai cũng làm hết khả năng của mình – đó chính là xã hội cộng sản chủ nghĩa...” CNXH như vậy, vui vẻ như vậy, đơn giản như vậy, toàn diện như vậy, tôi cảm thấy trong đầu trong lòng tôi bừng sáng tràn đầy lý tưởng. Thầy cô nói đấy là lý tưởng cao cả.

**N**gười gần gũi về lý tưởng đối với tôi là Sài Thiên Huệ – kẻ bên nhà tôi. Sài Thiên Huệ là sinh viên, thích mặc đồ giống các cô gái Liên Xô. Những đứa bé ngỗ nghịch nhìn thấy Sài Thiên Huệ đều cung kính – vì sinh viên còn được ngưỡng mộ hơn cả mẹ của anh hùng nữa. Chỉ cần bản thân nỗ lực, bụng to thì có thể trở thành bà mẹ anh hùng rồi. Nhưng muốn làm sinh viên thì có rất nhiều đối thủ. Lúc đó, bình quân hai ngàn người thì chỉ có một người vào đại học.

Sài Thiên Huệ đề nghị chúng tôi viết thư cho các bạn Liên Xô. Chị ấy bảo chúng tôi mỗi đứa viết một lá thư, giới thiệu hoàn cảnh bản thân, nói về trường học, tuổi, lớp, chỗ ngồi, sau đó dịch từng lá thư của chúng tôi thành tiếng Nga. Khi chị ấy mang về dịch, đám học sinh tiểu học chúng tôi tập trung ở phòng bát giác hồi hộp chờ đợi. Em gái chị ấy là Sài Thiên Hoa chốc chốc lại vào phòng nói với chúng tôi: “Chị của tớ dịch xong một lá thư rồi!” vẻ mặt rất tự hào, giống như nàng công chúa trong chuyện cổ tích vậy.

Sau khi những bức thư được dịch sang tiếng Nga, Sài Thiên Huệ lại bảo chúng tôi điểm chỉ vào thư. Sau đó dùng viết chì vẽ tỉ mỉ đường viền của bàn tay. Tất cả thư đều gửi cho học sinh lớp Một ở Mat-cơ-va, rồi từng đứa viết tuổi, lớp, chỗ ngồi vào thư. Nhưng không ghi tên người nhận bởi vì không đứa nào biết. Lần đầu tiên tôi viết thư nên rất nhiệt tình. Sau đó, tất cả học sinh tiểu học của tòa nhà này luôn miệng hát “Bài ca đoàn viên thanh niên cộng sản” suốt chặng đường đi đến bưu điện gửi thư rồi trở về đợi thư hồi âm. Đợi đến sốt cả ruột. Dưới lầu chỗ chúng tôi ở có một thùng thư lớn, không có nắp đậy, treo nơi rất cao chỉ có người lớn mới với tới. Mỗi ngày chúng tôi leo lên vai nhau xem xem đã có thư của các bạn Liên Xô chưa. Một tuần trôi qua, bọn trẻ sốt ruột chạy ra ngoài đại viện chờ người đưa thư. Rồi cũng có một ngày, người đưa thư bị chặn giữa đường rút ra đưa cho chúng tôi một xấp thư lớn. Chú ấy vừa vui vừa ngạc nhiên, nói: “Các cô cậu bé Liên Xô biết viết chữ Hán cơ đấy!”

Mỗi người chúng tôi nhận được một lá thư. Trên thư viết tên và địa chỉ, xé thư xem, trên thư cũng vẽ hình bàn tay, còn gửi kèm một tấm hình, nhưng chúng tôi đọc không hiểu thư tiếng Nga. Thế là mọi người kéo nhau ra đầu ngõ trông ngóng Sài Thiên Huệ...

Người viết thư cho tôi là một bạn nam, tên Vladislav. Cậu ấy gửi một tấm hình to bằng bức thư, lông mi rất dài, mũi hơi hếch, trên sống mũi lấm tấm tàn nhang, trông rất dễ thương. Qua thư của cậu ấy, tôi biết thì ra chế độ giáo dục của Liên Xô và Trung Quốc không giống nhau. Các bạn ấy từ tiểu học đến tốt nghiệp cao trung đều học chung một trường, tổng cộng mười cấp lớp. Nhưng chúng tôi tổng cộng đến mười hai cấp lớp: tiểu học bốn cấp lớp gọi là tốt nghiệp sơ tiểu, thi lớp 6 gọi là tốt nghiệp cao tiểu, nếu thi đậu, học thêm ba năm, gọi là tốt nghiệp sơ trung. Nếu thi đậu cao trung, học thêm ba năm mới có thể thi đại học, nhiều hơn các bạn ấy hai năm học.

\* \*

Mỗi lá thư của cậu bạn này luôn làm cho người khác cảm thấy vui vẻ. Cậu ấy luôn nói về kỳ nghỉ hè, trượt tuyết, bờ biển, vũ hội hóa trang... Càng làm tôi cảm thấy nên học tập Liên Xô, mau chóng sống cuộc sống xã hội chủ nghĩa. Cậu ấy rất ngạc nhiên vì sao học sinh tiểu học Trung Quốc ngay cả cuộc vận động Stakhanovite cũng biết, thực ra là chúng tôi nghe thầy chính trị kể.

Thầy chính trị nói với chúng tôi, sau khi đại chiến thế giới thứ II kết thúc, kinh tế Liên Xô rất khó khăn. Mùa xuân khi tuyết tan, thậm chí trên đường phố Mát-cơ-va đều có thể nhìn thấy người chết đói chết rét. Có mười lăm nước theo chủ nghĩa đế quốc cùng nhau bao vây kinh tế Liên Xô. Stalin hiệu triệu nhân dân cố gắng làm việc, có một công nhân tên Stakhanov chưa đầy một năm đã hoàn thành định mức của nhiều năm, thế là chính phủ hiệu triệu toàn thể nhân dân Liên Xô học tập ông ấy, gọi là cuộc vận động Stakhanovite. Bấy giờ, Trung Quốc cũng dấy lên cao trào học tập ông ấy, bắt đầu ở các nhà máy, vùng mỏ chiếu theo việc hoàn thành định mức công việc bầu thành người công nhân Stakhanov. Sau này, cuộc vận động này lan đến bệnh viện, thư viện, đoàn kịch nói... Tất cả các đơn vị phi sản xuất. Cũng không biết là do “công nhân Stakhanov” danh hiệu này khó nhớ quá hay là do trường học, thư viện đều khó tính định mức sản phẩm, nói tóm lại, công nhân Stakhanov của Trung Quốc khi được khen thưởng thì trên bằng khen viết thành “công nhân tiên tiến”.

Người công nhân tiên tiến lúc đó không được tiền nhưng được bằng khen in trên giấy đạo lâm. Người được bằng khen thì dùng hột cơm trét bốn góc rồi dán cao trên tường. Đó là niềm tự hào của bản thân và gia đình. Khách đến nhà nhìn thấy vô cùng kính trọng. Lúc đó trong mắt chủ nhà ánh lên sự tự tin còn hãnh diện hơn bây giờ, chủ nhà có chai rượu Pháp Luis 13 thơm ngon ngào ngạt nữa.

Thời điểm này, mỗi trường học đều bình chọn học sinh giỏi một năm hai lần, cũng phát bằng khen. Trên tường nhà tôi trước giờ chưa từng dán giấy khen của tôi. Các thầy cô nói đùa rằng: “Nếu lấy số lượng công việc để đánh giá thì Chu Lệ Tứ, con ngựa bất kham này có thể được gọi là học sinh hình thức Stakhanovite. Chỉ tiếc là con ngựa hoang này không đi con đường chính đạo!” nhưng giáo viên chính trị rất thích tôi, nói rằng: “Đứa trẻ có tính cách mới là đứa trẻ có thể giáo dục được”.

Giáo viên chính trị của tôi mang cặp mắt kính gọng trắng trong suốt, ngay cả đi đường cũng đọc sách. Thầy tinh lực dồi dào, giảng bài rất nhiệt tình. Tư thế đó, ngữ khí đó khiến người ta cảm giác thầy lúc nào mong mỗi mở mang đầu óc chúng tôi, rót vào đầu chúng tôi tư tưởng dân giàu nước mạnh. Hết đến tiết của thầy thì tôi rất vui. Thế là tôi cố gắng học môn chính trị, tan học về nhà còn đọc thêm sách của cha. Cha có “sổ tay thời sự” toàn nói về chuyện chính trị. Tuy tôi xem không hiểu lắm nhưng vẫn bèn dạ cố gắng ghi nhớ một số nội dung. Chẳng hạn nói, sau khi kiến lập Trung Quốc mới thực hành chính sách không nhận tư bản quan liêu, chẳng hạn nói “Hiệp ước của chính phủ nhân dân trung ương, chính phủ địa phương Tây Tạng và biện pháp hòa bình giải phóng Tây Tạng” ký ở Bắc Kinh ngày 23/05/1952, còn nhớ đến tháng 2/1952, hoàn thành cải cách ruộng đất, nhân khẩu nông nghiệp chiếm trên chín mươi phần trăm nhân khẩu nông nghiệp toàn quốc, những năm đầu đối với những người làm công thương nghiệp tư doanh cả nước triển khai vận động “chống trốn thuế, chống lấy tài sản quốc gia, chống trốn việc giảm nguyên liệu, chống lấy thông tin kinh tế”, còn nhớ đại hội trung ương tổ chức tháng 10 năm 1955 thông qua “nghị quyết về vấn đề hợp tác hóa nông nghiệp”... Tóm lại, nhớ những điều này đối với một đứa trẻ không dễ dàng gì nhưng tôi lại cảm thấy hứng thú, ngoài việc cảm thấy làm vậy là vì dân vì nước ra, nguyên nhân chính là vì cảm thấy mình không được phụ ân tri ngộ của thầy. Vì thầy nói, thầy không những tự nỗ lực để trở thành chính trị gia của Trung Quốc mới mà còn bồi dưỡng tôi thành một chính trị gia. Tôi cũng muốn lớn lên trở thành một chính trị gia. Nhưng cuối cùng tôi chẳng thành chính trị gia. Thầy cũng không. Thầy trở thành một phần tử cánh hữu.

Có một hôm sau khi tan học, bạn gái cùng lớp Lưu Bích Vân nói với tôi: “Chủ nhật cậu đến nhà mình chơi nhé?” tôi rất ngạc nhiên. Vì biệt hiệu của tôi là “con ngựa bất kham”, là “họa tử tông”, ngay cả các thầy cô còn có lúc gọi tôi như vậy, hình tượng kém như thế, các bạn gái trong lớp không chơi với tôi, trừ khi chúng bị bọn con trai bắt nạt, ở nhà không có anh trai đứng ra bênh vực mới chờ khi tan học thì cụp mắt mách tôi. Lần sau tan học, tôi chặn đường chỉ mặt gọi tên bọn con trai đó đánh cho một trận.

Nhưng Lưu Bích Vân là đội trưởng đội thiếu niên tiên phong lớp tôi, có tiếng là học sinh giỏi, trước giờ không có ai bắt nạt, bỗng nhiên chủ động mời tôi đi chơi? Tôi nghĩ không ra chỉ trừng mắt nhìn bạn ấy.

Thì ra chị cả của bạn ấy chủ nhật kết hôn, chị ấy lấy một tình nguyện quân. Lưu Bích Vân nói với tôi, khi chị cả học sư phạm, tích cực hưởng ứng hiệu triệu của đoàn ủy trưởng, giống như những bạn gái khác, viết thư cho người thương nhất – chú bộ đội tình nguyện ở tiền tuyến Triều Tiên, giống như chúng tôi viết thư cho các bạn nhỏ Liên Xô vậy: không ai biết được ai sẽ nhận thư của mình. Người viết thư trả lời chị của Lưu Bích Vân là một tay súng. Sau hơn một năm thư từ qua lại, tay súng ấy bỗng nhiên biệt vô âm tín. Chị bạn ấy sốt ruột, nghĩ ra rất nhiều cách mới biết được tin anh ấy bị thương phải cắt bỏ chân trái nên không muốn tiếp tục liên lạc với chị ấy. Từ đó về sau, chị ấy không ngừng gửi giấy vải, quần áo đi Triều Tiên. Sau khi anh ấy giải ngũ về Trung Quốc, chị của Lưu Bích Vân nhất định lập gia đình với anh ấy. Lúc đầu anh ấy không đồng ý nói rằng anh ấy bị mất một chân e rằng sẽ làm liên lụy vợ con. Lưu Bích Vân nói với tôi: “Cả nhà mình đều khuyên anh ấy lấy chị mình. Anh ấy vì quốc gia mà bị thương thì sao lại không thể có được một người vợ tốt để chăm sóc chứ?” Nói xong, khoé mắt đỏ hoe.

Tôi sợ nhất là nhìn thấy người khác rơi nước mắt, vội vàng nói: “Đội trưởng, bạn đừng khóc, đừng khóc, tuyệt đối không được khóc! Sáng chủ nhật mình sẽ đến nhà bạn chơi. Hay là bây giờ mình sẽ đi chơi với bạn”. Rồi vội vàng rút từ trong hai túi quần trang của tôi ra cây cung, súng nước... nhét từng cái vào tay Lưu Bích Vân.

Nhưng đội trưởng của đội thiếu niên tiên phong giậm chân, vừa khóc vừa cười nói: “Ai da, ai chơi với bạn những thứ này chứ! Còn không dẹp vô, để thầy cô nhìn thấy sẽ phạt bạn đấy!” Bạn ấy nói với tôi, chủ nhật, rất nhiều bạn chiến đấu của anh rể bạn ấy đến tham dự hôn lễ, các chị em bạn ấy muốn biểu diễn một tiết mục cho những con người dễ mến này xem: hợp ca một bài ca mà ở Triều Tiên họ rất thích nghe đoàn thăm hỏi hát tên là “Bên bờ suối”, muốn tôi thổi sáo hòa tấu với họ. Chị bạn ấy làm giáo viên ở một trường tiểu học còn là giáo viên từng dạy chúng tôi hai tháng.

Hôn lễ diễn ra rất vui. Tất cả binh lính đều nhiệt liệt chúc mừng đôi vợ chồng trẻ, nói hai người họ là tấm gương đáng để học tập. Lúc đó, chính phủ khởi xướng “người trai tốt hy sinh vì tổ quốc, người nữ giỏi hy sinh tuổi thanh xuân vì anh hùng”, hình tượng của chị cả của Lưu Bích Vân và tay súng này thật đẹp.

Thực ra vào tháng 10 năm 1950 sau khi quân tình nguyện đến Triều Tiên tham chiến, hiệu triệu này rất có ảnh hưởng nhưng đến khi tôi đích thân tham dự hôn lễ của người quen thì đột nhiên nghĩ lại.

Nghĩ mãi vẫn không hiểu: tại sao sự hy sinh của nam nữ lại không giống nhau? Cũng không hiểu cái gì là thanh xuân, thế là về đến nhà bỏ cây kèn ac-mô-ni-ca xuống lật cuốn từ điển “Từ Hải”.

Từ “thanh xuân” trong từ điển “Từ Hải” có hai cách giải thích nghĩa đen và nghĩa bóng như sau: một là “vì mùa xuân cây cỏ xanh tốt, ngày xưa gọi là “thanh xuân”. Còn lấy “Sở Từ – Đại triệu” làm ví dụ: “Thanh xuân thụ tạ, bách nhật triệu chỉ” lại dẫn chứng câu “bach nhật phóng ca tu tung tửu, thanh xuân tác bạn hảo hoàn hương”, hai là “chỉ thời thanh xuân, cũng chỉ tuổi trai trẻ”.

Hiển nhiên, điều mà chính phủ yêu cầu nữ giới hy sinh cho người anh hùng là chỉ “thời thanh xuân”. Nhưng tôi vẫn không hiểu tại sao, chính phủ lại yêu cầu sự hy sinh của nam nữ không giống nhau.

Cha vừa vấn thuốc vừa giải thích cho đứa con gái chín tuổi của ông.

Một, thanh xuân chỉ là một phần của cuộc sống, nhưng cuộc sống không chỉ tồn tại trong thời thanh xuân.

Hai, quốc gia hưng vong, thất phu hữu trách, nếu nói “vì Tổ quốc hy sinh tuổi xuân” thì gần như tước bỏ quyền của những quân nhân già, còn nói “hy sinh tính mạng” thì bao gồm tất cả các nam tử hán.

Ba, nữ nếu không là tăng ni thì hiếm thấy ai tuổi thanh xuân mà không lập gia đình, nhưng nguyện vì anh hùng thì trên có thể báo đáp tổ quốc, dưới có thể tiếp tục kéo dài chuyện hương lửa.

Bốn, thực ra nam nữ lấy nhau là dâng hiến tuổi thanh xuân cho nhau. Vả lại, nhà là nước thu nhỏ, nước tức là đại gia đình, không có nhà thì không có nước, không có nước cũng không tồn tại nhà, vì nước vì

nhà hy sinh tính mạng hay tuổi xuân, sự hy sinh của nam nữ chỉ khác nhau về hình thức phân công mà thôi.

Vừa hiểu xong hàm ý của “cuộc sống”, “thanh xuân”, tôi lại nảy ra suy nghĩ mới: con gái chỉ cần lập gia đình với anh hùng xem như được liệt vào hàng đầu tốt nhất, sao cha vất vả bắt tôi biết chiến sử học binh thư? Rồi bắt tôi luyện quyền cước làm gì?

Hiếm khi thấy cha tôi không ngại phiền phức mà giải đáp những thắc mắc ngoài chuyện chiến tranh, nói: “Những đạo lý vừa nói là dành cho những nhi nữ bình thường. Những cô gái có yêu cầu cao với bản thân phải vì nước vì nhà cống hiến tất cả”.

Cha lấy Lương Hồng Ngọc, Mộc Quế Anh làm ví dụ rồi nói: “Nữ nhi tốt lấy nam nhi tốt không có gì lạ. Cá và tay gấu khó có được cả hai. Nếu không vì bắt đắc dĩ, sao lại bỏ cá lấy tay gấu? Sao lại lấy cá mà bỏ tay gấu?”

Tôi cảm ơn cha. Khi mang quyển “Từ Hải” trả lại thư phòng, bỗng nhiên nghĩ ra một chuyện, vội vàng chạy đi tìm Trần Nãi Quang.

Trần Nãi Quang cũng là bạn học của tôi, là một cậu bé ngoan luôn đạt được lời phê đạo đức loại A. Chúng tôi ở chung một tầng. Tôi đến cửa nhà cậu ấy vẫy vẫy tay, cậu ta bỏ tập xuống đi ra. Tôi hỏi cậu ấy: “Bạn có biết bố bạn lập công thế nào không? Lập mấy chiến công? Có bao nhiêu huân chương?” Cậu ấy nói tất nhiên cha cậu ấy từng lập công, nhưng không biết lập mấy chiến công, cũng không biết có bao nhiêu huy chương. Tôi bảo cậu ấy mau quay vào hỏi cho rõ. Kết quả là cậu ấy lại chạy ra nói với tôi: “Cha tôi nói trẻ con không được quản chuyện của người lớn. Còn nói... còn nói...”. Trần Nãi Quang vò đầu, liếc tôi nói “Còn nói tôi đừng chơi với con ngựa bất kham như cậu”. Tôi sờ cái đầu trọc của cậu ta, đến bên tay vịn cầu thang trượt xuống đi tìm bọn con trai chơi đánh thủy chiến.

Nhưng từ đó về sau, tôi bắt đầu quan sát cha tôi một cách tỉ mỉ, ngay cả khi cha đi làm tan ca, tôi cũng đứng xa xa quan sát thần thái của cha, đồng thời hỏi những đứa trẻ khác là có phát hiện chỗ khác nhau giữa cha của chúng với Trần bá bá không. Thế là bọn trẻ bắt đầu quan sát cha của Trần Nãi Quang.

Cuối cùng, có một hôm, bé Vân ở bên cạnh nhà họ Trần cười ha ha nói với mọi người: “Trần bá bá đi tiểu không giống như mọi người”. Cậu ta nói Trần bá bá chỉ đi cầu ở nhà vệ sinh nhưng đi tiểu ở trong nhà. Và lại tự mình xách xô hứng, cũng không đóng cửa, tiểu xong thì đặt xô xuống đất. Lần nào cũng do mẹ của Trần Nãi Quang mang vào nhà vệ sinh đổ.

Tôi vô cùng thất vọng, cuối cùng không nhịn được nên đi hỏi cha: “Trần bá bá có phải là anh hùng đáng nể nhất khu nhà của chúng ta không?”

Cha nhìn tôi ngạc nhiên, hỏi tôi sao lại có suy nghĩ này. Tôi nói “Nếu bác ấy không phải, sao lại có hai người phụ nữ vì bác ấy mà hy sinh tuổi thanh xuân?”

Trong tòa nhà của chúng tôi, đàn ông nhà nào cũng xuất thân từ quân đội, mỗi người có một vợ nhưng Trần bá bá một mình có hai vợ. Hai vợ một già một trẻ, tuổi tác hơn kém nhau hơn mười tuổi, đều sống chung với nhau. Người lớn, trẻ con trong nhà hồng đều gọi người vợ lớn là “má Trần”, người vợ nhỏ là “đì Trương”. Tôi không biết má Trần có con không. Trần Nãi Quang và một chị gái, một em trai đều do đì Trương sinh ra, gọi đì ấy là “mẹ” gọi bà Trần là “má”. Tôi không biết Trần bá bá có chiến công thế nào mà lại có hai người vợ làm bạn. Người nữ tốt lấy người nam tốt không có gì lạ, thế nếu có người con gái vì nước lập rất nhiều chiến công thì có thể có hai người đàn ông làm bạn không?

Cha tôi suy nghĩ một lúc, nói, khi hai người phụ nữ trước sau xuất giá, Trần bá bá hoàn toàn không phải là anh hùng gì nhưng theo phong tục lúc đó, đàn ông có thể lấy mấy vợ.

Cha kéo tôi đến bên cạnh, nói với tôi: “Cha hy vọng con lớn lên thành một người cương trực, có thể làm được mọi chuyện. Cha hy vọng sau này con sẽ hạnh phúc”.

\*

\*\*

Tôi phát hiện mình rất cảm động trước sự nồng ấm của cha vừa có chút khó hiểu, nói: “Cái gì là hạnh phúc?” cho dù cô giáo đã từng nói về chủ nghĩa xã hội cộng sản là hạnh phúc. Và lại mọi người đều hạnh phúc vì muốn gì được nấy.

Cha nghĩ một lúc mới trả lời tôi: “Hạnh phúc chính là thành công trong sự nghiệp, có tình yêu”. Nhưng không giống với những gì cô giáo nói. Tôi không hiểu thế nào là tình yêu. Cha nói tình yêu là “Lưỡng tâm tương duyệt, sinh tử tương hứa”. Tôi mới vỡ lẽ liền hỏi, “Có phải giống như Lương Sơn Bá và Chúc Anh Đài, giống Romeo và Juliet vậy, một người chết người kia cũng chết theo không cha?” Ai ngờ cha lại nói “không phải”.

Tôi bỗng phát hiện ra cha cũng có lúc lúng túng. Cha ngậm thuốc rồi lấy ra, lấy ra rồi ngậm lại, cuối cùng người cha nghiêm khắc của tôi nói “Tình yêu, tình yêu chính là một chuyện mà phải do mẹ con giải



thích cho con mới hợp lý”.

Tôi rất thích nghe mẹ nói chuyện, dù bình thường mẹ dạy tôi các bài toán, dù chỉ là “phép giao hoán” nhưng mẹ luôn lấy những ví dụ rất hình tượng để giải thích cho tôi hiểu, khiến tôi cảm thấy những con số La Mã cũng trở thành những câu chuyện rất sống động.

Mẹ giải thích tình yêu rất ý nhị, sâu sắc, lời lẽ giản dị. Mẹ nói “Lưỡng tâm tương duyệt” chính là hai người vì sự tồn tại của đối phương mà cảm thấy vui vẻ cũng vì cảm thấy bản thân mình có thể mang lại niềm vui cho đối phương mà cảm thấy hạnh phúc - loại tình cảm này không thể chia sẻ cho bất kỳ người thứ ba nào. Sự tương ái của hai người là biết yêu thích cái hay của đối phương, kể cả khiếm khuyết của đối phương, hơn nữa để đối phương yêu thương mình hơn, sẽ cố gắng sửa chữa bản thân trở nên tốt đẹp hơn.

Mẹ nói, hàm ý của “sinh tử tương hứa” rất phong phú, hoàn toàn không phải chỉ “một người chết thì người kia cũng chết theo.”

Tình yêu không nói được bằng lời, sẽ không vì cái chết của một bên mà thay đổi, ví dụ Lương Sơn Bá và Chúc Anh Đài, Romeo và Juliet cùng nhau tình nguyện cùng sống cùng chết, thế là chết theo người yêu.

Tình yêu là sự sáng tạo. Sáng tạo có thể là tương lai của một dân tộc, cũng có thể là tương lai của một đứa trẻ. Nếu sự sáng tạo này chưa hoàn thành mà một người mất đi thì người còn lại hoàn toàn không có quyền chết theo mà còn phải có trách nhiệm tự mình hoàn thành sự sáng tạo đó. Mẹ nói, việc tự mình độc lập khó khăn hơn việc chết theo người khác rất nhiều. Điều đó không chỉ đòi hỏi một dũng khí lớn mà phải có ý chí mạnh mẽ vô cùng. Người có thể nén đau thương vì cái chết của người thân yêu mà tiếp tục sống đồng thời tự tôn tự ái tự cường, thực hiện tất cả những mong muốn của hai người, thế mới là tình yêu hoàn mỹ nhất. Vì tình yêu là sức lực, là hy vọng.

Tôi nhớ đó là một đêm mùa hè, cả nhà đi tản bộ công viên ở núi Tỳ Bà, ánh trăng vàng vạc, cha cõng em trai trên vai, tôi dắt tay em gái, đi bên cạnh mẹ nghe mẹ nói về tình yêu. Mẹ nói: “Con người ai cũng phải chết nhưng tình yêu thì không bao giờ chết...”

\* \*

Xa xa không biết từ cửa sổ nhà nào, vang lại tiếng đàn violon mang đầy tâm sự. Đi một rỗi, chúng tôi ngồi nghỉ trên thảm cỏ mướt cho gió đùa trên cây, vờn trên da thịt. Cha nằm xuống để cho em trai em gái nằm lên ngực cha. Tôi ngồi trên đùi cha, hai tay chống cằm, nhìn vào mắt của mẹ, nghe mẹ nói về cuộc đời của Cừ Lí phu nhân.

Tình yêu thật đẹp biết bao! Nhưng tình yêu cách tôi còn xa lắm, đều đi đến chủ nghĩa cộng sản. Chủ trương của cha rất đơn giản: “Trước lập nghiệp, sau thành gia”. Mẹ nói chúng tôi phải lớn đến hai mươi tuổi mới có thể yêu đương. Mẹ nói, khi hai mươi tuổi thì con người mới có cách suy nghĩ chín chắn, mới có thể tự chăm sóc bản thân và chăm sóc người khác nhưng cô giáo nói với cả lớp tôi: chủ nghĩa cộng sản sẽ đến khi chúng tôi hai mươi tuổi.

Hôm đó luyện đàn ở cung thiếu nhi xong trở về nhà, tôi thấy một chàng trai cao lớn ngồi trong phòng. Anh ấy đang ôm em gái trong lòng. Mẹ nói: “Đây là anh ba của con, vừa từ Quảng Đông đến”. Tôi cúi đầu chào anh, gọi “Anh Ba”.

Ai ngờ anh ấy lại giống như con gái vậy hờ tí là đỏ mặt. Lông mày của anh ấy vừa dài vừa đen, miệng rộng, rất giống cha. Cha mẹ vừa quay đi, tôi hỏi nhỏ anh ấy: “Anh, anh có phải là anh trai mà lúc còn đi học nghịch ngợm nên bị cha đánh vào mông không?”

Anh ấy gật đầu. Tôi vui lắm bèn nói: “Từ lâu đã nghe nói em có một anh trai hay bị đòn, mong anh gần ba năm rồi”. Anh trai lại đỏ mặt.

Sau bữa cơm tối, tôi kéo anh trai vào trong viện, đánh quyền cho anh xem. Anh nói “rất đẹp, rất đẹp”. Tôi hỏi anh đẹp ở chỗ nào, anh nói “rất linh hoạt”. Tôi nghe anh nói những lời không chuyên ngành như vậy, rất ngạc nhiên, lại hỏi nữa nhưng anh ấy nói anh ấy không biết đánh quyền. Tôi cho rằng anh ấy chính nhân bất lộ tướng bèn ra tay đánh thử nhưng anh trai cười đưa tay ngăn lại, nói: “Em gái đừng quấy rối nữa! Con gái mà hành vi không trang nhã như vậy là không tốt”, tôi ngạc nhiên đến nỗi không nói được lời nào.

Sau này, tôi mới biết, anh trai cũng chưa từng học qua binh pháp, lịch sử chiến tranh nên không biết nước Mỹ từ năm 1942 đã bắt đầu chế tạo ra bom nguyên tử, cũng chưa từng nghe qua ngày 6/8/1945 trước khi quả bom nguyên tử đó nổ ở Hiroshima đã được Stalin thông qua...

Anh Ba không có hứng thú gì đối với chiến tranh, hàng ngày chỉ vui đầu vào toán, lý, hóa hay thắt bím tóc cho em gái, chải cho cô bé rất nhiều kiểu tóc. Anh trai cũng rất thích kể chuyện, vừa kể vừa để tôi và em gái nhổ tóc bạc. Anh ấy cũng như tôi, sau ót có nhúm tóc trắng. Tôi bực anh ấy cứ kể chuyện “Chú bé người gỗ”, “Cưỡi ngỗng du lịch ký” nên nhổ tóc đen của anh ấy còn kêu lớn “được rồi, được rồi, thêm một sợi tóc bạc nữa” anh ấy rất thật thà, trước giờ chưa từng kiểm tra xem tôi nhổ tóc bạc hay tóc đen.

Tôi tặng cho anh ba một nhúm cỏ dại rất chắc, nói anh ấy, nếu mỗi ngày dùng cọng cỏ này cà vào các đốt ngón tay thì nắm đấm sẽ rất mạnh. Anh ba không cần, còn khuyên tôi làm những việc hợp đạo lý, đừng phá phách, nói rằng anh ấy xem qua những lời phê đạo đức của tôi rất lo lắng cho tôi.

Nhìn sắc mặt anh trai rạng rỡ, tôi giận quá hét lên: “Em mới thật lo lắng cho tương lai của anh!”

Anh trai phá lên cười, sau đó thật thà hỏi tôi: “Em có gì tốt mà lo lắng cho anh?”

Tôi nói: “Thấy anh chẳng có chút khí khái anh hùng, sau này làm sao có cô gái tốt vì anh hy sinh tuổi thanh xuân chứ?”

Anh trai của tôi lúc đó mười tám tuổi xấu hổ đỏ mặt nói: “Em gái đừng quấy phá nữa. Con gái ngoan mà nói năng như vậy là không thùy mị”. Còn nói “Anh trai vẫn chưa lập nghiệp, sao dám nghĩ đến chuyện thành gia”. Tôi cố nghĩ cũng không tưởng tượng được làm sao mà lúc nhỏ anh ấy lại bị cha đánh? Điều khó lý giải nhất là sao anh ấy không muốn làm anh hùng chứ?

Trong lúc anh trai vui đầu vào đóng sách vở thì những đứa trẻ ở nhà hồng đang hăng hái tập tạ. Vì ngày 7 tháng 6 năm đó, vận động viên cử tạ hạng nhẹ Trần Kính Khai, thành tích cử tạ 133 kg phá kỷ lục thế giới. Trong lịch sử thể thao Trung Quốc, đây là lần đầu tiên có người phá kỷ lục thế giới.

Có hôm luyện cử tạ xong lên lầu, vừa đẩy cửa vào tôi đã vui mừng hét toáng lên – anh trai đang trét bột com, dán bức ảnh lớn của Trần Kính Khai lên tường, cũng không biết anh ấy cắt ra từ đâu ra.

Tôi vội vàng ôm đầu anh nói: “Đừng động đây, đừng động đây, em nhổ tóc bạc cho anh”.

Anh trai vỗ bức ảnh dính vào tường nói: “Đừng vội, em gái, em xem kỹ bức ảnh trước đã”. Tôi nhìn kỹ, anh ấy nhìn tôi không chớp mắt, hỏi: “Nhìn thấy kết quả không? Nhìn thấy không? Vẫn chưa nhìn ra à!” Anh ấy lo lắng hỏi, giống hết phong thái của giáo viên dạy võ lòng.

Trần Kính Khai mặc áo may ô, quần sọt, giơ cao thanh sắt, phía sau là bảng kỷ lục: 130 kg, 132kg, 133kg. Tôi nói: “Thiếu niên sớm lập chí, nam nhi kiên cường, thật anh hùng! Thật anh hùng! Càng xem càng thấy anh ấy giỏi”.

Mặt anh ba đầy vẻ lo lắng nói: “Em! Em nhìn xem cơ bắp của anh ấy”.

Tôi bỗng hét lên. Anh trai nói: “Em gái, nếu một người con gái mà cơ bắp như vậy thì, ấy... thì còn gì là thanh tú”.

Tấm hình được in lại mấy lần nên nhìn không rõ lắm. Người Trần Kính Khai không thấy xương, không thấy eo, từ cổ tay đến chân đều là mụn thịt. Tôi bắt đầu nghĩ nếu mình lớn lên cũng như vậy thì làm sao? Anh nói: “Vì gánh trọng lượng trên đầu cho nên bộ xương, cơ bắp đều bị ép rần lại. Em gái nghĩ thử

xem, kỷ lục thế giới hôm nay là 133 kg, đợi đến lúc em lớn có cơ hội tham gia thì kỷ lục thế giới có thể lên đến 180kg rồi”. Nói xong, anh lấy trong túi ra một tấm hình nhỏ, chụp cùng lúc với bức hình trên tường, anh trai lấy bút mở rộng cơ bắp của Trần Kính Khai trong tấm hình nhỏ. Nhìn xem, đến lúc đó, cơ bắp của em ít nhất phải đạt đến mức độ này mới chịu được trọng lượng của 180kg...”.

Thấy anh hùng trong lòng tôi bị anh trai tỉ mỉ vẽ thêm từng nét thành một đồng cơ bắp gần như vuông vức đồng thời tưởng tượng tương lai mình cũng sẽ biến thành như vậy, không khỏi có chút thẹn thùng bức tức: vì nước hi sinh thân mình, là ước nguyện của tôi. Ngay khi chưa được đi học, cùng với các thanh niên đại viện quân khu tập trung ở cây hoàng giác, chúng tôi đã nghĩ ra mấy chục cách chết anh hùng, luôn khiến người ta ngưỡng mộ, cho dù trước khi chết phải bị dày vò, hành hạ như Trác Á, như Thu Cận, như Lưu Hồ Lan, thương tích đầy mình, chỉ còn lại đôi mắt đầy lạc quan tin tưởng nhìn quanh pháp trường để cái chết như tiếng kèn lệnh xung trận đầy sức cảm hóa nhưng lại rất đáng được trân trọng. Nhưng trước giờ tôi chưa từng nghĩ lớn lên thành một đồng thịt như vậy. Cho dù cha bình thường cường điệu “lấy tài học phẩm chất đứng trên đời, không thể xem trọng dung mạo vóc dáng làm vui lòng người khác” nhưng trở nên giống như anh trai vẽ thì trong lòng tôi khó tránh khỏi thắc thỏm, lo lắng. Thế là không giúp anh nhổ tóc trắng, tôi lấy tấm hình nhỏ đó chạy ra ngoài, đến gõ cửa phòng mẹ. Tôi nhờ mẹ đoán xem có phải sau này tôi nhất định lớn lên thành một người như anh trai vẽ mới có thể tham gia thi cử tạ, mang lại vinh quang cho tổ quốc hay không.

Mẹ xem bức hình, im lặng một lúc, chỉ cười, anh cũng chạy đến vừa lo lắng vừa thành khẩn nhưng không gây ra tiếng động. Mẹ nói: “Một thời gian dài vận động với tư thế như vậy, đương nhiên sẽ ảnh hưởng đến thể hình, ví dụ như cánh tay phải của thợ rèn chắc chắn thô ráp hơn người thường, đôi chân của diễn viên múa đương nhiên linh hoạt hơn người thường...”. Mẹ nói rèn luyện trong một thời gian dài, do trọng lượng của tạ không ngừng tăng lên, thể hình của vận động viên cử tạ chắc chắn sẽ to hơn. Nhưng mẹ tôi nói, mẹ quả thực không biết nếu tôi muốn luyện nhắc tạ một trăm tám mươi ký thì có trở thành một người như anh trai vẽ hay không.

Tối ngày hôm sau, tôi mang tấm hình đó đến đại viện cho những người bạn đang tự luyện tập xem kỹ, bọn con gái sợ hết hồn, sau đó người sau tiếp bước người trước lần lượt xách tạ đá lên lầu, ý nghĩ làm quán quân cử tạ thế giới đã bị tác phẩm của anh tôi hù đến tan tành mây khói. Bọn con trai đại viện bỗng nhiên có vẻ trưởng thành, dường như chúng đang gánh vác trọng trách bên mình, mọi người hỗn hển nhắc tạ đá lên rồi để xuống rồi lại nhắc lên có khi luyện tập đến tối mịt. Trong mắt bọn con gái, bọn họ đã trở thành anh hùng. Bọn con gái để dành tiền quà cha mẹ cho, mua ít kẹo bầy màu, kẹo bông, đậu phộng da cá... Thành tâm đợi bọn con trai luyện đến nhắc không nổi tạ đá nữa mới đưa quà vật cho họ.

Khi bọn con gái bị hù dọa rút lui không lâu, anh ba tôi bỏ đi. Anh ấy đến đội thăm dò địa chất của Bắc Đại Hoang, trước lúc đi anh nói với tôi: “Anh hỏi thăm khắp nơi rồi, nghe nói Trung Quốc chưa có nữ cử tạ, trên thế giới cũng chỉ có các cuộc thi cho nam giới...”.

Sau này, tuy rời khỏi Trùng Khánh nhưng rất nhiều, rất nhiều năm tôi vẫn có thói quen quan tâm đến tin tức về các cuộc thi cử tạ, luôn hy vọng trong số những người đoạt giải phát hiện một người bạn thời niên thiếu của mình.

**K**hông nhớ đã gây ra họa gì mà đến lớp bốn tôi lại bị chuyển lớp, chỉ nhớ là lần này sau khi tuyên bố thi hành kỷ luật tôi, thầy trò cả trường không còn hát bài “Nhất định phải giải phóng Đài Loan” mà hát bài “Xã hội chủ nghĩa tốt đẹp”, là khúc quân hành, ca từ cũng đại chúng hóa: “Xã hội chủ nghĩa tốt đẹp, xã hội chủ nghĩa tốt đẹp, địa vị của nhân dân nước xã hội chủ nghĩa được nâng cao, phe phản động bị đánh đổ, chủ nghĩa đế quốc cong đuôi chạy mất. Nhân dân cả nước đại đoàn kết, dấy lên cao trào kiến thiết chủ nghĩa xã hội, cao trào kiến thiết...”.

Học sinh tiểu học chúng tôi cũng dấy lên cao trào mới xây dựng chủ nghĩa xã hội: chúng tôi trừ bốn hại, bốn hại đó là diệt chim sẻ, chuột, rệp, ruồi. Thầy nói vì chúng tôi là học sinh tiểu học nên chỉ cần chúng tôi phân nhau nhiệm vụ đập ruồi: ba người một nhóm, mỗi nhóm mỗi ngày một trăm con, nhưng nếu có thể bắt được chim sẻ hay chuột như người lớn thì càng mang lại vinh quang cho tập thể. Diệt ruồi là việc thi đua. Giữa tổ với tổ, giữa lớp với lớp, giữa cấp này với cấp kia đều hồ hởi thi đua. Trường học làm một bảng thông báo lớn với một biểu ngữ màu đỏ “bảng báo cáo hàng ngày về thành tích diệt ruồi”.

Khi chúng tôi ra khỏi nhà, trong túi nhét hộp quẹt, trên tay cầm vợt bắt ruồi. Tan học thì tìm ruồi để diệt. Mỗi ngày từ sáng sớm, trong phòng học ba người một nhóm, ba người một nhóm, chụm đầu vào nhau, lần lượt lấy chiến lợi phẩm trong bao diêm ra đếm “1, 2, 3, 4...” có người đếm “2, 4, 6, 8...” còn Trần Thái Hồng thì đếm “1 ba, 2 ba, 3 ba, 4 ba...”. Tiếng đếm hết đợt này đến đợt khác, trong phòng học náo nhiệt như cái chợ. Sau đó lớp trưởng thu gom toàn bộ những con ruồi, ghi số lượng từng tổ lên tấm bảng đen trên bức tường sau phòng học rồi mang số ruồi đó nộp cho trường.

Mỗi khi đến giờ nghỉ tiết, đầu người nhấp nhô trước bảng thông báo chiến tích diệt ruồi, thảo luận rất sôi nổi.

Trường có cờ đỏ luân lưu, hình tam giác, làm bằng tơ, thêu bốn chữ vàng “anh hùng trừ hại”. Cờ luân lưu mỗi tháng chuyển một lần, thưởng cho lớp có chiến tích tốt nhất, treo trong lớp thì vẻ vang vô cùng. Nhóm ba người có chiến tích tốt nhất trong “lớp anh hùng trừ hại” còn lên trước trường giới thiệu kinh nghiệm, giống như công nhân Stakhanov vậy.

Mọi người đều muốn lên bục giới thiệu kinh nghiệm nên tìm đến những nơi vừa bẩn vừa hôi. Vì những nơi càng nhếch nhác thì ruồi nhặng càng nhiều, cho nên nhà vệ sinh công cộng đương nhiên trở thành tiêu điểm chú ý của mọi người nhưng luôn là người nhiều hơn ruồi nên mọi người giành nhau đập. Vì lá cờ “anh hùng trừ hại”, lớp tôi nghĩ ra rất nhiều cách, làm không được cũng có, làm được cũng có.

Tổ của Lưu Chí Cương dùng dây kẽm và vải thưa làm thành một cái vợt, đến nhà vệ sinh công cộng kiếm mấy con giòi, lấy nước rửa sạch, bỏ vào nuôi trong bồn dầm rau của bà nội Lưu, chốc chốc lại mở nắp một lần để quan sát, đợi giòi trở thành ruồi. Nhưng phần nửa số giòi bị chết cũng chẳng thấy con ruồi nào. Cha của bạn ấy xách tai bạn ấy đến trường mách thầy cô, nhờ thầy cô dạy dỗ đứa con trai này biết giữ vệ sinh.

Lý Kim Ngọc có lần không biết từ đâu kiếm được một cái phao câu vịt béo ngậy, dùng đinh giày đóng lên thớt, rồi mang ra phơi nắng một buổi trưa đã thu được hơn trăm con ruồi. Vừa thử làm đã thành công, tổ của các bạn ấy ngày nào cũng làm như vậy...

Lớp tôi được bầu “anh hùng trừ hại”. Nhận cờ là một việc rất long trọng: cả lớp xếp hàng trên bục chào cờ của trường, lớp trưởng áo trắng quần xanh khăn quàng đỏ, bước ra khỏi hàng, đứng nghiêm, dong dạc tuyên bố: “Em đại diện lớp 4/2 tiếp tục giữ vững danh hiệu “anh hùng trừ hại” đạt được tháng này”.

Hiệu trưởng trao cờ cho lớp trưởng. Lớp trưởng vừa giơ cờ lên, tiếng vỗ tay vang lên như sấm. Lớp trưởng vui vẻ dẫn ý dẫn lớp về chỗ. Thầy trò toàn trường lại vỗ tay lần nữa. Lý Kim Ngọc lên bục giới thiệu chiến thuật mới “phao câu vịt trên thớt”.

Cờ được treo trong lớp, chúng tôi ai cũng tinh thần phấn chấn, cách mấy ngày lại làm hư một cây vợt đập ruồi. Lý Kim Ngọc nói với tôi, chủ nhiệm lớp đến nhà từng người trong nhóm bạn ấy, sau đó, phụ huynh của ba nhà đều mua thớt mới để thớt cũ cho con mình bố trận trừ hại.

Giáo viên chủ nhiệm biểu dương sự nỗ lực của chúng tôi, kiến nghị cả lớp phải duy trì thói quen giữ vệ sinh từ nhỏ, muốn chúng tôi khi giao ruồi không được dùng tay bắt, tốt nhất là dùng hai cây que giống như đôi đũa để gắp ruồi đếm, đếm xong thì bỏ que tre và bao diêm vào trong lò bếp của căn tin trường đốt bỏ. Nhưng chúng tôi đều cho là phiền phức, hơn nữa cả trường đều dùng tay bắt ruồi, ai cũng lười vớt que tre, vả lại, số lượng ruồi chết càng ngày càng nhiều, những bao diêm be bé chẳng mấy chốc bị loại bỏ. Cuối những năm năm mươi, ở thành phố Trùng Khánh hiếm thấy vật dụng được gói bằng hộp giấy, nên chúng

tôi rất khó tìm được cái hộp vừa ý dành dùng lọ thủy tinh hay cửa ống tre để đựng ruồi, tuyệt đối không đốt bỏ.

Sau khi kinh nghiệm của Lý Kim Ngọc thịnh hành được hai tuần, Trịnh Khả Thành có cách làm khác rất độc đáo. Bạn ấy nhặt một con rắn nhỏ chết mềm nhũn, lấy đá đập nát, lấy tuốc-nơ-vít gắn chặt lên vỏ cây hoè già, thu hút bọn ruồi nhặng bay vào, ba người nhóm họ xông vào đập. Sáng ngày thứ hai, nhóm này một người lấy một tờ báo sột soạt trải lên bàn, một người khác lấy giấy dầy miêng ống tre, dùng dây thun quấn trên ống tre. Chưa từng thấy thế trận này nên ai cũng bị họ làm cho ngỡ ngác hồ đồ. Trịnh Khả Thành bắt chước giọng của những diễn viên kịch nói lớn: “Các anh, các chị, các ông, các bà! Ai ngồi thì ngồi cho vững, ai đứng thì đứng cho vững, để huynh đệ chúng tôi biểu diễn cho mọi người xem, chớp mắt một cái, ay - da da!”. Sau đó tay phải đề ống tre tay trái giật dây thun, giọng vang vang: “Gà mẹ biến - vịt!” đồng thời dứt tiếng nói, trút ống tre, tiếng lạo xạo, vang lên trên báo xuất hiện một đồng ruồi nhặng xếp thành hình kim tự tháp...

\*

\*\*

Sau khi tan học, mọi người theo lời dặn của lớp trưởng ở lại phòng học. Lớp trưởng tự mình đi chốt cửa hai bên hành lang lại. Sau đó bốn mươi bốn người xếp hàng, yên lặng, vừa thần bí vừa lo lắng nhìn Trịnh Khả Thành. Trịnh Khả Thành bình thường nghịch như quỷ bây giờ nghiêm chỉnh yêu cầu mọi người “lấy danh nghĩa cách mạng” ra thề: Trước khi lớp 4/2 chúng ta giành được cờ luân lưu “anh hùng trừ hại” lần nữa, tuyệt đối không ai được nhắc đến chuyện ngày hôm nay. Mọi người hướng về hình của Mao Trạch Đông và Stalin thề. Thề xong, Trịnh Khả Thành truyền thụ cho chúng tôi chiến thuật mới của cậu ta, còn nói: “Đây gọi là kế hồn rắn câu ruồi!” các bạn được gọi mở bèn đồ xô ra chợ nhặt các thứ như đầu lươn, ruột cá, tìm cây treo lên, mùi tanh thu hút lũ ruồi nhặng...

Đến cuối tháng, cả lớp chúng tôi lại xếp hàng trên bục, ưỡn ngực tự hào. Trịnh Khả Thành giới thiệu với toàn trường về “kế hồn rắn câu ruồi” của nhóm cậu ấy.

Trịnh Khả Thành là người học không chăm chỉ những thành tích của cậu ấy tuyệt vời, là nhân vật làm cho rất nhiều thầy cô vừa yêu thích vừa đau đầu, rất ăn ý với tôi, hai đứa thường trốn học lên ra quán trà nghe thuyết thư.

Quán trà Trùng Khánh chỉ bán trà không bán cơm. Mỗi người một đĩa một ly một hũ, ngồi kín các bàn. Đám người buôn bán dạo, sau khi đưa tiền cho quán trà, thì có thể đi vào trong buôn bán. Bọn họ hoặc là lấy dây đai bằng vải hoặc buộc hai đầu thùng đựng hàng, đeo vào cổ rủ xuống trước ngực, thùng đựng hàng hay miếng ván mỏng được đóng rất khéo léo có thể gấp lại như cái vali, bên trong chia thành nhiều ô đựng thuốc lá thơm, kẹo, hạt bí, hạt hướng dương... chen trong đám đông để bán hàng.

Quán trà ở Trùng Khánh rất nhiều giống như các quán mì ở Lan Châu, các quán rượu ở Quảng Châu, các tiệm bánh bao ở Tây An nhưng sự cạnh tranh của các quán trà không có quán mì, quán rượu nào so sánh được: vừa không có sự khác biệt về khẩu vị vừa không có sự khác biệt về giá cả. Quán trà này quán trà kia bất luận là quán nào đều phục vụ khách với bàn ghế giống nhau, giá cả bằng nhau, bát uống trà giống nhau, trà giống nhau. Điều quyết định sự tồn vong hưng thịnh của quán trà, một là công phu pha trà, hai là kỹ thuật thuyết sách.

Nghĩ đến bốn hệ thống ẩm thực lớn của Trung Quốc - Tứ Xuyên, Sơn Đông, Tô Châu, Quảng Đông, trong đó đứng đầu là món ăn Tứ Xuyên nhất là món lẩu Trùng Khánh, mãi cho đến tận hôm nay, nó vẫn nằm trong nguyên tắc lấy thực phẩm “làm ấm” ngược với các món ăn giải nhiệt của người Quảng Đông. Có thể thấy đầu bếp là người quan trọng thế nào. Nhưng dù quan trọng thế nào thì người Trùng Khánh cũng chỉ gọi là “đại sư phụ”. Còn người pha trà ở quán trà thì được gọi một cách tôn trọng là “chuyên gia pha chế trà”- dựa vào tầm quan trọng của công phu pha trà.

Quán trà mà tôi và Trịnh Khả Thành thường nghe thuyết sách, có một chuyên gia pha chế trà công phu tuyệt vời, hơn bốn mươi tuổi, gầy gầy giống như những chú cá ở Gia Lăng Giang, tướng mạo bình thường, có điều ngón tay linh hoạt, cổ tay to khỏe, khiến người ta không sao quên được. Đợi quán trà đầy khách, ông ta đứng ở một đầu của chiếc bàn dài, lấy ngón tay trở ngón tay giữa kẹp đĩa trà xoay một lượt rồi vừa gấp vừa xoay, những cái đĩa hết cái này đến cái khác quay thẳng đứng, xoay đến trước mặt khách thì dừng lại, sau đó chuyên gia trà đi một vòng, đặt tách trà lên từng cái đĩa rồi trở về chỗ cũ dùng ngón tay quay nắp trà, đợi sau khi nắp trà đến chỗ đĩa thì ông ấy xách ấm trà- một ấm trà bằng đồng đỏ, bụng to vòi dài, được đánh bóng sáng loáng. Chuyên gia trà dáng người không cao, ông ấy đến bàn, tay trái chống hông, tay phải cầm bình trà đưa đến ngang tai, nhìn chăm chăm vào chén trà hạ giọng: “Đến rồi”, rồi nghiêng bình đồng, nước trà từ miệng vòi chảy mạnh xuống miệng chén, không giọt nào vấy ra ngoài. Ông ta lại theo trình tự, lòng bàn tay

cầm nắp chén, từ phải sang trái đi quanh bàn nửa vòng, cứ thế rót cho đến hết lượt.

Tiết mục thuyết sách đều được viết lên bảng đen từ đầu ngày, treo ở cửa quán. Tiết mục ở các quán trà không giống nhau, tùy khách chọn. Đầy chén trà xong, thuyết sách bắt đầu, mọi người yên lặng. Người thuyết sách vừa đến đầu tiên kể một câu chuyện ngắn, đại loại như “Kiều thái thủ loạn điểm uyên ương phổ”, “Đỗ thập nương nô trầm bách bảo tương”, đa số lấy từ “tam ngôn”, “lưỡng phách” những câu chuyện còn tiếp thì thường có câu “muốn biết câu chuyện kết thúc thế nào, chờ nghe hồi sau sẽ rõ”. Lúc này có thể thấy những người ngồi nghe có vẻ không hài lòng. Người Trùng Khánh rất giỏi về “bày long môn trận”. Họ không vỗ tay biểu thị sự hài lòng cũng không chê bai để biểu thị sự bất mãn. Câu chuyện kể hay, đợi chuyện gia trà tiếp nước, khách vừa bình phẩm trà, vừa ung dung bình sách, những người bán hàng vật bị gọi đi xung quanh: lúc đó kẹo bán theo số tiền, hạt dưa dùng chung đong, thuốc thơm bán lẻ từng điều nhưng cả người bán lẫn người mua không ai thấy phiền phức. Tiết mục thuyết sách ngày thứ hai phải mất ít nhất hai tuần mới kể xong đại loại như “thuyết đường”, “thuyết nhạc”, “thập tam muội”. Cũng không biết vì lý do gì, những người thuyết khách giỏi tôi gặp trước giờ không thuyết sách dài hai lần ở cùng một quán, luôn biết rút lui đúng lúc đổi sang quán khác, có lẽ là quy định của nghề này là như vậy chăng? Nếu chuyện kể ngắn mà không có mở đầu hay thì không cần đợi “hồi sau sẽ rõ” khách đã bỏ về một nửa, những người còn lại ngồi uống buồn bã, không mua thuốc, cũng không mua kẹo, những người bán dạo đứng buồn hiu, người thuyết khách đó ngượng ngùng kể xong hồi sau, ngày thứ hai không thấy xuất hiện nữa.

Chuyên gia trà của quán này chính là ông chủ. Không những công phu pha trà của ông độc đáo mà bản lĩnh nhìn người cũng rất cao cường: hễ người nào ông ấy mời đến thuyết sách, lần đầu treo bảng nói kể chuyện dài, nếu nói chuyện ngắn thì tiền công ngày hôm đó ông ấy không phải trả. Ngày nào quán trà cũng đông khách, còn có rất nhiều người bưng trà đứng uống. Người đến quán này thuyết sách, ai cũng biết cách cắt giữa câu chữ một cách rõ ràng thỏa đáng, nhịp nhàng ăn khớp. Có khi chuyện đại sự như thay đổi triều đại của cung đình Lý Thế Dân chỉ một đôi câu là nói xong, có khi đến hết chung trà, người thuyết sách vẫn không để Triệu Tử Long giết Trường Bản Pha, miêu tả rất sinh động, tiếng vó ngựa, tiếng cung tên còn đưa tay lên miệng bắt chước tiếng Lưu A Đầu khóc... Rồi đến lúc gay cấn thì nhất định đợi hồi sau sẽ rõ.

Tuy tôn chỉ của loại văn hóa quán trà này rất đơn giản, cũng rất cũ. Bất luận chê là xu nịnh kẻ quyền quý, bội tín bất nghĩa, hay khen là trung quân ái quốc, lấy của người giàu chia cho người nghèo thì tôi và Trịnh Khả Thành đều thích – cũng có thể là kỹ thuật tài tình của người thuyết sách khiến hai chúng tôi bị mê hoặc. Mỗi lần có tiết mục đặc sắc, ngày hôm sau Trịnh Khả Thành nhất định phải kể lại cho các bạn trong lớp nghe để thiết đãi các bạn. Sau này do bận rộn nên lâu lắm chúng tôi chưa đến quán trà. Tuy rất nhớ nhưng cảm thấy việc kiến thiết chủ nghĩa xã hội trừ bốn hại là quan trọng nhất nên đành cắn răng chịu đựng.

Từ lúc Trịnh Khả Thành lên bục giới thiệu kinh nghiệm, cứ nói mãi nói mãi, chẳng biết thế nào mà trở thành khẩu khí của một người thuyết sách! Cậu ta vốn nói rất hay lại đặc biệt thích nói. Lần này cậu ta nói xong “kể hờn răn câu ruồi”, nói tiếp, “thực ra các bạn học của tôi, ai cũng tức trí đa mưu” rồi tiếp tục nói, còn diễn thuyết cho mọi người nghe nào là “kế dùng ruột cá bắt ruồi” nào là “kế lấy đầu lươn chết bắt ruồi sống” còn nói cái gì “vừa đặt bẫy đã thấy ngay kết quả, nhắc lên xem thì lữ nhặng dính chặt trên đầu con lươn, vỗ rớt xuống thì dính trên đất cát, những con ruồi bị vỡ bụng chết rất thảm, những con chưa chết hẳn vẫn vỗ cánh o o...”. Trịnh Khả Thành nói hăng và sinh động đến nỗi thầy trò cả trường nghe ngẩn người, có người thấy trong dạ còn cào vội lao vào nhà vệ sinh nôn lấy nôn để, nôn đến mắt trắng dã, đến khi định thần lại bèn nói: “Học sinh lớp 4/2 sao lại khác thường như thế!”

Nhưng cô Lý chủ nhiệm lớp tôi không có vẻ gì cảm thấy khác thường cả. Nghe Trịnh Khả Thành trên bục giọng trầm bổng réo rắt, nói thao thao bất tuyệt, sắc mặt cô trắng bệch, có vẻ rất lo lắng. Năm đó cô đã năm mươi sáu tuổi, tóc bạc trắng dài tới vạt áo, tính tình cô rất tốt, bất luận là chúng tôi làm sai việc gì, cô luôn bảo ngồi cạnh cô rồi cô hỏi cặn kẽ, cuối cùng thì làm cho người ta phục sát đất. Cô trước giờ không bắt chúng tôi làm kiểm điểm cũng không phạt đứng, nói rằng “cái có sức kiểm chế con người nhất vẫn là lương tri của mỗi người”.

Mặt cô xương xương, vóc người cao lớn, ăn mặc gọn gàng, người thanh tú. Cô Lý dạy học ở trường tiểu học này cả đời, cả đời làm giáo viên chủ nhiệm, cả đời dạy ngữ văn. Phong cách của cô đoan trang, ăn nói điềm đạm. Toàn thể học sinh lớp 4/2 rất yêu kính cô giáo, ngay cả một con ngựa bất kham như tôi thỉnh thoảng cũng nhắc nhở mình kiểm điểm lại hành vi, không nỡ làm cô giáo giận. Thực ra điều khiến tôi khuất phục hoàn toàn không phải là những người lúc nào cũng nói đạo lý mà là những người dùng sự nhã nhặn, sự chân thành, từ đôi mắt đến ngữ điệu đều lưu lại thiện ý thân thiết như thế, trông trẻ như thế, để tôi vừa đối diện thì cảm thấy luống cuống, cảm thấy tự mình xấu hổ.



Ngày thứ ba sau khi Trịnh Khả Thành giới thiệu kinh nghiệm, là ngày chủ nhật nhưng cô giáo muốn chúng tôi đến trường, nói là mời một giáo sư đại học vốn là học trò cũ của cô đến giảng cho chúng tôi hai tiết. Trong mắt học sinh tiểu học, sinh viên đã là hãnh diện lắm huống hồ là giáo sư của họ? Chúng tôi vô cùng vui mừng, mới sáng sớm đã chạy đến cổng trường trông ngóng.

Quả nhiên giáo sư đến, còn có hai sinh viên đi cùng, mỗi người ôm một thùng gỗ đi theo. Vừa nhìn thấy thầy trò giáo sư đi cô Lý lên lầu vào phòng học, cả lớp 4/2 đã có cảm tình với ông ấy. Thùng gỗ đựng mấy ống nghiệm, thuốc nước, mảnh kính, một cái thùng khác đựng bộ kính hiển vi. Khi hai sinh viên bày chúng lên bàn, cả lớp không dám thở mạnh, rất ngưỡng mộ.

Giáo sư với vài ba câu đã nói rõ cách dùng kính hiển vi. Sau đó gọi Vương Tiểu Phương ngồi ở bàn đầu lên bảng, bảo bạn ấy nhổ sợi tóc của mình, đặt lên tấm lam trên máy. Bạn ấy xem tóc của mình qua kính hiển vi, xem xong ngẩng đầu lên, ngơ ngác nói: “Sao tóc của em lại thô như cây đũa thế?” Giáo sư bảo cả lớp thay phiên nhau lên xem sợi tóc của Vương Tiểu Phương, đồng thời nói với mọi người sợi tóc này chỉ có đường kính phóng to bằng sáu sợi tóc bình thường, nhỏ hơn so với chân của con ruồi. Cả lớp ngạc nhiên bàn tán sôi nổi, rất là náo nhiệt.

Giáo sư lại cho chúng tôi xem một ống nghiệm, trong đó có ngâm một con ruồi. Ông ấy dùng nhíp bứt một chân con ruồi, thay vào chỗ cộng tóc trên kính hiển vi, rồi bảo Vương Tiểu Phương lên xem. Vương Tiểu Phương vừa đưa mắt nhìn đã kêu lên: “Ai da, ai da, sống rồi, sống rồi! Có một đồng gì đấy đang động đấy!” Giáo sư nói: “Là vi khuẩn, chân nào của con ruồi cũng có”. Vương Tiểu Phương hét lên nhảy sang một bên. Thế là cả lớp lại lần lượt lên xem chân của con ruồi dưới kính hiển vi. Giáo sư vừa giải thích quá trình sinh trưởng của ruồi, ông nói rằng sức sinh tồn và sức sinh đẻ của chúng rất mạnh mẽ, gần bất kỳ cái gì thối rữa cũng có thể sinh trứng. Sau đó chúng bắt đầu làm vật môi giới, ruồi có thể lây truyền rất nhiều bệnh tật... Cả lớp im phăng phắc lắng nghe, những khuôn mặt non nớt trở nên trắng bệch như khuôn mặt cô giáo hôm đó nghe kinh nghiệm của Trịnh Khả Thành. Cuối cùng, Trịnh Khả Thành giơ tay nói: “Ruồi bẩn như vậy, hại người như vậy, truyền bệnh như vậy tại sao không bị những vi khuẩn đó hại chết? Giáo sư rất vui, nói Trịnh Khả Thành có tinh thần ham học hỏi, thích hiểu biết. Ông ấy nói ruồi là một vật trung gian...” từ ruồi đến bệnh kiết lỵ, rồi từ muỗi nói đến bệnh sốt rét, từ bọ chét nói đến trận chiến dịch hạch...

Giờ nghỉ giải lao ngày hôm sau, trước “bảng nhật báo chiến tích diệt ruồi”, Trịnh Khả Thành mà ai cũng biết, giảng giải: “Đập ruồi cũng cần có kiến thức: phải biết cận kề sau đó mới vận dụng. Nếu không biết ruồi hại người như thế nào, cách diệt ruồi dùng không thích hợp tức là mời lũ ruồi đến hại mình, thậm chí chủ động cung cấp thiên đường sinh sôi cho ruồi như “kế hồn răn câu ruồi” của tôi...” Người đến nghe Trịnh Khả Thành nói mỗi lúc một đông. Suốt tuần, hễ tan học là cậu ta chạy đi diễn thuyết còn đặc sắc hơn cả giáo sư khiến thầy trò cả trường nghe đều trở mắt lú lưỡi, nghỉ một lúc rồi nói: “Người lớp 4/2 thật khác thường!”

Ai ngờ học trò lớp 4/2 trong một đêm đã thay đổi – khi giao ruồi, ai cũng dùng que gắp ruồi sau đó mang đi đốt. Ai thấy ruồi cũng ra sức đập nhưng không ai dám giở trò gì nữa.

Tôi về nhà kể những chuyện này cho mẹ nghe. Mẹ cười nói: “Cô chủ nhiệm các con dùng kế gọi là giải quyết căn bản, phản ứng dây chuyền!”

Những năm đó mối quan hệ giữa tôi và cha mẹ rất buồn cười. Giữa tôi với mẹ như những người bạn với nhau, nói chuyện rất thoải mái. Có lúc gặp những chuyện khó khăn hay những chuyện buồn cười, tôi đều nói với mẹ, ngoài chuyện chiến tranh ra, chuyện gì tôi cũng có thể thảo luận với mẹ. Mẹ luôn tươi cười, lấy những ví dụ sinh động để minh họa với những lời giải thích rất hợp lý nên mẹ luôn làm tôi tâm phục khẩu phục.

Nhưng quan hệ giữa tôi và cha lại khác. Suốt đời tôi luôn xem cha là một người chỉ huy và luôn cảm thấy tôi là lính dưới trướng của cha, trước giờ chỉ biết thi hành theo mệnh lệnh không hề có cơ hội để thanh minh. Trung bình thì cứ một tuần, mười bữa tôi lại bị đòn vì chuyện này chuyện kia. Bình thường cho dù không gây ra tai họa gì nhưng chỉ cần nghe tiếng cha tăng hăng thì tôi đã giật bắn người, chuẩn bị trấn mình chịu đòn roi. Tuy thường bị đánh đến tởm thậm chí phải nhờ bạn đến công đi học nhưng chưa bao giờ tôi cảm thấy oan ức cả. Vì cha nói “Công không thưởng, tội không phạt thì khó tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ”. Tôi lại luôn không có cơ hội lập công, luôn phạm những tội đáng bị phạt. Lúc đó việc ăn đòn đối với bọn trẻ là chuyện cơm bữa. Nhất là ở khu nhà hồng này, những người cha đều xuất thân từ quân ngũ luôn lấy dây da để giáo huấn những đứa con nghịch của mình nhưng không bao giờ đánh lên đầu lên mặt, nói rằng vết thương thấy rõ bên ngoài sẽ làm tổn thương lòng tự trọng của bọn trẻ, đánh vào mông thì có thể phạt mà còn có thể giữ được lòng tự trọng, thế là cứ đóng cửa dạy con.

Những người này không thể không đánh con mình nhưng hề nghe con nhà người khác bị đòn thì vội vàng chạy đến giải cứu. Bất luận là người có học hay không, các cô các bác đều lịch sự phê bình: “Ấy, các bác, dạy con phải dùng lời để thuyết phục, bây giờ là xã hội mới rồi không còn đánh con cái nữa đâu!” Thế là đến lúc da thịt không còn chịu được nữa thì có đứa gào khóc kêu gọi cứu tinh.

Ngày nay nhớ lại bỗng thấy cảm thấy có chút kỳ lạ: những đứa trẻ khi bị đòn mà được cứu thì sự trừng phạt không chấm dứt ở đó. Người bị đòn không được cứu một cách dễ dàng vì sau khi được cứu thì hành vi nhu nhược này sẽ bị trẻ con đại viện cười nhạo suốt mấy ngày, làm cho vừa thảm hại vừa hổ hận, bản thân cảm thấy mất mặt. Tôi chết cũng cần thể diện, trước giờ không kêu cứu, ai ngờ có một ngày, tôi bị cha đánh trước mặt mọi người ở đại viện làm tôi hổ thẹn và căm phẫn. Lần đó là vì chuyện của ông Kim Chiêu Tiên.

Kim Chiêu Tiên ở gian ba nhà hồng, là người lớn, cùng tuổi với cha tôi. Trước đây tôi không chú ý đến ông ta, thậm chí cũng không biết ông ấy làm nghề gì. Có một hôm, ăn cơm xong, tôi trượt tay vịn cầu thang xuống chẳng tìm thấy một người bạn nào. Đang cảm thấy lạ, Đặng Bích Nhi ở lầu hai chạy như bay đến. Từ xa nhìn thấy tôi đã la to: “Xảy ra chuyện lớn rồi! Mau, mau, mau, mình tìm bạn khắp nơi không thấy tướng bạn đang bị đòn ở nhà!” Gian chúng tôi ở người thường bị đòn nhất là tôi, người thứ hai phải kể đến là bé Vân, kế đó là Đặng Bích Nhi.

Thực ra trước giờ Đặng Bích Nhi không gây họa chỉ là học không giỏi. Tuy cũng học chung lớp bốn như tôi nhưng đã lưu ban hai lần rồi. Bạn ấy sợ nhất là môn toán. Có lần kiểm tra trên lớp, phải dùng mẫu câu “hề... thì...” để đặt câu. Khi giáo viên gọi đến tên Đặng Bích Nhi, bạn ấy đứng dậy nói những lời mà trong lòng mong mỏi thiết tha: “Hề đến chủ nghĩa cộng sản thì có thể không học toán nữa rồi!” cũng không biết có phải Đặng bá bá nóng lòng mong con gái thành đạt hay không, mà hề thấy bạn ấy lấy bài tập về nhà ra làm là bác ấy lấy dây thừng ngồi bên cạnh trừng mắt nhìn. Đặng Bích Nhi nói với tôi: “Hề thấy dây thừng thì những con số giống như mười lăm cái gàu múc nước vậy cứ nhảy lộn xộn trong đầu mình”. Làm sai thì Đặng bá bá quát bạn ấy một cái, hề bị đòn thì làm càng sai, từ lâu tôi hoài nghi không biết có phải bạn ấy bị cha mình dọa sợ đến ngu luôn không nhưng Đặng bá bá lại không hiểu đạo lý này. Những người cứu tinh cũng chỉ là khuyên nhủ, khuyên Đặng bá bá bỏ sợi dây thừng trong tay chứ không mở mang đầu óc bác ấy. Đặng Bích Nhi rất khéo tay thường thêu hoa lá cỏ cây lên khăn cho tôi. Tôi mang tặng chị gái ngốc ở đầu đường. Chị gái ngốc cho tôi xem miễn phí mười cuốn truyện tranh. Đặng Bích Nhi rất muốn làm bài tập chung với tôi nhưng cha bạn ấy không cho, dạy con gái rằng: “Trước mắt con chỉ là thành tích không đạt nhưng nếu con kết bạn với đứa ma vương quỷ sứ như vậy thì ngay cả xếp loại đạo đức cũng chỉ là loại D thôi”. Nhưng sau lưng cha, Đặng Bích Nhi vẫn thích chơi chung với tôi. Bạn ấy tính toán không nhanh nhưng chạy rất nhanh. Tôi dù làm quan binh hay làm cướp cũng muốn chơi chung với bạn ấy.

Hôm đó bạn ấy chạy đến bên tôi, nói đại sự chính là trong viện có một phần tử cánh hữu, tên là Kim Chiêu Tiên, sống ở gian ba. Lúc này có một đám người dán báo đại tự trên cửa gian ba, bọn trẻ nghe tin đồn đã chạy đi xem. Còn bạn ấy thì chạy khắp nơi tìm tôi.

Liên quan đến phần tử cánh hữu, tôi chỉ nghe thầy giảng trong giờ chính trị, còn thấy trong cuốn “sổ tay thời sự” của cha nhưng đều là những tranh biếm họa, xấu xí, rất khó coi. Nhưng trước giờ tôi chưa từng gặp một phần tử cánh hữu bằng xương bằng thịt nên vội vàng chạy theo Đặng Bính Nhi.

Cửa trước gian ba đông nghịt người. Tôi và Đặng Bính Nhi lách mình qua trong bức tường người dày đặc trước thấy mấy hàng đầu toàn là con nít đang ngồi bó gối giống như xem phim ngoài trời, ngược lên nhìn chăm chăm Kim Chiêu Tiên đang cúi gằm mặt.

Trong lòng tôi cảm thấy lạ vì tôi phát hiện ra rằng phần tử cánh hữu bằng xương bằng thịt này khác một trời một vực với tranh biếm họa: ông ấy rất đường hoàng. Nói theo sách là “mặt vuông góc cạnh” tuy không phải “mày ngài mắt phượng” nhưng cũng là “mặt chữ quốc, mũi cao”.

Chiếc mũi cao rịn mồ hôi. Mấy người đang chỉ chiếc mũi đó kể tội, giải thích những gì trong báo đại tự cho những người không biết chữ nghe, nói rằng Kim Chiêu Tiên phạm tội lớn vào thời Đại Minh Đại Phóng.

Liên quan đến chuyện Đại Minh Đại Phóng, chúng tôi cũng biết chút ít vì đó là một trong những nội dung quan trọng đại hội năm 1956, trên mỗi bài thi môn chính trị của học sinh đều có đề điền vào chỗ trống như sau:

Phương châm “song bách” của Mao chủ tịch là..., hình thức là..., nguyên tắc là...

Nên điền như vậy: phương châm “song bách” của Mao chủ tịch là trăm hoa đua nở, trăm nhà tranh tiếng, hình thức là Đại minh, Đại phóng, đại tự báo, đại biện luận, nguyên tắc là trí vô bất ngôn, ngôn vô bất tận, ngôn giả vô tội, văn giả tức thành.

Vì đáp án khí thế hào hùng, vẻ đối chuẩn, dễ đọc, dễ nhớ ngay cả Đặng Bính Nhi cũng không điền sai. Trường chúng tôi cũng Đại Minh Đại Phóng náo nhiệt mấy tháng liền.

Có lần gây họa bị phạt đứng trong văn phòng, tôi còn xem lướt qua mấy đại tự báo, vừa xem thì cười thầm, trong lòng lấy làm lạ vì sao người lớn có lúc cũng giống như trẻ con vậy: năm đó các trường tiểu học ở Trùng Khánh đề xướng trồng hoa nuôi thỏ, trồng hoa hướng dương, lớp thi đua với lớp, trường thi đua với trường. Có trang đại tự báo còn đưa ý kiến với chủ nhiệm hậu cần vì ông ấy phân cho lớp này đất ít đá nhiều, đừng nói là hoa hướng dương ngay cả con giun đất cũng sống không nổi nữa... Có hai giáo viên liên danh đuổi tổng phụ trách đội thiếu niên tiên phong, nói rằng anh ta làm việc rất cầu thả, phân cho hai lớp này tám con thỏ rất kỳ quái: các lớp đều lần lượt có thỏ con nhưng hai lớp này chờ hoài vẫn không thấy sinh, lo đến nỗi học trò tan học vội vàng chạy đến chuồng thỏ, có người còn về nhà lấy cân lấy thước, cân đo vòng bụng từng con thỏ một. Cuối cùng có phụ huynh nghe con mình khóc lóc kể lẽ liền chạy đến trường xem mấy chú thỏ mới phát hiện tám con thỏ đều là thỏ đực, tám con thỏ của lớp kia đều là thỏ cái... Lúc đó chúng tôi đang học học kỳ hai lớp ba, cô chủ nhiệm trên đại tự báo oán trách tôi ở tại lớp cô ấy lâu hơn các lớp khác một tuần, nói cô ấy bị hại đến tinh thần sụp đổ, kịch liệt yêu cầu giáo viên chủ nhiệm chuyển tôi đi nơi khác.

Chuyện mà Kim Chiêu Tiên này gây ra chắc không phải là chuyện nhỏ – ông ấy phản đối Trung Quốc học tập Liên Xô, nói một số phương châm chính sách của Liên Xô không thích hợp với sức mạnh của quốc gia, với tình cảm dân tộc của chúng tôi.

Bọn trẻ ở đại viện đều bị chấn động bởi những lý lẽ của Kim Chiêu Tiên, cảm thấy ông ta quả là một tên đại xấu xa. Đêm hôm đó bọn trẻ tụ tập dưới ánh trăng, bàn mưu kế để hôm sau trừng phạt phần tử cánh hữu, lấy hành động thực tế bảo vệ chủ nghĩa xã hội.

Đó là những năm mà sau này được ca ngợi là trang vàng của chủ nghĩa xã hội, trị an Trùng Khánh rất tốt, quan hệ giữa người với người hòa hợp như sống ở đảo hoa viên, trên đường không nhặt của rơi, buổi tối không đóng cửa. Buổi trưa mọi người đều ăn cơm ở nhà ăn của đơn vị, không về nhà, bọn trẻ nhân giờ ngủ trưa lên vào chỗ ở của Chiêu Kim Tiên quậy phá thì quả là chuyện thần không biết, quỷ không hay.

Hôm sau khi mặt trời lặn, Chiêu Kim Tiên về nhà thì thật xui xẻo, khi ông ấy đẩy cửa vào thì cảm thấy va trúng cái gì, mới bước thì bị trơn trượt té xuống sàn, thế là ống quần cổ áo bị những con vật ương ương, lạnh lạnh nhảy vào. Chúng tôi từ lâu có hai kẻ đưa tin nhanh chân khéo miệng đứng trước nhà ông ta. Một người chạy về thuật lại: “...Kim Chiêu Tiên té hai lần mới bò dậy được, mở đèn xong mới phát hiện trên sàn gần cửa vào bị chúng ta trét một lớp mỡ heo!” Chưa nói dứt lời thì cậu ta quay mình chạy đi, người được thay thế chạy về nói tiếp: “Kim Chiêu Tiên mở đèn lên xem, sợ hết hồn vì cả phòng toàn là châu chấu, cóc nhái, con nào có cánh thì bay loạn xạ, con nào không cánh thì nhảy lung tung! Phần tử cánh hữu này tiện tay lấy cây chổi và cây lau sàn đàng sau cánh cửa, quay lại, một tay một cây chống đến mở cửa sổ”. Cậu ta bắt chước Kim Chiêu Tiên vấp ngã thế nào, té thế nào, rồi bắt chước lũ cóc nhái chạy trốn men theo tường, đảo mắt nhìn rồi nhảy vào chỗ tối om dưới gầm giường...

Học sinh lớp hai Trần Tiến Xuyên vội vàng ngắt lời tường thuật của người khác, hỏi: “Kim bá bá...”

không, không! Kim cánh hữu đã nôn ra bong bóng xà phòng chưa? Bong bóng to không?” Trần Tiến Xuyên bỏ xà phòng vào trong bình trà của Kim Chiêu Tiên, nói rằng Kim Chiêu Tiên bị đau đầu sẽ đi uống trà để định thần nhất định sẽ uống một bụng bong bóng xà phòng. Sau đó thở dài từng bong bóng sẽ bay từ trong miệng ra. Người tường thuật nói khi cậu ta rời khỏi: “Kim Chiêu Tiên đi về hướng cửa sổ, vẫn chưa uống nước”. Nói xong thì quay lưng chạy đi. Hai cửa sổ đã bị chúng tôi trét một lớp bùn dày để ráng chiều không xuyên qua vì chúng tôi biết rõ rằng bọn côn trùng rất thích ánh sáng thì dự đoán Kim Chiêu Tiên sẽ mở cửa để bọn châu chấu, cào cào bay ra ngoài.

Quả nhiên người đưa tin thứ nhất mang tin về “Khi Kim Chiêu Tiên mở cửa sổ, hai tay bị dính chặt hắc ín mà chúng ta bôi lên. Bây giờ đang chờ người trong nhà bếp, dùng que củi gỡ...”. Thế là Trần Tiến Xuyên lại xụ mặt, oán trách phần tử cánh hữu đồ sao không đi uống bình nước có nước xà phòng ở trong. Mọi người an ủi cậu ta nói: “Người mưu trí ngàn kế cũng có kế thất bại”, nói “thắng bại là chuyện thường tình của nhà binh”. Thế là lại có người lo lắng không biết khi nào Kim Chiêu Tiên mới nhóm lửa nấu cơm vì trong lò của ông ấy đã có một xấp giấy pháo lớn, được che dưới một lớp tro mỏng, chỉ cần một đóm lửa.

Giấy pháo là do chúng tôi tiết kiệm tiền ăn sáng hùn lại mua. Đó là một loại giấy bản hai tờ dính nhau, ở giữa là thuốc pháo. Bình thường khi chơi, xé từng miếng giấy dán lên miếng nhôm trên tay cầm bằng gỗ ở thân súng, báng súng cũng dính một miếng nhôm, báng súng được giữ bởi một sợi thun kéo căng từ đầu súng đến cuối nút bấc khi hất ngón cái, nút bấc sẽ bắn về phía trước, va vào miếng nhôm thuốc pháo nổ vang như súng thật. Đợi đến khi Kim Chiêu Tiên nhóm lửa, chỉ cần lửa từ ghi lò rơi xuống thì sẽ bắt vào giấy pháo trong bụng lò mà phát nổ, mọi người có thể nghe rất rõ...

Cứ như vậy hai người đưa tin chạy tới chạy lui báo cáo sự tiến triển của sự việc, ngoài mấy chục đứa trẻ mang cặp đứng trong đại viện, hoa hướng dương cũng đứng đưa nhìn cửa sổ phòng của Kim Chiêu Tiên gian ba vừa lo lắng vừa thích thú...

Đột nhiên Quách Quân Sinh hai tay bắt chéo sau lưng chạy về, còn nói chúng tôi: “Cha tôi ở chiến trường Triều Tiên trước khi phát động tổng tiến công quân Mỹ, chắc cũng vừa đi vừa nghĩ như vậy, chỉ là”, cậu ta thở dài rồi nói “Nếu bây giờ trên tay tôi đeo đồng hồ thì càng giống chỉ huy!”

Mọi người vừa nghe nhắc nhở thì linh cảm trời dấy, mỗi người tưởng tượng hình tượng anh hùng của cha ông trong quân đội, bắt chước, dùng tinh thần hăng hái gánh trên vai trọng trách nặng nề...

Đầu biết rằng, hoàn cảnh này, chẳng mấy chốc khiến các quân nhân già chạy loạn lên. Họ chạy nhanh đến gian ba, chúng tôi mới phát hiện, khi quay đầu lại nhìn, có người nhân lúc cha mình không thấy co chân chạy mất. Cha tôi giống như một con hổ, đi trước, theo sau là những khuôn mặt bặm trợn giận dữ sải bước nhanh thoăn thoắt.

Xong rồi, xong rồi! Tôi chưa thở xong thì, cha đã xách tai tôi, chân đi cà nhấc, như tàu chiến cưỡi gió vượt sóng, đi về chỗ Kim Chiêu Tiên. Tôi chỉ thoáng thấy Đặng Bích Nhi và bé Vân trốn, còn thấy sau lưng có mấy đứa trẻ cũng trở thành tù binh, bị mấy người cha kéo tai đi thành hàng dọc. Lúc này, giấy pháo nổ, tiếng vang như súng...

Kim Chiêu Tiên đứng ngăn người trong khói súng nồng nặc mà không nói được lời nào. Chúng tôi bị giải đến phòng của Kim Chiêu Tiên hoặc là lấy con dao nhỏ trong cặp ra hoặc là cởi áo đi cạo cửa sổ, đi lau sàn, chui dưới gầm bàn, gầm giường bắt những con cóc đang sợ kinh hồn.

Mất hai tiếng đồng hồ mới dọn sạch phòng của phần tử cánh hữu, chúng tôi vừa giận vừa đói vừa cảm phẫn, mỗi người lấy quần áo gói một đồng rác đem ra ngoài thì phát hiện không thấy bóng dáng của các bác các chú đâu, chỉ có cha tôi mặt hầm hầm đứng ở cầu thang, lạnh lùng nói với tôi: “Con đến nhà bếp xin lỗi Kim bá bá”.

Tôi rất ngạc nhiên, nghĩ rằng lỗi tai bị cha nhéo nên có vấn đề, bọn trẻ đang xuống lầu nghe thấy vội dừng bước, trợn mắt nhìn cha tôi.

Cha nói lại một lần nữa, nói rất rõ ràng và lạnh lùng: “Con xuống nhà bếp nói lời xin lỗi với Kim bá bá”. Tôi đứng sững sùng, găng sức chớp mắt, cố sức hiểu vì sao, vì sao từ nhỏ đã truyền bá vào đầu vào tim tôi chủ nghĩa yêu nước của cha mà giờ cha lại bắt tôi khuất phục một phần tử cánh hữu? “Cuốn sổ thời sự” nói rất rõ: “Phần tử cánh hữu và thế lực phản động quốc tế phối hợp từ xa, toan tính phá hoại việc xây dựng chủ nghĩa xã hội”. Kể chúng tôi trừng phạt là một kẻ thù của quốc gia, lẽ ra đáng được khen thưởng mới đúng.

Đang ngạc nhiên thì cha tát một bạt tai, cái tát làm tôi hoa cả đầu óc, nghe bọn trẻ nhao nhao nói với cha tôi: “Chung bá bá thưởng phạt không công bằng!” “Phần tử cánh hữu đáng phạt!” Cha tôi giận dữ: “Mấy đứa đều về nhà ăn đòn đi!”

Kim Chiêu Tiên từ nhà bếp đi ra, cười gượng gạo với cha tôi. Cha nói: “Anh Kim, là tôi dạy con không

tốt”. Rồi nhìn tôi nói: “Con không xin lỗi thì hôm nay con chết với cha”, tôi nhìn phần tử cánh hữu nhếch nhác rồi nhìn những người bạn trượng nghĩa, lại nhìn người cha như hung thần của tôi, cảm thấy vừa bi thương vừa nhục nhã đến không thở được liền quyết tâm, bỏ bao rác từ trên tay xuống chân Kim Chiêu Tiên, nước mắt lã chã hét to: “Lính có thể chết không thể nhục, hôm nay con có chết ở gian ba cũng không xin lỗi phần tử cánh hữu!”

Vào lúc này, không biết bé Vân từ đâu chui ra, xông tới cha tôi như chú bò điên, hai tay kéo ống quần cha hét lớn: “Mọi người mau nghĩ cách cản Chung bá bá đi!” bọn trẻ trút trong túi ra những con cóc chết đổ đầy bậc thang, Đặng Bích Nhi kéo tôi trượt tay vịn cầu thang xuống lầu.

Tôi chạy một mạch đến sân vận động thành phố Trùng Khánh mới dừng lại tìm ghế đánh đu mặc cho nước mắt, mồ hôi cứ rơi, rồi suy nghĩ nhưng càng nghĩ thì càng mơ hồ, càng nghĩ càng hồ thẹn và cảm phần. Đặng Bích Nhi vẫn luôn bên cạnh tôi, lúc này lo lắng giậm chân nói “Làm sao bây giờ? Làm sao đây? Làm sao đây?” Từ lâu cha đã cảnh cáo tôi: “Nếu vì bị đánh mà bỏ đi thì trước khi sự việc xảy ra con phải hiểu cho rõ, cha tuyệt đối không đi tìm con về đâu”. Tôi biết nếu tự mình bỏ đi thì sẽ bị tăng thêm hình phạt. Tôi cảm thấy mình không sai, không cần quay về. Quần áo của tôi đã ướt chung với con cóc ở dưới chân Kim Chiêu Tiên. Lúc này toàn thân bị gió thổi lạnh run cầm cập.

Đặng Bích Nhi cởi áo của bạn ấy cho tôi. Tôi nói: “Được rồi, bạn để mình trần về nhà sẽ bị Đặng bá bá đánh đấy”. Tôi biết Đặng Bích Nhi không khỏe mạnh như tôi, mỗi lần bạn ấy bị đánh đều không chịu được khóc oà lên. Đặng Bích Nhi khoác áo lên người tôi, vẫn nói “làm sao đây, làm sao đây”, rồi lo lắng bật khóc. Phải rồi, làm sao bây giờ? Hôm đó là thứ hai. Phải cuối tuần mẹ mới có ở nhà. Trước giờ tôi chưa từng đến trường mẹ dạy, chỉ biết trường đó cách nhà rất xa. Mỗi lần cuối tuần, cha tự mình đến đón mẹ về nhà, chúng tôi chỉ ở nhà đợi. Tôi rất hiểu cha tôi, ngoài nghe lời mẹ ra, cha còn nghe lời của thầy cô giáo nên tôi kéo Đặng Bích Nhi nói: “Đi! Mình tìm một người nói đạo lý với cha”.

Hai chúng tôi chạy đi tìm giáo viên từng bồi dưỡng tôi thành chính trị gia Trung Quốc mới. Từ khi chuyển đến học ở trường tiểu học Y Nhân, tôi vẫn chưa gặp thầy. Nhưng tôi biết thầy là người độc thân, ở ký túc xá của trường.

Chúng tôi leo tường vào, chạy thẳng đến ô cửa sổ nhỏ màu da cam sáng đèn của thầy chính trị. Ai ngờ trong căn phòng bảy mét vuông vẫn có một người lạ đang ngồi, ngay cả giá sách, bình hoa... bài trí cũng thay đổi. Tôi bèn đi hỏi cụ Trương gác cổng. Cụ Trương nói: “Ày, anh ta trở thành người cánh hữu, bị điều xuống nông thôn lao động giáo dưỡng rồi!” tôi như sét đánh ngang tai, khóc cũng khóc không nổi. Cụ Trương lấy áo của cụ khoác lên người tôi, cài nút cho tôi. Sau đó rút chìa khoá mở cửa cho chúng tôi ra ngoài. Cái áo vừa rộng vừa dài, tôi hồn xiêu phách lạc như âm hồn, mặc cho Đặng Bích Nhi kéo đi trong bóng đêm.

Đặng Bích Nhi kéo tôi về đại viện, kéo đến bên con dốc phía sau núi, nhiều lần dặn dò tôi cứ bình tĩnh nghỉ lại còn bạn ấy xuống núi. Bạn ấy giấu tôi trong khe của mấy ngọn nham thạch, thần trí tôi từ từ tỉnh táo lại. Bên mặt bị cha tát đau rát nhưng trong lòng còn đau hơn. Tôi buồn rầu nghĩ đến thầy chính trị của tôi, nghĩ đến thầy chí khí tràn trề thế nào, nghĩ đến thầy đã ngợi ca Liên Xô, ngợi ca chủ nghĩa xã hội như thế nào, cuối cùng nghĩ đến đau cả đầu mà vẫn không sao nghĩ ra được vì sao một người như vậy lại trở thành phản tử cánh hữu... Bé Vân khe khẽ đi ra từ phía sau những ngọn nham thạch, một tay cầm mấy củ cải, bạn ấy còn lấy trong túi ra ba cái bánh bao nhét vào tay tôi nói: “Người là sắt, cơm là gang. Cho dù trời có sập cũng phải nhét đầy bụng trước đã”. Bạn ấy ngồi xổm xuống, căn răng nói với tôi: “Hai bên mông đều sưng hết rồi, không ngồi được đâu”. Sau đó nói Đặng Bích Nhi đang làm bài tập trước cây chổi lông gà của cha bạn ấy, nói rằng tất cả bọn trẻ ở gần ba gian nhà bị cha mình bắt được đều phải ăn đòn, nói rằng người bị đánh thì lớn tiếng kêu oan, đây thật là chuyện chưa từng có. Nhưng vì lần này người bị đánh quá nhiều nên bà con chạy đôn chạy đáo đi cứu cũng cứu không kịp.

Đêm về khuya vắng lặng, bé Vân và tôi rón ra rón rén lên sân thượng. Trên sân thượng không có người ở, diện tích như phòng khách, cũng là hình bát giác, có cột chống sét và dây điện, là tầng cách nhiệt để các hộ trên lầu bốn dùng. Bọn trẻ thường lên đây chơi trò trốn tìm.

Chúng tôi nhảy từ cửa sổ vào tầng cách nhiệt, bé Vân tiện tay lấy cây nến đã chuẩn bị sẵn ra đốt, rồi lấy mấy tờ báo trải ra sàn rồi nhảy ra ngoài kéo hai tấm khăn bàn trên cây sào tre đưa cho tôi nói: “Khăn trải bàn là của nhà tớ đấy. Sáng mai nhân lúc mọi người chưa thức, cậu ném vào trong phòng khách lầu bốn, tớ sẽ chạy đến lấy, nói với mẹ tớ rằng khăn bàn bị gió thổi bay đi. Thôi, ngủ đi”. Rồi nói “Tớ đã nói với em gái cậu, sáng mai cô bé sẽ lấy quần áo lên mang cho cậu thay để đi học”.

Quả nhiên ngày hôm sau, khi phương Đông vừa hiện ra một màu trắng bạc thì nghe tiếng tầng hăng kèm theo âm thanh kéo dài: “Chị... chị à...”. Tôi vội vàng chụp lấy khăn trải bàn nhảy ra khỏi ô cửa sổ thì nhìn thấy khuôn mặt non nớt đầy lo lắng của em gái.

Em gái học lớp Một. Em đã bảy tuổi rồi. Mắt của em giống mẹ vừa đen vừa sáng, miêng lại giống cha, vừa rộng vừa to, diện mạo rất đoan trang. Tuy tôi đã học đến lớp Bốn nhưng ngũ quan vẫn như cũ, chẳng đẹp tí nào. Hai chị em tôi chẳng giống nhau gì cả. Diện mạo không giống mà ngay cả danh tiếng cũng trái



ngược nhau. Bà con trong đại viện cảm thấy hai chị em ruột này một là quỷ dữ, một là thiên sứ. Khi động viên con mình, họ thường hay nói “Con ngoan, con hãy tiếp tục cố gắng giống như Chung Lệ Châu vậy”. Khi đánh mắng con mình, họ chắc chắn sẽ nói “Tiểu tử hư đồn, nếu còn tiếp tục gây rối thì sẽ như Chung Lệ Tứ vậy!” còn nhớ ở đại viện lúc đó, mọi người hoàn toàn không cư xử theo cách “liên lụy”, nghĩa là mọi người không vì biểu hiện tốt của em gái tôi mà tha thứ cho lỗi lầm của tôi, cũng không vì hành vi quấy phá của tôi mà trút giận sang em gái tôi. Tóm lại, trong lòng mọi người đều cho rằng bản thân họ đối với sự đánh giá hai chị em tôi là có ranh giới rất rạch ròi, công bằng, dùng một câu nói rất thịnh hành lúc bấy giờ là: “Con mắt của quần chúng sáng như tuyết”. Những cặp mắt sáng như tuyết đó luôn nhìn thấy em gái quần tôi.

Em gái thích quần tôi. Có lẽ do thói quen có từ khi cô bé làm lớp trưởng ở nhà trẻ. Lúc đó tôi thích ngồi xổm trên đất đánh dương hoa. Dương hoa là những miếng carton điện tích lớn nhỏ giống bao diêm, in hình những nhân vật trong truyện tranh, có rất nhiều cách chơi. Chẳng hạn lấy mấy tấm chụm lại, uốn thành hình cung lật trên mặt đất, bàn tay cũng cong hình cung vỗ trên mặt đất, dương hoa sẽ bị gió do bàn tay tạo ra lật từng tờ từng tờ, lật một tờ thắng một tờ, lật hai tờ đền hai tờ. Hay là chơi bao thuốc thơm. Cho dù chơi cách nào thì cũng phải chạm tay xuống đất. Những lúc như vậy, em gái luôn ở bên cạnh tôi giảng đạo lý, từ “đánh bạc là một hành vi xấu mà chỉ trong xã hội cũ mới có” đến “chà tới chà lui trên mặt đất là biểu hiện không giữ vệ sinh”. Tôi luôn ngạc nhiên về sự dẻo dai và nhiệt tình nói đạo lý của em gái – lần nào em gái cũng khuyên bảo mọi lẽ, khóc suốt mướt từ đầu đến cuối, không làm cho những người chơi mất hứng là không được. Bọn trẻ ở đại viện vì chuyện này mà có ý kiến với tôi.

Mấy lần sau tôi không cho em gái đến gần chỗ chúng tôi chơi, bảo cô bé đứng xa xa: “Em canh chừng, thấy cha về thì báo cho chị hay”. Lần nào cô bé cũng nói: “Chị, chị chơi cờ bạc nữa là em méc ba đó”. Lần nào tôi cũng trả lời: “Em đi mách đi, cha đánh chị chết, em không còn chị nữa, đi, đi, đi mách đi!” em gái không đi mách mà đứng ở một góc, giận tôi, giận mình, cô bé giận đến toàn thân run lên. Có khi cô bé hoảng sợ chạy đến báo: “Chị, chị à, mau mau mau, cha đến kia!” tôi bèn đứng dậy, cho cả dương hoa và bàn tay dơ bẩn vào túi rồi khệnh khạng bước đi. Tôi biết em gái sẽ không bán đứng tôi. Cô bé lại chạy trở về đứng ngay chỗ góc. Cha hỏi cô bé: “Sao lúc này lại hốt hoảng thế?” Cô bé rất khổ sở, chẳng nói lời nào. Cũng không biết là cha không nhẫn tâm nhìn thấy vẻ khổ sở của cô con gái nhỏ hay là nghĩ ra được cô con gái lớn đã giờ trò quỷ quái gì rồi nên không truy cứu em gái nữa nhưng cô bé vẫn rất khổ sở.

Sau này lớn lên, em gái bảo tôi, em gái khổ sở là vì giận tôi chơi bạc mà không thể không canh gác, dù không đành lòng để tôi bị đòn cũng không bằng lòng nói dối, đồng thời hỏi tôi trước đây sao lại mê đánh bạc đến như vậy. Tôi nói thực ra tôi không quan trọng việc thắng thua mà tôi chỉ thích ném trái cảm giác thoáng qua trước khi thắng thua. Cô ấy không tán thành. Năm ngoài tôi gọi điện thoại cho em gái từ Monaco, em tôi vội lo lắng hỏi: “Chị, chị à, có phải chị đến Monte Carlo đánh bạc?” không đợi tôi trả lời, cô ấy dùng dùng bồi thêm một câu: “Em còn nhớ lúc chị còn ở nhà hồng rất thích đánh dương hoa, chơi bao diêm!” Tôi cười ha hả, sau đó lấy làm lạ vì sao em gái tôi cả đời lúc nào cũng lo tôi gây ra chuyện lớn.

Mấy năm nay tôi đi khắp nơi trên thế giới, thường không nghĩ đến sự chênh lệch về thời gian giữa các múi giờ nhưng đi tới đâu đều gọi điện thoại đến Mỹ cho em gái. Câu đầu tiên luôn hỏi “chỗ em mấy giờ rồi?” Bất kể là mấy giờ chỉ cần em gái có ở nhà, chỉ cần nghe được tiếng của tôi thì em gái hỏi ngay: “Chị, chị à, bây giờ chị đang ở đâu? Chị không có việc gì chứ?” giọng vẫn đầy vẻ lo lắng. Có khi bận quá, lâu lắm không gọi điện thoại cho em gái thì trong máy ghi âm điện thoại của tôi không ngớt lời nhắn của em gái: “Chị, chị à, bây giờ chị đang ở đâu? Không có chuyện gì xảy ra với chị chứ?” một giọng Tứ Xuyên đầy lo lắng.

Tôi thấy phong thái dạy học của em gái ở trường đại học rất vui vẻ. Tiếc là người cha luôn một lòng một dạ muốn đưa con gái bé bỏng của mình chuyên tâm về văn học lại không thấy được cảnh này. Tôi từ nhỏ đã được huấn luyện để trở thành người vô thần, nếu không tôi sẽ cầu nguyện linh hồn của cha như thiên thạch giáng xuống một lần để hãnh diện về em gái. Nhưng không có linh hồn cũng tốt nếu không cha sẽ bị tôi chọc tức đến chết, cha chắc chắn không tán thành tôi chọn Paris để định cư, cha làm sao có thể mặc tôi sống ở một thành phố lớn có ít sự ràng buộc nhất trên thế giới này? Linh hồn của cha tôi chắc chắn sẽ tóm lấy tai tôi!

Nhưng từ ngày sau khi tôi chạy khỏi nhà phần tử cánh hữu Kim Chiêu Tiên, cha hoàn toàn không dự liệu được tương lai của tôi, bản thân tôi cũng không tiên đoán được. Ngay cả việc chạy ra khỏi nhà lần đó cuối cùng kết cục sẽ như thế nào cũng không đoán ra được, chỉ biết lấy khăn ướt từ tay em gái lau mình, thay quần áo rồi vội vội vàng vàng quơ lấy tập bài tập, kêu em quay lưng lại, tì sách lên lưng em làm bài tập của ngày hôm đó. Nhân lúc cha đi bơi chưa về, tôi vội vàng tuột tay vịn cầu thang xuống lầu, chạy một mạch đến trường.

Buổi sáng có tiết thể dục, chạy tiếp sức bốn trăm mét. Tôi không ăn sáng cũng không ăn trưa. Buổi trưa học trò đều quay về nhà, tôi ở lại phòng học đối diện phát hoảng. Tôi không có tiền mua đồ ăn.

Các bậc phụ huynh ở nhà hồng, ngoài các ngày lễ tết cho bọn trẻ ít tiền, bình thường không cho bọn trẻ tiền tiêu vặt, nói rằng sợ bọn trẻ từ nhỏ có quan niệm “tư sản”, nếu cần, phải nói rõ dùng vào việc gì, nếu các bậc phụ huynh thấy chính đáng mới cho tiền. Nhưng tuyệt đối không ai dám hỏi mượn tiền, cha mẹ đều nói đó là hành vi làm mất mặt. Hết tiền đến tay tôi thì nếu không chạy đến tiệm sách mua truyện tranh thì đi mua pháo chơi, làm gì có tiền để dành? Lúc này, chỉ có cách đi uống nước thật no, ai ngờ sau mấy lần đi vệ sinh, bụng lại trống không như cũ.

Buổi chiều sau khi tan học, chân mềm nhũn ra, nhưng vẫn không dám về nhà, ngồi trong lớp chờ trời tối, vừa chờ vừa nghe bụng kêu ùng ục. Nhìn ráng mây đầy cửa sổ, trong lòng rối bời. Một hồi thấy thương bản thân, cảm thấy quá oan ức, một lúc thấy giận cha, không rõ vì cái gì mà đối xử không công bằng với tôi, người làm tôi lúng túng và đau khổ nhất chính là thầy chính trị mà tôi hết lòng kính yêu đã trở thành phần tử cánh hữu! Nghĩ đến biểu hiện yêu nước cuồng nhiệt của thầy chính trị, tôi bỗng nhiên bắt đầu hoài nghi thầy bị kẻ gian hãm hại, rồi nghĩ đến những câu chuyện được nghe ở quán trà, nghĩ đến Nhạc Phi bị Tần Cối vu cáo như thế nào, Lâm Xung bị Cao Cầu cài tang vật hãm hại như thế nào... thì càng cảm thấy thầy của tôi bị người ta mưu hại, phải tìm một thanh quan như Bao Công để thẩm oan cho thầy. Tôi đến quầy sách của chị gái ngắm xem rất nhiều truyện tranh liên quan đến Bao Công phá án, rất phục Bao Công. Mỗi lần có người bị hại, ông ấy đều truy cứu xem người bị hại có liên quan đến lợi ích gì, sau đó tìm tội phạm trong những người mà có thể có được lợi ích này...

Ngẫm nghĩ một hồi lại cảm thấy không đúng: Tần Cối hại Nhạc Phi là vì Kim Bang cướp lại giang sơn Đại Tống, Cao Cầu hại Lâm Xung là vì giúp con mình chiếm đoạt vợ Lâm Xung. Nhưng thầy của tôi không có đất đai cũng không có vợ, hại thầy thì được gì chứ? Tôi nghĩ mãi vẫn không hiểu nổi. Dù thế nào thì thầy cũng đang lao động giáo dưỡng. Cũng không biết những người bị lao động giáo dưỡng có được ăn no không? Không biết mỗi ngày thầy được ăn gì? Tôi càng nghĩ càng thấy hồ đồ. Sau cùng, trong cái đầu mơ màng của tôi hiện ra những món sơn hào hải vị mà trước đây tôi từng được ăn.

Đồ ăn ngon ở nhà hồng rất nhiều. Mỗi lần đến chủ nhật, nhà nhà đều nấu ăn, người Trùng Khánh gọi là “đả Nha Sái”. Mọi người đi chợ từ sớm rồi chui vào bếp, các tấm thớt lại kêu lách cách, sau đó tất cả các nhà bếp đều bay ra mùi thơm phưng phức từ cửa chính, cửa sổ. Do cùng ăn chung trong quân đội nhiều năm nên dù mọi người đã chuyển ngành nhưng vẫn giữ thói quen có phúc cùng hưởng. Thức ăn nấu xong, múc đầy một tô to, kêu bọn trẻ mang đến từng nhà. Một tầng tám nhà, mỗi nhà gấp một miếng thử. Thế là có hai, ba chục đứa trẻ chạy toán loạn nhiệt tình khoe tài nghệ nấu nướng.

Mọi người đến từ khắp nơi, cách nấu ăn cũng không giống nhau. Trong các món ăn có đủ loại thức ăn từ các món Hồ Bắc đến Vân Nam, Sơn Tây, Tứ Xuyên... thứ gì cũng có, ăn hoài không chán. Tuy món ăn Trung Quốc vốn Nam ngọt, Bắc mặn, Đông cay, Tây chua, nhưng khi các bà nội trợ ra tay lại có hương vị riêng mà không có quán ăn nào giống. Như món kim chi của dân Triều Tiên nghe nói dùng mười tám loại nguyên liệu làm thành, mỗi lần ăn đến, tôi không sao tìm được lời khen ngợi, chỉ hít hà mãi...

Hoàng hôn hôm đó tôi ngồi thừ người trong phòng học, bụng réo ùng ục nghĩ đến các món ăn ở nhà hồng, cũng không biết nằm trên bàn thiếp đi lúc nào. Khi bị đánh thức nhẹ nhẹ đã là một giờ đêm.

Tôi dụi mắt, nhìn thấy khuôn mặt sáng nhưng gầy của cô chủ nhiệm thì cảm thấy có chút thảm hại, không biết nên nói gì.

Cô kéo tay tôi, vừa đi ra ngoài vừa nói: “Sức khỏe của em thật tốt, nếu cô mà ngủ như vậy thì cô chắc sẽ cảm mất”. Tôi lẩm bẩm câu “ba nói con chuột có thể sống thì em có thể sống” thì không còn cảm thấy thảm hại nữa. “Thưa cô, em rất muốn kể cho cô nghe nhiều chuyện nhưng bây giờ nói không tiện”. Cô nhẹ nhàng nói: “Thế thì sau này hãy kể. Có người đang đợi em ở trước cổng trường đấy!” Tôi lập tức cứng mình, sẵn sàng tư thế xả thân vì nghĩa chuẩn bị đi gặp cha.

Không ngờ người đợi tôi không phải là cha mà là Trần Thư Kiếm - bạn thân của cha. Từ xa đã thấy bác ấy dang tay cười đón tôi thì người tôi mềm đi như tuyết tan, chạy ù vào lòng bác ấy, chỉ kêu lên một tiếng “Trần thế bá!” rồi cảm thấy rất uất ức.

Tiến cô Lý đến nhà cô ấy, Trần Thư Kiếm dắt tôi đi trong bóng tối âm u, bác ấy mò trong túi lấy ra hai quả trứng gà đã luộc chín. Đập chúng vào nhau, bóc vỏ đưa cho tôi và nói: “Cha cháu nói với bác, tối hôm qua khi cháu gào lên lính có thể chết không thể nhục vô cùng kiên cường, rất có phong cách nhà tướng”.

Tôi vô cùng ngạc nhiên nuốt nửa cái trứng, nghẹn đến không sao thở được. Trần thế bá vội vàng vỗ vỗ vào lưng tôi. Hết nghẹn rồi nhưng tôi vẫn không sao hiểu được: tôi không ngờ cha lại nghĩ về tôi như vậy.

Bác Trần Thư Kiếm thở dài nói: “Bé con à, điều mình không muốn thì đừng làm cho người khác, một cô bé như cháu đã không muốn bị ức hiếp sao lại đi ức hiếp một người lớn?” Tôi không nói được lời nào. Bác ấy lại nói: “Cho dù bị tội tày đình thì muốn chém muốn giết đã có quyết định của chính phủ, huống hồ gì ông ấy chỉ nói ngôn luận của cánh hữu mà thôi, không tán thành thì nói thêm những lời của cánh tả là được rồi, dù sao đi nữa cũng không thể để lũ trẻ tùy ý lăng nhục, xúc phạm mà không có lời xin lỗi!”

Tôi đã biết mình sai rồi liên tưởng đến thầy dạy chính trị của tôi cũng là phần tử cánh hữu, không khỏi lo sợ, sợ thầy cũng bị người khác làm nhục như Kim Chiêu Tiên, với tính cách cậy tài khinh người của thầy, không biết thầy có tìm đến cái chết hay không... Tôi vừa đau vừa hối hận về hành vi của mình. Đối với sự sống chết của thầy vừa lo vừa sợ bèn đem hết sự tình kể cho Trần Thư Kiếm nghe. Bác ấy nghe xong im lặng chẳng nói gì.

Cha mẹ rất hiếu khách. Mỗi khi nhà có khách tôi mang ghế bưng trà xong thì chạy đi chỗ khác. Nguyên tắc ở nhà tôi là trẻ con không được tham gia vào chuyện của người lớn. Cách mà khách chào hỏi những đứa trẻ đều giống nhau: vỗ đầu chúng, nếu là con trai thì nói “Hê! Thằng bé này càng lớn càng rắn chắc!” còn con gái thì nói “Hê! A đầu này càng lớn càng xinh đẹp” nhưng vì tôi càng lớn càng xấu còn nổi tiếng phá phách nghịch ngợm cho nên mỗi lần khách vỗ đầu tôi “hê” xong thì chẳng biết khen gì đành phải vỗ thêm một cái “hê” nhưng vẫn không tìm ra lời nói khích lệ nào. Cuối cùng, đa số khách chỉ nói “hê, con bé này... hê, hê, thật là!” nói xong thì nhìn tôi cười gượng. Tôi vốn không thích bị vỗ đầu cho nên nhìn thấy người lớn bối rối thì cảm thấy rất vui. Hễ thấy ba mẹ không để ý thì tôi nhả mặt làm xấu với khách rồi vui vẻ chạy đi chơi. Tôi chẳng hề để ý xem người lớn nghĩ thế nào về tôi, tôi chỉ quan tâm Trần Thư Kiếm vì bác ấy không chỉ là bạn của cha tôi mà còn là bạn của tôi nữa. Điều này là do bác ấy tự nói đấy.

Lần đó, tôi đang ngồi bên vách núi thổi sáo, càng thổi càng bức, càng bức càng thổi chẳng ra làm sao. Bỗng nhiên có một ông lão mày râu rậm rạp đến hỏi: “Là con cái nhà ai đang hành hạ cây tử trúc thế?” tôi đang không vui nên đáp: “Là đứa con giỏi giang nhất nhà họ Chung đang bị ông tử trúc hành hạ đấy!” Ông lão cười nói: “Miệng lưỡi ghê nhỉ!” rồi nghiêng đầu nhìn tôi, nhìn cây sáo của tôi. Tôi không thèm để ý đến ông ta, cứ phồng hai má lên thổi nhưng chẳng ra âm điệu gì cả khiến cho Đặng Bích Nhi sốt ruột cứ đi xung quanh tôi.

Ông lão đến hỏi chuyện với Đặng Bích Nhi. Đặng Bích Nhi nói với ông ấy, cha tôi vì muốn hạn chế tôi ra ngoài quậy phá nên nghĩ ra cách hiểm thấy, kỳ cục này. Chẳng hạn hai hôm trước, thấy tôi cầm cây sáo trong tay bèn bảo tôi tan học thì thổi sáo. Khi nào thổi được một khúc hoàn chỉnh thì lúc đó mới được đi chơi. Cha không dạy tôi thổi sáo, cũng không cho tôi thỉnh giáo người khác, bây giờ tôi đang cố sức thổi bài “Tô Vũ chán dê”. Ông lão lại nhìn tôi rồi hỏi Đặng Bích Nhi: “Cháu muốn học thổi sáo sao?” Rồi không đợi Đặng Bích Nhi trả lời, ông ta nói lớn: “Nhưng đừng học con bé giỏi giang nhà họ Chung này, nghe nó thổi giống lừa rống sói tru, cái gì mà Tô Vũ chán dê, cứ như là Bà Vương đuổi gà vậy. Để ta dạy cháu cách thổi như thế nào”. Tôi thấy cách so sánh của ông ấy rất đúng, bất giác cảm thấy vừa tức vừa buồn cười nên ấn cây sáo vào tay ông ấy.

Ông ta cầm cây sáo nói với Đặng Bích Nhi: “Bé con nhìn kỹ nhé, ta dạy một lần, không làm lại lần thứ hai”. Ông ấy nói “trúc là quân tử thảo mộc, phong cách thanh cao. Lấy trúc làm sáo là mượn âm thanh của trúc để nói lên tiếng lòng của mình, trước tiên nên tập trung tâm lý trí mới có thể toát lên phong cách cao thượng của người quân tử” Lời nói chân thành, rõ ràng là quở trách tôi nhưng tôi cảm thấy rất có lý, bất giác đứng lên. Ông ấy bắt đầu dạy cách vận khí, cách thổi ngón, nói mấy câu lại thổi một tiếng, thổi một tiếng lại hỏi Đặng Bích Nhi “Hiểu chưa cháu?” Đặng Bích Nhi vừa gật đầu vừa kéo vạt áo tôi.

Sau đó, ông ấy nhặt một hòn đá, ngồi ngay ngắn rồi nói: “Tư thế ngồi không vững, thanh khí không thuận, tiêu phẩm không chính cho dù thổi thế nào cũng không ra khí tiết của Tô Vũ?” rồi nhắm mắt lại bắt đầu thổi khúc “Tô Vũ chăn dê”. Tiếng sáo ngay thẳng chính trực, khiến người ta xúc động tâm can. Giữa kỳ nghỉ hè năm lớp Một, cha từng dẫn tôi đến Tần Cương ngắm phong cảnh núi rừng, giờ này phút này tôi lĩnh hội được tình ý “trời xanh bao la, đồng cỏ mênh mông gió lửa ngọn cỏ cúi nhìn cừu” trong tiếng sáo.

Khúc nhạc vừa dứt, tôi cung kính nói với bác ấy “Đa tạ bác chỉ bảo. Trẻ con không hiểu chuyện, còn chưa thỉnh giáo cao danh quý tánh của bác”. Bác ấy đứng dậy, vui mừng hơn hờ nói với tôi “Trần, Trần Thư Kiếm” rồi trả cây sáo, nói “Đến phiên cháu”.

Tôi suy nghĩ rồi cũng thổi khúc “Tô Vũ chăn dê”. Bác ấy nói “Dạy trẻ từ thuở còn thơ. Quả là đứa bé ngoan nhà họ Chung”. Rồi lại cầm cây sáo thổi “Củ cải nhỏ” thổi nghe ai oán, như khóc như than. Nghe buồn đến nỗi bà Lưu ngồi ở cửa gian một lau nước mắt nói: “Là bác nhà họ nào thế? Đừng thổi nữa, đừng thổi nữa, tôi nhớ đến những ngày làm con dâu, khổ lắm!”. Bác ấy trả cây sáo cho tôi nói: “Ngày mai giờ này ta lại đến”.

Nhìn bác ấy ung dung bước đi, Đặng Bích Nhi phủ tay nói: “Lần này tốt rồi! bạn có thể chơi chung với mọi người rồi, cha bạn trở về sẽ không đánh bạn nữa!”. Cha tôi lên thành phố họp, hai ngày nữa mới quay về Trùng Khánh nhưng tôi không còn muốn chơi “quan binh bắt cướp”, tôi đã mế cây sáo bèn ngồi thẳng bên sườn núi say sưa thổi. Đặng Bích Nhi cũng không đi chơi, hai tay ôm đầu gối, ngồi cạnh tôi, hát theo tiếng sáo “củ cải nhỏ, trong đất vàng, hai ba tuổi, đã mất mẹ...” bà Lưu kéo vạt áo lau nước mắt, vào nhà lấy chén cơm rượu bưng ra cho chúng tôi...

Hoàng hôn ngày thứ hai, quả nhiên bác ấy lại đến thổi sáo. Bác ấy nói tôi có tiến bộ, đồng thời nói tôi phẩm chất đoạn chính. Tôi nói với bác ấy xếp loại đạo đức của tôi chỉ có một lần loại A còn lại đều là loại C hay loại D, còn bị ghi nhớ rất nhiều tội lớn nhỏ. Bác ấy hỏi tôi tại sao, tôi kể cho bác ấy những tai họa mà tôi gây ra. Bác ấy vừa nghe vừa vuốt râu cười tủm tỉm. Cuối cùng vẫn một mực cho tôi nhân phẩm đoạn chính. Tôi thở dài nói: “Bác à! Nếu cha con nghe được những lời này của bác thì tốt quá!” Bác ấy cười ha ha nói: “Đương nhiên ta sẽ nói những lời này với cha cháu” Nghĩ một lúc, bác ấy nói: “Ấy! Sao cháu cứ luôn miệng bác này bác nọ thế? Bây giờ chúng ta đã là bạn rồi mà!” Tôi hơi lo, nói rằng một người già một người còn nhỏ thì sao có thể xưng bạn bè với nhau? Bác ấy cười tôi thủ cựu, nói “Chỉ cần hợp ý nhau thì sẽ thành bạn bè, có liên quan gì đến tuổi tác?” Tôi gật đầu. Bác ấy bèn nói: “Đã là bạn thì cháu có thể gọi trực tiếp tên của ta, gọi là Trần Thư Kiếm được rồi”. Thế là tôi gọi bác ấy là Trần Thư Kiếm. Bác ấy vẫn gọi tôi là “đứa bé ngoan nhà họ Chung”. Xưng hô dài như vậy nhưng bác ấy không thấy phiền. Tôi mời bác ấy về nhà tôi nghỉ một lát. Gặp ai trên đường tôi đều giới thiệu là bạn tôi Trần Thư Kiếm nhưng thấy mọi người hồ nghi, hình như cảm thấy tôi sắp gây ra chuyện gì đây...

Khi cha từ thành phố trở về, tôi đang ngồi bên núi với Đặng Bích Nhi vừa nghĩ đến ý cảnh của Nhạc Phi (Tráng sĩ đói cơm ăn thịt giặc Hồ. Trò chuyện khát nước uống máu Hung nô), vừa thổi khúc “Mãn giang hồng”. Cha mặt mày tươi tỉnh bước đến trước mặt tôi nói: “Con ngoan, con ngoan! Quả đúng là con cháu nhà họ Chung!” Tôi đưa cây sáo cho cha bằng hai tay, thành thật nói là tôi có người chỉ dạy, người đó là bạn mới của tôi, Trần Thư Kiếm.

Cha rất ngạc nhiên, vội hỏi: “Cái gì? cái gì? Con nói Trần Thư Kiếm nào?”, tôi tả vóc dáng Trần Thư Kiếm bạn tôi cho cha nghe. Lúc đầu cha rất vui sau đó lại giận dữ rồi sa sầm nét mặt, quở trách: “Bừa bãi! Còn không mau sửa cách xưng hô gọi là Trần thế bá? Trần thế bá là bạn thân của cha con sao có thể để con gọi tên tùy tiện như thế chứ!”

Tôi nhìn ngơ ngác. Bà Lưu ở bên nói xen vào “Bác Chung à, cái này là bác sai rồi: Chính tai lão nghe vị huynh đệ thổi sáo đó nói ông ta là bạn của con gái bác, một mực bảo con bé gọi là Trần Thư Kiếm. Sao lại bỗng nhiên trở thành bạn của bác chứ?” Cha tôi dờ khóc dờ cười nhưng cuối cùng cũng gượng cười cảm ơn bà Lưu rồi bảo tôi cùng cha về nhà.

Không lâu sau, Trần Thư Kiếm lại đến. Thì ra bác ấy quả thật là bạn thân của cha tôi. Nhưng trước giờ toàn là cha tôi đi thăm bác ấy cho nên tôi chưa từng gặp bác ấy ở nhà hồng. Thế là đổi cách xưng hô gọi là Trần thế bá. Vị Trần thế bá này của tôi quả nhiên nói với cha tôi rằng nhân phẩm của tôi đoạn chính, còn

nói rằng cha có một đứa con gái như vậy cả đời không có gì hối tiếc. Tôi nghe nhin không được, cười đến đau bụng, trong lòng thấy khó xử giùm cha tôi. Thế là tôi liếc nhanh mặt cha tôi nhưng thấy cha không có biểu hiện ngạc nhiên nào.

Trần thế bá nói, bác ấy vừa thấy tôi đã biết tôi là con gái nhà họ Chung vì tôi có nét rất giống cha. Hơn nữa, cây sáo tôi cầm trong tay là do chính tay bác ấy làm tặng cha tôi.

Sau này, Trần thế bá đến nhà tôi, khi không có cha ở nhà thì ngồi nói chuyện với “đứa bé ngoan nhà họ Chung” như những người bạn, chẳng có tí gì cao ngạo. Nhà tôi giống như một khoảng trời, một cái cây còn bác ấy như mây, như chim rất tự do tự tại. Nhưng tôi không ngờ lại khéo như vậy, người nửa đêm canh ba đến trường tìm tôi là Trần thế bá. Thấy bác ấy trầm tư suốt quãng đường, tôi càng lo lắng cho sự sống chết của thầy chính trị. Sắp đến đại viện, Trần thế bá bỗng nhiên nói: “Cháu ngoan, cháu đừng quá lo lắng, bác nghĩ người thư sinh đó sẽ không tìm đến cái chết đâu. Thầy ấy đã sớm chuyển chú về chính trị, chắc chắn đối với quốc kế dân sinh có chính kiến của mình. Trước giờ, võ thì lấy binh để khuyên, văn thì lấy cái chết để khuyên, lâu rồi thành luật, nhưng họa tự trong nhà, trước giờ khắp nơi đều vậy nhưng cũng đâu ra đây. Thầy ấy sẽ biết, không thể không biết. Nếu thầy ấy quyết tâm xả thân khuyên can Đảng, thì bị phân công đến nông thôn đã vô cùng may mắn, có thể tận tâm tận lực, thầy ấy hà cớ gì tìm đến cái chết? Nếu thầy ấy không có ý xả thân khuyên Đảng thì bây giờ thầy ấy càng quý sinh mạng mình hơn, cũng sẽ không tìm đến cái chết!”

Ra là vậy! Dù bạn khuyên can chuyện gì đi nữa thì trước khi can ngăn nên chuẩn bị quan tài, như vậy, rõ ràng những phần tử cánh hữu này dám chết để khuyên can quả thực đã không làm mất đi nhân cách. Chúng tôi lãng nhục Kim Chiêu Tiên như vậy quả là hành vi hạ lưu.

Vào nhà, tôi lấy chổi lông gà trên tường xuống đưa cha nói: “Cha, con biết con sai rồi”. Cha lấy gia phong hỏi: “Sai ở chỗ nào?” Tôi nói: “Thứ nhất không nên sai lầm lấy hạ lưu làm thanh cao, đi làm nhục nhân cách của Kim bá bá, thứ hai không nên bỏ nhà trốn tránh hình phạt”, nói xong thì nằm sấp trên giường cắn răng gồng mình, thành tâm thành ý chuẩn bị ăn đòn.

Nhưng cha nói: “Hai chuyện này đều đáng bị phạt nhưng đã biết tội thì có thể không đánh. Con hãy nhớ, mãi mãi không thể làm nhục sự tôn nghiêm của bất cứ người nào, kể cả trong chiến tranh, làm nhục tù binh cũng là hành vi vô nhân đạo. Cha đã từng kể cho con nghe chuyện của Napoleon, khi ông ấy bại trận rút lui đã dám giao những người lính bị thương không thể mang đi đưa cho Kutuzov – kẻ truy kích ông ấy, chính là vì ông ấy biết Kutuzov tuyệt đối sẽ không lãng nhục tù binh nước Pháp”.

Được miễn trách tội như vậy là điều tôi hoàn toàn không nghĩ tới. Tôi đứng dậy, nghĩ đến Kim Chiêu Tiên và thầy giáo của tôi, trong lòng lại thấy cắn rứt, bứt rứt nói: “Cha, sáng mai con sẽ tìm Kim bá bá để xin lỗi”.

**T**hế là bọn trẻ ở đại viện từ đứa nghĩ ra sách lược cho đến những đứa trực tiếp tham gia việc lăng nhục phần tử cánh hữu đều lần lượt đến xin lỗi. Phải mất ba ngày ba đêm mới xong hết. Những năm 1957, 1958 rất nhiều người bị xem là phần tử cánh hữu nhưng đến năm 1978 mới được các cơ quan của chính phủ xem xét sửa lại án sai. Không biết Kim Chiêu Tiên và thầy tôi lúc đó có thể sống đến lúc mở mày mở mặt được hay không?

Sau khi được Trần bá bá đêm hôm khuya khoắt tìm tôi về từ lớp học, tuy hiểu rõ hành vi của mình làm tổn hại đến sự tôn nghiêm của người khác rất thấp hèn, cũng hiểu rõ muốn dăng lời can gián phải có dũng khí xả thân, nhưng vẫn chưa hiểu rõ tại sao phần tử cánh hữu lại đưa ra những lời phản động, phản Liên Xô?

Tôi không dám đi hỏi cha bèn đi hỏi mẹ. Mẹ suy nghĩ rất lâu rồi nói: “Khi họ nói những lời đó hoàn toàn không biết mình sai”.

Trần thế bá giải thích việc đấu tranh phản cánh hữu một cách vô cùng sinh động phong phú. Bác ấy nói từ chuyện Xuân Thu Chiến Quốc vì sao xảy ra cục diện trăm nhà đua tiếng, nói chuyện nhà binh, về sự tiêu biểu và khác biệt giữa Binh gia, Mặc gia, Đạo gia, Nho gia..., kể từng sự thành bại của các thuyết khách nổi tiếng, đặc biệt lấy liên hoành hợp tung của Tô Tần, Trương Nghi làm ví dụ. Trần thế bá nói với tôi, Khổng Khâu từng khẳng khái trần từ liệt quốc nhưng chư hầu lớn nhỏ không đồng ý tiếp thu. Trước ông ấy nhận Tần, sau nghèo túng đi làm thầy, thực là kết quả vừa không đắc chí vừa bất đắc dĩ. Ai ngờ được, đến đời Hậu Hán lại có một Đồng Trọng Thư, đã truat phế Nho gia độc tôn chứ? Trần thế bá lúc đó thông thả uống Lộ Châu, đưa nhẹ tay vuốt bộ râu dài, từ từ nói với tôi: “Đứa bé ngoan nhà họ Chung à! nói gì đi nữa cũng phải định theo thiên thời địa lợi nhân hòa. Thời đó có khác, khen chê bất nhất. Đừng nói hiến mưu kế gì trị quốc, chỉ vì hiến ngọc của Kinh Sơn mà Biện Hòa cũng bị cắt bỏ hai chân đấy!”

Tôi nghe mà lạnh cả người. So sánh hai chân của vị tướng không quân Liên Xô và hai chân của Biện Hòa nước Sở, thực sự cảm thấy người trước mất đi sự tráng liệt người sau mất đi sự oan uổng, tôi nghiêm chỉnh trình trọng nói với Trần thế bá của tôi: “Cháu chỉ nghĩ da ngựa bọc thây, không muốn máu đầm miếu đường”. Bác ấy cười ha ha nói “Đứa bé ngoan nhà họ Chung à, việc cần làm bây giờ không phải là đi chết mà là đọc sử. Đọc sử, đọc sử sẽ khiến người ta sáng suốt và minh mẫn”. Từ đó, Trần thế bá trở thành thầy dạy lịch sử Trung Quốc của tôi.

Nhưng cô Lý chủ nhiệm lớp tôi lại chủ trương tôi đọc thơ, nói là “đọc thơ làm cho người ta hoạt bát và xinh đẹp”.

Thực ra từ nhỏ đến lớn, tôi đều đắm chìm trong thơ từ ca phú. Nhưng, từ “a, a, a, ngựa cổ lên trời ca...” mà cha ở Hương Cảng bảo tôi đọc đến “...hỏi thiên hạ anh hùng ai địch thủ, Tào Lưu. Sinh con như Khổng Trọng Mưu” mà cha ở Trùng Khánh bắt tôi đọc, ngập chìm trong những tác phẩm cổ điển Trung Quốc, không những hình tượng anh hùng tràn ngập trong lòng tôi mà đầu óc tôi cũng toàn là bằng bằng, trắc trắc.

Thơ cô Lý bảo tôi đọc lại có phong cách hoàn toàn khác biệt. Phòng của cô chủ nhiệm toàn là sách, nhiều nhất là thơ, ngoài sách in còn có cả sách chép tay. Tôi lật từng cuốn album ảnh tự chế của cô, bên trong là ảnh của từng học trò của cô. Bên cạnh mỗi tấm hình cô đều viết một bài thơ ngắn bằng bút lông kim. Phong cách thơ trang nhã, không niêm luật. Cô chủ nhiệm ngồi dưới cây bồ kết ngay cửa đọc thơ. Những ý thơ, thi vị đó vừa sâu sắc vừa nhẹ nhàng khiến tôi liên tưởng đến từng làn khói bếp lan tỏa khắp thôn đào hoa...

Cô còn đọc Heine, đọc Shelley, đọc Tê Tê, đọc Nekrasov... Trước giờ cô không bình phẩm, chỉ đọc, thường là cô đọc, có khi cũng bảo tôi đọc. Cuối cùng còn chỉ định ba, bốn bài bảo tôi mỗi ngày đến chỗ cô trả bài hay viết chính tả.

Thơ là những gì đẹp nhất. Nhưng bỗng nhiên không có gò ép bằng trắc tôi cảm thấy khó đi vào lòng người hơn những bài thơ tuân theo luật. Lúc đó do tôi quá ham chơi lại không muốn làm phật ý cô nên đem những bài thơ tự do đó biên thành bài ca, còn yêu cầu các bạn nhỏ hát, vừa hát vừa nghe nên dễ nhớ.

Giáo viên dạy nhạc của tôi họ Bành. Có một hôm trên con đường nhỏ từ trường về nhà hồng, cô Bành nhìn thấy một đám trẻ dơ bẩn mồ hôi đầm đìa ồm như những con cá Gia Lăng Giang vừa lăn vòng tròn sắt vừa hát “tôi đi thông thả, thông thả như khi tôi đến, tôi ung dung vẫy tay từ biệt mây trời...” Tôi đi sau cùng bị cô Bành kéo lại hỏi: “Các em đang hát bài gì vậy?” Tôi nói là “Tái biệt khang kiều” của Từ Chí Ma. Mắt cô giáo tròn tròn nói: “Sao cơ... sao cơ... sao lại... sao các em hát không có giọng điệu gì cả? Sao một chút phong thái của Từ Chí Ma cũng không có vậy?” Tôi nói đó là khúc tự biên, không quan trọng, hát để dễ nhớ lời. Cô



Bành nhìn tôi một lúc, chỉ nói: “Học sinh lớp 4/2 có những suy nghĩ thật kỳ lạ!”, rồi khua tay để tôi tiếp tục  
lăn vòng sắt đi tiếp.

**L**ớp 4/2 có một chuyện làm các thầy cô ngạc nhiên chính là các bạn trong lớp đều nhất trí bầu tôi làm đại diện môn ngữ văn, cũng là một cán bộ lớp.

Mỗi ngày tan học, tôi ngồi bên cạnh cô chủ nhiệm xem cô chấm bài. Lúc đó ngày nào chúng tôi cũng phải viết một đoạn văn ngắn hoặc ghi lại một câu chuyện nào đó, không quá một trăm hai mươi từ, đề tài tự do, những bài viết đều là chuyện tai nghe mắt thấy, văn phong vô cùng phong phú, thậm chí tôi vẫn còn nhớ, có bạn viết “Cơm nhão rồi”, có bạn viết “Con thỏ nhà em bị cảm”, Vương Tiểu Phương viết “Bà nội lần đầu đi ô tô”, bạn ấy viết “Bà nội đi tàu từ quê mất ba ngày đến Trùng Khánh. Cha mẹ dẫn bà đi xe ô tô. Trên xe, bà lo xe chạy nhanh xe sẽ mệt, rồi hỏi xe ăn thức ăn gì... Nghe xong cả xe cười phá lên. Em thấy hơi ngượng. Sau đó thấy cha mẹ cũng cười to thì em quên sự ngượng ngùng cũng cười theo”. Cô giáo nói không được sửa văn của người khác, khi bắt buộc phải sửa cũng phải tôn trọng người viết, không thể sửa ý người khác theo ý mình.

Cô chủ nhiệm rất ít khi giảng văn cho chúng tôi nghe, cô nói chuyện rất thu hút, cô luôn chỉ đạo chúng tôi tự thảo luận, có khi tranh luận đến đỏ mặt tía tai khi nào hiểu được mới thôi. Cách dạy học này của cô Lý rất có ích cho cuộc đời tôi.

Hôm đó tôi đang nhìn cô sửa bài thì cô Chung đến gọi tôi ra ngoài. Cô ấy là là tổng phụ trách đội thiếu niên tiên phong, dạy chúng tôi môn thể dục. Cô nói biểu hiện của tôi ở lớp 4/2 rất tốt, chuẩn bị phát triển tôi gia nhập đội thiếu niên tiên phong. Từ lâu tôi đã biết khăn quàng đỏ là một góc cờ Tổ quốc, cũng giống như Đảng viên là những người tốt đẹp nhất trong những người lớn, đội viên cũng là những người ưu tú trong nhi đồng. Gặp khi dân tộc gặp nguy, quốc gia khó khăn thì những người ưu tú phải giành lấy những nhiệm vụ khó khăn nhất, nguy hiểm nhất. Cô Chung đưa cho tôi một cuốn điều lệ đội, bảo tôi đọc kỹ, tôi vừa ra khỏi văn phòng thì vui mừng nhảy cẫng lên, khua khua quyển điều lệ chạy về nhà...

Tôi biết tổng phụ trách mỗi sáng phải chạy 3.000m, thế là sáng hôm sau tôi đến sân vận động chờ cô ấy để trả lại cuốn điều lệ đội và đọc không sót chữ nào trong cuốn điều lệ dài đó. Cô tổng phụ trách nhìn tôi một lúc, sau đó nói: “Về nhà nói mẹ chuẩn bị đồng phục đội viên cho em, hai tháng sau, một nhóm đội viên mới sẽ đến mộ liệt sĩ tuyên thệ. Trong hai tháng này, tổ chức đội của lớp sẽ nghiêm túc khảo nghiệm em”.

Thế là đội trưởng lớp tôi giao cho tôi một nhiệm vụ: giúp đỡ Đoàn Chí Cao tập thói quen giữ vệ sinh, động viên bạn ấy tham gia các hoạt động tập thể.

Đoàn Chí Cao ngồi cùng bàn với tôi, là người bạn ốm nhất trường tiểu học Y Nhân chúng tôi. Đầu cậu ấy cạo trọc, sau đó tóc mọc che tai che mắt, lại cạo đi, cạo bóng lưỡng, người cậu ấy, mỗi ngày có một mùi lạ, không biết buổi trưa đi đâu mà người đầm đìa mồ hôi, lúc tóc dài thì mồ hôi bám vào tóc nhỏ xuống như giọt sương. Cậu ta không thích mang giày. Thành tích học tập rất tốt. Cậu ấy cũng chuyển từ trường khác đến, được phân đến lớp 4/2 cùng ngày với tôi, ngồi cùng bàn. Ở lớp này biểu hiện của tôi khá tốt nên không bị đổi chỗ, ngày nào cũng chịu đựng cái mùi chua chua hôi hôi của Đoàn Chí Cao. Ngoài giờ thể dục, các giờ giải lao khác thì cậu ta nằm lên bàn ngủ. Nhưng đến giờ tan học thì cậu ta ba chân bốn cẳng lao ra khỏi trường, trước giờ không chơi đá bóng, leo cây chơi trốn tìm với chúng tôi. Mọi người đặt biệt danh cho cậu ta là con sâu họ Đoàn, nói cậu ta học lười như sâu tan học thì khỏe như rồng. Dù chúng tôi nói gì thì cậu ta chỉ cười, cười rồi thì người vẫn cứ một mùi chua chua hôi hôi. Dù trường hay lớp tổ chức đi chơi thì cậu ta cũng viết đơn xin phép, nói mẹ bị bệnh, phải ở nhà chăm sóc, đơn xin nghỉ là do cậu ta tự viết. “Mẹ em không biết chữ” cậu ấy nói với cô giáo. Chỗ để phụ huynh ký tên chỉ là dấu điểm chỉ màu đỏ.

Hôm tôi nhận sự khảo nghiệm của đội trưởng, là thứ Bảy, cô chủ nhiệm tuyên bố trong đại hội trường một quy định mới: từ tuần sau trở đi, học sinh phải mang giày đi học. Sau đại hội tôi đi tìm Đoàn Chí Cao, tìm không được bèn hỏi mấy đứa bạn, cuối cùng cũng tìm được nhà cậu ta. Thế là tôi vừa lặn vòng sắt vừa đến nhà họ Đoàn, định bảo cậu ta ngày mai nhất định phải mua giày.

Đến chỗ cậu ấy ở thì trời đã tối. Bên ngoài nhà cậu ta có rất nhiều người vây quanh. Tôi chen đến chỗ cửa sổ, dán mắt vào thấy trên giường chất một đống cao bao diêm, bên cạnh bàn có một phụ nữ gầy gò, trong tay cầm cây chổi lông gà, quỳ trước mặt là bạn tôi Đoàn Chí Cao, bà ấy quất chổi vào mông bạn ấy vừa ho vừa mắng: “Con xem em trai con... môn toán làm sai như vậy, sao con... con quản giáo thế nào hả? Ta... còn mong đứa con như con... còn làm được gì chứ? Con... con từ sáng đến tối đi đâu?” Bà ta thở hổn hển, Đoàn Chí Cao chịu đòn, cả đầu cả mặt ướt đầm mồ hôi, cầu xin: “Mẹ, mẹ! mẹ đừng khóc! Mẹ đừng khóc!” Từ từ đánh, từ từ mắng, sau này con nhất định quản lý tốt bài vở của em...”.

Bên cạnh cậu ta là một cậu bé ăn mặc chỉnh tề, trên tay cầm một cuốn tập, đang đứng tiu ngiêu, cao bằng cậu ấy nhưng không ốm bằng cậu ấy, tôi nhận ra cậu bé này là Đoàn Chí Cường học lớp 4/1, là em trai Đoàn Chí Cao. Tôi nghĩ thầm: nhất định anh là con mẹ trước, em là con mẹ sau nên sinh ác cảm với người mẹ độc ác này.

Sắc mặt của những người đứng ngoài rất lo lắng. Có người lắc đầu nói: “Hai anh em thật mỗi người một số!” Có người thở dài “Thằng lớn thật đáng thương! Sau khi bố nó chết, nó chẳng có một ngày thư thả, vừa phải dán bao diêm vừa phải kéo xe, còn phải quản việc học của đứa em”, có bà lão còn nói: “Tôi sống đến từng tuổi này chưa từng thấy ai như quả phụ họ Đoàn!...”. Vừa kéo tay áo lau nước mắt, vừa bỏ đi.

Tôi quay đầu nhìn Đoàn quả phụ. Bà ấy thở hổn hển, đưa cây chổi lông gà cho đứa con trai nhỏ nói: “Cường à, mẹ... mẹ không còn sức nữa, con giúp mẹ đánh người anh không hiểu chuyện này đi...”, không chờ bà ta nói xong, tôi xông cửa vào, hét to: “Con sâu Đoàn, dưới chân nam tử có vàng. Mau đứng dậy, tôi đến cứu bạn”. Rồi giật lấy chổi lông gà tiện tay đánh vào mông thằng em. Đoàn quả phụ vội ôm lấy đứa bé, đứa lớn chạy lại giựt lấy chổi lông gà trong tay tôi nói: “Mau bỏ xuống, mau bỏ xuống, là mình đáng đánh, đáng đánh”. Tôi giận quá xô ngã. Đoàn quả phụ, chỉ Đoàn Chí Cao mắng: “Con sâu họ Đoàn, con rùa nhà người là kẻ nhát gan nhất thiên hạ”. Hai anh em vừa khóc vừa la, vội vàng dìu Đoàn quả phụ đứng dậy. Những người hàng xóm xông vào, ba chân bốn cẳng ấn tôi xuống đất, có vài người nhận ra nói: “Tôi nhận ra rồi, đây là con ngựa bất kham!” có người vừa bôi dầu Vụn Kim cho Đoàn quả phụ vừa mắng tôi là súc sinh, còn có người lấy dây trói tôi lại, giải đến đồn công an. Đoàn Chí Cao nhìn những người hàng xóm hét to: “Bỏ bạn cháu ra! Các chú các bác, bỏ bạn cháu ra...” nhưng mọi người không nghe, nhất quyết giải tôi đến đồn công an...

Cảnh sát trực ban đồn công an vừa nghe đến tên tôi thì ngạc nhiên nói: “Sao cháu mới tí tuổi đầu mà quậy phá nổi tiếng như vậy chứ?” Vị cảnh sát mà tôi không biết mặt nói: “Tôi biết rồi, cô bé sống ở nhà hồng, gian một”. mấy người hàng xóm nhà họ Đoàn nói: “Chúng ta tìm cha mẹ nó đến đây” viên cảnh sát vừa khoát tay vừa lắc đầu nói: “Đừng lộn xộn nữa! Mẹ cô bé là một giáo viên ưu tú, một tuần mới về nhà một lần. Cô bé này bình thường do cha quản, bị đòn không ít. Tiểu quỷ này... hê!” Viên cảnh sát ngẫm nghĩ một lúc rồi nói “Có quỷ mới biết vì sao con bé lại bướng bỉnh như thế!” ông ấy bảo một người lính đi thông báo cho mẹ tôi đến lãnh người.

Anh thanh niên chạy về đồn nói: “Tôi gặp mẹ cô bé rồi, mẹ cô bé sau khi nghe tin đã vội hỏi địa chỉ Đoàn gia, đi thăm Đoàn quả phụ rồi”. Cảnh sát cời trói cho tôi, bảo tôi đứng ở góc tường tự kiểm điểm. Tôi không quan tâm đến việc kiểm điểm, chỉ tức tên Đoàn Chí Cao...

Sau đó thấy Đoàn Chí Cao cũng đến đồn cảnh sát còn dẫn theo cô chủ nhiệm. Tôi càng hận tên đầy cô ngồi cùng bàn này, hận hấn muốn cô giáo đến đây mất mặt. Nhưng mọi người đối với cô giáo rất lễ phép, thấy cô giáo thì tất cả ngừng mắng chửi tôi. Viên cảnh sát cung kính mời cô giáo ký tên lên một tờ giấy gì đó rồi nói tôi có thể về, còn nói với cô là mẹ tôi đến nhà Đoàn gia rồi.

Đoàn Chí Cao đến trước mặt tôi nói nhỏ: “Xin lỗi, tớ biết bạn giận tớ đưa cô giáo đến đây, nhưng tớ nghĩ...” Tôi quay lại, giận dữ nói: “Sau này sẽ tính sổ với con sâu họ Đoàn nhà người!” Cậu ấy lấy chân bên phải xát lên chân bên trái, ngập ngừng một lúc rồi nói nhỏ vào tai tôi: “Mình muốn cô đến đưa bạn về vì mình sợ cha bạn sẽ đánh bạn”. Lúc đó tôi đứng ngẩn người. Cô chủ nhiệm đến nói cô muốn đi thăm mẹ của Đoàn Chí Cao, bảo tôi tự về. Thấy Đoàn Chí Cao hình như muốn nói gì đó, tôi vội cấu tay cậu ấy, cũng nói nhỏ vào tai cậu ta: “Ngày mai đừng quên mang giày, thứ hai phải mang giày đi học”.

Ra khỏi cửa đồn cảnh sát, một đám trẻ con đại viện hò reo quây quanh cùng tôi trở về nhà hồng. Trên đường đi, bọn trẻ chia làm hai phe tranh luận sôi nổi. Một bên trách tôi không nên xô ngã mẹ người khác, một bên nói tôi cứu giúp kẻ yếu dũng nghĩa song toàn. Em gái và Đặng Bích Nhi mỗi người một bên, kéo vạt áo tôi bù lu bù loa: “Làm sao đây? Làm sao đây? Lần này bị đòn nặng đây...”

Cha nghiêm sắc mặt đợi tôi về. Vừa cài cửa thì ấn tôi lên giường. Lần này cha cời giày đánh vào mông tôi... Ấn tượng cuối cùng của tôi là em gái xông vào nằm sấp lên người tôi kêu lớn: “Cha! Chị con sẽ bị cha đánh chết đấy!” rồi nghe tiếng em trai Khả Khả mở cửa kêu to: “Các dì đến cứu mạng đi!” rồi thấy một đám trẻ xông vào. Mấy đứa con gái dẫn cha mình đến. Tôi ngất đi. Sau đó mới biết, hôm đó không ai muốn đến cứu tôi, nói là “con ngựa bất kham này ngay cả mẹ góa con côi cũng hại, không giáo huấn thì sao dạy dỗ được!” Cuối cùng, mấy đứa con gái khóc lóc kéo cha mình đến gặp cha tôi.

Khi tôi tỉnh lại, trên mông rất đỏ cảm nhận từng trận gió mát thì nghe tiếng mẹ tôi nói: “Thiên huynh, bình thường anh dạy con bé chơi súng chơi gậy, dạy con bé phò tá chính nghĩa, không phải là hy vọng con có thể vì người khác giành lấy sự công bằng sao? Con bé đánh người là sai nhưng cũng không có ý xấu, anh muốn dạy con, dạy con không phải là phải đánh chết...”.

Tôi mở mắt thấy cha tôi chau mày, vẻ mặt vừa khổ sở vừa lúng túng, chắp tay sau lưng đi tới lui, tôi vội nhắm mắt lại.

Mẹ vừa quát vừa nói: “Em biết sau lưng em, anh thường hay đánh con bé nhưng trước giờ không nghe con bé nói đến. Nó luôn cảm thấy mình quả thực làm sai mới cam tâm chịu phạt. Cô giáo chủ nhiệm của con nói với em, con bé này tâm địa lương thiện, tâm tình cởi mở, đó không phải là những gì anh mong muốn sao?”

Cha nói: “Em nghỉ một chút đi, để anh chăm con bé”.

Mẹ liền nói: “Đừng đừng, anh đừng qua đây, anh vụng tay vụng chân, không cẩn thận sẽ làm nó đau...” Sau đó, tôi cảm thấy có giọt nước mắt trên lưng. Mẹ vỗ một tay phạt mông tôi, một tay lau nước mắt trên lưng tôi, thút thít nói: “Ấy... Thiên huynh! Nhớ lúc con bé ở Hương Cảng, chị và anh rể xem nó như sinh mạng, không nỡ nói nặng nửa câu, nếu anh chị biết con bé bị đánh tới tởm thế này, e rằng buồn đến chết mất...”

Nghe mẹ nói những lời như vậy, sống mũi tôi cay cay, cảm thấy mình thật đáng thương, lại nhớ đến những ngày sống ở Hương Cảng thấy những chuyện lúc đó giống như một bức tranh, hiện rành rành trước mắt, rất nhiều nhưng rồi tất cả đều tan biến. Tôi lại ngủ thiếp đi.

Đau đến thức dậy rồi thiếp đi, cả ngày tôi nằm sấp trên giường. Có lần mở mắt bỗng phát hiện Đoàn Chí Cao đầu trọc lóc ngồi bên cạnh giường. Tôi lấy làm ngạc nhiên: “Con sâu họ Đoàn sao lại chạy đến đây?”, rồi vội nhìn chân cậu ta, thấy đôi giày vải mới màu đen, cảm thấy rất vui. Cậu ta vẫn mặc bộ đồ và hàng ngày, lúc đó ánh chiều buông khắp nơi, nhưng người cậu ta không có mùi dị thường gì, tôi vui lắm bèn nói: “Thảo nào Mạnh Phu Tử cho rằng “Bất kỳ công việc nào được giao đều cần phải lao tâm khổ trí để hoàn thành”, có lý, có lý”.

Đoàn Chí Cao nhìn tôi ngơ ngác chẳng hiểu gì cả. Người muốn vào đội thiếu niên tiên phong tương lai là những anh hùng có thể gánh trọng trách quốc gia. Tôi thấy lần này bị đánh không phí: vừa thấy Đoàn Chí Cao sạch sẽ, nhiệm vụ khảo nghiệm mà đội trưởng giao cho tôi đã hoàn thành một nửa, bèn nói với cậu ấy: “Cám ơn cậu, cám ơn cậu, con sâu nhà họ Đoàn” Cậu ta đưa tay sờ trán tôi nói: “Ái chà, không phải bạn sốt đấy chứ? Em trai mình khi bị sốt cũng nói năng lung tung như vậy”. Tôi nói “không bị sốt” rồi muốn xuống đất. Cậu ta vội đỡ tôi nói: “Đừng động đây, có đồ cho bạn đây” rồi đưa tôi một cái hộp tròn bằng vỏ bắp. Mở ra xem, bên trong có một con thỏ bằng bột, hai con mắt là hai hạt đậu đỏ và một con cọp bằng bột, lấy hai hạt đậu đen làm mắt. Hai con vật được làm tỉ mỉ, rất đẹp, tôi cười phá lên thấy hai con vật mang hai cặp mắt kính. Đoàn Chí Cao nói: “Là mẹ tớ làm đấy, bảo là tặng cho bạn”. Tôi đưa trả lại cho cậu ấy: “Mình không cần”. Im một lúc cuối cùng mới nói “Con sâu nhà họ Đoàn, tớ không thích mẹ của cậu” rồi nói “Đó là mẹ ruột của em cậu, là mẹ kế của cậu phải không? Bà ta độc ác giống như những bà mẹ kế trong truyện vậy, đối xử với cậu thật tàn nhẫn!” Nhưng bạn tôi lắc đầu nói: “Đó là mẹ ruột của tớ, là mẹ kế của em trai tớ”.

Tôi cố gượng dậy, đau quá kêu lên một tiếng rồi nằm úp xuống, cố gắng nhấc đầu, lú lú nhìn Đoàn Chí Cao. Cậu ấy cúi xuống nói nhỏ với tôi: “Tấm lòng của mẹ tớ rất tốt, lương thiện như các bà tiên trong chuyện cổ tích vậy” rồi hai hàng nước mắt chảy dài, cậu ấy vội kéo vạt áo lau nước mắt.

Anh em nhà họ Đoàn không cùng cha cũng không cùng mẹ. Cha của Chí Cao, Chí Cường đều họ Đoàn, đều là phu khuân vác, mỗi người đều gánh gánh nặng gia đình. Khi Chí Cao ra đời thì cha cậu ấy trong lúc gánh hàng bị thổ tả, đi tiêu đến chết.

Nửa năm sau Chí Cường chào đời nhưng mẹ cậu ta chết do sanh khó. Thế là bằng hữu của hai người phu khuân vác bèn làm một bàn tiệc tác hợp cho mẹ của Chí Cao và cha của Chí Cường...

“Mình chẳng có chút ấn tượng gì về cha ruột của mình cả. Nhà nghèo nên ngay cả một tấm hình cha cũng không có”. Đoàn Chí Cao nói - “Cha dượng nói làm phu khuân vác khổ cực không sao nhưng điều đáng buồn là ngay cả cái tên cũng không có. Khách hàng vẫy tay gọi “khuân vác” thì người phu khuân vác phải nở nụ cười, người quen khi chào hỏi, nếu thân một chút thì kêu thêm họ gọi là khuân vác Trương hay khuân vác Lưu gì đó. Những người phu khuân vác trong lòng ai cũng thấy khó chịu, xấu hổ đã đánh mất tên họ mà cha ông đặt cho, cũng không thể trách ai được. Cha nói đàn ông tổ tiên nhà họ Đoàn, nếu không làm người ở thì làm phu khuân vác, đến đời cha, cha thề phải cho chúng mình thoát khỏi cái vòng lẩn quẩn đó. Nói rằng chỉ có học giỏi thì mới nên người, nói rằng cha tuyệt đối không để cho người ta gọi hai đứa con trai của mình là khuân vác”. Đoàn Chí Cao nói với tôi, nhà nghèo nhưng trước giờ cha mẹ cậu ấy không để cho con cái phải nợ tiền học mà luôn nghĩ cách để các con sạch sẽ chỉnh tề đến trường.

Hai năm trước, cha từ trên đỉnh dốc lở chân té xuống, chết ngay. Mẹ cậu ấy nắm lấy cây đòn gánh khóc ngất, bệnh một trận đến nay sức khỏe vẫn còn kém. Vốn dĩ hàng ngày mẹ cậu ta đến tiệm than gánh than mang đến nhà khách. Sau khi bệnh, khó tiếp tục công việc được. Hàng xóm giúp đỡ tìm cho công việc dán bao diêm để duy trì kế sinh nhai cho mẹ góa con côi.

Tuy cha mất rồi nhưng những quy tắc cha đề ra vẫn không thay đổi: hai anh em sau khi tan học đều phải mang bài tập thầy phát ra đưa mẹ kiểm tra. Làm đúng hết thì được ăn cơm, sau khi ăn cơm thì làm bài của ngày hôm đó, dán bao diêm một lúc rồi đi ngủ. Nếu làm sai thì bị phạt đòn.

Em trai từ nhỏ ốm yếu, lúc cha còn sống, mẹ không nổi phạt, chỉ có cha phạt. Cha chết rồi, từ đó, đối với con trai nhỏ mẹ càng không nổi đánh mắng. Bác ấy nói với con trai lớn: “Trưởng huynh như cha, sau này con phải gánh trách nhiệm làm cha”. Thế là chỉ cần có đồ ăn áo đẹp thì Chí Cao kiên quyết nhường cho em, Chí Cường làm bài sai thì roi vọt quất lên mông anh trai.

\*

\*\*

Tôi bỗng nhớ đến đơn xin phép nghỉ có điểm chỉ của mẹ Đoàn Chí Cao thì không hiểu sao mấy năm nay bác ấy lại có thể giám sát việc học của các con? Chí Cao nói: “Mẹ tớ biết thầy phê bài tập thường dùng dấu móc và gạch chéo, đúng thì vẽ một cái móc. Nếu thầy gạch chéo thì mẹ sẽ đánh đòn. Chúng mình nói với mẹ, khi thầy phê chữ bút lông thì chữ nào viết đẹp sẽ vẽ một vòng màu đỏ. Mẹ thấy chữ nào không có khoanh vòng thì xem như gạch chéo. Tuy mẹ không được ăn học nhưng rất sáng dạ”.

Tôi chưa từng nghe qua trên đời có chuyện như vậy nên rất khó chịu, nén giận, cũng không biết phải làm sao mới đúng. Đoàn Chí Cao nhìn tôi, nói nhỏ nhẹ: “Thực ra, mẹ tớ là người chịu khổ nhiều nhất. Mỗi lần đánh mình xong, mẹ đều đau lòng mà khóc. Tuy mẹ không nói nhưng mình và em trai đều hiểu. Mình cũng biết, khi mẹ đánh mình, trong lòng em trai còn khó chịu hơn mình nữa...” Tôi không thể nghe thêm nữa, bỗng gượng dậy, ôm đầu Đoàn Chí Cao oà khóc. Thấy cha chau mày bước vào phòng, tôi vội nín khóc nói với cha: “Cha, con biết không nên dễ dàng rơi nước mắt nhưng con... nhưng con thật đã đến chỗ đau lòng rồi!” Nói xong thì ôm đầu mình khóc lớn.

Đoàn Chí Cao vội chào “chào bác” rồi lấy một cái hộp tròn bằng vỏ bắp hấp thơm ngát mở ra đưa cho cha tôi xem mặt thỏ mặt hổ, nói: “Mẹ cháu làm đấy ạ. Mẹ cháu khéo tay lắm. Mẹ cháu bảo cháu tặng cho Chung Lê Tứ, nói rằng bạn ấy vừa giống thỏ vừa giống hổ”, nói xong thì bật cười.

Tôi giật mình, ngừng khóc, trong lòng nghĩ, e rằng tôi làm bác ấy té nên bác ấy trở nên hồ đồ rồi. Tôi giống con ngựa, con ngựa bắt kham, sao lại phải làm một con thỏ, làm một con hổ chứ.

Đoàn Chí Cao thấy cha tôi ngăm ngúa hai món đồ, bèn nói: “Mẹ cháu nói bạn của cháu tấm lòng lương thiện như một chú thỏ bạch, khi vào nhà cứu cháu lại dữ như một con hổ”.

Tôi cắn chặt môi, cũng không biết hôm đó làm sao mà nước mắt cứ rơi mãi không dứt.

Đoàn Chí Cao hai tay đưa cha tôi một bức thư nói: “Chung bá bá, đây là tiền hôm chủ nhật bá mẫu tặng cho nhà cháu. Mẹ cháu bảo cháu thay mẹ cảm ơn hai bác”.

Cha tôi nói: “Con ngoan, tiền này hãy để mẹ cháu nhận. Ta và bá mẫu của cháu quyết định giúp anh em cháu hoàn thành việc học”. Đoàn Chí Cao bèn nói: “Cảm ơn bác, khi cha cháu còn sống, thường nói “người sống nhờ hơi thở, cây sống nhờ lớp vỏ”, rồi còn nói “con đường của mình phải tự mình đi, đừng mong tiền từ trên trời rơi xuống”. Mẹ cháu nói nếu chỉ mong đi học nhờ tiền của người khác thì đợi đến khi học xong thì ý chí cũng mất đi không ít”. Rồi vẫn hai tay đưa phong thư tiền, đứng im lặng nhìn cha tôi.

Tôi trước giờ chưa từng thấy cha tôi tinh thần xao động như thế. Cha lấy thư một cách trân trọng bỏ vào túi, sau đó nhẹ nhàng đặt hai tay lên vai Đoàn Chí Cao, nói: “Con trai ngoan, con trai ngoan!”. Cha thân mật mời người bạn học chưa tới mười một tuổi của tôi ở lại dùng cơm. Đoàn Chí Cao suy nghĩ một lúc rồi gật đầu đồng ý. Cha nói: “Con cứ ngồi trong phòng Lê Tứ chơi, ta sẽ làm cho con món đậu hũ nhồi Đông Giang”.

Cha xuống bếp làm món sở trường của mình. Tôi vội lấy trong ngăn kéo ra một cây đèn cầy, bảo Đoàn Chí Cao đi xuống đất, muốn kết bái huynh muội với bạn ấy. Đoàn Chí Cao nhất định không chịu quỳ xuống. Tôi quỳ một mình trên đất kể từ chuyện Bá Nha – Tử Kỳ đến chuyện Lưu-Quan-Trương đào nguyên tam kết nghĩa, cố gắng khởi phát cho bạn ấy cái gì gọi là bằng hữu tri kỷ như thế nào thành bạn sống chết có nhau, nói rằng nếu so với tình nghĩa tương giao thì danh lợi mỏng tựa phù vân... Đợi bạn ấy gật đầu, bèn tiến thêm một bước giải thích rằng, tôi không dám nói cha tôi và mẹ bạn ấy kết nghĩa huynh muội, nhưng nếu bạn ấy trở thành anh kết nghĩa của tôi thì bạn ấy có thể nhận tiền của tôi mà không thấy xấu hổ. Người bạn cùng bàn của tôi lắc tay lia lịa, nói những gì tôi nói đều rất có lý, cha mẹ bạn ấy từng dạy bạn ấy phải thật lòng đối đãi với bạn bè cũng nên tiếp nhận thành ý của bạn bè nhưng món tiền đó không phải do tự tôi kiếm được, nếu bạn ấy nhận là lừa mình- dối người.

Tôi cảm thấy lời của bạn ấy rất có lý rồi ngẩn người. Bạn ấy cố kéo tôi đứng dậy, còn nói “Đừng ngốc nữa. Đợi đến khi bạn có thể kiếm được tiền, nếu mình có khó khăn thì nhất định sẽ nhận sự giúp đỡ của bạn”. Nghe bạn ấy nói như vậy, nhìn thấy khuôn mặt vừa thông minh vừa kiên quyết, vừa thật thà vừa trung hậu của bạn ấy, tôi nói: “Thế cũng được, mình sẽ không ép bạn dùng số tiền của cha mẹ mình. Chúng mình kết bái trước rồi hãy nói tiếp”.

Bạn ấy kiên quyết không kết bái với tôi, nói cha bạn ấy cho rằng “Tuyệt đối không gia nhập bất cứ bang hội nào, không kết bè kết phái”. Nói xong thì kéo tôi dậy đi lên giường.

Tôi hỏi bạn ấy dán bao diêm mỗi ngày kiếm được bao nhiêu tiền. Bạn ấy cười nói, làm việc đó công nhiều tiền ít, trước khi đi ngủ vì muốn nói chuyện thêm với mẹ và em trai nên mới ngồi dán bao diêm. Để có tiền sống được là nhờ đi kéo xe sau giờ học.

Trùng Khánh rất nhiều phu khuân vác, sau khi để dành được ít tiền thì bỏ đòn gánh, đi phụ kéo xe. Xe phu có hai bánh một trục, bắt mảnh ván. Trước đầu xe ngang có hai đòn dài, thẳng có hai đòn ngắn. Chủ xe nghiêng vai đeo sợi dây, hai đầu dây cố định vào hai càng dài, hai tay đỡ lấy cán. Khi mệt thì hạ đầu xe xuống, cán ngắn chống xuống đường, cùng với hai bánh xe giữ cho xe vững, người kéo có thể ngồi nghỉ.

Trùng Khánh là phố núi, đường bằng rất ít, dốc rất nhiều. Kéo xe trên đường bằng phẳng thì một người có thể làm nhưng mỗi lần kéo lên dốc thì phải cần hai người. Nếu lên dốc cao thì phải cần ba người. Cho nên ở dưới dốc thấp, thường thấy một chiếc dừng lại, đợi một chiếc khác đến, hai người cùng nhau kéo xe lên dốc rồi quay lại kéo chiếc còn lại. Gặp dốc cao, cần phải có đủ ba người mới có thể kéo lên được. Như vậy sẽ làm mất thời gian, thế là một nhóm “phu kéo” ra đời đúng lúc – trước mỗi con dốc là một đám trẻ đứng chờ, thấy xe đến thì hỏi: “Có cần phụ kéo xe không?” Nếu chủ xe gật đầu thì bọn trẻ cứ lớn thì hai đứa, nhỏ thì bốn, năm đứa, chạy đến đẩy đít xe hoặc bánh xe, lấy hết sức đẩy xe lên dốc. Vừa đến dốc thì chủ xe trả tiền, thế là bọn trẻ hò hời hò reo, chia tiền cho nhau rồi chạy ù xuống dốc, thù lao trả tùy theo độ dốc. Thường dốc thấp thì một, hai hào, dốc cao ba, năm hào. Tuy kéo xe mệt nhưng kiếm tiền nhanh hơn dán bao diêm.

Bây giờ tôi mới rõ vì sao Đoàn Chí Cao vừa tan học đã chạy vụt đi, thì ra là đi kiếm tiền nuôi gia đình.

Thực ra mỗi trường tiểu học đều có quy định bằng văn bản rõ ràng không cho phép học sinh trường mình đi phụ kéo xe.

Tôi nhìn Đoàn Chí Cao tuổi hơi lớn hơn tôi, nghĩ đến hoàn cảnh khó khăn của gia đình cậu ấy, rồi nghĩ đến cốt cách của gia đình cậu ấy thì cảm thấy cậu ấy kiên cường hơn tất cả những người bạn mà tôi biết, thực không nên dùng quy tắc để trói buộc cậu ấy; tôi đã xem cậu ấy như anh kết nghĩa, khi có khó khăn phải giúp đỡ nên không để ý bản thân mình cũng vi phạm quy định.



Đoàn Chí Cao không biết tôi đang nghĩ gì. Cậu ấy lấy sách vở ra, nói cho tôi biết từng bài tập về nhà. Tôi mới nhớ đã là thứ hai rồi...

Món đậu hũ nhồi Đông Giang của cha làm cho bữa cơm tối trễ. Khi Đoàn Chí Cao cáo biệt về nhà đã là tám giờ rưỡi. Từ cửa sổ tầng ba nhìn xuống, tôi nhìn thấy cậu ấy dưới ánh đèn đường của cây hoàng giác lấy giày vải bỏ vào cặp, để sạch sẽ khi đến nhà tôi, chắc chắn trưa nay cậu ấy không đi kéo xe, tối nay cũng không đi được, cảm thấy lo cho cậu ấy dù tôi biết rằng cậu ấy sẽ không vì chuyện này mà bị phạt. Cậu ấy nói với tôi, hai anh em cậu ta bị đòn vì những nguyên nhân giống nhau: lúc nhỏ là vì xin người ta quà vặt, sau này là vì học nói tục ngoài đường, đến khi đi học lại bị đòn vì trong tập có những dấu gạch chéo màu đỏ. Tiêu chuẩn trừng phạt của mẹ cậu ấy là một dấu gạch một roi, roi nào ra roi nấy.

Mông của tôi vừa khỏi đã háo hức đi đẩy xe với Đoàn Chí Cao. Cậu ấy đã cho tôi biết trước địa điểm, tôi chạy như bay về nhà kiểm gùi nhét no bụng rồi chạy đi tìm cậu ấy. Nhà cậu ấy rất xa trường, trước giờ cậu ấy không về nhà ăn cơm trưa. Trong cặp cậu ấy thường bỏ hai, ba củ khoai gùi đó. Ra khỏi trường, cậu ấy vừa đi vừa ăn, ăn xong thì tìm vòi nước công cộng, bưng hai tay uống nước. Tôi hỏi cậu ấy sao không luộc khoai chín ở nhà mang theo, cậu ấy nói: “Khoai nấu chín ăn rất ngon nhưng không cần thận sẽ làm dơ sách vở”.

Hôm đó khi tôi chạy đến, cậu ấy cùng với mấy đứa trẻ khác đã đẩy được một chiếc xe, chia được năm xu, rồi cùng tôi đẩy xe lên dốc, chủ xe cho chúng tôi một hào. Vì đây là lần đầu tiên tôi kiếm được tiền nên tôi vui lắm, ngóng dài cổ mong có xe đến. Đoàn Chí Cao kéo tôi nói: “Đi mau đi, nếu không sẽ trễ đó”. Tôi ngạc nhiên vì sao cậu ấy lại biết giờ. Cậu ấy nói cậu ấy linh cảm: “Sau này bạn cũng có thể luyện được bản lĩnh đoán giờ. Lúc đầu mình cũng không biết đâu, cứ nhìn mặt trời, trời tối thì không biết được giờ giấc nữa”. Cậu ấy vừa chạy vừa nói, chúng tôi chạy đến một vòi nước công cộng rửa mặt rồi chạy tiếp. Đến cổng trường học, quả nhiên chuông báo chuẩn bị vào lớp vang lên, Đoàn Chí Cao lấy giày ra mang vào, tôi vào lớp đúng lúc chuông reo.

Mọi ngày hể tan học, tôi luôn lấy vợt bóng bàn chạy ra khỏi lớp đi chiếm bàn bóng bàn. Mất một phút xem như thua, phải xếp hàng từ đầu rất là phiền. Nên hể tan học là tôi lao đi. Ai ngờ giờ ra chơi tiết một chiều hôm nay, tôi nằm lên bàn ngủ. Trịnh Khả Thành thúc tôi dậy, cười nói: “Không phải là bị nhiễm bệnh ngủ gật của con sâu họ Đoàn chứ?”

Bình thường buổi trưa về nhà, bảo mẫu đã bới sẵn cơm bày sẵn đĩa, tôi bưng chén và cơm, ăn nhanh là thói quen luyện từ nhỏ. Sau năm phút bỏ đĩa xuống, bắt đầu nô đùa với em gái. Em gái vẫn giữ thói quen có từ khi học mẫu giáo nhai kỹ ăn từ tốn. Em gái thích cười, cười ngặt nghèo thì buồn tiểu. Tôi nghĩ ra cách chọc phá em. Đến khi em cười phun cơm thì tôi chạy vào nhà vệ sinh, tôi bị bảo mẫu mắng cho mấy trận mới thôi. Sau đó bảo mẫu vừa khuyên tôi lấy “em gái ngoan” làm gương, vừa đe dọa mách cha tôi mới ép được tôi lên giường ngủ trưa, ngày nào cũng vậy.

Thì ra giấc ngủ trưa thường ngày quan trọng như vậy, mới thiếu một giấc mà tôi đã nằm lên bàn ngủ. Sau đó, tôi ngủ thấy người mình cũng chua chua hơi hơi...

Buổi trưa sau khi tan học, tôi mới thấy hết sự vất vả của việc kéo xe. Đoàn Chí Cao lấy trong chai thủy tinh ra hai cọng đậuũa ngâm, đưa tôi một cọng nói: “Ăn đi, làm việc nặng phải ăn mặn một chút mới có đủ sức”. Bạn ấy dẫn tôi đến dưới một con dốc rất dài rất cao, sau đó lấy trong cặp ra một sợi thừng to. Một đầu dây kết nút sống, một đầu buộc chặt một cái móc. Sau khi nhận xe, bạn ấy đến bên cạnh xe, đeo dây vào vai, đầu móc thì móc vào trục xe, nói với tôi, đây mới chính thức là kéo xe. Cậu ấy cố sức kéo chiếc xe đi, chân bấu vào mặt đường, vai hằn dấu dây kéo đi lên con dốc... Người, xe, con dốc và cả con đường ngoằn ngoèo quanh núi dần dần chìm trong cảnh chiều hôm, giống như bức tranh sơn dầu, giống như những dòng sử thi, vừa chân chất vừa tráng lệ, vừa xa xôi, vừa sâu lắng.

Tôi vẫn chưa đủ tư cách để kéo xe nên cùng bốn đứa trẻ khác phụ đẩy xe, cố sức đẩy đít xe lên dốc, vừa đẩy vừa la. Đợi đến khi nhận một hào chạy xuống dốc thì tôi đuối đến phát run. Đoàn Chí Cao nói: “Về thôi. Mỗi buổi chiều mình chỉ kéo một chuyến xe. Em trai chắc đang phụ mẹ nấu cơm. Buổi cơm tối ở nhà mình luôn đợi đông đủ người”. Tôi đuối quá, bụng kêu ùng ục nên vội vàng gật đầu. Tôi cầm lấy tiền, nhìn tờ tiền giấy ướt đầm mồ hôi đó, tôi mới hiểu câu nói “coi tiền như rác rưởi”.

Thấy tôi hai buổi trưa liền không ngủ. Bảo mẫu nói sẽ mách cha tôi. Tôi đành phải ngủ trưa đủ giấc, buổi chiều tan học mới có thể đi đẩy xe. Chẳng bao lâu, tôi cũng được kéo xe.

Ngày trôi qua thật nhanh, chớp mắt đã đến tổng kết năm học. Khi công bố tên những người được vào đội thiếu niên tiên phong, tôi không được. Đội trưởng gọi tôi ra gốc cây hoàng giáp nói: “Vinh dự của đội thiếu niên tiên phong, chúng tôi không thể để chiếc khăn quàng đỏ khoác lên cổ một người từng bị giải đến đồn công an”, ngừng một lúc, bạn ấy nói thêm “ít ra lần này không được, nhưng...”. Giọng đội trưởng chùng lại, đặt tay lên vai tôi nói: “Tổ chức đã thảo luận thấy biểu hiện về các mặt khác của bạn rất tốt. Bạn cứ tiếp tục tiến bộ, rồi viết đơn xin vào đội. Ấy, sao bạn không nói gì? Bạn đừng buồn, bạn nói đi chứ”. Thực ra lần này không tuyên thệ cũng không quan trọng, điều tôi cảm thấy quan trọng là tôi biết rõ vi phạm quy định của trường còn đi kéo xe, sao dám viết thư ứng cử chứ?

Về nhà gặp Trần Thư Kiếm, bác ấy hỏi sao mặt mày ủ rũ thế, tôi nói muốn vào đội lại làm một chuyện mà những người đeo khăn quàng đỏ không nên làm. Trước giờ tôi xem bác ấy như bạn tâm giao, nói chuyện

rất tự nhiên, thoải mái: “Cháu đã thề không nói chuyện này với ai, cũng không thể nói với bác”, Trần Thư Kiếm nghĩ một lúc, nói: “Đứa bé ngoan nhà họ Chung, thực ra cái này có gì khó? Con người sống ở trên đời, có cái cần làm, có cái không cần làm, sau khi cháu cân nhắc hãy quyết định xem chuyện nào nên làm chuyện nào không?”.

Tôi nghĩ một hồi, nghĩ đi nghĩ lại thấy cả hai chuyện đều khó bỏ. Trần Thư Kiếm lắc đầu nói: “Cháu à, đáng bỏ không bỏ, cứ lưỡng lự thì cả hai chuyện đều không ra sao đâu”. Bác ấy lấy ra một đồng tiền rồi nói: “Cháu chọn một chuyện cho một mặt đồng tiền, cháu không quyết định được thì để ông trời giúp cháu”. Nói rồi bác ấy chuẩn bị tung đồng tiền lên nhưng tôi nín áo bác nói: “Bác ơi! cháu biết chuyện gì không thể bỏ rồi”.

Lúc đó tôi đã đến đội nhạc dân tộc Cung thiếu nhi thành phố Trưng Khánh chuyên kéo đàn hồ, mỗi sáng chủ nhật đều phải đi tập huấn. Trước khi ra khỏi nhà, mẹ luôn tự tay chải chuốt cho tôi. Hôm đó không cần phải mặc bộ quân trang túi lớn được may lại của cha tôi mà mặc áo sơ mi bằng vải lanh, váy vải hoa mà mẹ ủi rất phẳng phiu. Quần áo lọc qua gió có mùi hương thật dịu. Tuy tóc tôi ngắn như lông nhím nhưng mẹ dùng dây nơ màu hồng kết tóc cho tôi, rồi đưa tôi mang đôi giày da được chà bóng loáng. Tôi luôn nói với mẹ luyện đàn xong tôi muốn đến thư viện, đến thư viện xong tôi muốn đi trượt pa-tanh, tốt nhất là buổi trưa không về nhà ăn cơm. Mẹ luôn chuẩn bị cho tôi một hộp cơm, trên mặt cơm luôn có bốn miếng Lạp xưởng. Đầu đông mỗi năm đều treo những xâu Lạp xưởng ngoài cửa sổ do chính tay mẹ tôi làm, mang hương vị Quảng Đông chính thống, phơi khô, để ăn đến mùa thu năm tới. Mẹ bỏ hộp cơm vào trong cặp và một bình nước mà bộ đội hay dùng, trong bình đựng trà Long Ưng Trưng Khánh, xong mới bảo tôi đeo cặp, xách đàn xuống lầu. Mỗi lần đến cửa đại viện tôi đều quay đầu lại nhìn luôn thấy mẹ và em trai, em gái ở cửa sổ tầng ba vẫy tay chào tôi.

Hết tập huấn xong, tôi liền chạy đi tìm Đoàn Chí Cao, bảo cậu ta giúp tôi gỡ dây nơ hồng xuống. Tôi thay chiếc quần đùi, bỏ quần áo vào trong cặp, ở trần đi phụ kéo xe.

Đến khi đói, hai đứa đi tìm chỗ nghỉ, vừa ăn vừa uống vừa nói chuyện. Khi ăn uống nghỉ ngơi xong, tôi kéo nhị hồ, Đoàn Chí Cao lấy vở trong cặp ra, xem bài cũ, rồi xem bài mới, còn lấy ra một tờ giấy viết viết tính tính, không làm ảnh hưởng đến tôi...

Khi hai chúng tôi chia tay thì hoàng hôn xuống, trên đường về nhà tôi đi tìm vòi nước rửa sạch chân tay, mặc đồ, mang giày rồi chạy về nhà.

Thời gian nghỉ hè qua mau, Đoàn Chí Cao đột nhiên nói với tôi, nhà cậu ta phải dời đến vùng phụ cận Triều Thiên Môn. Vùng phụ cận Triều Thiên Môn có một điểm dân cư hơn hai mươi hộ, đều là người nhà của công nhân ngành đường sắt. Họ đều rất trẻ, đều không đi làm. Chỉ ở nhà trông con và đợi người chồng mà chẳng ai biết chắc khi nào về. Bây giờ họ phải đến Thổ Pháp để luyện gang nên phải lập ra một nhà trẻ để gửi bọn trẻ – do đơn vị của các ông chồng chi tiền. Mọi người đều háng hái đi luyện gang nên quyết định mời người đến trông bọn trẻ. Thế là tổ trưởng khu dân cư đề xuất mẹ của Đoàn Chí Cao.

Nhà mẹ của tổ trưởng khu dân cư ở chung khu với nhà họ Đoàn. Khi chưa đi lấy chồng, bác ấy đã rất kính phục vợ chồng nhà họ Đoàn. Đến khi bác ấy có quyền xử lý tranh chấp của mọi người, thường lấy hoàn cảnh Đoàn gia ra làm gương, bác ấy lại khéo ăn khéo nói nên luôn khiến mọi người tâm phục khẩu phục. Mỗi lần bác ấy từ nhà mẹ trở về đều thích mang những câu chuyện mới mẻ của nhà họ Đoàn ra kể cho mọi người nghe. Đoàn quả phụ nằm mơ cũng không ngờ được mình lại có ấn tượng tốt như vậy trong lòng những người phụ nữ xa lạ.

Mọi người nhất trí chọn Đoàn bá bá trông nom lũ trẻ, còn nghe tổ trưởng nói có thể thương lượng với anh em nhà họ Đoàn, mời anh em họ sau giờ tan học thì dạy các bé đọc chữ ca hát, ai cũng tán thành còn nói “phải mang ba mẹ con nhà đó đến đây!” Họ biết nhà họ Đoàn tuy nghèo nhưng rất nghĩa khí, bèn cùng nhau thương lượng, nói rằng cơm nước thì do nhà trẻ bao, quần áo thì do mọi người lo, tiền công của Đoàn quả phụ do nhà trẻ trả, mỗi tháng mọi người góp tiền cho anh em Đoàn gia, ngoài việc mỗi ngày sau giờ học anh em Đoàn gia làm thầy dạy lũ trẻ còn làm vệ sinh nhà trẻ. Có mấy bà, mấy chị nóng tính không đợi tổ trưởng tìm mẹ con Đoàn gia thương lượng trở về đã vội vàng lau chùi nhà cửa, có người còn mượn xe để chở đồ dọn nhà...

Thế là Đoàn gia chuyển đi, Đoàn Chí Cao và em trai cậu ấy cũng chuyển trường.

Vừa lên lớp năm, cuộc sống lúc này đã trở nên náo nhiệt, náo nhiệt đến nỗi... Ấy! rất ồn ào sôi sục! Đầu tiên trường mở hội thể xuất quân chủ nghĩa cộng sản. Hiệu trưởng trường tiểu học Y Nhân chúng tôi thường ngày cử chỉ nho nhã bỗng nhiên hôm nay trên bục có hành vi khác thường. Tay phải thầy nắm chặt, không ngừng nâng cao ngang tai rồi đập xuống nói: "...Trung ương Đảng và Mao chủ tịch tổng động viên sáu trăm triệu dân cả nước! Chúng ta nhất định trong mười lăm năm phải vượt qua nước Anh, đuổi kịp nước Mỹ!" Nói rằng để chiến thắng trong cuộc đại chiến chuyển mình này trên thế giới, điều quan trọng là tăng sản lượng lương thực, tăng sản lượng sắt thép, phải làm sản lượng gang thép trong những tháng còn lại của năm 1958 tăng gấp bội năm 1957, đạt mức 1070 vạn tấn... Hiệu trưởng muốn mỗi người chúng tôi sau giờ học đi tìm đồ đồng nát về nộp cho trường. Thầy giờ cánh tay chắc như đinh đóng cột, lúc đó trông rất khí thế oai hùng....

Các giáo viên dạy vẽ lấy nước, cầm xô chổi, các bức tường trong ngoài sân trường đầy biểu ngữ, nhìn khắp nơi, nào là "Một ngày bằng hai mươi năm", "Hãy để nguyên soái gang thép thẳng trưởng!" "Vượt Anh đuổi kịp Mỹ, mau chóng thực hiện chủ nghĩa cộng sản!" Mặt ngoài bức tường lớp tôi có một bài thơ: "Trên trời không có Ngọc hoàng, dưới đất không có Long vương, tôi chính là Ngọc hoàng, tôi chính là Long vương, lệnh cho núi non mở lối – tôi đến đây!". Bài thơ này lúc đó ai cũng ưa chuộng, mỗi lần đọc luôn cảm thấy mình rất oai phong...

Có những giáo viên bình thường có thói quen chấp tay sau lưng bỗng nhiên cũng bỏ tay ưỡn ngực bước thẳng về phía trước, giống như lính đi hành quân vậy.

Bình thường thấy giáo viên các khối rõ ràng không hề năng động, nhiệt thành, nay lại đột ngột trở nên hoạt bát, nhanh nhẩu như trẻ con, bọn học sinh chúng tôi phần khởi vô cùng. Học sinh lớp càng thấp thì càng vui vì chúng cảm thấy tuy bản thân không thể đạt sự vượt bậc trong các môn "Một ngày bằng hai mươi năm" nhưng ít ra về các môn âm nhạc và vẽ thì ngang trình độ với các anh các chị khối sáu. Tuần đó, tranh từ khối một đến khối sáu đều là tranh "tưởng tượng bước nhảy vọt!"

Trước đây bài hát đầu tiên của khối một là "Tìm đi, tìm đi, tìm đi, tìm đi, tìm một người bạn, kính cần cúi đầu chào, cười ha ha đến bắt tay, mọi người cùng nhau, mọi người cùng nhau nhảy múa". Khi tôi vừa lên lớp Bốn, thầy Bành dạy bài "Trời thu", lời ca tinh tế: "Mây đen che mặt trời, mặt đất tối sầm lại, gió Tây thổi từng đợt, mưa phùn bay bay, sông nhỏ sóng to cuồn cuộn không ngừng gây sóng cả, chim muông sợ lạnh bay về phương Nam trú Đông rồi". Hát lên trong lòng cảm thấy thật bình yên có cái gì phấn khích hăng hái, nhưng tháng 9 năm 1958 các bài hát mới từ khối một đến khối sáu đều giống nhau, lời hát đều là "Đeo hoa phải đeo hoa hồng lớn, cưỡi ngựa phải cưỡi ngựa vạn dặm, bài hát phải hát bài vượt trội, nghe nói phải nghe lời Đảng nói!". Các học sinh hát, giáo viên hát, công nhân hát, nông dân hát ngay cả cơ quan, doanh trại, các ngõ phố đều hát bài hát này.

Ca từ gọn lời đủ ý, hình tượng rõ ràng, chỉ một lát đã nhập vào đầu, nhất là âm phổ trong đoàn khúc, khiến người ta hát rất khí thế hiên ngang.

Lúc đó trên đường gặp ai thì đều thấy mặt mày người đó điều hớn hỏ bước chân vội vã. Người đối diện, cũng không quản nam nữ già trẻ quen lạ, tự nhiên gật đầu vẫy tay như những người bạn cũ chào nhau, sau đó quay người không cần hỏi chuẩn bị đi đâu – hầu như người nào cũng có sẵn chủ kiến, ngược lại không cần biết đối phương trước đây từ đâu đến, bây giờ chắc cũng đồng tâm hiệp lực cùng mình, đi phấn đấu làm 1070 vạn tấn thép...

Lời hiệu triệu vượt mức giống như một đốm lửa thấp trong nhà hồng. Mọi người tràn trề nhiệt huyết, họ hăng hái gỡ những món bằng đồng trong nhà mang ra đại viện.

Trước đại viện đậu mấy chiếc xe đẩy. Mỗi chiếc xe cắm cờ hình tam giác, trên cờ có thêu chữ vàng "Hãy để nguyên soái gang thép thẳng trưởng".

Mọi người chất đầy lên xe nghe lanh canh, rồi hát "đeo hoa phải đeo hoa hồng lớn", vẫy cờ đẩy xe đi.

Bà Lưu ở gian một chúng tôi, nấu cơm rượu hay đuổi theo con dâu nhưng không kịp, bèn bưng chén đứng ngay cửa ngậm ngùi than: "Ai da, nhìn trận này xem, náo nhiệt hơn nhiều!" bà Lưu là người Giang Tây. Có lần tôi nghe bà ngâm nga "tiền hồng quân xuống núi...". Còn nói nếu sớm có hồng quân thì bà ấy có thể sớm bỏ vải bó chân, bây giờ sẽ có đôi chân to khỏe cùng con dâu đi luyện gang.

Mặt trời rạng rỡ, chiếu sáng loáng những chữ thêu trên cờ, chiếu các miếng gang thép bóng bẩy, chiếu đôi mắt mọi người sáng long lanh, chiếu giọt mồ hôi sáng lấp lánh. Bọn trẻ đứng đầy viện, rất vui thích nhìn

đội quân toàn các bà mẹ tinh thần hăng hái hào hứng xuất phát.

Vì thường được cha mình hun đúc nên bọn trẻ đại viện thích nhất là tự khoe mình anh hùng, cũng thích khoe người khác anh hùng. Bọn trẻ tuyệt đối không bỏ qua những cơ hội có thể làm anh hùng. Nhìn thấy những người phụ nữ trong nhà bỗng nhiên bỏ nồi bỏ chén, tất cả đàn ông đều chạy đi luyện gang thép. Không hèn mà cùng biểu hiện tấm lòng bao la, tự mình ra ngoài nhật đồng nát.

Trùng Khánh thế núi hiểm trở, có rất nhiều hẻm núi mà một người giữ cửa ải muôn người chẳng thể qua, cho nên tiến có thể tấn công, lùi có thể cố thủ, đây vốn là nơi thuận lợi mà nhà binh tranh giành. Từ xưa vương tử nước Ba[1] rất nhiều lần chuyển dời, đến năm 1950 quân giải phóng tấn công vào trong thành, qua các triều đại, không biết đã kiến thiết rồi phá hủy biết bao nhiêu toà nhà? Không biết đã dập tắt rồi đốt cháy không biết bao lần khói lửa? Phàm chuyện đao binh, không tránh khỏi còn để lại dấu đó mảnh kim loại, do chúng bị ủ đen sạm trong gió, trong mưa, trong nước ngày này qua ngày khác, năm này qua năm khác. Bọn trẻ có khi may mắn nhặt được một món vôi vàng mài trên phiến đá, mài không ra màu vàng thì nói “không phải là đồng” rồi quăng đi, nếu mài ra một chút ánh vàng thì nói “ây, là đồng” thì có thể mang đi mua kẹo. Lúc đó thành phố Trùng Khánh thường có những người bán hàng rong, gánh đòn gánh đựng một bánh kẹo to, đục thành từng miếng đưa cho bọn trẻ đổi lấy đồng. Sau khi đại luyện gang thép bắt đầu, bất luận là nhật được đồng hay nhật được sắt, thì ai cũng cho vào lò luyện.

Trường học không ra định mức trọng lượng đồ đồng nát cho mỗi học sinh mà ngay cả bảng báo chiến tích cũng không có thời gian lập ra. Như tổng phụ trách đội Thiếu niên tiền phong nói: “Bây giờ đã không còn là thi đua giữa cá nhân với cá nhân, giữa khối này với khối kia mà là cả Trung Quốc thi đua với nước Anh, nước Mỹ!” Cô ấy lại gọi tôi làm đơn xin vào đội Thiếu niên tiền phong. Đội trưởng giao cùng một nhiệm vụ khảo nghiệm cho những người xin vào đội: nộp nhiều đồng nát.

Tôi cố gắng đi vào những hầm trú ẩn bị bỏ hoang, đến pháp trường nơi xử bắn để tìm vỏ đạn... Còn dẫn theo em gái nữa. Mỗi ngày hai đứa tìm đến bắn cả người mới trở về nhà. Từ khi bắt đầu đại luyện gang thép thì ai cũng đến nhà ăn ăn cơm. Nhà tôi không cần bảo mẫu nữa. Cha thường đi họp rất xa, ít khi về nhà, em trai thì ở nhà trẻ. Trong nhà chỉ còn tôi và em gái. Em gái học rất giỏi, luôn đứng nhất toàn khối. Lúc đó tôi rất ngạc nhiên vì sao em gái có thể ngồi yên trong lớp được, còn em thì mãi đến bây giờ cũng không hiểu vì sao lúc nhỏ mỗi lần lên lớp tôi không quây phá là không được.

Nhà ăn của nhà hồng nằm ở lầu bốn, sáng trưa chiều ba bữa, ở đó luôn luôn có những hàng người xếp hàng dài ngoằn ngoèo, toàn là những đứa trẻ bụng chén đứng đợi cơm... Bỗng nhiên những đứa trẻ không có người lớn quản thúc trở nên rất tự tin, rất ngoan, cơm tối xong thì chạy đi tắm rồi anh chị em quây quần bên nhau làm bài tập. Trước đây nhà hồng sáng rực ánh đèn, từ tháng chín trở đi nhất loạt ngưng điện. Toàn lượng điện cắt đi để luyện 1070 tấn gang. Mỗi nhà được phân hai bóng đèn mắc song song. Phía trên nổi một bóng đèn nhỏ của cây đèn pin. Ánh sáng dịu, ánh lên vở bài tập, ánh lên trên từng đôi mắt trẻ thơ.

Bài tập của trường đối với hai chị em chúng tôi dễ như trở bàn tay. Cho nên buổi tối có rất nhiều thời gian để đọc tiểu thuyết. Rất nhiều tiểu thuyết có thể làm mắt em tôi đỏ hoe.

Tối nay mắt em gái lại đỏ hoe. Lúc đầu tôi không để ý. Sau đó, thấy em gái gấp sách lại khóc nức nở, tôi vội liếc tên sách “Cuộc chiến thành cổ”, nói: “Em gái đừng quá đau lòng. Kim Hoàn chết thì chết rồi, nhưng cái chết của cô ấy bảo vệ sự an toàn của tổ chức dưới đất, chỉ còn ước gì có cơ hội chết oanh liệt và anh dũng giống như cô ấy!” Nói xong lại cảm thấy lý do này không đủ sức an ủi em gái, vì đối với hình tượng tượng nghĩa của nhân vật nghĩa khí đó, hai đứa tôi luôn có sự cảm nhận khác nhau. Tôi đọc thì lập tức tưởng tượng xem nhân vật trong sách làm sao mới có thể chết oanh liệt hơn trong hoàn cảnh đó tuy không lần nào nghĩ ra, nhưng cũng rất hài lòng cấu tứ của tác giả, bản thân nghĩ giá như mình cũng sẽ chết như thế, nghĩ một hồi thấy rất phấn khích. Em gái thì không vậy. Trước tiên em gái nghĩ làm thế nào để nhân vật không chết, cũng không lần nào nghĩ ra tuy nhiên, em gái không thể không tiếp thu cấu tứ của tác giả nên cảm thấy bứt rứt cho người chết, nghĩ một hồi càng làm cho người bên cạnh thấy khó chịu gièm mình... Tôi lại nói với em gái: “Phát huy tinh thần người sau tiếp bước người trước, chúng ta xây xong chủ nghĩa cộng sản sớm, cũng có thể an ủi anh linh liệt sĩ rồi! đừng khóc nha?” Em gái nói: “Em đang nghĩ đến chủ nghĩa cộng sản mới cảm thấy buồn! Khi vừa đi học, cô giáo nói chủ nghĩa cộng sản sau hai mươi năm mới có thể thực hiện, bây giờ mới chỉ được một năm. Cô giáo nói bình quân tuổi thọ của người Trung Quốc không đến năm mươi tuổi. Năm nay cha bốn mươi chín tuổi, mẹ ba mươi sáu tuổi, không biết cha mẹ có thể sống đến chủ nghĩa cộng sản không...”. Nói xong úp mặt xuống bàn khóc thút thít.

Tôi sống người trước mặt em gái. Đây là lần đầu tiên đề cập đến vấn đề này, đồng thời có liên quan đến cha mẹ tôi. Đừng nói chết, thậm chí cũng chưa từng nghĩ cha mẹ sẽ già, ngay cả về bệnh hoạn của cha mẹ tôi cũng chưa từng thấy. Tôi từng một, hai lần nghĩ qua, dù có một ngày nào đó tôi thành tướng quân chiến

công hiến hách lấy lưng mà làm sai chuyện gì thì cha tôi cũng đóng cửa lại đánh tôi... Bây giờ bỗng nhiên nghĩ đến cha tôi cũng sẽ già, sẽ chết thì trong lòng trỗi dậy một cảm giác rất buồn. Trước lúc đi ngủ, nước mắt tôi cứ rơi lã chã, mới cảm nhận ra rằng bản thân rất yêu quý cha mẹ.

Từ đó, mong muốn đối với chủ nghĩa cộng sản càng mãnh liệt, đối với việc tìm đồng nát càng tích cực hơn, chỉ cần nhìn thấy vật gì sáng sáng thì mong ước đó là kim loại. Vì đối với việc có thể nhìn thấy chủ nghĩa xã hội hay không, ngoài lo cho cha mẹ, tôi còn lo cho Trần Thư Kiếm và cô Lý. Cô Lý bị bệnh phổi, về hưu rồi. Trần Thư Kiếm không đến dạy lịch sử cho tôi theo thời gian nhất định.

Nhưng Trần Thư Kiếm của tôi hình như không nhiệt tình trong việc luyện gang gì cả, thấy tôi ngay cả cái nút trên giày cũng cắt đem nộp, bác ấy nói: “Đồ có sẵn đem đốt nóng chảy coi như sản lượng mới, sản lượng luyện lại từ đầu phân ra làm nút giày, làm muống, sao khổ thế?” Tôi nói: “Ái da, Thế bá, đây là vì 1070 không phải vì nút giày, nôi, muống gì cả.” Bác ấy nói: “1070 đó luyện để làm gì?”, tôi nói: “Đương nhiên luyện để làm máy bay, đại bác, súng máy!”. Thế bá sợ hãi nhưng không quên vuốt râu nói: “Cháu nói chế tạo... chế tạo cái gì?”

Thực ra tuy hàng ngày tôi tìm đồ đồng nát nhưng hoàn toàn không nghĩ sẽ chế tạo cái gì. Thầy giáo không nói, trong “sổ tay thời sự” của cha không viết. Thấy nói đến khi đó mỗi người mỗi năm có 1500 cân lương thực, 100 cân thịt heo, 200 cân dầu ăn và 20 cân bông vải. Nhưng tôi thầm mong, trước tiên có thể đi máy bay đến Mát-xcơ-va thăm người bạn nhỏ của tôi, sau đó đi khắp các nước trên thế giới. Tôi biết xã hội chủ nghĩa cộng sản sẽ rất tốt đẹp nhưng muốn thực hiện chủ nghĩa cộng sản thì phải luyện thành 1070 tấn gang thép mới được. Tôi nói với Trần Thư Kiếm: “Không phải là vì vượt qua nước Anh đuổi kịp nước Mỹ sao? Làm những vũ khí tinh luyện, vượt qua và đuổi kịp họ, đánh một trận!” Thấy bác ấy ngạc nhiên, tôi vội an ủi: “Thậm chí nút giày... đợi đánh xong, đến chủ nghĩa cộng sản thì từ từ làm cũng không muộn”.

Rất lâu, Trần thế bá mới vuốt râu, thở dài nói: “Đứa bé ngoan nhà họ Chung à, Thư Kiếm già rồi, già rồi!” Tôi sợ hãi, kéo vạt áo bác ấy nói: “Không già, không già, Trần Thế Kiếm, cháu không cho bác già!” Sau đó để an ủi mình cũng để an ủi bác ấy, tôi bèn nói, trước mắt về nông nghiệp còn cách chủ nghĩa cộng sản không xa, rồi nghĩ nát óc, lấy những ví dụ học được trên lớp, đọc được trong báo ra làm chứng, nói lúa chiêm của các huyện là hơn 36000 tấn, tiểu mạch của các huyện là hơn 7300 tấn... Trần Thư Kiếm thông thả ngắt lời tôi: “Cháu thấy qua chưa? Tuy bác chưa từng thấy nhưng có người thấy rồi. Ví dụ, ở Hồ Nam quê hương của Mao chủ tịch có rất nhiều ruộng vệ tinh cao sản, tháng 7 đến tháng 9 năm 1958 mỗi ngày có 3000 người đến tham gia ruộng vệ tinh, 3 tháng có gần 300.000 người tận mắt nhìn thấy”.

Khóe mắt Trần Thế Kiếm hiện một nụ cười buồn bã, than thở bác ấy tuổi quá cổ lai hi rồi nhưng trước giờ chưa thấy lúa mạch nào cao sản như vậy. Còn hỏi tôi: “Nếu trồng dày thì làm sao bón phân? Làm sao trừ cỏ? Làm sao giải quyết vấn đề ánh sáng?” Tôi nghe như rơi từ mây xuống. Trần Thư Kiếm nói với tôi, lúa mạch cũng như người, cần ánh sáng không khí, cần ăn cần uống, nếu sản lượng đạt tới hơn 7300 cân thì hạt lúa mạch rải trên ruộng phải dày nửa tấc thì ánh sáng không xuyên qua được, sẽ rất ngọt ngọt. Vả lại, nhiều như vậy, cây lúa làm sao chịu được?”

Tôi từng đến nông điền Giang Bắc bứt mấy cây lúa mạch về nhà hong phân cho mọi người thi nhau thổi bong bóng xà phòng, mới biết cây mạch quả thực mỏng manh không chắc như thép, nghĩ một lúc, thấy lời của Trần Thế Kiếm cũng có lý. Nhưng giấy trắng mực đen trên báo lẽ nào cũng giả tạo? Tôi nói với Trần Thư Kiếm, trên mấy tờ báo tôi còn nhìn thấy một tấm hình một ruộng mạch đợi thu hoạch, trên cây mạch có một đứa bé ngồi, tôi đã nghĩ rằng trên đời này có những thân cây mạch rắn chắc dị thường...

Trần Thư Kiếm nhìn tôi một lúc lâu, rồi cười phá lên, nói “Cháu đấy, đứa bé ngoan nhà họ Chung! Tốt nhất mấy năm nữa cháu đi làm nông dân, tự mình trồng lúa để không còn nhe dạ cả tin, người khác nói sao hay vậy!” Quả nhiên như lời bác ấy nói: mấy năm sau tôi bắt đầu làm nông dân tám năm, hiểu rất rõ Trần thế bá có lý hay báo chí có lý - nhưng lúc đó thấy bác cười, tôi cũng cười, cảm thấy mình đối với bác ấy có sự khoan dung bao la, mặc kệ bác ấy tin hay không, chỉ mong sớm xây dựng được chủ nghĩa cộng sản. Phải để bác ấy nhìn thấy xã hội lý tưởng đó mới được.

Nhưng đồ đồng nát càng ngày càng khó tìm. Như ở nhà hồng, sau khi mọi người tìm những món đồ đồng lớn rồi đến những món nhỏ, cuối cùng là nôi niêu xoong chảo, ổ khóa đều vét sạch cả. Giống như bà Lưu nói: “Cái này còn sạch hơn lúc vườn không nhà trống đánh Nhật!” Tôi và em gái tôi thường ra ngoài tìm rất kỹ nhưng vẫn về tay không, chỉ hận mình không học được kim thuật của ông vua trong câu chuyện dân gian, chạm tay đến đâu cũng biến thành vàng...

Cuối cùng có một ngày, 1070 vạn tấn gang thép luyện được rồi! Tối hôm ấy, mọi người đổ ra đường chúc mừng. Tôi còn nhớ tối hôm đó, người Trùng Khánh vui mừng gọi nhau í ới, từng khuôn mặt gầy, đen ánh lên tia hy vọng. Tất cả đều cười vang một cách đầy tự tin và tự hào. Mọi người nắm tay nhau nhảy múa



bất luận già trẻ lớn bé, quen hay lạ. Mọi người nhảy múa, cười đùa, ca hát. Có người hát rằng “tiếng chiêng trống vang lên báo, 1070 thành công rồi. Tôi vui mừng vỗ vai bạn, 600.000 cùng vui mừng. Cờ đỏ tung bay trên đầu. Hê-a, 1070 thành công rồi, 1070 thành công rồi!” Có người vừa hát vừa reo hò. Tiếng hát như tiếng sóng vút cao, cuồn cuộn dâng trào... Mọi người nhập vào đoàn diễu hành càng lúc càng dài, càng dài càng náo nhiệt. Đến công viên bên núi Tỳ bà nhìn xuống đoàn người dài bất tận, giống như một con rồng vĩ đại chuyển mình với những ngọn đuốc sáng rực như những cái vảy rồng vàng óng ánh, thật hùng vĩ, thật tráng lệ...

Có người ưỡn ngực hét to một câu “Cách lão tử! Cuối cùng 1070 đã luyện được rồi”. Tôi cũng bắt chước ưỡn ngực hét to: “Cách lão tử ! Cuối cùng 1070 đã luyện được rồi”.

Em gái hết hồn, vội kéo tay tôi: “Chị, không được nói vậy!”

Ái dà, lúc đó hào khí ngất trời, đã hát, đã cười, đã leo lên núi, sao lại không nói ra sự kích động trong lòng mình, tôi muốn khóc, người tôi run rẩy, tôi thấy linh hồn mình cũng run rẩy, thấy mặt đất có máu của những người thân, thấy cả người mình đều hiến cho lý tưởng chủ nghĩa cộng sản. Tôi bằng lòng chết vì tổ quốc của mình. Tôi bỗng ngộ ra vì sao Gia Cát Khổng Minh có cảnh giới “cúc cung tận tụy, tử nhi hậu kỷ”, tôi cũng hiểu đạo lý vì sao cha từng nói đọc “Xuất Thư Biểu” không khóc là bất trung”. Tôi kéo tay em gái, vừa hát vừa xuống núi.

Về đến nhà, ngồi dưới ánh đèn viết một lá thư dài cho người bạn nhỏ Liên Xô của tôi, kể cho cậu ấy nghe cảnh tượng hùng tráng hôm nay. Nói rằng chủ nghĩa cộng sản sắp đến Trung Quốc rồi. Đợi chủ nghĩa cộng sản đến, khi có tất cả thì tôi sẽ bay đến Mát-xcơ-va thăm bạn ấy.

Lâu lắm tôi không viết thư cho bạn nhỏ Liên Xô vì từ khi bắt đầu đại luyện gang thép thì ít thấy Sái Thiên Huệ ở nhà hồng nên không có ai dịch thư giùm tôi. Tôi viết theo thể phỏng Tống[2], hy vọng bạn ấy có thể tìm một lưu học sinh Trung Quốc dịch giùm. Trong thư tôi cũng giới thiệu em gái tôi, còn bảo em gái lấy viết chì vẽ hình bàn tay lên lá thư. Sau khi gửi thư, tôi bắt đầu những ngày đợi mong: mong thư của người bạn Liên Xô, mong chủ nghĩa cộng sản đến.

...Đợi rất lâu rất lâu, bạn nhỏ Liên Xô vẫn không hồi âm, chủ nghĩa cộng sản cũng chưa đến, nhưng, nạn đói đến rồi.

[1] Nước Ba: Tên nước thời Chu, nơi là đông bộ Tứ Xuyên.

[2] Thể phỏng Tống: Một kiểu chữ Hán trong in ấn, phỏng theo chữ khắc in sách thời Tống, nét đều đặn, có 3 thể: dài, vương và bẹt.

**K**hi nạn đói đến, có vẻ lén lút, hay ít nhất cũng không làm cho những người ở nhà hồng bận tâm. Có thể nói, người cảm nhận sâu sắc sự thiếu thốn vật chất là tôi, vả lại, chuyện đầu tiên làm tôi cảm thấy thiếu thốn là trứng gà.

Lúc đó mẹ đã sinh em trai, đang nghỉ thai sản. Lúc cậu bé mới từ bệnh viện về, da em nhẵn như một ông cụ bị ngâm lâu trong nước, sau đó thấy cậu bé càng ngày càng tươi tỉnh, càng ngày càng xinh đẹp thì tôi yêu em vô cùng. Trước khi đi học và sau khi tan học, tôi đều đến bên giường của em, chăm chỉ kể chuyện cho em nghe. Hàng xóm đều cười tôi ngốc, nhưng mẹ nói tôi không ngốc, nói rằng trẻ con cũng có thể nghe hiểu được. Chỉ là, mẹ mỉm cười, dặn dò tôi không nên kể những chuyện có liên quan đến ma quỷ.

Nhưng tôi luôn muốn kể chuyện ma cho em trai nghe. Vì tôi nghĩ, sau này để đào tạo em trai thành một người vô thần thì cha nhất định sẽ ép em đêm tối đến bái tha ma. Tôi còn nhớ nỗi sợ hãi đến nghĩa địa trong đêm mưa gió sấm chớp lúc tôi sáu tuổi, chỉ mong sao em sớm có thói quen biết nhiều chuyện liên quan đến ma quỷ để sau này khi bị cha thử nghiệm em có thể ung dung vượt qua. Giống như bạn học cũ của tôi, Liễu Phong Miên, trước khi đi học đã đọc cuốn “Liêu Trai”, bất kỳ ma quỷ lợi hại nào cũng không biết sợ.

Có lần thừa lúc mẹ ở nhà bếp, tôi vội vàng kể cho em trai nghe một câu chuyện về cương thi, trợn mắt, thẳng người nhảy xung quanh giường của em, vừa nhảy vừa nói “ma đến đây, ma đến đây!” em trai quơ tay quơ chân cười ngặt nghẽo.

Em gái giận dữ vô cùng nói “chị còn kể chuyện ma một lần nữa, em sẽ mách ba!” Từ đó hễ tan học là em chạy ù về nhà. Trường em học cách đại viện của chúng tôi một hàng rào, gần hơn từ trường tôi về đại viện nhiều. Mỗi lần tôi chạy vào nhà thì thấy em gái giữ em trai, hứng thú đọc truyện cổ Grim. Tôi chỉ còn cách mở hộp đàn, đợi khi em gái khô môi rất lưỡi, ngừng kể chuyện, ở bên cạnh nhìn tôi đề cao cảnh giác, tôi bắt đầu kéo đàn. Tôi thích kéo tiểu dạ khúc của Schubert hay có khi đổi đàn nhị, kéo “Nhị Tuyền Ảnh Nguyệt”. “Lương Tiêu” cho em trai nghe. Bất luận hai người chị làm gì cho mình, em trai chỉ cười, múa tay múa chân. Tôi rất ít khi thấy em khóc. Cha mẹ rất ít ẵm em cũng chỉ cho mấy đứa chúng tôi mỗi ngày ẵm em hai lần, bảo kể chuyện, hát cho em nghe để em biết có người yêu thương mình nhưng không nên ẵm nhiều. Trẻ ẵm nhiều rất khó độc lập sau này, lớn lên lúc nào cũng cần người chăm sóc.

Thực ra trong lòng tôi bằng lòng cả đời chăm sóc cậu em trai nhỏ hơn tôi mười hai tuổi. Nhưng chẳng bao lâu sau, tôi nhận ra rằng, người cần tôi chăm sóc mỗi ngày lại là người anh lớn hơn tôi mười hai tuổi, anh hai tôi.

Anh hai chuyển ngành từ bộ đội Kiệt Lâm, được phân đến nhà máy đàn dương cầm Thượng Hải học làm đàn nhưng anh ấy không đi. Trong lòng muốn trở thành một sinh viên nên cả ngày nhốt mình trong phòng, chúi đầu vào sách vở, chỉ khi đến giờ cơm mới xuất hiện, điểm này không giống anh ba chút nào. Anh ba cũng đi học, nhưng đồng thời kiêm luôn việc chơi với em gái, còn thường xuyên khuyên tôi phải chú ý lời nói cử chỉ nho nhã. Anh hai đọc sách nhiều hơn anh ba, dù là giờ cơm cũng vẫn thỉnh giáo mẹ về toán học. Cũng không giống anh ba hễ bỏ sách xuống thì miệng lại kể “chú bé người gỗ”, còn đưa đầu để hai cô em gái nhỏ tóc bạc. Khu nhà hồng có rất nhiều nhà có con gái lớn rất thích anh ba, nhất là dì Mã ở tầng bốn, hễ thấy anh ba thì cười tí mắt nói: “Thằng bé càng lớn càng giống diễn viên”.

Anh hai đẹp trai hơn anh ba nhưng do từng được tôi luyện trong quân đội nên thần thái kiên cường, thân thể rất rắn chắc. Anh ba kéo nhị hồ, anh hai kéo đàn ắc-coóc-đê-ông. Có lúc, tôi đoán anh trai đọc mỗi mắt rồi nên kéo đàn, vừa kéo đàn vừa hát. Lần nào cũng hát “tôi phục viên trở về cố hương, cố hương đã hoàn toàn thay đổi ruộng đồng bát ngát, thôn xóm nối liền. Cố hương thân yêu của chúng ta, khắp nơi đều tràn ngập luồng sinh khí mới”. Bài hát cứ thế vang xa, những cô gái lâu trên lầu dưới có việc hay không có việc đều đến nhà tôi nói chuyện phiếm mà hồn để tận đâu đâu, hình như lúc đó họ không còn thấy tôi là con ngựa bất kham nữa. Tôi nói với em gái, tôi không còn lo lắng về tương lai của anh hai nữa, thế là không lo không có cô gái tốt hi sinh thanh xuân vì anh ấy.

Có một hôm, tôi đang ngồi trên bậc thang bị mấy cô gái lời ngon tiếng ngọt dụ dỗ, chạy vào phòng anh trai lén lấy tập ảnh lật cho họ xem. Mẹ đến tìm tôi nói trong nhà rất cần dùng trứng gà, mong tôi mỗi buổi sáng lên phố xếp hàng mua. Mẹ nói cha đi họp ngoài tỉnh, mẹ phải chăm em trai nên không đi được, em gái còn nhỏ, anh hai thì từ sáu giờ đã phải đi học, mẹ chỉ còn biết trông đợi vào tôi.

Sáng hôm sau, lúc năm giờ, mẹ gọi tôi dậy, đưa một cái ghế nhỏ, một cái làn, trong làn có cuốn “Ruồi

trầu”. Tôi đi lên phố.

Tôi mới biết, đầu phố bảy giờ mỗi ngày bán khoảng mười cân trứng gà, tính theo đầu người, mỗi người mua nửa cân. Nếu không xếp hàng sớm thì chẳng còn cái trứng nào nữa. Tôi xách làn đi xếp hàng, sau đó bắc ghế con ngồi xem sách dưới ánh đèn. Xem sách được hai tiếng đồng hồ, mua được trứng gà trở về nhà mới đánh răng rửa mặt ăn sáng, rồi đi học. Lên lớp luôn muốn ngủ gật. Ngày nào cũng vậy, mưa gió cũng không ngoại lệ. Tuy tôi không thấy ai ở khu nhà hồng đến xếp hàng nhưng cảm nhận việc thiếu trứng gà quả thật là một vấn đề nghiêm trọng.

Trước giờ tôi không ăn trứng gà do mình mua về, em gái cũng không, mẹ cũng không. Nửa cân trứng gà hàng ngày là mua cho anh hai tôi. Vì bỗng nhiên tóc anh ấy rụng hoài. Mẹ dẫn anh ấy đi khám bác sĩ nổi tiếng ở Trưng Khánh, có người kê đơn thuốc trứng gà, nói rằng mỗi ngày một tiếng đồng hồ, dùng lòng đỏ trứng xoa bóp nhiều lần, lòng trắng gội đầu thì không những có thể ngưng rụng tóc mà tóc còn mọc rất nhiều. Thế là thời gian kéo dài của anh hai dành để chăm sóc tóc, không nghe anh ấy hát “phục viên về quê hương” nữa. Các cô gái rất thông cảm nói “học bài chắc vất vả lắm”. Họ không hề biết chuyện gội đầu vất vả của anh trai. Anh trai không tắm ở nhà tắm, không tắm ở nhà ăn mà tắm ở trong phòng. Mẹ múc từng thau nước tắm cho anh trai.

Mẹ ở nhà bếp nói với tôi, anh hai tốt nghiệp sơ trung thì tham gia quân đội, trong quân đội có rất ít thời gian để học, bây giờ bỗng nhiên học ngày học đêm, sợ rằng do lo buồn mà rụng tóc. Năm đó anh hai tham gia quân đội, do bị cạo đầu mà cảm thấy khó chịu. Vừa lên sĩ quan thì vội vàng nuôi tóc dài. Bây giờ nhìn thấy tóc rụng nhiều như vậy, tự nhiên cảm thấy sợ. Mẹ nói, mẹ biết tôi đi mua trứng gà rất khó khăn nhưng mẹ hy vọng tôi tiếp tục giúp anh trai.

Tôi nhìn trân trân người anh đẹp trai của mình nhưng bị lòng trắng lòng đỏ làm đầu óc mơ hồ, trong lòng thấy khó chịu giùm anh. Mấy lần tôi muốn bảo anh: “Con người ăn ở phẩm chất tốt mới có tình” rồi muốn nói “thực ra đầu trọc cũng chẳng sao. Ví dụ như Dương Ngũ Lang, còn cố ý chạy đến Ngũ Đài Sơn tự mình cạo trọc lóc!” nhưng hề thấy cái vẻ vừa buồn vừa lo bất đắc dĩ của anh hai thì những lời khuyên đại loại liên quan đến “con chuột rụng hết lông cũng có thể sống được, con chuột có thể sống thì anh cũng có thể sống” không sao mở miệng nói ra được đành phải thôi. Ngày hôm sau lại đi xếp hàng mua trứng.

Cũng là xếp hàng nhưng người Trưng Khánh có nhiều cách gọi khác nhau: học sinh, binh lính hay bất kỳ tập hợp nào thì gọi là “xếp hàng”, năm học sinh hay ba người lính đứng thành một hàng – gọi là xếp hàng những hàng khác như hàng đợi thuyền đợi xe đợi vào rạp chiếu phim thì gọi là “đợi tới phiên”, mấy người cũng gọi là “đợi tới phiên”, mấy chục người đến mấy trăm người cũng gọi là đợi tới phiên. Ngày này qua ngày khác tôi phát hiện rằng những con đường nhỏ ở đây càng ngày càng không thích hợp nữa: những người đợi tới phiên càng lúc càng nhiều, người ở nhà hồng cũng lần lượt xuất hiện, mọi người cầm dép, áo len ngủ gà ngủ gật dưới ánh đèn đường. Mọi người càng đến nhiều, càng phải dậy sớm. Lúc đầu tôi thức năm giờ, đến xếp hàng đứng thứ nhất, thứ hai, sau đó từ từ đứng hàng thứ mười mấy... cuối cùng thì bốn giờ ba mươi thức dậy... rồi bốn giờ thức dậy- cuối cùng không còn trứng để mua nữa, cũng đến lúc, mua thịt cũng phải đợi đến phiên, mua đậu hũ cũng bắt đầu đợi đến phiên... Tiết tấu giống như “nhịp gõ” của chiêng trống, mua cải xanh cũng phải đợi đến phiên... Rồi hề cái gì liên quan đến ăn uống đều phải đợi đến phiên, hề cái gì có liên quan đến cuộc sống thì phải ngoan ngoãn đợi đến phiên. Đến rồi, đến rồi, lần này thì nạn đói đến thật rồi. Người Trưng Khánh gọi nó là: “Nạn đói”. Nạn đói lúc này không còn lén lút nữa mà nó đến một cách thật trắng trợn, thật hung ác, không đợi chúng tôi hoàn hồn, nạn đói như cơn gió lốc, cuốn mọi người ra đường, cuốn vào một thời đại nghiệt ngã mà sự no ấm sống chết không thể lường trước được. Lúc đó, phiếu, chứng từ thật là nhiều! Đến nay tôi vẫn còn nhớ chứng từ thì có chứng từ lương thực, chứng từ than, chứng từ củi, chứng từ đường trắng, chứng từ bánh tây, chứng từ dầu hỏa... Phiếu càng nhiều hơn. Chỉ riêng phiếu lương thực phân ra phiếu thành phố, phiếu tỉnh và phiếu lương thực cả nước. Ngoài ra còn có phiếu dầu, phiếu thịt, phiếu vải, phiếu xà phòng... Em trai tôi là trẻ con nên còn có phiếu sữa bột, khi không còn phiếu sữa bột để cung ứng nữa thì có thêm phiếu hàng thế sữa, những thứ như rong biển, miến, đậu hũ... thì có phiếu thực phẩm, những thứ như hộp quẹt, đồng hồ, vớ, gối, ổ khóa, dao... thì có phiếu hàng công nghiệp, những người hút thuốc thì có phiếu thuốc lá. Phiếu nào dùng mua gì thì phải nhớ. Nếu cầm nhầm thì rất phiền phức. Chẳng hạn như xếp hàng mua thịt, sau mấy tiếng đồng hồ mới tới được bàn thịt, người bán thịt đưa tay nói: “Đưa đây”, nếu người mua đưa nhầm phiếu lương thực hay phiếu dầu lửa thì người bán chỉ nói ba chữ: “Đưa lộn phiếu” rồi kêu tiếp “Người tiếp theo, mau lên, mau lên”. Đoàn người nhích lên, vừa đồng tình vừa trách người đưa nhầm phiếu “Còn không mau về nhà đổi đi”. Hay là “Ồ xa không? Đổi phiếu xong quay lại thịt chưa bán hết nhưng phải xếp hàng lại mất mấy tiếng nữa”.

Ngoài đi học, phần lớn thời gian của tôi là đi xếp hàng, vì anh hai thi đậu đại học Tứ Xuyên nên đã ung

dung lên thành phố, Khả Khả thì đi mẫu giáo, trai tráng nhà họ Chung không ai có thể ra trận. Dù em gái tranh thế nào, tôi cũng kiên quyết không để em đi, sợ em bị người ta chen lấn giẫm đạp, thế là em gái ở nhà rửa chén bát quét dọn. Xếp hàng đối với tôi không phải là chuyện vất vả vì lúc nào trong tay tôi cũng có quyển sách.

Kho sách của mẹ tôi ngoài lý luận, toán học, hầu như là kịch bản. Tôi đọc “Quán trà” của Lão Xá, Tào Ngưu, Quách Mạt Nhược, Thang Hiến Tổ, Quan Hán Khanh... Đọc xong các tác giả Trung Quốc thì đọc đến tác giả nước ngoài như Shakespear, Bernard Shaw, Molière, Schiller, Chekov... cái gì cũng có. Tôi đọc hết cuốn này đến cuốn khác, xếp hết hàng này đến hàng khác, luôn thấy rất vui.

**K**hi anh tư tôi từ Quảng Châu đến, trên lưng mang một cây đàn violon, còn vác đòn gánh gánh hai valy loạng choạng đi vào đại viện... Sau khi mở vali, tôi thấy một cái toàn là sách, cái còn lại là tạ tay bằng gang. Cơ bắp của anh ấy rất săn chắc, cuồn cuộn. Tôi rất thích thú, hỏi lý tưởng của anh ấy có phải là thích thi cử tạ ở thể vận hội giống Trần Kính Khai mang huy chương vàng về không? Nhưng anh tư nói “không”, rồi nói tiếp “lý tưởng của anh là trở thành một nhà thơ”.

Từ ngày đầu tiên vào nhà hồng, anh tư thích tôi đọc thuộc thơ. Hay dặn dò khi nghe anh ấy đọc thơ phải đồng thời tưởng tượng tính cách miêu tả trong câu thơ, nói rằng do những câu thơ có tình cảnh hun đúc tinh thần mới có thể thưởng thức được tâm tình của nhà thơ. Tôi gật đầu lia lia nhưng do tiếng phổ thông của anh ấy khó nghe chết được, còn pha giọng Quảng Đông, tôi vừa nghe vừa dịch sang tiếng phổ thông cho nên chỉ để ý đến từ mà không để ý đến ngữ cảnh, do vậy không những không thể thưởng thức tâm tình của nhà thơ, ngược lại tinh thần của chính mình lại vô cùng căng thẳng. Tiếng Quảng Châu tôi đã lâu không nói câu nào cả nghe cũng quên hết. Có lúc có thể đoán được anh trai đọc như thế nào, có lúc hoàn toàn mơ hồ. Ví dụ có lần, anh tư dẫn tôi đến bờ Gia Lăng Giang tản bộ, nói: “Em gái, em thích xi-lanh không?” Tôi nói, tôi không biết tí gì về xi-lanh. Anh nói đó là trường thi của Puskin, trong thơ thấm đẫm một vẻ đẹp bi thương, bỗng nhiên cất tiếng ngâm nga âm điệu khoáng đạt thâm trầm, che đậy một sự đau buồn, “Ngõ đại lậu, từ xa đi đến một bó xi-lanh...”

Tôi vội vàng tưởng tượng ra cảnh anh trai miêu tả. Ngõ đại lậu ở đâu không quan tâm nhưng mới nghĩ đến những xi lanh, không biết để ai dùng, không biết lấy cái gì làm dây cáp buộc thành đồng lớn kêu ken két từ xa vọng lại thì cảm thấy cảnh tượng này thật là nhảm nhí, khó được mọi người chấp nhận. Vội ngăn anh lại hỏi: “Là ai buộc những xi lanh này vào nhau?” “Ai?” anh trai nói, “đương nhiên xi lanh tự nó thành bó mà”. Tôi càng hồ đồ, nghĩ thầm: “Mình sao trói mình chứ? Còn là mấy xi-lanh! [1] Hơn nữa buộc thành một đồng thì làm sao đi? Còn đi từ xa đến nữa!” càng muốn hiểu càng khổ sở. Đại khái hình dạng tôi lúc đó vô cùng đáng thương nên anh trai muốn thành thi nhân của tôi, thử dài lấy giấy viết ra viết câu thơ của Puskin cho tôi xem.

Trời ạ! thì ra là “trên đường từ xa xa đi đến một nhóm người Digan...” tôi vỗ tờ giấy trên tay anh bật cười, cười đến không sao ngăn được, cười đến đau cả ruột. Đợi đến khi tôi cắn răng nhịn được cười thì cảm thấy mình sắp kiệt sức...

Anh tư công tôi trên vai, leo lên các bậc thang đá. Tôi vẫn còn thấy mệt, đành phải khấn cầu bên tai anh ấy rằng: “Anh, anh yêu quý, hôm nay anh đừng đọc thơ nữa, được không?” Suốt đường về nhà, quả thật anh ấy không đọc thơ nữa. Mà từ đó về sau, anh trai bảo tôi đọc thơ cho anh nghe.

Bên cạnh gối của anh tư tôi luôn có mấy tập thơ, toàn là tác phẩm của Nga. Anh ấy rất sùng bái Puskin, Lermontov và Êxênhin. Luôn kêu tôi đọc thơ của họ rồi anh ấy ngồi nghe, thường chỉ cho tôi biết nên lĩnh hội như thế nào, chỉ rất tỉ mỉ... nhiệt tình dào dạt như vậy, giọng trọ trẹ, anh tôi dắt dẫn lòng tôi vào tầng tầng lớp lớp cảnh tình của bài thơ, làm tôi cảm thấy cuộc sống rất đẹp, rất đẹp, đẹp đến khiến người ta có lúc muốn thử dài.

Trong ba người anh trai, tôi thân với anh tư nhất, chuyện gì cũng nói với nhau. Có một hôm tôi hỏi anh, thật ra tôi có mấy người anh trai, mấy người chị gái”. “Anh trai... chị gái... Ấy, để tính xem nào!” Anh nói “em còn có một người anh cả, không, không, để xem nào”. Thấy tôi ngơ ngác, anh tư gãi đầu rồi sáng khoái nói với tôi: “Em gái, chúng ta là anh em cùng cha khác mẹ. Anh và các anh chị là cùng một mẹ sinh ra, em, em gái và em trai là cùng một mẹ sinh ra”. Sao lại như vậy chứ? Sao chẳng ai nói với tôi cả? Anh trai nói: “Có thể cha mẹ và hai anh cho rằng trẻ con không nên biết quá nhiều. Thực ra, biết hay không cũng chẳng sao”. Tôi nghĩ một lúc, thấy cũng phải. “Thực ra anh biết từ khi còn nhỏ” anh trai nói là anh không có ấn tượng gì về mẹ ruột của mình. Khi sinh anh, mẹ anh đang bị bệnh, chưa cho bú được giọt sữa nào thì đã qua đời rồi. Sau khi cha và mẹ tôi kết hôn, mẹ tôi về quê lần lượt mang hai chị gái và ba anh trai đến Quảng Châu, gửi cho bà ngoại tôi nuôi dạy, để bà ngoại tôi chăm nom việc học của các anh chị. Anh tư nói, mẹ của anh ấy sinh chị cả, chị hai, anh hai, anh ba và anh ấy. Vì cha và chú thủ túc tình thâm nên con của hai người hợp lại theo tuổi tác phân lớn nhỏ, tôi phải gọi các con của chú là anh cả, anh năm và chị tư.

Anh tư lớn hơn tôi sáu tuổi. Vì đến Quảng Châu muộn nên anh đi học muộn, khi đến Trùng Khánh học sơ tam thì đã gần mười tám tuổi.

Anh trai vào tuổi ấy đã mau chóng rơi vào chuyện tình cảm. Cô gái đó học cùng lớp với anh, ở lầu trên

chúng tôi. Lúc đó anh trai đang chuẩn bị thi cao trung.

Có hôm trên bàn cơm, bỗng nhiên anh trai nói lúc anh có linh cảm đối với sách vở nhất là khi cả nhà ăn cơm, anh ấy muốn làm xong bài tập mới ăn cơm một mình. Cha chau mày rồi gật đầu. Tối hôm thứ hai, trước khi tôi ngủ thì bưng phần cơm của anh lên phòng anh. Anh ấy lấy cái bánh màn thầu trong đó ra bảo tôi mang lên lầu cho cô gái đó, một lạng bột mì hấp một cái bánh bao, bữa cơm tối của anh ấy là 3 cái màn thầu và một chén cháo. Tôi hơi bất ngờ nên hỏi: “Nguyên cái bánh sao?” Anh nói “nguyên cái”, tôi lại hỏi “Không để lại một nửa sao?” Anh nói “Không thừa”, tôi nghe bụng mình kêu ột ột hỏi tiếp: “Một lớp vỏ ngoài cũng không thừa lại sao?” Anh tư thờ dãi nói: “Em gái, thế thì em xé lớp vỏ ngoài ăn đi”. Thế là hể tối nào có bánh bao thì tôi bóc lớp vỏ ngoài rồi mang cái bánh màn thầu tọc lóc lên phòng cô gái.

Anh trai bảo tôi đừng nói gì với cô gái đó, tôi nghe theo, chỉ đưa bánh màn thầu và bài thơ của anh trai cho cô ấy. Giấy viết thơ được xếp thành hình tam giác. Mấy bài thơ đó, anh đều bảo tôi đọc cho anh nghe bằng tiếng Tứ Xuyên, anh nói anh phát âm không chuẩn rất có khả năng dùng vần bằng tiếng Quảng Đông khi cô gái đó đọc bằng tiếng Tứ Xuyên sợ rằng sẽ cản trở sự cảm thụ tình ý của bài thơ.

Thơ của anh trai bắt đầu là: “Tanhia của nhà hồng!” tôi không hiểu tại sao lại lấy tên đó để gọi cô gái ở tầng trên. Anh nói sợ thơ lọt vào tay người khác sẽ làm cô ấy khó xử.

Cô gái nhận đồ xong, cũng chẳng nói câu nào, đưa lại cho tôi một tờ giấy, sau đó ngồi xuống bàn nhìn tôi đi ra ngoài.

Anh bảo tôi đừng xem tờ giấy cô ấy viết thì tôi không xem. Nhưng cô ấy để lại cho tôi một ấn tượng rằng cô ấy là người có tài cao bát đẩu, vì sau khi anh trai viết thơ xong còn bảo tôi cùng xem lại rồi mới mang đi, còn cô ấy, nhìn bánh bao nhìn thơ rồi tùm tùm cười, ngón tay thon thon, lấy bản nháp không cần suy nghĩ viết xong rồi xé gấp thành hình tam giác đưa cho tôi, đồng thời sau khi mảnh giấy được chuyển đến tay anh tôi còn làm anh tôi say sưa một lúc nữa!

... Lương thực càng lúc càng hiếm, cháo từ đặc trở thành lỏng... Từ nấu gạo tẻ được thay bằng kê... rồi cuối cùng ngay cả vỏ bí đỏ, dây bí cũng được bỏ vào nồi nấu, còn bánh màn thầu làm từ bột mì trắng thì bây giờ dùng bột đen, rồi bột bắp, rồi thổ phục linh.

Thổ phục linh nguyên là thuốc dùng để chống tiêu chảy. Năm đó, trong bụng mọi người không có chút dầu ăn nào mà mỗi bữa còn ăn thổ phục linh thì làm sao không bị tắc nghẽn chứ?

May mà nhà ăn của chính quyền thành phố vẫn có bánh bao bột trắng. Phiếu cơm của cha luôn mua được bánh bao bột trắng, luôn đảm bảo trong bữa cơm tối mỗi người có một cái. Bánh bao phần của anh tư đều từng cái, từng cái đến tay “Tanhia của nhà hồng” ở tầng trên. Thơ của anh trai càng viết càng dài dằng dặc nhưng bánh màn thầu của anh càng ngày càng có lại – vì lúc đó quả thực tôi không biết điều, cũng vì lúc đó thực lòng tôi rất đói nên bóc lớp vỏ bánh càng lúc càng dày... Cô gái đó vẫn không nói gì. Mãi đến một hôm, cô ta lấy cái bánh màn thầu bị tôi bóc thành hình trái tim xuống lầu, tôi lo sợ đến hồn bay phách lạc phát hiện mình đã gây ra họa, khi định thần lại, vội tuột tay vịn cầu thang đuổi theo cô ấy nhận lỗi thì trước thấy cô ấy đang gõ cửa phòng anh tôi rồi thuận tay đóng lại, nghe cô ấy nói: “Tâm ý của anh, em đều hiểu rõ, đừng làm khổ mình như vậy...”. Tôi đang định gõ cửa để vào thành khẩn nhận tội thì cô ấy đi ra, tôi liền nói “thực ra mấy vỏ bánh màn thầu đó...” anh trai liền bịt miệng tôi lại.

Cô gái đi lên lầu rồi. Tôi nhìn bánh màn thầu hình trái tim – nó bị Tanhia của nhà hồng để trên hộp mực màu đen, hiện ra rất trắng, rất nhỏ, chỉ có một chút xiu, vừa đáng thương vừa dễ thương, tôi ngượng đến không nói được lời nào. Anh trai kéo tôi đến bên mình, lấy cái bánh màn thầu hình trái tim, bóc từng lớp đút cho tôi...

Mấy ngày sau, tôi đang thọc cây sắt vào lò than chuẩn bị dùi lỗ dây nịt của anh tư – người của nhà hồng càng lúc càng ốm, mọi người đều phải dùi lỗ mới cho sợi dây nịt của mình – anh tư mờ mờ nhễ nhại vậy tôi lên phòng anh, đóng cửa lại nói nhỏ với tôi, anh muốn đến nhà bếp của một nhà hàng học nghề, thi đậu rồi, tối nay đi.

Tôi cầm sợi dây nịt, ngẩn người nhìn anh trai tôi.

Anh nói, “người thi đậu thì thử việc ba tháng. Làm không tốt thì có thể bị đuổi bất cứ lúc nào, làm tốt thì sau ba tháng sẽ trở thành đồ đệ chính thức. Mỗi tháng được sáu đồng, bao ăn bao ở, còn có thể mời người nhà nửa tháng đến ăn một bữa, không cho mang thức ăn về nhưng ăn tùy thích...”. Anh tư vừa nói vừa xếp quần áo.

Tôi bình tĩnh lại, ngồi lên chiếc vali của anh nhất định không đứng dậy. Anh tư ngồi xuống cạnh tôi nói: “Em thấy trong nhà cha mẹ, em trai, em gái đều đói đến thế nào rồi! Bảo người làm con trai làm huynh trưởng như anh làm sao chỉ biết ích kỷ chỉ lo việc học của mình chứ?” Tôi nói người nhà mình cũng không đói bằng nhà người khác! Rất nhiều người ở nhà hồng bắt đầu quản lý chặt chẽ gạo của từng người, khi nấu



cơm, mỗi người ăn bao nhiêu thì lấy bấy nhiêu, bỏ vào chén của mình, sau đó mọi người bỏ vào lòng hấp đầy nắp lại. Sau khi nấu xong, mọi người múc ra chén của mình, tuyệt đối không được lẫn lộn. Nhưng ở nhà tôi không xảy ra chuyện này. Tuy định lượng lương thực của mỗi người không giống nhau nhưng trước giờ không có chuyện giành nhau ăn ít ăn nhiều. Nhà tôi trước giờ không quản lý chặt việc ăn uống, tất cả mọi việc trong nhà đều do dì Giang nhủ mẫu của em trai quản lý. Và lại, theo cấp bậc, mỗi tháng cha tôi có 8 phiếu ưu đãi. Mỗi phiếu một lần cha có thể dẫn một người đi cùng đến nhà ăn Chính Hiệp để ăn một bữa. Tuy mỗi phiếu chỉ có thể mua được hai đĩa thịt, một tô canh nhưng cơm trắng thì không thể ăn tùy ý. Thế là người đi cứ cố sức ăn cơm, vét canh, thịt còn nguyên xi mang về nhà, để chia cho những người không đi. Anh chị em tôi, mẹ và nhũ mẫu luân phiên đi ăn cơm với cha.

Tối anh tư thì anh nói bài học nhiều không đi được, tôi luôn nhảy lên nói “con đi ăn thay anh tư”. Ngoài tám phiếu ưu đãi, còn có bánh bao cuối tuần.

Hễ mẹ từ trường gang thép về nhà thì mang theo mấy cái bánh bao, không biết nhân gì bên trong mà bẻ mãi chẳng thấy miếng thịt nào! Sáng chủ nhật cả nhà vui vẻ tập trung ở bàn ăn giống như Tết vậy, mỗi người được chia nửa cái bánh – nguyên liệu một nửa từ lương thực trăm phần trăm, một nửa là bột trắng! Tôi ăn cơm nhanh nhưng lúc đó cả em gái tôi cũng ăn rất nhanh. Mẹ càng ăn càng chậm, tôi ăn xong phần của mình thì nhìn phần của mẹ. Lần nào mẹ cũng nói “mẹ ăn no rồi, con ăn giúp mẹ nhé?” rồi bẻ một góc đưa cho tôi.

Nhưng lần này anh tư nói: “Thật ra người đói nhất chính là mẹ”. Tôi nói, sao có thể thế được? Ai cũng biết trường gang thép cũng là một loại trường học, tiêu chuẩn lương thực nhà nước phân cho cao hơn những trường phổ thông khác, nếu không, sao bánh bao mẹ mang về to hơn bánh bao ở nhà ăn thành ủy. Mẹ không những không ăn hết nửa cái bánh bao đó mà ngay cả thịt mua từ nhà ăn Chính Hiệp về cũng không muốn ăn. Anh ấy nói “Em gái, sao em ngốc thế... Học sinh trường gang thép định lượng lương thực mỗi tháng là ba mươi hai cân, theo quy định mỗi người dành hai cân cho nhà nước. Nhưng định lượng của giáo viên chỉ có hai mươi bốn cân, bắt buộc phải dành lại ba cân, có thể no được mấy bữa? Trong định lượng tuyệt đại bộ phận là lương khô, bánh bao bán theo lương thực tinh, em tính thử xem, những cái bánh bao đó dùng hết lương thực tinh của mẹ, chắc ở trường mẹ chỉ có thể ăn khoai lang, dầu tầm và thổ phục linh. Thật không biết bình thường mẹ làm thế nào chịu nổi? Buổi tối anh đi vệ sinh, mấy lần thấy mẹ đang ở nhà bếp lấy nước tương rót vào nước để uống”. Tôi nghe toát cả mồ hôi, cảm giận bản thân sao lại tham ăn như thế. Anh nói: “Thực ra chuyện này không thể trách em, em còn nhỏ...” Tôi nói với anh, tôi bảo đảm với anh từ nay về sau sẽ không kêu đói bụng nữa, năn nỉ anh trai đừng bỏ học. Những đứa trẻ cùng thời với tôi ở nhà hồng, đứa nào cũng tự cho mình nhân trung long phụng làm anh hùng được hay không chỉ có cách xem cơ hội chiến tranh nhưng cổng trường đại học là cái mà mọi người đều nhìn ngó. Nếu anh trai không thể tốt nghiệp sơ trung thì cha mẹ chắc tức mà chết.

Anh không đồng ý. Tôi bèn nói: “Anh đi rồi, Tanhia của anh sẽ không có bánh bao để ăn rồi”. Anh nói anh đã nghĩ kỹ, hễ đến nhà hàng thì sẽ cố gắng làm, một khi được nhận chính thức thì đề xuất với lãnh đạo cách một ngày ăn hai bữa, tiết kiệm để giúp cô ấy. Tôi đau buồn quá, khóc nói: “Không đi học, anh sẽ không làm thơ được nữa, không trở thành nhà thơ được đâu, anh à!” Anh trai kéo vạt áo của anh lau nước mắt cho tôi. Một lúc sau, anh nói nhỏ nhẹ: “Muốn làm nhà thơ, điều quan trọng nhất là phải có khí chất của nhà thơ, người chỉ biết căng mắt nhìn những người thân yêu của mình chịu khổ mà chẳng chút động lòng thì làm gì làm được thơ hay, làm gì giống một nam tử hán đại trượng phu nữa!”

Thế là anh trai nhỏ của tôi ôm khí chất thi nhân của mình hiên ngang ra cửa. Cha đọc thơ anh để lại nổi cơn tam bành nói: “Hồ đồ! Thật là hồ đồ! Tên hèn nhát này quá hồ đồ! Bắt được thì nó chết!”

Tôi “hừm” một tiếng, đứng cứng đờ trước mặt cha nói: “Cha, xin cha đừng đối xử với anh như vậy. Nguyên nhân anh ra đi cũng có phần vì con, muốn đánh chết thì cha đánh chết con đi”. Rồi đồng dục nói lại từng câu từng câu của anh trai cho cha nghe, càng nói càng cảm thấy anh trai giỏi, cảm thấy dù bị cha đánh chết cũng không thể để cha phán oan nhân phẩm của anh trai mình. Cuối cùng tôi nói rõ ràng phán đoán của mình: “Anh tư con, anh ấy có một tấm lòng vàng. Anh ấy là tấm gương làm người của con”. Nói xong, nước mắt rơi lã chã.

Cha nhìn đứa con gái từ bé đã gây rối khắp nơi nhưng không còn giận nữa chỉ kéo tôi lại nói: “Thế nhà hàng đó ở chỗ nào?” Tôi lắc đầu. Cha nhún vai nói, quốc gia khó khăn nhưng khó khăn rồi cũng qua đi. Người ở nhà hồng có khó khăn cũng còn tốt hơn nhiều so với cuộc sống của bá tánh bình thường. Nói quốc gia cần được xây dựng, rất cần những người lính khỏe mạnh có tri thức có văn hóa, anh không có quyền trốn tránh trách nhiệm học tập của mình hơn nữa, cả nhà không ai tán thành sự lựa chọn của anh trai. Cha nói, anh chị em chúng tôi là con cháu nhà binh, cha không chút hoài nghi các con của mình sẽ có ý chí kiên

cường, tương thân tương ái vượt qua nghịch cảnh, muốn tôi mau nói ra anh trai ở đâu, nhân lúc anh trai vẫn chưa làm chính thức, tìm về đi học tiếp.

Nhìn gần, tôi thấy cha ốm đi rất nhiều. Trên mặt trên tay, mỗi một góc cạnh đều hiện ra rất rõ. Nhưng tôi thật không biết anh trai ở đâu.

Sau ba tháng, anh trai viết thư về, rất dày, dài năm trang giấy. Cha đọc xong, mắng nhỏ một câu “Tên hèn nhất!”, ném thư qua một bên. Một lúc sau, châm thuốc rồi đọc thư một lần nữa, đọc rất chậm. Đầu thuốc cháy mờ mờ, cái ánh sáng đỏ lúc tỏ lúc mờ giống như cơn lửa giận trong mắt cha vậy.

Tôi bảo em gái đi rình xem. Em gái luồn vào cánh tay cha rồi chạy về, lắc đầu nói nhỏ: “Thư của anh tư chữ rất khó xem, em chỉ đọc rõ được mấy chữ “Cha kính yêu” và “Mẹ kính yêu”. Ấy, chữ của anh trai tôi giống như tiếng Phổ thông của anh vậy làm người ta đau đầu – nhưng điều này cũng không làm cản trở anh viết thư về nhà, ngày nào anh cũng viết.

Lúc đầu mỗi lần đọc thì cha mắng một câu “Tên hèn nhất”. Sau này dần dần không mắng nữa. Cuối cùng cả nhà cùng đến chỗ anh trai đoàn tụ ăn cơm.

Tôi ra sức ăn, ăn rất nhiều thịt nhiều cơm. Về nhà lại uống rất nhiều nước. Năm đó, hầu như quán nào nhà nào, ai nấu ăn cũng bỏ rất nhiều muối vì món ăn mặn thì sẽ không ăn nhiều, hơn nữa ăn xong uống nước vào đầy bụng thì sẽ không mau đói nữa. Nhưng hôm đó thực sự tôi ăn quá nhiều, uống quá nhiều, đừng nói là nằm, ngay cả ngồi cũng chịu không nổi, thế là đêm khuya để chân trần đi tới đi lui hai bên cầu thang từ tầng một đến tầng ba, trong lòng thầm nghĩ lần sau không được ăn tham như lần này nữa. Nhưng cứ hể đến lần sau là tôi lại đứng ngồi không yên.

Nhà hàng mà anh trai đến làm nổi tiếng khắp Trùng Khánh, tên là “Quán Sinh Viên”. Là một chi nhánh của ông chủ Thượng Hải mở trước khi hợp doanh công tư cho nên thức ăn mang phong vị Hoài Dương truyền thống. Nhưng cái mang đến sự nổi tiếng cho Quán Sinh Viên là món điểm tâm, đặc biệt là bánh đậu xanh. Anh trai tôi mới đi hơn một trăm ngày, rất khỏe mạnh không những dây nịt phải nới ra hai nấc mà mặt cũng phúng phính vậy mà giờ đây, anh tự dần vật mình đến ốm nhom. Tôi phát hiện trong đôi mắt ốm đến to đó có một nỗi đau khổ khó mà quên được. – Vì Tanhia ở nhà hồng không muốn cúi cái đầu kiêu ngạo của mình xuống, đi vào nhà tập thể của Quán Sinh Viên. Cô ấy vẫn đứng yên, bảo tôi xách hộp bánh đậu xanh gửi kèm với bài thơ dài và nói: “Cái tôi cần là thơ của anh trai cô, không phải là thịt của Quán Sinh Viên”. Tôi chỉ bức thư mà cô ta không thèm bóc, tuy nghe theo lời anh trai không nói lời nào nhưng trong lòng tôi rất giận. Cô ta duỗi ngón tay mảnh dẻ đưa tới lui trên bức thư rồi thở dài nói: “Anh trai cô trước giờ luôn dồi dào khí chất thi nhân, không ngờ bây giờ lại trở thành thứ văn nghệ tầm thường...”. Tôi nghe trong giọng nói cô ta ẩn chứa sự cay đắng, còn có cả sự hối tiếc nặng trĩu trong đôi mắt sâu thẳm nhìn chằm chằm lưu luyến, thì biết tốt hơn là tôi đừng nên nói gì cả.

... Lương thực càng khan hiếm, nhân viên của Quán Sinh Viên không thể dẫn gia đình đến ký túc xá ăn nữa. Anh tư nói, sứ mệnh làm bếp của anh đã hoàn thành rồi. Anh ấy quyết định đi Tân Cương, vì Tân Cương và Tô Liên giáp ranh nhau, lại gần quê hương của Puskin. Lúc đó chủ quán Vương Chấn của quân khu Tân Cương xây dựng binh đoàn đến Tứ Xuyên tuyển mộ lính, anh dẫn tôi đi xem.

Dưới cờ chiêu binh, một nhóm đồng thanh niên tụ tập. Người chiêu binh nước da sạm vừa trầm tĩnh vừa dí dỏm đang giới thiệu Tân Cương, nói sa mạc như thảo nguyên bao la xinh đẹp thế nào, nói khai khẩn đất hoang sẽ gian khổ thế nào, rồi nói tổ quốc cần thiết biết bao, nói tiền đồ đẹp như thế nào... Anh trai đăng ký, đến một sư đoàn ở Acosu. Anh ấy cho rằng ở nơi khắc nghiệt, rộng mênh mông đó có thể làm cho chiến sĩ trở nên kiên cường đó mới chính là cái nôi rèn luyện thi nhân. Anh trai muốn đến đó lập nghiệp, đến đó để tìm tình yêu, nói chỉ có những cô gái phơi mình dưới ánh mặt trời Tây Bắc, chịu đựng cơn gió Tây Bắc mới có thể thấu hiểu được nỗi lòng của một nhà thơ.

Chúng tôi lấy phiếu thịt, phiếu dầu, phiếu đường và phiếu thực phẩm của cả nhà tháng đó đổi thành một bữa tiệc thịnh soạn. Cha nâng ly rượu tiễn anh trai, khen anh trai “nam nhi chí tại bốn phương”.

Ra khỏi đại viện, anh tư quay đầu, nhìn lần cuối khung cửa sổ của Tanhia ở tầng bốn nhà hồng... Lần đó anh đi, đến Tân Cương đã ba mươi năm rồi.

[1] Xilanh (hay Sigal) tức bài trường ca Đoàn người Digan của Puskin.

**S**au khi anh trai đi rồi, anh ba tôi bắt đầu yêu đương. Nhưng chuyện tình của anh ấy rất đơn giản, không liên quan gì đến bánh bao cũng không dính dáng gì đến thơ ca, cũng không chia tay, không đau thương, thậm chí làm cha nổi cơn thịnh nộ, làm mẹ lo lắng. Đến nay anh ba con cháu có đủ, thỉnh thoảng tôi vẫn nói bóng gió, cười cuộc hôn nhân của anh ấy là một lần quyết định mà mỹ mãn cả đời.

Anh ba đến đội thám hiểm địa chất của Bắc Đại Hoang chưa lâu thì thi đậu trường đường sắt Nam Kinh. Sau khi tốt nghiệp được phân đến Tứ Xuyên làm ở cục đường sắt Thành Đô, cách Trùng Khánh mười hai tiếng đồng hồ đi xe lửa. Có lần anh ba về nhà hồng nghỉ phép, vừa lúc gặp Lưu bá bá. Lưu bá bá đang chơi cờ vây với ba tôi ở phòng bát giác tầng ba. Bác ấy kẹp quần đen định đặt ở chỗ “bình” nhưng đột nhiên dừng tay hỏi: “Anh Chung, cậu con trai này sinh năm nào?” rồi hỏi tiếp “có đối tượng chưa?” Cha nói “vẫn chưa”. Lưu bá bá nói con gái lớn của bác hai mươi tuổi, sau khi tốt nghiệp trường sư phạm dạy học ở trường tiểu học một năm, đến nay vẫn chưa hứa hôn...” Hai quân nhân già rất vui vẻ với bố dờ ván cờ gọi con trai con gái đến, nói “Cha giới thiệu đối tượng cho con”. Sau đó Lưu bá bá cười tít mắt bảo hai anh chị nắm tay nhau, nói “Hôn nhân đại sự các con tự mình làm chủ, những người làm cha chúng ta không can thiệp vào chuyện tình cảm như vậy”. Cha tôi cũng cười tít mắt nói: “Anh Lưu, những vấn đề còn lại để bọn trẻ tự giải quyết, chúng ta đi”. Sau đó đặc biệt cảnh cáo tôi không được quấy phá anh trai rồi để hai anh chị ở lại phòng, cha cùng với bác Lưu tiếp tục ván cờ còn dang dở.

Anh ba tôi và con gái Lưu gia bị những người cha xuất thân từ quân ngũ giới thiệu đến đổ mắt tía tai. Một người ngồi xa xa trên giường, một người ngồi xa xa trên ghế như ở giữa cách nhau sông Sở – Hán vậy. Tôi thò đầu vào phòng mấy lần nhưng họ vẫn không thay đổi tư thế, cúi đầu xuống tập trung nhìn đôi tay của mình. Nhìn thấy tôi chị ấy đằng hắng một tiếng, anh trai cũng làm như vậy. Trong lòng tôi thấy sốt ruột thay cho anh. Tuy biết rõ anh ba không như anh tư mở miệng là Sergey Êxênhin nhưng cũng không nên đứng yên trầm ngâm, mở miệng nói câu “quen biết cô thật vui” cũng được rồi.

Sau đó, anh ba đổi ca với những người làm chung, được nghỉ, trở về Trùng Khánh một, hai ngày. Mỗi lần về là kêu tôi lên lầu gọi chị con bác Lưu. Sau đó chị Lưu xuống lầu ba kéo tay Khả Khả, ra một chỗ ngoài đại viện đợi, đợi anh trai đến cùng đi tản bộ. Sau khi trở về, tôi hỏi Khả Khả: “Anh trai và chị Lưu nói chuyện gì?” Em trai đáp: “Không nói gì hết”, tôi bèn hỏi chị Lưu nói gì với anh trai, em trai vẫn nói: “Không nói gì hết”. “Sao không nói gì? Hai người không ai nói, chỉ đi dạo thôi sao?” Nhưng em trai nói, có nói chứ. Hai người đều nói chuyện với em.” Nói xong vẻ mặt rất mãn nguyện. Sao lại nói chuyện với em trai? Nói với thằng bé thì có gì hay đâu chứ! Em trai nói với tôi, lúc đầu chị Lưu nói trước, hỏi em trai thích làm gì nhất, em trai nói thích chơi cờ nhất. Từ nhỏ, mỗi khi em đi học về, cha đã cho cậu con trai này ngồi trên đầu gối của mình để em xem sĩ tượng, làm thế nào để bảo vệ soái, trọng pháo làm sao để được quân. Em trai nói mấy lần sau này khi tản bộ đều kể chuyện, hoặc anh ba kể chuyện “Chú bé người gỗ” hoặc chị Lưu kể chuyện “Alibaba và bốn mươi tên cướp” sau đó anh ba kể một câu chuyện khác, chị Lưu lại kể một câu chuyện khác...

Chị Lưu có em gái, mọi người gọi cô ấy là Lưu Tiểu Muội. Lưu Tiểu Muội nhỏ hơn tôi một tuổi. Cô bé nói với tôi, trong thư anh trai tôi gọi chị của cô bé là “đồng chí”. Lại có lần cô bé nói: “Ấy, ngựa bắt kham! Bây giờ không chỉ chị mà ngay cả tớ cũng hiểu làm sao bẻ ghi, phát cờ thế nào, mở tín hiệu trên đường sắt thế nào!” Anh trai tôi là nhân viên điều độ nhưng sao anh lại mang tất cả những chuyện này nói với người khác chứ?

Chị Lưu từ nhỏ đã là một học sinh ưu tú. Khi học ở trường sư phạm còn làm trưởng ban văn nghệ của hội học sinh. Trường sư phạm gần trường tiểu học Y Nhân của chúng tôi, rất lớn, tôi thường hẹn đám bạn leo tường vào đó chơi. Có lần trường sư phạm đang mở dạ hội, tôi núp trên cây, còn nhìn thấy chị Lưu mặc cổ trang múa “Hái trà bắt bướm” nữa. Tôi rất thích chị ấy làm chị dâu tôi, em gái cũng thích, em trai cũng thích. Tôi và em gái bàn bạc làm thế nào giúp anh trai. Vẫn chưa nghĩ ra cách thì anh trai lại về nhà hồng, nói lần này chỉ ở được nửa ngày.

Tôi lao lên lầu bốn, thấy chị Lưu đang gọi đầu. Tôi nói: “Anh ba đến rồi”. Rồi chạy về nhà, chạy vào phòng của cha bởi vì lần nào họ cũng gặp nhau ở phòng của cha nhưng lần nào chị ấy cũng ngồi ghế còn anh trai ngồi trên giường. Tôi lấy cái ghế duy nhất đặt tựa vào tường ngay đầu giường, kéo em gái chui xuống gầm giường. Anh đến kéo chân, vừa kéo được một chiếc giày của tôi, Khả Khả từ một giường lớn khác cũng chạy vào, còn hỏi “Chị, các chị núp nhanh như vậy, chơi bịt mắt bắt dê với ai thế?” Tôi nói chúng tôi có

nhệm vụ bí mật, bảo cậu bé mau bò ra ngoài nhưng em trai không đi, thu ngắn sợi dây gai cầm trong tay, kéo vào phòng một bàn tính lớn. Trên bàn tính kê một tấm ván. Trên ván là đứa em trai út đang ngủ ngon lành. Anh trai nói: “Chui ra, chui ra, các em làm gì vậy? Lê Tứ em còn không ra, anh sẽ mách ba đấy!” Tôi thừa biết anh ba trước giờ không nỡ để tôi bị đòn, cũng không sợ lời đe dọa của anh, vẫn cố gắng dằn dỗi anh: “Đợi một chút khi anh và chị Lưu ngồi đối diện, nhất định phải chú ý dưới chân ghế!” Anh trai nén giận, năn nỉ chúng tôi chui ra nhưng trước giờ anh ấy không biết nổi nóng, lúc này hình như sợ cha phát hiện nhất định sẽ đánh tôi bèn hạ giọng năn nỉ. Nghe tiếng bước chân của chị Lưu ngoài hành lang, anh trai đành nói “Không được phá phách đấy!” rồi đứng dậy mặc cho bốn đứa em lớn nhỏ nằm dưới gầm giường tối om.

Quả nhiên chị ngồi ghế, anh ngồi giường. Chị nói “Về rồi sao?” Anh nói “Về rồi”. Một lúc sau chị nói: “Không biết anh về, vừa mới gọi đầu”. Anh nói, “Đúng vậy” rồi không nói gì nữa. Tôi sốt ruột giục anh trai ngay cả em gái cũng lắc đầu. Chị Lưu lại nói: “Em sợ anh đợi lâu, cũng không kịp thay đồ đẹp, cứ để vậy mà xuống đây...” tôi viết vào lòng bàn tay “Nếu so Tây hồ với Tây tử thì dù trang điểm thế nào cũng đẹp như nhau” dấu chấm than vẫn chưa kịp viết thì người anh thật thà của tôi lại “Đúng đấy, đúng đấy”! Chị ấy lại nói: “Tương lai hai ta... tương lai...” tôi viết vào tay “sinh con như Tôn Trọng Mưu!” Nhưng ai ngờ chị ấy lại chặn lại: “Tương lai cũng gặp nhau ít, xa nhau nhiều, anh...anh sẽ không...”. Tôi nghĩ những từ này không thích hợp nên vội vàng viết “tình cảm hai người khi trường cửu thì hà tất phải dây dưa?”, sau đó mới cẩn thận giơ tay lên giữa hai chân ghế. Lần này chị Lưu không đợi anh trai trả lời, thở nhẹ nhẹ nói: “Trời đã bắt đầu lạnh, em đan cho anh chiếc áo len, nào, mặc cho em xem” nói rồi đứng lên. Lần này anh trai vội vã nói: “Không không, không cần... không, không phải không cần, là vì...” chị Lưu đi về phía anh ấy, khoác áo lên người anh. Tay tôi đã viết đầy rồi nên tôi nắm tay em gái viết, cô bé rút tay lại nói nhỏ vào tai tôi: “Đừng viết vào lòng bàn tay, em không nhin được cười đầu”. Tôi viết lên cánh tay em “Ai nói chút lòng báo đáp tới ba xuân”, cô bé lại rút tay: “Chị à, đây là lời con gái nói với mẹ, hay là nói “Mùa đông đến rồi, mùa xuân không còn xa nữa?” Tôi nói thế càng không được, thế chẳng phải là nói chị Lưu dệt áo là một việc làm không cần thiết sao? Nhưng cô em gái trước giờ làm việc gì cũng rất cẩn thận của tôi cứ khẳng khẳng không đảo lộn thứ bậc nên dứt khoát khoanh tay vào nhau. Tôi lo đến vã mồ hôi nói: “Chị nhất thời không nghĩ ra câu nói nổi tiếng nào, chúng ta hãy cùng nhau giúp anh trai nhé!” rồi nắm tay em gái giơ lên ghế thì nghe chị Lưu hỏi: “Hình như dưới giường có tiếng động?” Từ khi chị ấy bước vào cửa, anh ba tôi đã lo sợ phập phồng, bây giờ càng hoang mang hơn. Tôi biết anh trai tuyệt đối không nói dối, vội vàng bịt mũi giả tiếng mèo kêu, không ngờ em trai út bất ngờ tỉnh giấc đúng lúc nghe mèo kêu nên vui mừng khoa chân múa tay cười sằng sặc. Chị Lưu hết hồn, kêu lên “dưới gầm giường có người!” rồi chạy ra ngoài làm kinh động cha đang chơi cờ ở phòng bát giác....

Cha lấy chổi lông gà gõ gõ mép giường nói: “Đồ phá phách, mau ra đây!”, em gái nói nhỏ “em ra, cha không đánh em đâu, chị núp đây, đừng nhúc nhích” rồi bò ra. Cha nổi giận: “Hay đấy! Con không chỉ phá phách một mình mà còn dám lôi kéo cả em gái! Ra mau!” Khả Khả nói vào tai: “Em cũng không bị đánh đâu, chị đừng chui ra nhé” rồi đẩy tôi vào trong, tự mình bò ra ngoài còn la lớn: “Cha, là con ở dưới gầm giường, cha, chúng ta đi đánh cờ!” Cha tôi làm gì để bỏ qua thế, hét lên: “Vẫn còn một đứa! Con có chui ra không?” Khả Khả kéo sợi dây gai trong tay mình nói “Còn có một người đang ở đây!” thế là bàn tính kêu rào rào, lộ ra một em trai mặt mày hớn hờ, chị Lưu đã trở lại phòng vội vàng ôm em lên, không nhin được cười khúc khích, anh trai vội vàng ra khỏi phòng, đợi anh trai mời được mẹ đến, tôi đã cúi đầu đứng nghiêm bên cạnh giường.

Cha rất giận, mắng: “Con còn giở trò gì nữa? Con xem con không chỉ vẽ đầy tay mình mà còn vẽ đầy tay em gái nữa”.

Thật ra hoa lá gì đâu, toàn là chữ đó chứ! Cha không mang kính nên nhìn không rõ. Mẹ liếc nhìn những dòng chữ đó rồi nhìn chiếc áo len trên người anh trai, lập tức hiểu ra mọi chuyện bèn giang tay ôm lấy cả ba đứa con rồi đi ra ngoài. Tôi nói: “Mẹ, con thật không muốn quậy phá, con chỉ muốn giúp anh trai...”. Mẹ nhin cười không nổi nói: “Mẹ biết con muốn làm gì. Đừng nói nữa, đừng nói nữa, dẫn em gái đến đại viện chơi đi!” Mẹ quay lưng đi vào phòng nhỏ.

“Thiên huynh, mau ẩm thăng bé qua đây!” Tôi kéo Lê Châu và Khả Khả chạy xuống lầu, vừa thấy bóng dáng ba, mẹ đã bừng mặt chạy vào nhà bếp ôm bụng cười....

Trong tất cả những câu chuyện tình mà tôi biết trong thời thơ ấu thì câu chuyện tình làm tôi cảm thấy vừa đau buồn vừa đáng tiếc, chính là chuyện tình của dì Giang.

Trùng Khánh lúc đó có chỗ giới thiệu việc làm, chuyên giới thiệu bảo mẫu và nhũ mẫu. Người ở nhà hồng đến đó tuyển bảo mẫu giỏi giang nhưng không xinh đẹp, chọn nhũ mẫu xinh đẹp nhưng không giỏi giang, nói rằng trẻ con bú sữa của người nào thì giống người đó. Mẹ tôi cũng đến mời dì Giang về. Mọi

người ở nhà hồng nói dì Giang là người vừa giỏi vừa đẹp trong số tất cả nhũ mẫu và bảo mẫu ở đại viện. Dì Giang là nhũ mẫu của em trai út. Chẳng biết vì sao chồng dì mất, đến bây giờ tôi cũng không biết. Chỉ biết con trai dì cũng họ Giang, tên là Giang Tiểu Giang, lớn hơn em trai tôi một tuổi, cũng ở chung nhà với tôi. Em trai tôi bú sữa còn Tiểu Giang ăn bột thay sữa. Trước khi dì Giang đến làm ở nhà tôi thì dì là công nhân đứng máy ở nhà máy dệt, mà còn là trưởng nhóm. Từ khi dì Giang đến ở nhà tôi thì tôi không dám vút đồ lung tung nữa. Khi tôi gây họa có người đến mách thì dì nghe từng chuyện rồi trang nghiêm như thầy, trước là thay mặt cha mẹ tôi xin lỗi, sau đó nghiêm túc phê bình chỗ sai của con người khác, qua chuyện hoàn toàn không nói lại với cha. Cách thông thường mà dì đối phó với tôi là nói đạo lý không biết mệt, dù tôi có nghe hay không, hàm răng trắng sáng của dì cứ nói mãi làm tôi tiu nghỉu.

Người theo đuổi dì Giang rất nhiều nhưng trước giờ dì ấy không dẫn đến nhà hồng. Khi hẹn với ai vào cuối tuần, dì ấy dặn dò cha mẹ tôi hết như dặn dò tôi vậy nên làm thế nào để chăm sóc em út hay Tiểu Giang. Vì mỗi lần dì ấy ra ngoài thường mang theo một trong hai đứa. Mẹ tôi khuyên dì ấy để hai đứa bé ở nhà, dì ấy nói: “Muốn biết một người đàn ông tâm địa tốt hay xấu, chỉ cần nhìn xem trẻ con có thích anh ta hay không? Thấy được thì dẫn về nhà, tôi cũng không ra ngoài nữa, để anh ta học làm chút việc, học cách sống gia đình”. Dì ấy nói nghiêm túc như thể dì là nhóm trưởng của mẹ tôi vậy, mẹ tôi đành phải gật đầu.

Sau đó quả thật dì không ra ngoài nữa. Có một chú tên Tiểu La cuối tuần đều đến nhà tôi chơi. Chú Tiểu La cao hơn người Trùng Khánh, cao 1m82, hai mươi tám tuổi, là công nhân thông lò ở nhà máy luyện gang. Khi nhà tôi ăn sáng xong chuẩn bị đi học, chú ấy gõ cửa, vào nhà bông em út lên, sau đó là Tiểu Giang, Khả Khả, Lệ Châu, tôi, từng đứa lần lượt được giơ lên cao. Đợi chúng tôi đi học, chú và dì Giang mỗi người ẵm một đứa ra bưu điện gửi đậu xanh về quê. Mỗi cuối tuần chú ấy được phân nửa cân đậu xanh, không nỡ ăn hết nào, dì Giang lấy một cái túi vải đựng gửi về quê cho cha mẹ dì...

Mẹ tôi muốn đi Quảng Châu đón bà ngoại tôi đến Trùng Khánh. Chú La nhờ mẹ tôi “mua một đôi giày da nữ đẹp nhất Trùng Khánh” chuẩn bị cho lúc dì Giang xuất giá mang theo. Chú ấy muốn lập gia đình với dì ấy. Tôi và các em rất vui, hát lần lượt từng bài mà chúng tôi biết cho dì và chú nghe để họ chọn ra một bài mà họ ưng ý vì chúng tôi quyết định trong lễ cưới của hai người sẽ hát chúc mừng họ. Họ chọn bài “Cưỡi ngựa men theo núi”. Thế là người ẵm em út, người ẵm Tiểu Giang mỗi người một ghế nhìn chúng tôi dàn dựng và luyện tập. Tôi viết lại lời bài hát, kéo nhị hồ để hai em hát. Mỗi lần hát đến đoạn “đại tỷ nhà họ Giang thật giỏi giang, anh trai nhà họ La dỗi theo tỷ tỷ a” thì chú La đỏ mặt cúi đầu cười, dì Giang đỏ mặt ngượng ngịu nhìn chú ấy cười...

Nhưng dì Giang không lấy chú La.

Hai hôm trước khi mẹ tôi đón bà ngoại đến Trùng Khánh, dì Giang nhận được một điện báo, “Cha nguy kịch, về gấp”. Cha tôi bảo dì để Tiểu Giang lại về quê gấp. Năm ngày sau, dì Giang trở lại, hai mắt vừa đỏ vừa sưng, thấy mẹ tôi thì oà khóc. Đi với dì còn có một người đàn ông, thấp hơn dì nửa cái đầu, khoảng năm mươi tuổi. Dì Giang bảo tôi gọi là “Đỗ bá bá”. Tôi pha trà mời Đỗ bá bá, cha tôi mời ông ấy sang phòng khách.

Dì Giang có hai chị em. Dì là chị. Em gái lấy chồng ở Tân Cương. Được hai mươi cân phiếu lương thực cho cha mẹ làm quà đính hôn. Duy trì được một thời gian thì đói. Chủ tịch nước lúc đó từ Mao Trạch Đông sang Lưu Thiếu Kỳ, đề xuất “trước sau nhà trồng củ, đậu” thay thế lương thực đắt đỏ. Cha mẹ của dì Giang cũng bị đói.

Tuy có ruộng nhưng do đói không có sức làm. Cha dì được đưa vào bệnh viện. Bác sĩ nói chỉ cần ông ăn đủ cơm gạo không cần uống thuốc cũng khỏi. Lúc mang ông về nhà thì gặp Đỗ bá bá. Đỗ bá bá mang gạo cho, ngày hôm sau còn đến cuốc đất trồng dưa, trồng đậu.

Đỗ bá bá là hàng xóm nhà họ Giang, là người miền ngoài đến đây ở rể, làm đồ tể ở hàng thịt. Máy tháng trước, có hôm bác ấy đi làm về nhưng cả nhà lớn bé kể cả cha mẹ vợ, vợ và bốn đứa con ăn nhầm phải cỏ độc mà chết.

Dì Giang quyết định lấy bác Đỗ. Dì nói với mẹ tôi, mẹ dì thấy ân nghĩa của bác Đỗ khó đền đáp được nên không muốn bác Đỗ sống những ngày góa bụa nữa, còn nhà họ Giang cũng không có ai trồng dưa trồng đậu. Dì Giang nói dì không đành lòng nhìn cha mẹ chết, cũng không đành lòng liên lụy chú La: “Tiểu La còn trẻ, tương lai còn dài, không thể để anh ấy làm nông dân!”

Thế là, dì Giang dẫn Tiểu Giang cùng bác Đỗ về quê tổ chức hôn lễ.

Dì Giang đi được hai ngày thì chú La đến. Vì ngày hôm sau là ngày lễ, buổi trưa nhà máy cho nghỉ. Chú ấy vui vẻ mở cửa, như thường lệ trên tay cầm một túi đậu nhưng nhìn thấy người bảo mẫu mới đang cho em út uống sữa. Lúc đó cha mẹ tôi vẫn chưa về. Tôi luống cuống mời chú vào phòng tôi, đưa cho chú bức thư dì

Giang gửi lại, còn có đôi giày da mà mẹ tôi mua giùm.

Chú La xem xong thư chẳng nói lời nào. Tôi đứng ngẩn ngơ bên cạnh không biết phải nói gì.

Một lúc lâu, chú La mới nói chuyện. Chú hỏi tôi kim chỉ, muốn may hai túi vải một to, một nhỏ. Tôi kêu em gái phụ nhưng chú nói để chú làm. Chú lấy bút lông viết tên và địa chỉ của cha mẹ đi Giang rồi luồn kim khâu khâu hai cái túi, một cái đựng giày, một cái đựng đậu. Chú khâu khâu mà nước mắt rơi, rơi xuống những chiếc túi đang khâu. Chú ngồi lặng lẽ khâu từng mũi từng mũi như đang khâu chính trái tim mình.

Trời đã về chiều. Ráng đỏ đầy trời vừa ảm áp vừa rực rỡ. Những đám mây kỳ ảo, thoát ẩn thoát hiện với những hình thù kỳ vĩ. Tâm trạng tôi rối bời chỉ biết nắm tay em gái đứng tần ngần, đột nhiên em gái nói: “Chú Tiểu La, cháu thấy bác Đỗ rất thương Tiểu Giang”. Chú La gật đầu, vẫn lặng lẽ khâu. Bóng chú mỗi lúc một tối như một bức tượng vừa cô độc vừa bi thương vừa kiên cường.

\* \*

Đây đó trên đường phố Trùng Khánh đã có người chết đói.

Mọi người ở nhà hồng khứu giác rất nhạy, chỉ cần nghe mùi thịt là mọi người chạy về phòng bát giác. Có lẽ do sống ở nơi này đều là quân nhân và gia quyến của họ nên tính của mọi người rất hào phóng thẳng thắn. Mặc dù các quân nhân ý chí kiên cường không chịu bỏ sự tôn nghiêm nhưng gia quyến và con cái họ không hẳn vậy, đứng trong phòng vừa hít sâu mùi thịt trong bếp của nhà ai đưa tới vừa vui vẻ nói: “Thơm quá, ay ay, thơm quá, thơm quá!”. Vì thịt dùng để nấu canh uống đồng thời đổ nhiều nước, hầm lâu một chút cho nên thời gian mùi hương bay khắp nơi có thể kéo dài, không giống như xào chỉ hai phút là xong chuyện. Mọi người không xào thịt vì thịt xào xong sẽ rút nước không những không thơm mà còn nhìn không đẹp, càng không muốn ăn. Vả lại, thịt càng mỡ càng quý, thậm chí có cả bài hát ca ngợi thịt heo mỡ.

Còn nhớ có bài dân ca Pháp xưa cũ không biết do vị tiền bối nào du học Pháp mang về Trung Quốc hát. Khi Mao chủ tịch lãnh đạo nông dân làm cách mạng, bài dân ca này được đặt lời mới lưu truyền rất rộng rãi. Khi mới đến tuổi đi học, thầy dạy nhạc cũng từng dạy chúng tôi “đả đảo địa chủ, đả đảo cường hào, phân ruộng đất, phân ruộng đất...” ai ngờ đến năm 1960, bọn trẻ y nguyên vẫn những hát là “mở nắp vung, mở nắp vung, mậ ú ù, mậ ú ù, mau lấy chén lại đây, mau lấy chén lại đây, nhật hai quả, nhật hai quả!”

Còn có một bài tình ca phương Bắc, khi đánh đuổi cường hào, phân đất ca từ đã được đổi một lần, là “trên dốc nở hoa, người khổ hy vọng, được giải phóng!” bọn trẻ nhà hồng không biết học ở đâu lời bài hát khác, thường ở phòng bát giác vừa hít lấy hít để mùi thơm vừa vui vẻ chỉ chỉ trỏ trỏ, hát rằng “trên thớt chặt thịt, có mỡ có nạc, bạn ăn mỡ tôi ăn nạc, anh ấy gặm xương!” còn đồng thanh ngâm nga rất lâu.

Nghe bài ca ăn thịt của chúng tôi, nghe mãi thấy rất buồn cười. Cha luôn yêu cầu các con của mình có thể chịu khổ, đồng thời chịu khổ mà không kêu khổ, càng cố gắng tìm niềm vui trong cái khó khăn. Mẹ nói hai bài ca ăn thịt cũng là một ví dụ miễn cưỡng tìm niềm vui trong sự khổ khó nhưng chúng tôi suy cho cùng là người có học, người có học tìm niềm vui mang sự phong lưu nho nhã của người có học, chúng tôi hỏi cái gì là phong lưu nho nhã của người có học thì mẹ kể câu chuyện sau:

Ngày xưa có một tú tài rất nghèo, bị mấy người bạn bốn cọt ép phải mời họ đến nhà thết đãi sơn hào hải vị. Người tú tài trầm tư một lúc rồi sang sảng: “Có gì khó đâu nhỉ? Có gì khó đâu! Mời các vị ngày mai đến hàn xá thưởng thức món thơ Đường”. Món thơ Đường là món mà các bạn học của anh ấy chưa từng thưởng thức.

Hôm sau khách đến. Người tú tài bưng ra hai cái đĩa tròn, đĩa trơn không có hoa văn, để một cọng hành xanh, mỗi bên cọng hành để lòng trứng muối màu vàng. Mọi người rất ngạc nhiên. Chủ nhân ngâm nga: “Hai chú chim hoàng oanh hót trên cây liễu xanh”. Rồi mang tiếp một đĩa sành màu xanh nhạt, trong đĩa để một cọng giá lại ngâm nga: “Một hàng cò trắng bay lên trời xanh”. Mọi người dứt tiếng reo hò, hỏi: “Thiên hàm tây lĩnh thiên thu tuyết, thì làm thế nào?” Chủ nhân lại bưng ra một miếng đậu hũ, rắc lên trên một lớp muối mỏng, thế là tiếng reo hò lại vang lên, cuối cùng người tú tài lấy một cái chén lớn múc canh suông đã nấu qua đậu hũ, hai lòng trắng của trứng muối đã bóc lấy lòng đỏ nổi trong chén canh, anh ta gặt gù đắc ý ngâm nga: “Môn bạc đông ngổ vạn lý thuyền”. Mấy người bạn thích chơi ác ý khen ngợi hết lời, vô cùng tán phục.

Nghe xong, ba chị em chúng tôi vui mừng háo hức, nói muốn làm “món đoán thơ” để cha mẹ đoán thử. Tôi nói: “Đoán đúng thì người nấu rửa chén, đoán sai thì người đoán rửa chén”. Em gái phê bình tôi nghiệm cờ bạc nặng. Cha nói: “Không sao, không sao, có thưởng có phạt rất công bằng”.

Cuối tuần thứ nhất, tôi gọt mỏng vỏ bí đỏ, vỏ bí đao thành từng miếng nhỏ đem nấu rồi bưng lên, cha hút hết một điếu thuốc vẫn chưa nghĩ ra. Mẹ hỏi: “Có phải là tối qua gió đông thổi qua vườn nhà làm rơi những cánh hoa nhuộm vàng mặt đất?” Chị em tôi vỗ tay hoan hô. Sau bữa cơm cả nhà ra nhà bếp xem cha rửa chén.



Tuần thứ hai, em gái nhẩn nại đốt vỏ bưởi, bóc bỏ phần cháy, ngâm trong nước hai ngày, rồi cắt thành những miếng dày vuông vức. Trong đĩa lớn để cộng rau dại Mã Xích Hiện đã sấy chín, sau đó lấy những miếng vỏ bưởi đã hầm trong nước ghép lại, lấy cộng Mã Xích Hiện thân tím lá xanh che một nửa, lộ một nửa. Vừa dọn lên bàn, mẹ đã nói: “Sắc xuân đầy vườn không đóng được, một quả hạnh đỏ nổi trên tường”.

Đến phiên Khả Khả, em trai hấp một cái bánh màn thầu, cầm một chiếc đĩa, hơi nóng bay ngùn ngụt bùng tới trước mặt mọi người. Cha mẹ ôm bụng cười sặc sụa, sau đó cùng nhau ngâm nga: “Rừng âm u lạnh lẽo, quân ẩn mình trong đêm. Bình thường tầm bạch vũ, không thấy ở bên hang”

... Bây giờ chị em chúng tôi xuống bếp vẫn có thói quen bày thức ăn thật đẹp mắt mới bùng lên bàn ăn.

**T**rong các anh chị em, bà ngoại thương tôi nhất. Có thể vì trong bọn trẻ chỉ có mình tôi nghe hiểu tiếng Quảng Châu của ngoại, cũng có thể vì ngoại không nghe được tiếng Tứ Xuyên nên không biết tôi nổi tiếng quậy phá như thế nào. Lúc tôi sinh ra đến giờ đã mười ba năm không gặp, trong lòng ngoại rất buồn. Con ngựa bất kham này trong mắt ngoại vẫn bé thơ như xưa. Ngoại rất thương tôi, lúc nào cũng quan tâm từng li từng tí, mỗi buổi trưa, còn vỗ vỗ lưng tôi, hát ru tôi ngủ. Ngoại hát những bài hát Quảng Châu, nào là “trăng sáng, chiếu bờ đê, đêm ba mươi, hải cau...” hay là “mưa to, nước ngập đường, anh trai gánh củi ra chợ bán...”

Lúc đầu tôi thấy rất buồn cười, sau này cảm thấy hơi ngại, cuối cùng cảm thấy thật dễ chịu. Giọng của ngoại rất êm ái. Lời bài hát vừa chất phác mộc mạc vừa đẹp đẽ, ngoại hát khe khẽ những bài có cảnh tượng yên tĩnh thanh bình, từ từ ru tôi vào giấc ngủ. Sau khi tôi ăn cơm chiều xong ngoan ngoãn leo lên giường để ngoại vỗ lưng, nghe ngoại hát, thấy như mình còn rất bé thơ.

Bà ngoại là vợ thứ 6 của ông ngoại. Ông ngoại tôi có hai mươi một người con.

Ông ngoại tôi vốn là con trai út trong một gia đình nhà nông. Ông có ba người chị. Khi ông cố ra đồng làm việc thì ở nhà người lớn giữ người nhỏ, người nhỏ giữ người nhỏ hơn. Gần nhà ông ngoại có một trường tư thực. Trường tư thực trong lòng ông ngoại là thiên đường. Mỗi ngày ông đều chạy đến cửa phòng học, im lặng ngồi nghe thầy giảng bài từ đầu đến hết giờ. Thầy đã quá năm mươi nhưng không có con trai nối dõi, thấy cậu bé này nghiêm túc nên cứ mặc cậu bé không đuổi cậu đi. Có hôm vợ thầy giáo đi ngang qua, ngạc nhiên, cúi xuống hỏi: “Cậu bé đứng đây làm gì thế? Không mệt sao?” Cậu bé trả lời: “Cháu đang nghe giảng ạ, không mệt đâu”. Vợ thầy thấy rất thú vị, liền dẫn về nhà, lấy trái cây cho ăn, hỏi đủ thứ chuyện, rất yêu quý.

Vợ của thầy giáo này thường thích chăm sóc con của người khác, cho chúng ăn trái cây, kể chuyện cho chúng nghe rồi đưa chúng về cho nên khi thầy giáo trở về, nhìn thấy ông ngoại tôi lúc đó chỉ là cậu bé năm tuổi cũng không lấy làm lạ, chỉ cười nhạt. Nhưng đứa bé vừa thấy ông ta, liền vội vã tuột khỏi tay vợ thầy, bỏ trái cây xuống, cung kính khoanh tay cúi đầu chào, nói: “Cám ơn thầy ngày nào cũng cho con nghe giảng”. Thấy cậu bé ngoan ngoãn, vợ chồng thầy giáo vui mừng khôn xiết. Thầy giáo mới đùa với cậu bé, cảm thốt nghiêm nghị nói “Cháu hãy nói lại những gì hôm nay cháu nghe, nói không được sẽ bị đòn”. Vợ thầy trách thầy đùa quá lỗ, sợ làm cậu bé chết khiếp. Ai ngờ ngoại tôi bắt đầu đọc không sót một chữ trong “Bài khuyên học”, đọc xong rồi giảng giải, còn bắt chước dáng vẻ giọng nói của thầy, cuối cùng còn nói: “Những gì thầy giảng, con đều nhớ cả nhưng không hiểu hết”. Vợ chồng thầy giáo vô cùng vui mừng. Hai vợ chồng dẫn cậu bé ra đồng tìm cha mẹ cậu...

Thầy giáo trường tư là một người có học nhưng vì tính cương trực nên đường công danh không như ý, sau đó kiên quyết rời khỏi chốn phồn hoa trở về quê bắt đầu dạy trường tư, từ khi có ông ngoại tôi thì thầy như nhặt được của quý chỉ mong mang tài học cả đời truyền lại cho nghĩa tử. Thế là ngoại tôi miệt mài học tập. Sau này lớn hơn một chút thì đi chăn bò. Lớn hơn nữa thì đi làm ruộng nhưng trước giờ tay không rời sách, rất yêu quý sách vở.

Năm ông ngoại mười sáu tuổi, trong thôn có một trận dịch, người chết hơn một nửa. Cha mẹ của ông ngoại và vợ chồng thầy giáo cũng không tránh khỏi. Lúc thầy lâm chung dặn dò nghĩa tử đi ra tỉnh thành tìm lối thoát.

Thế là ngoại tôi đến Quảng Châu, bày một gian hàng bên cạnh một cửa hàng tơ lụa, bán tranh chữ để kiếm sống qua ngày.

Ông chủ cửa hàng tơ lụa, mỗi tối khi đóng cửa đều qua nói chuyện chơi với ông ngoại tôi, xem ông ngoại vẽ tranh viết chữ, mua tranh. Sau đó có một lần, ông chủ hỏi ngoại tôi có muốn qua tiệm của ông ấy học nghề không, ông ngoại liền thu dọn giấy mực sang cửa hàng tơ lụa, làm việc vô cùng cần mẫn. Một thời gian sau, ông chủ lại hỏi ngoại có muốn đi Tô Hàng nhập hàng không. Qua một thời gian nữa, ông chủ lại hỏi ngoại có muốn làm rể ông ta không.

Nghe nói người vợ này của ông ngoại rất hiền thực mà còn có học, biết lễ nghĩa. Sau khi kết hôn, ông ngoại mới biết thì ra gian hàng bán tranh chữ từ lâu đã được cô gái này để ý đến. Ông chủ cửa hàng đã sớm mất vợ chỉ có một cô con gái, cứng như hạt minh châu. Nhìn thấy người thư sinh áo vải đầu đường tuy cơ cực mà vẫn khí thế hiên ngang nên có ấn tượng rất tốt, con gái quyết định lấy cậu ấy, ông bố không thể không đồng ý. Thế là sắp đặt kế hoạch, từng bước thử thách ông ngoại tôi, kết quả là hai cha con họ càng

ngày càng yêu quý ông ngoại tôi.

Người vợ thông minh nhu mì đó của ngoại tôi lại mắc một chứng bệnh kỳ lạ không chữa được, chưa sinh được một người con nào thì đột ngột qua đời. Trước khi mất, nói với ngoại tôi, bà biết ông ngoại tôi vốn bản chất phong lưu, sau này tất nhiên sẽ lấy vợ khác, bà muốn ông ngoại đợi khi chán ngán chuyện gió trăng hãy cưới một người vợ hiền thực có học, biết quán xuyến gia đình.

Ông ngoại tôi rất giỏi kinh doanh. Sau mấy năm, không những tiệm tơ lụa biến thành hiệu tơ lụa, còn mở một cửa hàng gạo, kinh doanh ngành lương thực. Ông cưới liền bốn người vợ. Sau khi sinh được bảy người con trai, ông ngoại đưa ra ý chọn vợ kế: điều kiện là chữ nghĩa phải trang nhã, những cái khác không quan trọng.

Có một đạo cô giao du rất rộng, nuôi một cô cháu gái mất cha mẹ từ nhỏ, suốt ngày bắt cháu mình học, nói là tương lai muốn chọn một người tốt để gả hầu khỏi phụ lòng cha mẹ cô bé. Nghe được ý tứ của ông ngoại, đạo cô thấp nén hương xem quẻ, sau đó vào phòng cháu lấy mấy bài thơ của cô gái lại trải giấy viết, nhưng theo vẽ một cặp kim liên, cũng không hỏi cháu gái có bằng lòng hay không, phát cây phát trần đi tìm ông ngoại tôi.

Quả nhiên ông ngoại lấy cháu gái của đạo cô làm vợ kế. Đó chính là bà ngoại của tôi. Năm thứ hai, vào ngày sinh nhật của ông ngoại, dì tôi chào đời. Ngoại tôi vui mừng khôn xiết, đợi đến lúc dì tròn một trăm ngày, ông ngoại đóng cửa tiệm ba ngày để thiết đãi bạn bè thân hữu. Bảy người anh của dì đều mời bạn học của mình đến dự tiệc.

Tuy ngoại tôi từ nhỏ lớn lên trong am với dì của mình nhưng ngoại không tin đạo giáo. Ngoại tin Phật, tin luân hồi chuyển kiếp, tin nhân duyên trời định.

“Bé con à”, bà ngoại nói với tôi, “chuyện hôn sự đều là tu từ kiếp trước, đều được định từ kiếp trước. Người ta quen biết nhau thế nào, phải lấy ai phải gả cho ai, các loại cơ duyên hòa hợp đều do ông trời an bài cả...”, “hôm đó bà lấy hôn sự của dì tôi – tức mẹ ở Hương Cảng của tôi – làm ví dụ.

Khi dì tôi vừa tròn một trăm ngày bị các người bạn của anh trai dì vây quanh thì có một anh chàng trong số đó bỗng nhiên nói: “Sau này tôi sẽ lấy cô ấy làm vợ”. Mọi người cười ầm cả lên. Cậu ta nói: “Tôi sẽ kiên nhẫn đợi cô bé lớn”. Lúc đó cậu ta mười hai tuổi. Chẳng ai để ý đến câu chuyện của cậu bé này.

Ông ngoại rất yêu quý cô con gái lớn của mình không những tự mình dạy con gái học mà còn cho theo cả Tây học. Ở trường dì ấy học toàn những tư tưởng rất tiến bộ lúc bấy giờ.

Thời đó, các cô gái khuê các của những nhà giàu có, từ bé đã có mai mối đến nói chuyện hôn nhân. Ông ngoại tôi suy nghĩ chọn hôn phu cho dì tôi lúc đó gần chín tuổi. Dì không đồng ý, nói rằng đợi khi nào lớn sẽ tự chọn cho mình. Ngoại nói không đợi được vì các chị em gái của dì đều đã có người đến hỏi. Dì tôi nước mắt lưng tròng.

Ông ngoại tôi bản tính hài hước, vả lại còn kế thừa tính tình ngay thẳng, tự lập nên không cứ việc gì cũng tuân theo tập tục. Hôm đó, lau nước mắt của dì tôi, ôm đứa con gái bảo bối vào lòng nói chuyện hôn sự nhất định phải tiến hành nhưng do dì tôi cân nhắc chọn người. Về tài năng, tiền tài, tướng mạo của người con rể tương lai đều do dì tôi chọn một, những cái còn lại không quan trọng. Ông ngoại tôi nói nếu con gái ông chỉ chú ý đến tướng mạo thì ông có thể yêu cầu những thanh niên đến cầu thân xếp hàng vào trong phòng, dì ngồi sau bức bình phong nhìn và chọn ra người mình ưng ý, không quan tâm đến giàu nghèo học thức, nếu quan tâm đến tiền bạc thì không cần gặp mặt, chỉ cần chọn con nhà nào giàu có là được, không quan tâm đến trí tuệ cũng không quan tâm tướng mạo xấu đẹp thế nào, nếu con gái coi trọng tài năng thì cha sẽ có điều kiện khác nhưng bất luận nghèo xấu thế nào, dì đã chọn thì không được hối hận.

Dì tôi cười lau nước mắt, vừa vui vừa lo, nhìn người cha tức trí đã mưu hài hước phóng khoáng của mình rất lâu rồi quay đi tìm bà ngoại, để ông ngoại ở lại một mình hút thuốc lòn trong phòng.

Ông ngoại công khai chọn chồng cho con gái. Giống như lần trước khi chọn vợ cho mình, điều kiện của ông một lần nữa gây cười cho thành phố Quảng Châu – ông nói chỉ xem trọng tài năng, chỉ cần chưa lập gia đình, những cái khác không quan trọng. Người tự nhận rất giỏi văn chương muốn làm con rể của ông đều được mời đến tham gia dự tuyển vào ngày sinh nhật con gái ông.

Sáng sớm hôm đó, gần cả trăm người. Ông ngoại phát giấy bút nghiên mực, trên giấy thi có mã số, sau đó trước mặt mọi người, ông ngoại ra câu đối dài hai trăm chữ, mời mọi người trổ tài đối liễn.

Mọi người lần lượt nộp bài, từng bài được đưa vào nhà trong, dì xem qua từng bài một, căng thẳng vô cùng. Ông bà ngoại tôi ngồi xa xa nhìn dì, thỉnh thoảng cười với nhau, không ai đến quấy rầy đứa con gái chín tuổi đang tuyển chồng...

Đến tối lên đèn, người già dẫn người trẻ vào phòng, đọc mã số trên bài thi, chọn ra người có tài nhất, đọc lớn câu đối của mình. Dì tôi chân tay lạnh ngắt suốt từ sáng đến tối thấy người đọc câu đối là một phong

nhân hào hoa rất mực, không khỏi thở phào nhẹ nhõm, ngoại tôi vui mừng hơn hở. Bảy người anh của dì và mọi người tấm tắc khen hay – vì người thanh niên hai mươi mốt tuổi dựa vào tài năng của mình lọt vào mắt xanh của dì tôi chính là cậu bé nói sau này muốn cưới dì làm vợ khi dì một trăm ngày.

“Cháu nói có phải là khó cãi ý trời không, bé con?” Ngoại nói chuyện của dì rồi nhìn tôi hỏi. Đầu tôi quay cuồng, những câu chuyện tình mà tôi từng chứng kiến lướt qua nhưng không phát hiện được sự can thiệp nào của thần quyền. Ngoại tự mình trả lời: “Mọi chuyện đều được định mệnh an bài rồi. Con người chỉ biết tuân theo mệnh trời mới có thể sống vui vẻ được!” Nhưng theo tôi thấy, ngoại tôi không phải là một người biết tuân theo mệnh trời, dì không phải, mẹ tôi cũng không ngoại lệ.

Sau khi định hôn, chồng chưa cưới của dì sang Nhật du học ngành kinh doanh.

Ông ngoại tôi vui mừng vô cùng, không ngừng nỗ lực, khi sinh được hai mươi mốt người con thì bỗng nhiên té ngã, từ đó không dậy được nữa. Ngoại bị trúng gió liệt nửa người, ngay cả đi chúc cũng không lập được, vừa nói không được, viết cũng không được. Trước đó, các con trai của ngoại đã bước vào kinh doanh nhưng lần lượt bị phá sản hết.

Ông ngoại tôi nằm trên giường không đến hai năm thì việc buôn bán sa sút, tiền ra như nước, nói tóm lại, không chỉ cửa hàng gạo mà đến khi ông ngoại qua đời chủ nợ đến nhà, thì bà ngoại mới phát hiện ngay căn nhà lớn như vậy cũng đã cầm cố. Bà ngoại chỉ sinh hai cô con gái, có mấy người mai mối đến đánh tiếng: có người bằng lòng lấy ngoại tôi. Ngoại tôi nói với hai cô con gái: nếu muốn yên ổn thì theo ngoại dọn đến nhà người cha kế, có người nuôi đến lớn lấy chồng, nếu muốn mưu cầu học vấn thì phải bắt đầu tự lực, thì trải qua những vất vả hai chị em khó mà tưởng tượng được. Năm đó dì tôi mười một tuổi, mẹ tôi bảy tuổi. Hai chị em cho rằng thà nghèo cũng phải tiếp tục học lên. Thế là bà ngoại tôi gạt nước mắt, từ chối mai mối, khăn gói dẫn hai đứa con gái chí cao hơn trời đi đến cảng Bính Nhân – khu nhà ổ chuột ở thành phố Quảng Châu lúc đó, không để lại địa chỉ cho bất cứ ai.

Ngoại mang nữ trang đổi lấy một gian nhà ngói thấp, làm nghề đan lưới cá cho người ta. Hai cô con gái của bà mỗi người đều có một con lợn đất. Tan học về nhà, hai chị em làm bài xong thì đan lưới, đan đến một độ dài nhất định thì hỏi ngoại tôi mấy đồng bỏ vào con heo đất rồi mới đi ăn cơm, đi chơi, đi ngủ. Ngoại tôi ngồi dưới ngọn đèn dầu tiếp tục đan để có dưa cà mắm muối sống qua ngày. Bà ngoại chấp nhận cuộc sống khó khăn như thế mới có thể để hai cô con gái mình tiếp tục đi học trường tư.

\*

\*\*

Cuối kỳ đập vỡ con heo đất, mẹ và dì tôi nhặt tiền bỏ vào túi, đi ra ngoài, lấy những đồng tiền leng keng để đóng học phí, rồi lại leng keng, leng keng lấy tiền mua giày mới, váy mới, quần áo mới.

Hai chị em không cần phải năm nào cũng đóng học phí. Trường tư thực lúc đó để khuyến khích mọi người vào học, nếu thành tích học sinh nằm trong số ba người đứng nhất lớp thì học phí được giảm một nửa, nằm trong số ba người đứng nhất khối thì không chỉ miễn toàn bộ học phí mà ngay cả tiền sách vở cũng được miễn. Trong trường hai chị em này trước giờ là những học sinh có gia cảnh bần hàn nhất nhưng thành tích xuất chúng nhất. Họ được học nhảy lớp. Ngoại tôi vui mừng vô cùng, vì ngoại đã nuôi dưỡng được hai cô con gái không biết mệt mỏi trong học vấn.

Sau ba năm, vị hôn phu của dì từ Nhật trở về, đi tìm khắp nơi cuối cùng khi tìm được khu nhà ổ chuột thì dì tôi đang miệt mài ở trường Sư phạm nữ Quảng Châu. Bà ngoại không chỉ bị cận thị mà còn mắc bệnh phổi.

Dượng vốn học kinh doanh nhưng lại không thích tiếp xúc với thương trường, quyết tâm chuyển sang học luật, nói rằng muốn trở thành luật sư. Nhà dượng là một hộ nuôi tằm ở huyện Thuận Đức, giàu có sung túc, dượng là con một, từ nhỏ đã được đưa đến Quảng Châu học. Từ Nhật trở về không lâu, dượng muốn sớm cưới vợ, mua một căn nhà ở đường Châu Quang để ngoại tôi dọn đến ở, sống những ngày hạnh phúc.

Mẹ tôi trải qua hơn ba năm sống khốn khó tuyên bố không cần anh rể nuôi, muốn tự mình kiếm tiền đi học. Thế là vừa lên sơ trung mẹ đã đi làm gia sư, đến cao trung thì quản lý phòng thí nghiệm hóa học của trường, vào đại học thì mẹ tôi là đội trưởng đội bóng rổ nữ, vừa nghiên cứu lý luận toán học, vừa bay nhảy kiếm tiền, rất khoáng đạt tự tại.

**B**à ngoại rất yên tâm về con gái út của mình, luôn dặn dò chỉ có một chuyện - có ba loại người tuyệt đối không được lấy: thứ nhất là quân nhân vì sống chết khôn lường, thứ hai là người khách gia vì trọng nam khinh nữ, thứ ba là người đã từng lập gia đình có con cái bởi vì làm mẹ kế rất khổ. Cho nên khi mẹ và cha về nhà tùm tùm cười nói đại cuộc đã định ngày, bà ngoại rất lo lắng: cha tôi phạm đủ ba điều cấm kỵ. Cha là quân nhân, lại là người khách gia, và đã có năm người con.

May mà bà ngoại vốn rất tin nhân duyên do trời định. Khi mẹ lần lượt mang các anh các chị dưới quê đến Quảng Châu, ngoại tôi nhận từng người, mười mấy năm đều vui vẻ chăm sóc các cháu học hành.

Ngoại nói với tôi, sau khi anh trai nhỏ đi không lâu, có một hôm đột nhiên ngoại cảm thấy mình sắp đến số rồi nên khi đi vừa lập gia đình xong, ngoại nói ngoại nhất định phải sống bên cạnh mẹ tôi những ngày còn lại cho nên ngoại muốn đến Trùng Khánh. Trước khi rời khỏi Quảng Châu, ngoại chống gậy, một mình đi khắp nơi trong thành phố, xem hết những nơi ở thành phố mà ngoại đã sống cả đời. Ngoại bị một chiếc xe đạp đụng gãy chân phải. Sau khi đến nhà hồng, ngoại vẫn tiếp tục dưỡng thương, ngày nào cũng hát, kể chuyện cho tôi nghe.

Mỗi ngày ba bữa cơm của bà ngoại hầu như do cha tôi lo liệu. Những người lính già ở nhà hồng trước giờ không mua thức ăn, dù đến thời đứng xếp hàng, mua thức ăn cũng là chuyện của vợ con họ. Sau khi ngoại đến, tôi phát hiện cha về nhà thường lấy ra một gói đồ bọc trong giấy báo: có thể là một miếng sườn, có thể là một miếng thịt, có khi thậm chí là nửa con gà, sau đó xuống bếp làm xong mang lên cho ngoại. Có lần bé Vân bí mật nói với tôi: “Hôm nay mình thấy ba cậu ở chợ tự do Học Điền Loan lấy “Đại tiền môn” đổi đồ với nông dân”. Tôi rất ngạc nhiên. Sau này mới phát hiện, từ lúc đó cha bắt đầu bỏ thuốc. Tôi chú ý thấy giày da của cha, áo khoác bằng nỉ, mền bông, thậm chí đồng hồ đeo tay cũng dần dần đổi lấy thức ăn cho ngoại.

Cho dù cha rất hiếu thảo nhưng có một chuyện ngoại vẫn không tha thứ cho con rể được mà còn khẳng định không thể tha thứ: bởi vì cha có lần suýt nữa đánh chết tôi...

Dạo tôi thường mang bánh bao cho Tânhia giùm anh tư, Trần Thư Kiếm cũng rất ít khi xuất hiện, sau này càng không thấy bóng dáng. Bác ấy giống như mây trời tự do tự tại thích đến thì đến, thích đi thì đi cho nên không ai để ý đến việc mất tích của bác ấy, ai ngờ được bác ấy đã qua đời! Cha tôi hay tin này kéo tôi chạy đến nơi hỏa táng. Tôi nhìn thấy xương cốt của người thầy hiền và là bạn tốt của mình không khỏi bật khóc. Cây sáo bác ấy để lại trên đó có khắc dòng chữ “Tặng đứa bé ngoan nhà họ Chung – Thư Kiếm”. Thường vào ban đêm, tôi cầm cây sáo đó ngồi trên sườn núi nghĩ tới Trần thế bá của tôi, nghĩ một lúc, thổi một khúc, thổi một khúc, khóc một hồi, đến khi mệt mỏi, trở về khắc khoải mong được nằm mơ thấy bác ấy thổi sáo, luận lịch sử chơi cờ vây, nhưng không sao mơ thấy được nên càng đau lòng, cảm thấy một phần sinh mạng của mình cũng mất đi theo bác ấy rồi.

Có hôm ở trạm xe cáp ở ngã tư đường, đột nhiên nhìn thấy một ông lão ngồi thối sáo xin ăn. Ông lão ốm như cây tre, còn dần thêm hai cô gái ốm da bọc xương. Hai cô bé khoảng năm, sáu tuổi, lớn bằng nhau. Ông lão thổi khúc “Củ cải nhỏ”, hết khúc này đến khúc khác, cũng chỉ là “Củ cải nhỏ”, u buồn ảo não, tôi nghe đến não lòng. Nghĩ một lúc, về nhà bốc một nắm gạo chạy ra khỏi cửa thì gặp bé Vân hỏi tôi sao mặt đỏ hoe. Tôi nói tôi gặp một ông lão thổi sáo thì nghĩ đến Trần Thư Kiếm, bất giác trong lòng cảm thấy đau lòng. Bé Vân cũng về nhà bốc nắm gạo chạy theo tôi đến trạm xe cáp.

Ông lão xin mọi người cái chén đựng nước rồi cùng hai cô bé vo gạo. Ông lão nói mình là người Thiểm Tây, vốn đi viết thư thuê trong trấn. Gia đình có vợ, có con trai, con dâu, hai cháu gái, một cháu trai. Con trai ông ấy leo lên vách núi cheo leo để lấy tổ yến, cuộc sống gia đình thật sự không đến nỗi. Cách đây hai năm con trai ông lão trượt chân té chết, cuộc sống bắt đầu trở nên khó khăn. Do nạn đói càng lúc càng khắc nghiệt, cả nhà đói đến nỗi người lớn ngã bệnh, người nhỏ gầy mòn. Con dâu cắn răng bán mình đổi một gánh khoai, quỳ lạy cha mẹ chồng mang theo đứa bé hơn một tuổi lấy một người không thể sinh con ở khu Thái Linh Sơn. Ông lão để lại gánh khoai cho người vợ bệnh hoạn của mình, dắt hai đứa cháu gái sinh đôi đi men theo đường sắt ăn xin đến Trùng Khánh.

Ba ông cháu họ có một bao lương thực khô, xin được thức ăn, tiết kiệm bỏ vào trong túi chuẩn bị qua mùa đông mang về Thiểm Tây để sống. Tôi lật lật túi lương khô của ông lão, thấy mấy miếng khoai khô lớn bằng ngón tay cái, bánh bao khô đỏ đỏ xanh xanh – có lẽ là dùng thổ phục linh hay lá cây du, mài thành nước pha với mì làm thành, còn có mấy hột bắp, ông lão lấy hai nắm gạo của tôi và bé Vân đưa bỏ vào túi,

nhưng trong túi thực phẩm đó vẫn còn trống hơn một nửa. Hai túi của cháu ông ấy cũng không có gì cả.

Tối hôm đó, tôi và bé Vân chuẩn khỏi nhà lúc trời đã khuya, trèo tường vào trường sư phạm, đi ngang hồ trữ nước ở dưới hàng rào gỗ, lén vào nhà bếp. Trong lồng hấp lớn còn phần nửa bánh bao nguội, chúng tôi chỉ dám lấy ba cái, sợ rằng lấy nhiều sẽ bị mọi người phát hiện, mang về nhà giấu trong cặp táp, hôm sau mang tặng ông lão thối sáo đó. Nhìn hai cô bé ăn bánh bao, nhìn ông lão phơi nắng những miếng bánh bao bị vón cục, tôi và bé Vân cố nhin không nuốt nước bọt trước mặt họ. Quay lưng đi, cả hai tinh thần hăng hái hát bài “đội Xích vệ hồng hồ” trong đó có lời “nguyện giải phóng cho tất cả những người lao động khốn khổ trên đời này”, rời khỏi trạm xe cáp, tự thấy mình trở thành anh hùng giang hồ hành hiệp trượng nghĩa lấy của người giàu chia cho người nghèo. Buổi tối lại tiếp tục cùng nhau đi ăn trộm.

Mấy hôm sau, ông lão cảm ơn tạ từ, ngày mai cùng hai cô cháu gái trở về Thiểm Tây. Tôi và bé Vân lấy túi lương thực của hai cô bé, chuẩn bị đi trộm ít gạo cho họ lên đường.

Ai ngờ khi chúng tôi từ hồ nước lén vào nhà bếp thì đèn bật sáng bị người làm bếp mai phục sẵn bắt được. Hai chúng tôi ướt nhẹp bị giải đến nhà hồng.

Tôi vốn không còn mặt mũi nào gặp cha tôi. Hai giáo viên của trường sư phạm chưa nói xong thì cha tôi từ cửa xông vào lôi tôi đi làm tôi nhiều lần bị té. Lúc tôi té, đầu đập vào góc bàn ăn, máu tuôn ra. Giáo viên trường sư phạm hết hồn, người cản cha tôi, người ôm lấy tôi. Ngoại hay tin chống gậy tre đi hỏi rõ ngọn ngành. Đây là lần đầu tiên tôi có cơ hội biện bạch cho mình trước mặt cha tôi. Tôi cũng không dám bịt vết thương, vừa để máu mặc sức tuôn ướt áo, vừa dùng tiếng Quảng Đông lấp bấp kể lại mọi chuyện cho ngoại nghe.

Tôi đang nói thì bé Vân mặt mũi dính máu cũng bị cha mình giải đến nhà tôi, sau lưng cũng có hai giáo viên trường sư phạm đi cùng. Cha bé Vân – Quách bá bá vì không đủ dinh dưỡng nên hai chân bị phù, đi rất chậm, nhưng đánh con thì vẫn hung hăng như trước. Quách bá bá giải con mình đến để đối chứng vì bé Vân cứ luôn miệng khẳng định hai chúng tôi không hề ăn bánh bao lấy trộm.

Tôi nói với Quách bá bá, tôi và bé Vân chỉ ngửi mùi bánh bao thôi hoàn toàn không hề ăn, vì chúng tôi sợ rằng nếu nhin không nổi liếm vỏ bánh bao thì không phải là hành vi hiệp khách.

Cha dịch từng câu nói của tôi sang tiếng Quảng Đông cho ngoại nghe. Ngoại nghe xong mặt đánh lại, lắc đầu không cho cha tôi diu ngoại, ngoại chống gậy tre tự mình trở về phòng. Những người còn lại nhìn tôi và bé Vân rồi nhìn nhau.

Bỗng nhiên hai người quân quản già lấy phiếu lương thực và tiền để bồi thường bánh bao. Bốn giáo viên xua tay nói: “Được rồi, được rồi, cũng không phải là do bọn trẻ ăn”. Sau đó cũng không biết có bồi thường hay không vì bỗng nhiên cha nhìn hai đứa tôi rồi quát: “Sao còn chưa cút đi trị thương hả?”, bé Vân vội vàng đưa tay bịt vết thương của tôi, hai chúng tôi đều dính máu, quay lại đi qua phòng bát giác lên phòng tôi vì ở đó có đủ các loại như thuốc đỏ, băng gạc, bông gòn, keo dán... tất cả đều do tôi quen dùng từ nhỏ.

Đây là lần cuối cùng cha đánh tôi. Nhưng, một tuần sau đó cha mới ra quyết định này.



Chiều hôm đó thi tốt nghiệp môn Toán, tôi nộp bài đầu tiên rồi chạy ra khỏi trường. Đến trước con đường nhỏ, thấy đám trẻ xúm lại ngay sườn dốc, tôi chen vào trong, thấy một bé trai khoảng tám, chín tuổi đầu bị thủng một lỗ, máu ở chỗ đó vẫn đang rỉ ra ngoài, hơi thở rất yếu ớt. Tôi thấy không ổn rồi, vội vàng bứt một nắm cỏ, nhai đắp vào vết thương, rồi xé một ống tay áo băng đầu cậu bé. Mắt cậu ấy mệt mỏi, cậu bé không nói gì. Tôi sợ cậu ấy chết nên nghĩ cần phải đem cậu bé đến bệnh viện ngay. Cách đó không xa là bệnh viện công nhân, ở ngã tư thứ hai. Đến khi tôi từng bước dìu cậu bé vào phòng cấp cứu, trời đã mờ tối.

Lúc sắp về, tôi phải đi qua một hành lang dài, nhìn thấy từ xa đi đến hai người, một lớn một nhỏ, tôi mừng quá hét toáng lên: “Con sâu nhà họ Đoàn” rồi chạy xộc đến.

Đoàn Chí Cao sau hai năm gặp lại vẫn áo cũ quần vá, đi giày bố đen, cao hơn tôi một cái đầu. Đi cùng với cậu ấy là một vị bác sĩ đeo ống nghe màu trắng, hai tay đút vào trong túi áo blouse. Đoàn Chí Cao gật đầu chào tôi rồi khổ não van nài bác sĩ: “Trả cho cháu đi! Bác sĩ xin hãy trả lại sổ cho cháu đi! Sau này cháu sẽ đợi đến mười tám tuổi mới đến”. Bác sĩ vỗ vai cậu ta, không nói gì cả, vui vẻ bước tiếp. Tôi chưa kịp nghĩ đã vội giang tay chặn bác sĩ lại, nói: “Ấy, ông lấy cái gì của cậu ấy thì mau trả lại cho cậu ấy đi”.

Bác sĩ nói “Ấy, cô bé này sao lại không có tay áo thế? Sao khắp người dính máu?” rồi cúi xuống nhìn tôi hỏi “Xem xem có bị thương ở đâu không? Người lớn nhà cháu đâu?” Tôi nói tôi cũng một đứa trẻ bị bể đầu nên dính máu của cậu bé chứ không bị thương gì cả, tay áo tôi lấy băng vết thương cho cậu bé rồi, lại hỏi bạn tôi Đoàn Chí Cao là một học sinh tốt, tuyệt đối không làm việc xấu. Hỏi bác sĩ lấy cái gì của cậu ta mau trả lại cho cậu ấy mới phải.

Bác sĩ đẩy nhẹ cặp mắt kính cười lớn, rồi vui vẻ nói bạn tôi không làm chuyện gì xấu cả, nói cậu ấy chạy đến bệnh viện xin tham gia đoàn hiến máu nhưng cậu ta chưa đến tuổi theo quy định là mười tám tuổi cho nên bác sĩ lấy sổ hộ khẩu của cậu ta, yêu cầu phụ huynh cậu ấy đến nhận. Bác sĩ đang giải thích cho tôi thì có người đến nói chuyện với ông ấy.

Đoàn Chí Cao nói với tôi, lúc mới xảy ra nạn đói, trường mẫu giáo tư thực giải tán, mẹ cậu ta cũng mất luôn công việc dán bao diêm, cuộc sống trở nên rất khó khăn. Sau đó mẹ cậu ấy vá đồ sửa quần áo cho người ta. Khi thực phẩm ngày một khan hiếm thì khách hàng của bác ấy cũng thưa dần. Đoàn Chí Cao mấy lần định bỏ học đi kéo xe kiếm tiền nhưng mẹ cậu ấy cương quyết không cho, nói rằng sắp thi tốt nghiệp rồi, nhất định hai con phải cố gắng chuẩn bị thi vào Lục Trung. Đó là trường học tốt nổi tiếng thành phố Trùng Khánh.

Vì thiếu ăn nên hai chân của bác ấy sưng phù không nhìn thấy mắt cá, xương ống chân, lấy ngón tay cái ấn vào thủng một lỗ, hơn mười phút mới trở lại như cũ. Bác sĩ nói nếu không ăn đầy đủ chất thì sẽ nguy đến tính mạng. Có một phu kéo xe nói lấy hộ khẩu đem đến bệnh viện tham gia đoàn hiến máu thì có thể ba tháng một lần bán cho bệnh viện 300ml máu. Mỗi lần không những có thể có sáu mươi đồng mà còn có thể lãnh được phiếu thịt và phiếu trứng. Thế là Đoàn Chí Cao giấu mẹ và em trai lấy sổ hộ khẩu đến bệnh viện Công Nhân xin hiến máu, không ngờ bác sĩ không những không kiểm tra sức khỏe cho cậu ấy mà còn đút sổ hộ khẩu vào túi, nói phải chỉ cho phụ huynh biết yêu quý sức khỏe của con em mình. Đoàn Chí Cao đã hai tiếng đồng hồ năn nỉ bác sĩ trả lại sổ hộ khẩu nhưng bác sĩ không cho, cứ vui vẻ bảo cậu ấy mời phụ huynh đến lấy.

Đoàn Chí Cao nói: “Chuyện này cho dù thế nào cũng không thể để mẹ biết”. Tôi nói, thế thì chúng ta lấy trộm sổ hộ khẩu lại. Cậu ta không đồng ý vì cậu ấy cho rằng thò tay vào túi người khác lấy đồ xem như là hành vi ăn cắp. Hơn nữa, bác sĩ lúc nào cũng bỏ tay vào áo giữ sổ hộ khẩu, ngộ nhỡ làm không xong sẽ chọc tức bác sĩ e rằng lại càng phiền phức hơn. Tôi nói năm đó Tỉn Lăng Quân cướp phù cứu Triệu nhưng cũng không bị xử sách chỉ trích, huống hồ lần này là vì cứu mẹ! Cậu ta hỏi “Cướp phù cứu Triệu là cái gì?” Tôi nói: “Thôi được, bây giờ có nói cậu cũng không hiểu. Một câu thôi, cuối cùng cậu có muốn chọc tức mẹ cậu, chọc tức Đoàn Chí Cường không?” đương nhiên là cậu ta không muốn, cuối cùng đành phải đồng ý cách của tôi.

Bác sĩ trao đổi xong lại đút tay vào túi và đi tiếp.

Tôi thấy suốt hành lang chỉ có mấy người bệnh chậm chạp thì đột ngột xông lên lấy hết sức cù vào hai huyệt lưng của ông ấy. Ông ấy bật cười ha ha, bỏ hai tay ra ngoài chạy đuổi bắt tôi, tôi lập tức lấy cuốn sổ hộ khẩu trong túi áo ném cho Đoàn Chí Cao bảo cậu ta chạy mau, sau đó đuổi chân làm bác sĩ té rồi tôi cũng bỏ chạy...

Khi tôi về đến nhà hồng thì cả nhà đang ăn cơm. Tôi giải thích với cha vì sao đồ tôi dính máu, cả người dơ bẩn, thiếu một ống tay áo. Cha bảo tôi đi tắm thay đồ, còn nói muốn dẫn tôi trở lại bệnh viện thăm cậu bé đó để kiểm chứng xem tôi có nói dối hay không, và cũng muốn đích thân tìm hiểu xem tôi có đánh người hay không. Tôi vui vẻ đi tắm, vừa tắm vừa nghĩ, nghĩ mãi đột nhiên thấy có một cái gì không ổn...

Cả nhà thấy tôi tắm rửa sạch sẽ nhưng vẫn mặc cái áo thiếu tay, mang khăn quàng đỏ thì lấy làm lạ. Tôi nói “Cha, con không đến bệnh viện”.

Tôi thấy em trai và em gái đang len lén đi về phòng bà ngoại. Hình như cha cũng đoán ra hai đứa muốn mời bà ngoại sang cứu tôi bèn ra lệnh: “Khả Khả, ngồi xuống ăn cơm. Lệ Châu, con vào nhà bếp lấy cho cha cây củi”. Em gái đỏ hoe đôi mắt. Tôi nói: “Cha, con không nói dối. Hôm nay dù cha có giết con thì con cũng không đến bệnh viện đâu”.

Cha trừng mắt nhìn tôi, không biết đứa con gái này cuối cùng đang nghĩ gì. Bản thân tôi cũng không rõ, trong đầu luôn hiện lên hình ảnh: tôi nghĩ đến đứa bé ốm yếu, nghĩ đến màn đêm đen kịt, tôi khẩn cầu cậu bé nhẫn nại, chịu khó, liên tục bảo cậu ấy đến bệnh viện thì không việc gì nữa, nghĩ rằng mình gần như kiệt sức mới cố được cậu bé đi lên con dốc dài thăm thẳm để đến bệnh viện, nghĩ đến cảnh bác sĩ vừa gấp bỏ nhúm cỏ tôi đắp trên vết thương cậu bé vừa hỏi tôi, khen tôi, còn nói tôi là một đội viên thiếu niên ưu tú có nghĩa khí, tôi nghĩ đến sự ca ngợi trong ánh mắt của các y tá - nhưng tôi không nói với cha những chuyện này. Tôi chỉ là có một cảm giác rất lạ: là sự tôn nghiêm, là sự tôn nghiêm của chính mình. Tôi không thể để cha đi hỏi những người khen ngợi tôi xem tôi có nói thật hay không. Trong lòng tôi dâng lên một sự đau khổ chưa từng có, đó chính là cảm giác của lòng tự trọng, cương quyết bảo vệ sự hoàn mỹ đáng khen đó, cho dù mất mạng cũng không để cha làm tổn thương sự tôn nghiêm của tôi. Tôi nói: “Cha, con không nói dối. Hôm nay dù cha có đánh chết con, con cũng không đến bệnh viện đâu”. Rồi không giải thích thêm gì cả.

Em gái mắt đỏ hoe mang củi đến cho cha. Cha không lấy, nhìn tôi một hồi lâu rồi nói: “Lệ Tứ, con đã lớn thật rồi, từ nay cha sẽ không đánh con nữa. Cha tin rằng từ nay về sau con sẽ biết tự tôn tự ái, tự lực tự cường. Phải nhớ: cha mẹ đều hy vọng con trở thành người chính trực, có trách nhiệm”.

Thi tốt nghiệp xong, trường thông báo học sinh lớp sáu nghỉ ba ngày, sau đó tập trung ở trường một tháng, để tăng cường ôn tập, chuẩn bị tham gia kỳ thi toàn thành vào sơ trung.

Bà ngoại hỏi tôi có biết chỗ nào có công ty bách hóa không rồi nói: “Nếu ngày mai con không đi học thì dẫn ngoại đi chơi, được không?”, tôi nói đương nhiên rồi, nghĩ một lúc rồi chạy đi tìm bạn tôi Trần Đại Trụ.

Từ khi ngoại đến nhà hồng thì chưa bao giờ ra ngoài. Hàng ngày nếu thời tiết ấm áp thì ăn cơm tối xong, cha ẵm ngoại xuống lầu, tôi và em trai em gái bưng trà chạy theo, để ngoại ngồi hóng mát ở đại viện. Chúng tôi chạy theo khắp nhà, ngoại ngồi tựa vào ghế dựa nhìn theo. Cha luôn bắc ghế đầu ngồi bên cạnh ngoại, vừa quạt đuổi muỗi vừa nói nhỏ gì đó với ngoại. Cuối tuần thì mẹ công ngoại xuống.

Khi mẹ hát ở nhà, ngoại tự mình chọn bài hát. Bài bà chọn không nhiều nhưng điều làm tôi ngạc nhiên là tính chất của hai loại bài hát bà chọn không giống nhau - loại thứ nhất là “Hoàng Thủy Dao”, “Khúc hát người đưa đò trên sông Hoàng Hà” và “Trên Sông Tùng Hoa”, loại thứ hai chỉ có một bài, là bài hát phương Tây của bài “Đức mẹ Maria”. Ngoại nói với tôi: loại đầu tiên là khi mẹ tôi đi học tham gia đội diễn xuất kháng Nhật cứu quốc lúc về nhà thường hát, ngoại nhớ lâu lâu, còn bài “Đức mẹ Maria” là bài trước kháng chiến mẹ thích hát nhất. Giọng mẹ tốt, từ nhỏ đã tham gia ca đoàn của nhà thờ, mãi đến khi chiến tranh kháng Nhật xảy ra, mẹ không hát trong ca đoàn nữa mà chạy ra đầu ngõ diễn bài “Hãy bỏ roi xuống”.

Cha của Trần Đại Trụ là phu kéo xe. Mấy năm nay, thành phố Trùng Khánh không còn ai đi loại phương tiện này nữa, thế là xe của cha Đại Trụ bỏ bên tường núi nhà cậu ấy để làm kỷ niệm. Tôi muốn mượn chiếc xe đó kéo ngoại tôi đi chơi. Đại Trụ không những đồng ý mà còn bảo tôi đi rủ thêm hai thằng bé nữa, nói ngày mai tập hợp đông đủ ở bên ngoài đại viện.

Sáng hôm sau, quả nhiên Trần Đại Trụ chạy đến khu nhà hồng. Từ nhỏ tôi nghịch ngợm quen rồi, chưa từng nghĩ đến việc mang một người già lại bị què đi dạo là việc không thích hợp tí nào, nhưng tôi chỉ cần ngoại vui là được. Bảo mẫu thấy tôi muốn đưa ngoại ra ngoài, vội ngăn lại rồi đi gọi mẹ của Hoàng Ấu Nhân đến, nói rằng bất cứ giá nào cũng ngăn không cho tôi quấy rối, mẹ của Hoàng Ấu Nhân vội vã ngăn lại “Ai da, họa tổ tông của tôi ơi! Nếu bà ngoại bị ngã té gãy xương thì chúng tôi không biết ăn nói sao với cha mẹ của cháu! Cháu đi xuống dưới thì các dì ở lầu ba, lầu hai, lầu một cũng không để cháu đi đâu...”

Bà ngoại nghe tôi dịch lại, suy nghĩ một lúc, ngồi xuống mài mực trải giấy - cả đời ngoại chỉ dùng bút lông - viết rằng: “Cám ơn các vị hàng xóm quan tâm. Tôi muốn ra ngoài giải khuây, cố ý dắt cháu gái đi cùng, mong các vị đừng ngăn cản”.

Mẹ của Hoàng Ấu Nhân nói với bảo mẫu: “Tôi cũng không hiểu rõ bà cụ viết gì, đại ý là bà cụ muốn ra ngoài. Không được, không được để tôi đến văn phòng tìm bác Chung!”

Tôi sợ trên đường đi bị chặn lại nên ngậm mẩu giấy đỏ trong miệng, đan tay lại cùng với Trần Đại Trụ làm thành cái ghế khiêng ngoại xuống lầu, đặt ngoại ngồi lên xe kéo. Trần Đại Trụ rất thuần thực, lấy mền bông chêm xung quanh ngoại, thấy ngoại có vẻ thoải mái thì hét to: “Kéo!” thế là bốn đứa trẻ háo hức thay phiên nhau kéo bà ngoại đi.

Chúng tôi kéo ngoại qua hai con đường đến công ty bách hóa, hạ cán xe xuống, lại đan tay làm ghế, theo lời dặn của ngoại, mang ngoại đến trước quầy bán vớ. Nhân viên bán hàng nhìn thấy vớ vàng lấy ghế mời ngoại ngồi. Bà ngoại bảo chúng tôi chọn đôi vớ mình thích. Ba cậu con trai đỏ mặt thẹn thùng, khoát tay: “Không cần đâu ạ! Không cần đâu ạ!” Ngoại chỉ định loại vớ chất lượng tốt nhất lúc đó, nói mua hai tá. Tôi thấy bà rút ra một xấp phiếu hàng công nghiệp đưa cho người bán hàng, tôi ngạc nhiên hỏi ngoại. Ngoại nói: “Tối hôm qua ngoại hỏi cha của con.” Tôi càng ngạc nhiên hơn: “Cha của con? Cha con biết ngoại muốn tự mình đi mua vớ sao?” Ngoại cười, ung dung nói: “Chắc không biết. Ngoại nói với cha con ngoại cần mấy phiếu công nghệ phẩm. Cha con liền đưa ngoại một xấp”. Tôi không nhịn được, cười phá lên: Chắc cha cho rằng mẹ vợ của mình còn trẻ con, muốn sưu tầm phiếu giống như tôi sưu tập tem vậy.

Về nhà đi ngang trạm xe cáp, ngoại hỏi tôi có phải đây là nơi tôi gặp bác thối sáo không. Tôi phát hiện ra rằng ngoại tuy ít ra ngoài nhưng trong lòng ngoại rất trong sáng và hay quan tâm đến người khác. Hôm nay bà liên tưởng những nơi bà gặp trên đường với những gì trong câu chuyện tôi kể cho ngoại nghe. Khi đi vào sân vận động Trùng Khánh, ngoại lại hỏi: “Bé con! Chỗ này trước đây là bãi tha ma sao? Lúc cháu sáu tuổi, buổi tối cha cháu bắt cháu đến đây luyện can đảm sao?” Rồi dặn đi dặn lại: “Bé con, đừng trách cha cháu, cha cháu làm vậy là muốn tốt cho cháu!” Bà ngoại bảo tôi hỏi Trần Đại Trụ có thể dừng trong sân vận động không để ngoại nhìn xem bình thường tôi chơi đùa thế nào. Trần Đại Trụ nhanh nhẹn chỉ chúng tôi dừng xe dưới bóng râm, cậu ta bỗng trở thành một người lớn, nói với ba chúng tôi: “Đi chơi đi! Để tớ trông bà ngoại cho!”

Thế là tôi vui vẻ chạy đến đánh đu, rồi trèo lên chỗ cao nhất trên cầu trượt, sau khi trượt xuống còn lộn nhào một vòng đến chỗ ngoại. Trần Đại Trụ kinh ngạc nói “Con ngựa bắt kham, bà ngoại của cậu thật gan. Ngoại cười nhìn cậu chơi mà không hề sợ cậu té”, ngoại từ tốn đặt hai tay lên đùi, cười hiền từ: “Bé con à, con là đứa bé do chính cha con dạy dỗ thì sao có thể dễ dàng té ngã được chứ, bà ngoại chẳng hề lo lắng chuyện này. Từ khi con đến Tứ Xuyên, thư nào cha mẹ con cũng nói về con, ngoại biết rằng mình có một đứa cháu ngoan có tấm lòng lương thiện và ý chí mạnh mẽ”.

Về nhà mới biết, hai tá vớ đó là ngoại cố ý mua cho tôi. Mấy lần ngoại cho tôi tiền bảo tôi tự đi mua vớ nhưng tôi mang tiền đi thuê truyện ở đầu đường hết.

Thực ra tôi không muốn mang vớ, vì cha quy định vớ của ai nấy giặt, vả lại một đôi vớ không được mang quá ba ngày. Tôi thấy phiền phức quá, lấy những đôi vớ cha phát cho tặng cho các bạn học, dứt khoát mang giày thể dục. Cha nói mùi hôi trong đôi giày của tôi có thể làm ảnh hưởng đến ngoại, tôi luôn bỏ giày ở phòng mình rồi để chân không nhảy lên giường của ngoại, mỗi lần ngoại hỏi “bé con, ngoại kêu con mua vớ, đã mua chưa?” Tôi luôn nói này nói nọ, để ngoại tin rằng đọc chuyện tranh cũng quan trọng như mua vớ mới vậy.

Bỗng nhiên thấy một đồng hai mươi bốn đôi vớ thuộc về mình, tôi chỉ có thể ngồi ngẩn người bên cạnh giường cười với ngoại. Ngoại nhỏ nhẹ: “Bé con, lẽ ra ngoại muốn đan vớ cho con nhưng ngoại không có sức đan nữa”. Ngoại vừa nói thì tôi nhớ ra, hai tháng trước ngoại bảo tôi xả một cái áo len lông cừu mỏng của ngoại, nói rằng sợ mùa đông đến tôi bị lạnh chân, lại bảo tôi vót mấy cây tre làm que đan, bắt đầu đan vớ cho tôi, đan rồi dừng, dừng rồi đan gần một tháng cũng chỉ đan được nửa chiếc. Sau đó ngoại đưa tiền bảo tôi tự đi mua. Ngoại vượt nhẹ hai mươi bốn đôi vớ, nói tiếp: “Nếu ngoại có qua đời thì bé con của ngoại cũng có vớ để mang!”, tôi nói: “Ngoại hãy dưỡng cho khỏe hẳn, con sẽ hẹn các bạn đến đưa ngoại đi chơi” tôi không nghĩ rằng ngoại sẽ qua đời. Ngoại lại nhìn tôi cười, thật ấm áp.

Khi tôi mang cặp vớ vào trường, ngoại vịn ghế tre tiễn tôi đến phòng bát giác. Nói rằng muốn nhìn thấy tôi xuống lầu. Tôi trượt trên tay vịn cầu thang đến hai lầu rồi cười ha ha chạy ngược lên, bỏ cặp xuống, ẵm ngoại về giường. Ngoại rất nhẹ chỉ bốn mươi bảy ký. Lúc ngoại mới đến Trùng Khánh, khi cha mẹ mang ngoại đến bệnh viện kiểm tra vết thương ở chân đã từng cấn qua. Tôi ẵm ngoại, không hiểu sao một người lớn lại có thể nhẹ như vậy: Ngoại ôm đến nỗi gần như chỉ còn thấy đôi mắt sáng thông minh, một khuôn mặt xương xương và một sinh mạng bé nhỏ đối xử với chúng tôi bằng một tình yêu thương nồng hậu, đầy kỳ vọng và tin tưởng.

Kết thúc kỳ thi nhập học chúng tôi mới được cho về nhà.

Giường của ngoại trống trơn, ở chính giữa giường để một nghiên mực Đoan Khê, một cây bút lông chồn và nửa đôi vớ đan dở dang bằng lông cừu.

Ôi, Ngoại của tôi! Bà ngoại thân yêu của tôi đã qua đời rồi, đã đi rồi!

Mẹ nói, sau khi tôi vào trường hai tuần, bà ngoại ngày càng yếu đi, khi đưa vào bệnh viện, ngoại không cho ai nói cho tôi biết vì sợ ảnh hưởng đến kết quả thi nhập học của tôi, nói rằng ngoại có thể sống với mẹ những ngày cuối đời đã là mãn nguyện lắm rồi.

**K**ết quả thi đã có, tôi không đậu. Chủ nhiệm Trâu Hữu Luân đích thân đến nhà tôi đưa giấy báo, mặt mày nhăn nhó giải thích với cha tôi, đây là trường hợp đặc biệt: thành tích thi cử của tôi đứng đầu bảng nhưng không trường trung học nào đồng ý nhận tôi vì những lời phê về đạo đức của tôi không tốt.

Cùng ngày hôm đó, một đội thăm dò địa chất khu vực đánh trống đến nhà hòng đưa một lá thư cảm ơn ngang hai thước dài năm thước dán cao cao trên phòng bát giác, chữ đen nền đỏ rất bắt mắt. Thì ra cha mẹ của cậu bé mà hai tháng trước tôi cõng đi bệnh viện đều là nhân viên đội thăm dò địa chất. Khi họ nhận được điện báo đã vội vã từ rừng sâu lặn lội đến Trùng Khánh, bác sĩ nói nếu cậu bé chỉ đến bệnh viện chậm hai mươi phút thì đã chết rồi. Sau việc này, lãnh đạo của đội thăm dò địa chất phái người đi khắp nơi tìm, cuối cùng cũng hỏi thăm được tên và địa chỉ của tôi.

Hai mươi bảy năm sau, mẹ tôi mất ở Quảng Châu, tôi mới phát hiện dưới đáy rương của mẹ luôn cất giữ lá thư cảm ơn đó, khi đọc những lời cảm ơn chân thành đó mới biết rằng mẹ tôi đã trân trọng lần đầu tiên tôi được biểu dương trong suốt thời đi học của tôi như thế nào.

Nhưng khi mọi người ở viện ngạc nhiên nhìn bức thư cảm ơn dán ở lầu ba phòng bát giác, tôi không có cảm hứng đi xem. Thời thơ ấu của tôi bỗng nhiên trong phút chốc kết thúc từ lá thư thông báo không trúng tuyển.

Năm đó tôi mười ba tuổi.

*Mùa Xuân năm 1995 hoàn thành bản thảo*

**Chỉnh lý tại Paris tháng 7/2004**